

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Dẫn luận ngôn ngữ học

Tên học phần (tiếng Anh): Introduction to Linguistics

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 010342
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa quản lý học phần: Khoa Ngoại ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm thứ 1 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Đại cương

Đại cương ☒		Chuyên nghiệp ☐						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:
Điều kiện tiên quyết: Không
Học phần học trước: Không
Học phần song hành: Không

2) Mô tả văn tắt nội dung học phần

Học phần thuộc khối kiến thức khoa học xã hội nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngôn ngữ bằng tiếng Việt, giúp sinh viên trang bị kiến thức ngôn ngữ và có kỹ năng lý giải những hiện tượng trong đời sống ngôn ngữ, làm nền tảng để theo học các học phần thuộc ngôn ngữ học tiếng Anh. Những nội dung chủ yếu của học phần bao gồm: Nguồn gốc và bản chất của ngôn ngữ; Các loại ngôn ngữ trên thế giới; Ngữ âm học (các đặc trưng cơ bản của ngữ âm, âm tố, âm vị và các đơn vị ngữ âm khác); Từ vựng (khái niệm, đặc trưng, nghĩa của từ, các nhóm từ, các lớp từ, các phương thức tạo từ...); Ngữ pháp (khái niệm, đặc trưng, các phương thức, phạm trù, đơn vị ngữ pháp, Ngữ dụng (hội thoại, hàm ẩn...); Các loại chữ viết.

3) Mục tiêu chung của học phần:

Học xong học phần, sinh viên có thể diễn giải được các kiến thức cơ bản về bản chất và chức năng của ngôn ngữ; các đặc trưng của các bình diện ngôn ngữ như ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, ngữ dụng; đặc trưng của các loại chữ viết cơ bản trên thế giới...; hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức ngôn ngữ để giải thích các hiện tượng ngôn ngữ nói chung, ngôn ngữ mà mình đang học nói riêng; phân tích, miêu tả ngữ âm học và phân xuất âm vị; phân biệt được hệ thống và cấu trúc của ngôn ngữ; nhận diện và miêu tả các đơn vị từ vựng, ngữ pháp; phân tích cấu trúc hội thoại; xác định nghĩa hàm ẩn của phát ngôn; vận dụng phân tích một số ngữ liệu ngôn ngữ để từ đó hiểu thêm về đặc điểm khái quát của một số ngôn ngữ trên thế giới. Học phần sẽ giúp người học có kiến thức nền tảng ngôn ngữ học để chuẩn bị đi vào những môn thuộc khối kiến thức ngôn ngữ học chuyên ngành tiếp theo sau.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu	Nội dung	Lĩnh vực
CLO1	Trình bày và giải thích được một số vấn đề về nguồn gốc, bản chất và chức năng của ngôn ngữ.	Kiến thức
CLO2	Trình bày và giải thích được khái niệm cơ bản về từ, các đặc trưng của từ, các đơn vị tương đương với từ, nghĩa của từ, các nhóm từ, các lớp từ cũng như cấu tạo từ.	Kiến thức
CLO3	Trình bày và giải thích được khái niệm cơ bản về ngữ âm, các đặc trưng cơ bản của ngữ âm, âm tố, âm vị và các đơn vị ngữ âm khác.	Kiến thức
CLO4	Trình bày và giải thích được khái niệm cơ bản về ngữ pháp, các đặc trưng của ngữ pháp, các phương thức, phạm trù, đơn vị ngữ pháp	Kiến thức
CLO5	Trình bày và giải thích được nguồn gốc, đặc trưng của các loại chữ viết trên thế giới	Kiến thức
CLO6	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ để giải thích các hiện tượng ngôn ngữ nói chung, ngoại ngữ mà mình đang học nói riêng, trong quá trình học ngoại ngữ	Kỹ năng
CLO7	Phân tích, miêu tả ngữ âm học và phân xuất âm vị... để chuẩn bị đi vào những môn thuộc khối kiến thức ngôn ngữ học chuyên ngành tiếp theo sau	Kỹ năng
CLO8	Phân biệt được hệ thống và cấu trúc của ngôn ngữ, nhận diện và miêu tả các đơn vị ngữ pháp	Kỹ năng

CLO9	Vận dụng phân tích một số ngữ liệu ngôn ngữ để từ đó hiểu thêm về đặc điểm khái quát của một số ngôn ngữ trên thế giới.	Kĩ năng
CLO10	Có thái độ khách quan nghiêm túc khi nghiên cứu, phân tích các vấn đề ngôn ngữ; có ý thức chủ động so sánh đối chiếu giữa tiếng Việt và ngoại ngữ đang học, từ đó vận dụng trong quá trình học tập các môn chuyên ngành ngoại ngữ.	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT		Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
Chương 1	Chương 1: BẢN CHẤT VÀ CHỨC NĂNG CỦA NGÔN NGỮ	3	1	12	CLO1; CLO 6; CLO 10.	Thuyết giảng	[1]; [3]; [4].	Đọc chương 1 giáo trình chính
	I. Bản chất của ngôn ngữ 1. Ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội. 2. Ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội đặc biệt II. Chức năng của ngôn ngữ 1. Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp.							

	2. Ngôn ngữ là phương tiện của tư duy.							
Chương 2	Chương 2: NGUỒN GỐC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NGÔN NGỮ I. Nguồn gốc của ngôn ngữ 1. Một số giả thuyết về nguồn gốc của ngôn ngữ 2. Vấn đề nguồn gốc của ngôn ngữ II. Sự phát triển của ngôn ngữ 1. Quá trình phát triển của ngôn ngữ 2. Cách thức phát triển của ngôn ngữ 3. Những nhân tố khách quan và chủ quan làm	2	2	4	CLO1; CLO 6; CLO 10.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp	[1]; [2]; [3]; [4].	Đọc chương 2 giáo trình chính

	cho ngôn ngữ biến đổi và phát triển							
Chương 3	Chương 3: NGÔN NGỮ LÀ MỘT HỆ THỐNG TÍN HIỆU ĐẶC BIỆT I. Hệ thống và kết cấu ngôn ngữ 1. Khái niệm hệ thống và kết cấu 2. Các loại đơn vị chủ yếu của ngôn ngữ 3. Những kiểu quan hệ chủ yếu của ngôn ngữ II. Ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu đặc biệt 1. Bản chất tín hiệu của hệ thống ngôn ngữ 2. Ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu đặc biệt	2	1	6	CLO8; CLO 6; CLO 10.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp.	[1]; [2]; [3]; [4].	Làm bài tập chương 2 Đọc chương 3 giáo trình chính
Chương 4	Chương 4: TỪ VỰNG I. Các đơn vị	4	3	14	CLO2; CLO6; CLO 10.	Thuyết giảng; Thảo luận	[1]; [2]; [3]; [4].	Làm bài tập chương 3

	từ vựng 1. Từ là đơn vị cơ bản của từ vựng 2. Từ vị và các biến thể 3. Cấu tạo từ 4. Ngữ-đơn vị từ vựng tương đương với từ II. Ý nghĩa của từ và ngữ 1. Phân biệt ý, nghĩa và ý nghĩa 2. Sự biến đổi ý nghĩa của từ ngữ 3. Kết cấu ý nghĩa của từ 4. Hiện tượng đồng âm 5. Hiện tượng đồng nghĩa 6. Hiện tượng trái nghĩa 7. Trường nghĩa					nhóm; Thực hành tại lớp.		Đọc chương 4 giáo trình chính
Chương 5	Chương 5: NGỮ ÂM I. Các sự kiện của lời nói 1. Âm thanh của lời nói.	5	2	19	CLO3; CLO6; CLO7; CLO 10.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp.	[1]; [2]; [3]; [4].	Làm bài tập chương 4 Đọc chương 5 giáo trình

	Bản chất và cấu tạo. 2. Nguyên âm 3. Phụ âm 4. Các hiện tượng ngôn điệu 5. Sự biến đổi ngữ âm trong lời nói II. Sự khu biệt trong mặt biểu đạt của ngôn ngữ 1. Âm vị, âm tố và các biến thể âm vị 2. Nét khu biệt 3. Âm vị siêu đoạn tính 4. Phương pháp xác định âm vị và các biến thể âm vị							chính
Chương 6	Chương 6: NGỮ PHÁP I. Ý nghĩa ngữ pháp 1. Ý nghĩa ngữ pháp là gì? 2. Các loại ý nghĩa ngữ pháp	8	2	20	CLO4; CLO6; CLO8; CLO 10.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp; Thuyết trình của sv.	[1]; [2]; [3]; [4].	Làm bài tập chương 5 Đọc chương 6 giáo trình chính

	II. Phương thức ngữ pháp 1. Phương thức ngữ pháp là gì? 2. Các phương thức ngữ pháp phổ biến III. Phạm trù ngữ pháp 1. Phạm trù ngữ pháp là gì? 2. Các phạm trù ngữ pháp phổ biến IV. Phạm trù từ vựng- ngữ pháp 1. Phạm trù từ vựng- ngữ pháp là gì? 2. Các phạm trù từ vựng- ngữ pháp phổ biến V. Quan hệ ngữ pháp 1. Quan hệ ngữ pháp là gì? 2. Các kiểu quan hệ ngữ pháp 3. Tính tăng							
--	--	--	--	--	--	--	--	--

	bậc của các quan hệ ngữ pháp trong câu và các mô tả chúng bằng sơ đồ VI. Các đơn vị ngữ pháp 1. Khái niệm 2. Hình vị 3. Từ 4. Cụm từ 5. Câu							
Chương 7	Chương 7: CHỮ VIẾT I. Khái niệm II. Các kiểu chữ viết 1. Chữ ghi âm 2. Chữ ghi ý	3	2	15	CLO5; CLO6; CLO 10.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp	[1]; [2]; [3]; [4].	Làm bài tập chương 6 Đọc chương 7 giáo trình chính
Chương 8	Chương 8: CÁC NGÔN NGỮ TRÊN THẾ GIỚI I. Phân loại theo nguồn gốc 1. Cơ sở của việc phân loại ngôn ngữ theo nguồn gốc 2. Phương pháp so sánh – lịch sử	3	2	15	CLO1; CLO9; CLO 10.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3]; [4].	Làm bài tập chương 7 Đọc chương 8 giáo trình chính

	3. Một số họ ngôn ngữ chủ yếu							
	II. Phân loại theo loại hình							
	1. Cơ sở của việc phân loại ngôn ngữ theo loại hình							
	2. Phương pháp so sánh- loại hình							
	3. Các loại hình ngôn ngữ							

6) Phương pháp dạy – học

6.1 Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính

6.2 Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành cá nhân	Hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức lý thuyết để làm bài tập gv cung cấp, đồng thời tìm hiểu, lí giải các vấn đề ngôn ngữ trong thực tiễn đời sống	Giáo trình chính Bài tập

6.3 Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 5 sinh viên, bầu nhóm trưởng.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và thuyết trình từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi

nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).

- Hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu và thời gian giảng viên yêu cầu.

- Nghiên cứu giáo trình chính để làm bài tập cuối mỗi bài và các hoạt động tự học khác theo yêu cầu của giảng viên.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

(1) Nguyễn Thiện Giáp (chủ biên), Đoàn Thiện Thuật, Nguyễn Minh Thuyết (2011), *Dẫn luận ngôn ngữ học*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

(2) Vũ Đức Nghiệu (chủ biên), Nguyễn Văn hiệp (2010), *Dẫn luận ngôn ngữ học*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

(1) Đỗ Hữu Châu, Bùi Minh Toán (1993), *Ngôn ngữ học đại cương*, Nhà xuất bản Giáo dục.

(2) Hoàng Dũng, Bùi Mạnh Hùng (2007), *Dẫn luận ngôn ngữ học*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

(3) Nguyễn Khánh Hà (2024), *Dẫn luận ngôn ngữ học*, Nhà xuất bản thông tin và truyền thông.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học	
Làm bài tập	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành	

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp[1]	5%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, [2]	35%
		Trắc nghiệm, tự luận[3]	
		Bài tập tự học[4]	
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Tự luận, trắc nghiệm[3]	60%

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO 10
CLO1	I									
CLO2	I									
CLO3	I									
CLO4	I									
CLO5	I									
CLO6					R					
CLO7					R					
CLO8					R					
CLO9					R					
CLO10									R	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO 1	CLO 2	CLO 3	CLO 4	CLO 5	CLO 6	CLO 7	CLO 8	CLO 9	CLO 10
Thuyết giảng	X	X	X	X				X	X	X
Thảo luận nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Báo cáo thuyết trình			X	X		X	X	X	X	X
Thực hành tại lớp							X	X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO 1	CLO 2	CLO 3	CLO 4	CLO 5	CLO 6	CLO 7	CLO 8	CLO 9	CLO 10
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp						X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề			X	X	X	X	X		X	X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Bài tập tự học						X	X	X	X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm

Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0 – 3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	- Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (<=30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

10.4 Rubric: Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí

3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS. TS. Phan Thị
Hằng Nga

TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

ThS Dương Thị
Thu Hiền

ThS Nguyễn Thị Nhân

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Nhân	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0988.650.490
Email: nt.nhan@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Trung 1

Tên học phần (tiếng Anh): Chinese 1

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011139
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Ngoại Ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm 1 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Đại cương

Đại cương ☒		Chuyên nghiệp ☐						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần tiếng Trung 1 là học phần căn bản cho người học mới bắt đầu tiếp xúc với tiếng Trung nên học phần được xây dựng nhằm mục tiêu: đầu tiên là tiếp cận với hệ thống ngữ âm và phiên âm tiếng Trung, tiếp đến là làm quen với cách viết Hán tự (chữ viết của Trung Quốc), sau đó là cung cấp kiến thức ngữ pháp cơ bản, từ vựng, kỹ năng phản xạ giao tiếp bằng tiếng Trung ở trình độ sơ cấp tương đương trình độ đạt bậc 1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương HSK1). Cung cấp khoảng 150 từ vựng trình độ sơ cấp, các kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các mẫu câu liên quan đến chào hỏi, làm quen, hỏi thăm. Bước đầu rèn luyện cho người học biết cách diễn đạt xử lý các tình huống giao tiếp hằng ngày.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần được xây dựng nhằm mục tiêu cung cấp kiến thức ngữ pháp cơ bản, phát triển vốn từ vựng, rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ thông qua các tình huống giao tiếp về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống, giúp người học hình thành phản xạ giao tiếp bằng tiếng Trung ở cấp độ sơ cấp A1 (tương đương HSK1).

Sau khi hoàn thành học phần, năng lực ngôn ngữ Tiếng Trung của người học đủ để:

- Nghe được các từ, cụm từ, câu nói đơn giản liên quan đến các chủ đề đã học.
- Sử dụng được các cụm từ đơn giản, quen thuộc thường nhật, các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể để tiến hành giao tiếp thực tế.
- Giới thiệu được bản thân và người khác với các câu đơn giản.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Nghe được lời nói khi được diễn đạt chậm, rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu nhận và xử lý thông tin.	Kiến thức
CLO2	Phát âm rõ ràng, chính xác những từ, cụm từ được sử dụng. Trả lời được các câu hỏi đơn giản, diễn đạt đơn giản ý kiến cá nhân liên quan đến các chủ đề đã học.	Kiến thức
CLO3	Xác định được ý chính các đoạn hội thoại, đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề đã học.	Kỹ năng
CLO4	Viết được những cụm từ, câu ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp. Viết chính xác các chữ Hán đã học.	Kỹ năng
CLO5	Hình thành năng lực tự chủ trong học tập, người học chủ động hợp tác với giáo viên và những người học khác để hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				

Chương 1 问候	Bài 1: 你好 <u>语音</u> 1.1 声母, 韵母 (1) 1.2 拼音 (1) 1.3 声调 1.4 轻声 1.5 变调 1.6 拼写说明	3	1	10	CLO2	Thuyết giảng	[1] [2] [3]	Xem lại nội dung chương 1 Bài 1 giáo trình chính Làm bài tập về nhà củng cố lại kiến thức sau mỗi bài học
	Bài 2: 你身体好吗? <u>语音</u> 2.1 声母, 韵母(2) 2.2 拼音 (2) 2.3 拼写说明(2)	3	1	10	CLO2	Thuyết giảng Thực hành tại lớp	[1] [2] [3]	Làm bài tập về nhà củng cố lại kiến thức sau mỗi bài học
	Bài 3: 你工作忙吗? <u>语音</u> 3.1 声母, 韵母 (3) 3.2 拼音 (3) 3.3 拼写说明 (3) 3.4 “不” 和 “一” 的	3	1	10	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4	Thuyết giảng; Thực hành tại lớp	[1] [2] [3]	Xem lại nội dung chương 1 Bài 3 giáo trình chính Làm bài tập về nhà củng cố lại kiến thức sau mỗi bài học

	变调 3.5 儿化 3.6 隔音符号							
Chương 2 相识	Bài 4: 您贵姓? <u>语法</u> 4.1 用吗的问句 4.2 用疑问代词的问句 4.3 形容词谓语句	3	1	10	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4	Thuyết giảng; Thực hành tại lớp;	[1] [2] [3]	Xem lại nội dung chương 2 Bài 4 giáo trình chính Làm bài tập về nhà cùng cố lại kiến thức sau mỗi bài học
	Bài 5: 我介绍一下儿 <u>语法</u> 5.1 动词谓语句 5.2 表示领属关系的定语 5.3 “是”字句 (1)	3	1	10	CLO1 CLO2; CLO3; CLO4.	Thuyết giảng; Thực hành tại lớp;		Xem lại nội dung chương 2 Bài 5 giáo trình chính Làm bài tập về nhà cùng cố lại kiến thức sau mỗi bài học
Chương 3 询问	Bài 6: 你的生日是几月几号? <u>语法</u> 6.1 名词谓语句 6.2 年、月、日、星期的表示法 6.3	3	2	11	CLO1 CLO2; CLO3; CLO4; CLO5.	Thuyết giảng; Thực hành tại lớp;	[1] [2] [3]	Xem lại nội dung chương 2 Bài 6 giáo trình chính Làm bài tập về nhà cùng cố lại kiến thức sau mỗi bài

	“ ? 好吗? ”							học
	Bài 7: 我介绍一 下儿 <u>语法</u> 7.1 “有” 字句 7.2 介词 结构	3	2	11	CLO1 CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	Thuyết giảng; Thực hành tại lớp; Kiểm tra giữa kỳ(nghe và ngữ pháp)	[1] [2] [3] [4]	Xem lại nội dung chương 3 Bài 7 giáo trình chính Làm bài tập về nhà củng cố lại kiến thức sau mỗi bài học
	Bài 8: 现在几 点? <u>语法</u> 8.1 钟点 的读法 8.2 时间 词	3	2	11	CLO1 CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	Thuyết giảng; Thực hành tại lớp;	[1] [2] [3]	Xem lại nội dung chương 3 Bài 8 giáo trình chính Làm bài tập về nhà củng cố lại kiến thức sau mỗi bài học
	Bài 9: 你住在哪 儿? <u>语法</u> 9.1 连动 句 9.2 状语	3	2	11	CLO1 CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	Thuyết giảng; Thực hành tại lớp;	[1] [2] [3]	Xem lại nội dung chương 3 Bài 9 giáo trình chính Làm bài tập về nhà củng cố lại kiến thức sau mỗi bài học

	Bài 10: 邮局在哪儿? <u>语法</u> 10.1 方位词 10.2 正反问句	3	2	11	CLO1 CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	Thuyết giảng; Thực hành tại lớp;	[1] [2] [3] [5]	Xem lại nội dung chương 3 Bài 10 giáo trình chính Làm bài tập về nhà củng cố lại kiến thức sau mỗi bài học
--	--	---	---	----	---	-------------------------------------	--------------------------	--

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Giảng viên thuyết giảng, đặt câu hỏi, sinh viên lắng nghe, sinh viên trả lời câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành tại lớp	- Sử dụng các máy móc, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ,... hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức ngữ âm, hán tự, ngữ pháp đã học để làm các dạng bài tập trên lớp để củng cố kiến thức vừa học - Phân nhóm hội thoại theo tình huống trong giáo trình.	- Giáo trình chính - Bài tập

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn đọc phiên âm: nghe giảng viên đọc và phân tích khẩu hình miệng, nghe audio giọng người bản xứ để củng cố phát âm và luyện nghe.
- Hướng dẫn viết hán tự: viết các hán tự theo sự hướng dẫn của giảng viên, giảng viên hướng dẫn sử dụng công nghệ để đánh hán tự trên máy tính, trên điện thoại,

giảng viên hướng dẫn phần mềm phóng nét để có thể hỗ trợ tự học viết luyện hán tự

- Hoàn thành các bài tập nhóm theo yêu cầu và thời gian giảng viên yêu cầu, dùng tiếng Trung để trả lời hoặc hội thoại theo chủ đề theo yêu cầu của giảng viên.

- Làm các bài tập tại lớp để củng cố lại kiến thức vừa học.

- Tự học: nghiên cứu giáo trình chính và làm bài tập cuối mỗi bài học, mỗi chương.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

(1) Khang Ngọc Hoa, Lai Tư Bình. 2019. 301 Câu đàm thoại tiếng Trung Quốc tập 1 (tái bản lần thứ 4), NXB Tổng hợp Th Hồ Chí Minh.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

(1) Khương Lệ Bình. 2019. Giáo trình chuẩn HSK1, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh.

(2) Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. 2019. Luyện nói tiếng Trung Quốc cấp tốc cho người mới bắt đầu Tập 1, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

(3) Trương Văn Giới – Lê Khắc Kiều Lục biên dịch. 2010. Giáo trình Hán ngữ Tập 1, NXB Khoa học Xã hội.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Làm bài tập về nhà sau mỗi bài học	Sửa bài về nhà tại lớp vào tiết học sau Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình (40%)	Chuyên cần	Tham gia đầy đủ các buổi học [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp (thuyết trình, hoạt động nhóm) [2] Hoàn thành đủ bài tập về nhà cuối mỗi bài học [3]	10%

	Kiểm tra giữa kỳ	Kiểm tra nghe và ngữ pháp tổng hợp trên giấy thi. Trắc nghiệm tự luận [4]	20%
Đánh giá kết thúc (60%)	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận [5]	60%

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

Chuẩn đầu ra của học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO 1		I						I		
CLO 2		I						I		
CLO 3		I						I		
CLO 4		I						I		
CLO 5								I		
Tổng hợp học phần		I						I		

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X			
Thực hành tại lớp	X		X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tham gia đầy đủ các buổi học					X

Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X	X	X
Bài tập tự học			X	X	X
Kiểm tra Khẩu ngữ	X	X	X		
Kiểm tra giữa kỳ [Trắc nghiệm, tự luận]	X		X	X	

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0 – 3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-2.9)	Yếu (3-4.9)	Trung bình (5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	- Không chọn đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	- Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	- Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức	Làm đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và	Làm đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và	Làm đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản

	cơ bản		tương đối khó (50%≤80%)	khó (80%≤90%)	bản, khó và rất khó (90%≤100%)
--	--------	--	----------------------------	------------------	--------------------------------------

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (≤30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Kiểm tra khẩu ngữ

Tiêu chí	Mức độ	Mức cho điểm
1. Phát âm chuẩn, chính xác 2. Đọc trôi chảy nội dung hội thoại, đoạn văn chủ đề 3. Phong thái trình bày, giọng điệu, ngữ điệu	Kém	(0-3.9)
	Yếu	(4.0-5.4)
	Trung bình	(5.5-6.9)
	Khá	(7.0-8.4)
	Giỏi	(8.5-10)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS. TS. Phan Thị
Hàng Nga

TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

ThS Dương Thị
Thu Hiền

ThS Vũ Văn Anh

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Vũ Văn Anh	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0834.566.519
Email: yvanh@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Trung 2

Tên học phần (tiếng Anh): Chinese 2

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011200
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Ngoại Ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm 2 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Đại cương

Đại cương ☒		Chuyên nghiệp ☐						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần học trước: Tiếng Trung 1

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần tiếng Trung 2 tiếp tục củng cố rèn luyện hệ thống ngữ âm tiếng Trung Quốc và cách phát âm tiếng Trung Quốc, cung cấp khoảng 200 từ vựng thuộc nhóm HSK2, các kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các mẫu câu được phát triển với các chủ đề về nhu cầu, hẹn gặp, đón tiếp, chiêu đãi.... Bước đầu rèn luyện cho sinh viên khả năng diễn đạt, xử lý các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Trung tương đương trình độ đạt bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ bậc 6 dùng cho Việt Nam, tương đương HSK2.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần được xây dựng nhằm mục tiêu cung cấp kiến thức ngữ pháp cơ bản, phát triển vốn từ vựng, rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ thông qua các tình huống giao tiếp về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống, giúp người học hình thành phản xạ giao tiếp bằng

tiếng Trung tương đương trình độ đạt bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ bậc 6 dùng cho Việt Nam, tương đương HSK2.

Sau khi hoàn thành học phần, về năng lực ngôn ngữ Tiếng Trung của người học đủ để:

- Nghe được các từ, cụm từ, câu nói liên quan đến các chủ đề đã học gồm: nhu cầu, hẹn gặp, đón tiếp, chiêu đãi
- Sử dụng các cụm từ, ngữ pháp của chủ đề đã được học trong học phần đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể để tiến hành giao tiếp thực tế.
- Diễn đạt ý kiến bằng một câu đầy đủ các thành phần cơ bản của câu.
- Diễn đạt câu kể, miêu tả trong các chủ đề quen thuộc thường nhật.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	- Nghe được những cụm từ và câu diễn đạt liên quan tới các chủ đề đã học khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.	Kiến thức
CLO2	- Giao tiếp đơn giản, trực tiếp và đúng ngữ pháp về các chủ đề đã học bằng các từ, cụm từ đã học. - Phát âm rõ ràng, chính xác những từ, cụm từ được sử dụng.	Kiến thức
CLO3	- Mô tả được ý chính các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề đã học.	Kỹ năng
CLO4	- Trình bày được các mệnh đề, ý kiến cá nhân dưới dạng một câu hoàn chỉnh với đầy đủ các thành phần câu đơn giản. - Viết chính xác các chữ Hán đã học.	Kỹ năng
CLO5	- Hình thành năng lực tự chủ trong học tập, người học chủ động hợp tác với giáo viên và những người học khác để hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ	Đáp	Phương	Phương	Yêu cầu
----	----------	--------	-----	--------	--------	---------

		Lý thuyết	Thực hành	Tự học	ứng CDR học phần	pháp dạy – học	pháp đánh giá	tự học
Chương 1 需要	Bài 1: 第 11 课 我要买橘子 语法 1.1 语气助词“了” 1.2 动词重叠	3	1	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng Bài tập thực hành tại lớp	[1]; [2]; [3]	Xem lại nội dung bài 1(第 11 课) chương 1 giáo trình chính Làm bài tập cùng cô kiến thức sau mỗi bài học
	Bài 2: 第 12 课 我想买毛衣 语法 2.1 主谓谓语句 2.2 能愿动词	3	1	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng Bài tập thực hành tại lớp	[1]; [2]; [3]	Xem lại nội dung bài 1(第 12 课) chương 1 giáo trình chính Làm bài tập cùng cô kiến thức sau mỗi bài học
	Bài 3: 第 13 课 要换车	3	1	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Thuyết giảng Bài tập thực hành tại	[1]; [2]; [3]	Xem lại nội dung bài 1(第 13 课) chương

	语法 3.1 双宾语 动词谓语句 3.2 能愿动 词“会” 3.3 数量词 作定语				CLO5	lớp		1 giáo trình chính Làm bài tập cùng cô kiến thức sau mỗi bài học
	Bài 4: 第 14 课 我要去换钱 语法 4.1 兼语句 4.2 语气助 词“了”	3	1	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng Bài tập thực hành tại lớp	[1]; [2]; [3]	Xem lại nội dung bài 1(第 14 课) chương 1 giáo trình chính Làm bài tập cùng cô kiến thức sau mỗi bài học

	Bài 5: 第 15 课 我要照张相 语法 5.1 “是” 字句 (2) 5.2 结果补 语 5.3 介词 “给”	3	1	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng Bài tập thực hành tại lớp	[1]; [2]; [3]	Xem lại nội dung bài 1(第 15 课) chương 1 giáo trình chính Làm bài tập cùng cô kiến thức sau mỗi bài học
Chương 2 相约	Bài 6: 第 16 课 你看过京剧 吗? 语法 6.1 动态助 词 “过” 6.2 无主句 6.3 “还没 (有) 呢”	3	2	11	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng Bài tập thực hành tại lớp	[1]; [2]; [3]	Xem lại nội dung bài 1(第 16 课) chương 1 giáo trình chính Làm bài tập cùng cô kiến thức sau mỗi bài học
	Bài 7:	3	2	11	CLO1	Thuyết giảng	[1]; [2]; [3]; [4]	Xem lại nội dung

	第 17 课 去动物园 <u>语法</u> 7.1 选择疑问句 7.2 表示动作方式的连动句 7.3 趋向补语 (1)				CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Bài tập thực hành tại lớp Kiểm tra nghe và ngữ pháp tổng hợp trên giấy thi. Trắc nghiệm tự luận		bài 1(第 17 课) chương 1 giáo trình chính Làm bài tập cùng cô kiến thức sau mỗi bài học
Chương 3 迎接	Bài 8: 第 18 课 路上辛苦了 <u>语法</u> 8.1 “要……了” 8.2 “是……的”	3	2	11	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng Bài tập thực hành tại lớp	[1]; [2]; [3]	Xem lại nội dung bài 1(第 18 课) chương 1 giáo trình chính Làm bài tập cùng cô kiến thức sau mỗi bài học
	Bài 9: 第 19 课 欢迎你 <u>语法</u> 9.1 “从”、	3	2	11	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng Bài tập thực hành tại lớp	[1]; [2]; [3]	Xem lại nội dung bài 1(第 19 课) chương 1 giáo trình chính Làm bài

	“在”的宾语与“这儿”、“那儿” 9.2 介词 “从”、“离”							tập cùng cố kiến thức sau mỗi bài học
Chương 4 招待	Bài 10: 第 20 课 为我们的友谊干杯 语法 10.1 程度补语 10.2 情态补语	3	2	11	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng Bài tập thực hành tại lớp	[1]; [2]; [3];[5]	Xem lại nội dung bài 1(第 20 课) chương 1 giáo trình chính Làm bài tập cùng cố kiến thức sau mỗi bài học

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Giảng viên thuyết giảng, đặt câu hỏi, sinh viên lắng nghe, sinh viên trả lời câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành tại lớp	-Sử dụng các máy móc, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ,... hướng dẫn sinh viên vận dụng các kiến thức ngữ pháp,mẫu câu, hán tự đã học để làm các dạng bài tập trên lớp để củng cố kiến thức	-Giáo trình chính -Bài tập

		vừa học - Phân nhóm hội thoại theo tình huống trong giáo trình.	
--	--	--	--

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn ngữ pháp: sinh viên lắng nghe giảng viên giảng về các kiến thức ngữ pháp và phân tích ngữ pháp trong các ví dụ, thực hành tại lớp các bài tập liên quan đến ngữ pháp vừa học
- Hướng dẫn phần đọc hiểu tình huống hội thoại: giảng viên hướng dẫn đọc hiểu hoặc nghe hiểu các bài hội thoại trong giáo trình, nắm bắt nội dung hội thoại qua các câu hỏi gợi ý của giảng viên.
- Hoàn thành các bài tập nhóm theo yêu cầu và thời gian giảng viên yêu cầu, dùng tiếng Trung để trả lời hoặc hội thoại theo chủ đề theo yêu cầu của giảng viên.
- Làm các bài tập tại lớp để củng cố lại kiến thức vừa học.
- Tự học: nghiên cứu giáo trình chính và làm bài tập cuối mỗi bài học, mỗi chương.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy(giáo trình chính):

- (1) Khang Ngọc Hoa, Lai Tư Bình. 2019. 301 Câu đàm thoại tiếng Trung Quốc tập 1 (tái bản lần thứ 4), NXB Tổng hợp Th Hồ Chí Minh.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- (1) Khương Lệ Bình. 2019. Giáo trình chuẩn HSK2, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh.
 (2) Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. 2019. Luyện nói tiếng Trung Quốc cấp tốc cho người mới bắt đầu Tập 2, NXB Tổng hợp TP.Hồ Chí Minh.
 (3) Trương Văn Giới – Lê Khắc Kiều Lục biên dịch. 2010. Giáo trình Hán ngữ Tập 2, NXB Khoa học Xã hội.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Làm bài tập về nhà sau mỗi bài học	Sửa bài về nhà tại lớp vào tiết học sau Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình (40%)	Chuyên cần	Tham gia đầy đủ các buổi học [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [2] Hoàn thành đủ bài tập về nhà cuối mỗi bài học [3]	10%
	Kiểm tra giữa kỳ	Kiểm tra nghe và ngữ pháp tổng hợp trên giấy thi. Trắc nghiệm tự luận [4]	20%
Đánh giá kết thúc (60%)	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận [5]	60%

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

Chuẩn đầu ra của học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO 1		I						R		
CLO 2		I						R		
CLO 3		I						R		
CLO 4		I						R		
CLO 5								R		
Tổng hợp học phần		I						R		

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
-----------------------	------	------	------	------	------

Thuyết giảng	X	X			
Thực hành tại lớp	X	X	X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tham gia đầy đủ các buổi học					X
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X	X	X
Bài tập tự học			X	X	X
Kiểm tra Khẩu ngữ	X	X	X		
Kiểm tra giữa kỳ Trắc nghiệm, tự luận	X			X	

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0 – 3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-2.9)	Yếu (3-4.9)	Trung bình (5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	- Không chọn đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	- Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	- Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (<=30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Kiểm tra khẩu ngữ

Tiêu chí	Mức độ	Mức cho điểm
1. Phát âm chuẩn, chính xác	Kém	(0-3.9)
	Yếu	(4.0-5.4)

2. Bài sinh viên tự soạn theo chủ đề nói phải đúng ngữ pháp, sử dụng từ vựng phù hợp với tình huống. 3. Phong thái trình bày, giọng điệu, ngữ điệu	Trung bình	(5.5-6.9)
	Khá	(7.0-8.4)
	Giỏi	(8.5-10)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS. TS. Phan Thị
Hàng Nga

TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

ThS Dương Thị
Thu Hiền

ThS Vũ Văn Anh

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Vũ Văn Anh	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0834.566.519
Email: vvanh@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Trung 3

Tên học phần (tiếng Anh): Chinese 3

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011930
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Ngoại Ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm 2 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Đại cương

Đại cương ☒		Chuyên nghiệp ☐						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần học trước: Tiếng Trung 2

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần tiếng Trung 3 được xây dựng nhằm mục tiêu ôn luyện và hệ thống kiến thức ngữ pháp cơ bản, mở rộng vốn từ vựng, rèn luyện và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ thông qua các tình huống giao tiếp về các chủ đề quen thuộc như mời mọc, từ chối, xin lỗi, tiếc, khen ngợi, chúc mừng, khuyên bảo, so sánh, sở thích, ngôn ngữ, giúp người học hình thành phản xạ giao tiếp bằng tiếng Trung ở cấp độ tương đương HSK3.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Mục tiêu ôn luyện và hệ thống kiến thức ngữ pháp từ 2 học phần trước, và tiếp thu thêm ngữ pháp mới trình độ sơ trung cấp, mở rộng vốn từ vựng, rèn luyện và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ thông qua các tình huống giao tiếp về các chủ đề quen thuộc như mời mọc, từ chối, xin lỗi, tiếc, khen ngợi, chúc mừng, khuyên bảo, so sánh, sở thích, ngôn

ngữ, giúp người học hình thành phản xạ giao tiếp bằng tiếng Trung ở cấp độ tương đương HSK3

Sau khi hoàn học phần, năng lực ngôn ngữ Tiếng Trung của người học đủ để:

- Nghe được các từ, cụm từ, câu nói liên quan đến các chủ đề đã học gồm: mời mọc, từ chối, xin lỗi, tiếc, khen ngợi, chúc mừng, khuyên bảo, so sánh, sở thích, ngôn ngữ.
- Diễn đạt ý kiến bằng một câu đầy đủ các thành phần cơ bản của câu trong giao tiếp thực tế.
- Sử dụng được các cấu trúc câu, quan hệ từ để diễn đạt bằng câu phức trong diễn đạt giao tiếp.
- Trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày. Trình thuật lại, mô tả đơn giản về các sự vật, sự việc có liên quan đến chủ đề đã học.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Nghe được ý chính trong các cuộc đối thoại liên quan đến chủ đề đã học khi được diễn đạt với tốc độ vừa phải và rõ ràng.	Kiến thức
CLO2	Trình bày được quan điểm, nhận định đơn giản, ngắn gọn, đúng ngữ pháp trong các tình huống đối thoại quen thuộc. Phát âm lúc diễn đạt rõ ràng, chính xác, truyền cảm	Kiến thức
CLO3	Thuật lại được ý chính các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề đã học.	Kỹ năng
CLO4	Viết những câu phức đơn giản với các liên từ, cấu trúc câu đã học trong học phần chương trình. Viết chính xác các chữ Hán đã học.	Kỹ năng
CLO5	Hình thành năng lực tự chủ trong học tập, người học chủ động hợp tác với giáo viên và những người học khác để hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
Chương 1 邀请	Bài 1: (第 21 课) 请你参加 <u>语法</u> 1.1 介词 “给” 1.2 动作 的进行	3	1	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	-Thuyết giảng -Làm việc nhóm thuyết trình -Bài tập thực hành tại lớp, thực hành cá nhân	[1] [2]	Xem lại nội dung chương 1 Bài 1 (第 21 课) giáo trình chính Làm bài tập về nhà củng cố lại kiến thức sau mỗi bài học
Chương 2 婉拒	Bài 2: (第 22 课) 我不能去 <u>语法</u> 2.1 时间段词语作状语 2.2 动态助词 “了”	3	1	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	-Thuyết giảng - Làm việc nhóm thuyết trình -Bài tập thực hành tại lớp, thực hành cá nhân	[1] [2]	-Xem lại nội dung chương 1 Bài 1 (第 22 课) giáo trình chính -Làm bài tập về nhà củng cố lại kiến thức sau mỗi bài học
Chương 3 道歉	Bài 3: (第 23 课) 对不起 <u>语法</u> 3.1 形容	3	1	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	-Thuyết giảng - Làm việc nhóm thuyết trình	[1] [2]	-Xem lại nội dung chương 1 Bài 1 (第 23 课) giáo trình chính -Làm bài

	词“好” 3.2 副词 “就”、 “才” 3.3 趋向 补语 (2)					-Bài tập thực hành tại lớp, thực hành cá nhân		tập về nhà cùng cố lại kiến thức sau mỗi bài học
Chương 4 遗憾	Bài 4: (第 24 课) 我觉得很 遗憾 <u>语法</u> 4.1 用动 词“让” 的兼语句 4.2 “是 不是”构 成的正反 疑问句 4.3 “上”作 结果补语	3	1	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	-Thuyết giảng - Làm việc nhóm thuyết trình -Bài tập thực hành tại lớp, thực hành cá nhân	[1] [2]	-Xem lại nội dung chương 1 Bài 1 (第 24 课) giáo trình chính -Làm bài tập về nhà cùng cố lại kiến thức sau mỗi bài học
Chương 5 称赞	Bài 5: (第 25 课) 这张画儿 真美! <u>语法</u> 5.1 “又…… 又……” 5.2 “要	3	1	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	-Thuyết giảng - Làm việc nhóm thuyết trình -Bài tập thực hành tại lớp, thực hành	[1] [2]	-Xem lại nội dung chương 1 Bài 1 (第 25 课) giáo trình chính -Làm bài tập về nhà cùng cố lại kiến

	是..... 就.....”					cá nhân		thức sau mỗi bài học
Chương 6 祝贺	Bài 6: (第 26 课) 祝贺你 语法 6.1 “开” 和 “下” 6.2 可能 补语 (1) 6.3 动词 “着”	3	2	11	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	-Thuyết giảng - Làm việc nhóm thuyết trình -Bài tập thực hành tại lớp, thực hành cá nhân	[1] [2]	-Xem lại nội dung chương 1 Bài 1 (第 26 课) giáo trình chính -Làm bài tập về nhà củng cố lại kiến thức sau mỗi bài học
Chương 7 劝告	Bài 7: (第 27 课) 你别抽烟 了 语法 7.1 “有 点儿” 作 状语 7.2 现存 句	3	2	11	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	-Thuyết giảng - Làm việc nhóm thuyết trình -Bài tập thực hành tại lớp, thực hành cá nhân	[1] [2]	-Xem lại nội dung chương 1 Bài 1 (第 27 课) giáo trình chính -Làm bài tập về nhà củng cố lại kiến thức sau mỗi bài học
Chương 8 比较	Bài 8: (第 28 课) 今天比昨 天冷 语法 8.1 用 “比” 表 示比较	3	2	11	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	-Thuyết giảng - Làm việc nhóm thuyết trình -Bài tập thực hành tại lớp,	[1] [2]	-Xem lại nội dung chương 1 Bài 1 (第 28 课) giáo trình chính -Làm bài tập về nhà củng cố

	8.2 数量补语 8.3 趋向补语 (1)					thực hành cá nhân		lại kiến thức sau mỗi bài học
Chương 9 爱好	Bài 9: (第 29 课) 我也喜欢游泳 <u>语法</u> 9.1 用“有”或“没有”表示比较 9.2 时量补语 (1) 9.3 用“吧”的疑问句	3	2	11	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	-Thuyết giảng -Bài tập thực hành tại lớp, thực hành cá nhân - Kiểm tra khẩu ngữ	[1] [2] [3]	-Xem lại nội dung chương 1 Bài 1 (第 29 课) giáo trình chính -Làm bài tập về nhà củng cố lại kiến thức sau mỗi bài học
Chương 10 语言	Bài 10: (第 10 课) 请你慢点儿说 <u>语法</u> 10.1 时量补语 (2)	3	2	11	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	-Thuyết giảng -Bài tập thực hành tại lớp, thực hành cá nhân - Kiểm tra giữa kỳ	[1] [2] [4] [5]	-Xem lại nội dung chương 1 Bài 1 (第 30 课) giáo trình chính -Làm bài tập về nhà củng cố

	10.2 “除了.....以外”							lại kiến thức sau mỗi bài học
--	------------------	--	--	--	--	--	--	-------------------------------

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Giảng viên thuyết giảng, đặt câu hỏi, sinh viên lắng nghe, sinh viên trả lời câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành tại lớp	-Sử dụng các máy móc, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ,... hướng dẫn sinh viên vận dụng các kiến thức ngữ pháp, mẫu câu, hán tự đã học để làm các dạng bài tập trên lớp để củng cố kiến thức vừa học - Phân nhóm hội thoại theo tình huống trong giáo trình.	-Giáo trình chính -Bài tập
2	Làm việc nhóm	-Sinh viên lập nhóm cùng học chủ động tìm hiểu các từ vựng và ngữ pháp trong giáo trình theo sự chia nhóm của giảng viên, sau đó các nhóm lần lượt lên thuyết trình về các kiến thức nhóm tìm hiểu được - Giảng viên đánh giá và giảng lại những kiến thức chưa chính xác	-Giáo trình chính -Tài liệu bên ngoài giáo trình

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn ngữ pháp: sinh viên lắng nghe giảng viên giảng về các kiến thức ngữ pháp và phân tích ngữ pháp trong các ví dụ, thực hành tại lớp các bài tập liên quan đến ngữ pháp vừa học.

-Hướng dẫn phần đọc hiểu tình huống hội thoại: giảng viên hướng dẫn đọc hiểu hoặc nghe hiểu các bài hội thoại trong giáo trình, nắm bắt nội dung hội thoại qua các câu hỏi gợi ý của giảng viên.

- Hoàn thành các bài tập nhóm theo yêu cầu và thời gian giảng viên yêu cầu, dùng tiếng Trung để trả lời hoặc hội thoại theo chủ đề theo yêu cầu của giảng viên.

- Làm các bài tập tại lớp để củng cố lại kiến thức vừa học.

- Tự học: nghiên cứu giáo trình chính và làm bài tập cuối mỗi bài học, mỗi chương.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

(1) Khang Ngọc Hoa, Lai Tư Bình. 2019. 301 Câu đàm thoại tiếng Trung Quốc tập 2 (tái bản lần thứ 4), NXB Tổng hợp Th Hồ Chí Minh.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

(1) Khương Lê Bình. 2019. Giáo trình chuẩn HSK3, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh.

(2) Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. 2019. Luyện nói tiếng Trung Quốc cấp tốc cho người mới bắt đầu Tập 3, NXB Tổng hợp TP.Hồ Chí Minh.

(3) Trương Văn Giới – Lê Khắc Kiều Lục biên dịch. 2010. Giáo trình Hán ngữ Tập 3, NXB Khoa học Xã hội.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Làm bài tập về nhà sau mỗi bài học	Sửa bài về nhà tại lớp vào tiết học sau Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình (40%)	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp, làm việc nhóm, thuyết trình theo đề tài [1] Hoàn thành đủ bài tập về nhà cuối mỗi bài học [2]	10%

	Kiểm tra khẩu ngữ	Phân nhóm bốc thăm đề tài khẩu ngữ, kiểm tra tại lớp (Giảng viên chấm điểm) [3]	10%
	Kiểm tra giữa kỳ	Kiểm tra nghe và ngữ pháp tổng hợp trên giấy thi. Trắc nghiệm tự luận[4]	40%
Đánh giá kết thúc (60%)	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận [5]	60%

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

Chuẩn đầu ra của học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO 1		R						R		
CLO 2		R						R		
CLO 3		R						R		
CLO 4		R						R		
CLO 5								R		
Tổng hợp học phần		R						R		

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X			
Thực hành tại lớp	X	X	X	X	X
Làm việc nhóm	X	X	X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tham gia đầy đủ các buổi học					X
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp, làm việc nhóm	X	X	X	X	X
Bài tập tự học			X	X	X
Kiểm tra Khẩu ngữ	X	X	X		
Kiểm tra giữa kỳ Trắc nghiệm, tự luận	X			X	

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0 – 3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-2.9)	Yếu (3-4.9)	Trung bình (5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	- Không chọn đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương	- Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó	- Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất

			đôi khó (50%≤80%)	(80%≤90%)	khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (≤30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Làm việc nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung kiến thức phù hợp, chính xác, có ví dụ đa dạng 3. Phong cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5 Rubric: Kiểm tra khẩu ngữ

Tiêu chí	Mức độ	Mức cho điểm
1. Phát âm chuẩn, chính xác 2. Bài sinh viên tự soạn theo chủ đề nói phải đúng ngữ pháp, sử dụng từ vựng phù hợp với tình huống. 3. Phong thái trình bày, giọng điệu, ngữ điệu	Kém	(0-3.9)
	Yếu	(4.0-5.4)
	Trung bình	(5.5-6.9)
	Khá	(7.0-8.4)
	Giỏi	(8.5-10)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS. TS. Phan Thị
Hằng Nga

TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

ThS Dương Thị
Thu Hiền

ThS Vũ Văn Anh

PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Vũ Văn Anh	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0834.566.519
Email: yvanh@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Việt thực hành

Tên học phần (tiếng Anh): Vietnamese Language in Practice

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011138
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 15 Thực hành: 30
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa quản lý học phần: Khoa Ngoại ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm thứ 1 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Đại cương

Đại cương ☒		Chuyên nghiệp ☐						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:
Điều kiện tiên quyết: Không
Học phần học trước: Dẫn luận ngôn ngữ học
Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp kiến thức cơ bản về ngôn ngữ tiếng Việt như ngữ âm, chính tả, các đơn vị cấu tạo từ, cụm từ, câu, văn bản hành chính...; phương pháp, công cụ để sinh viên nhận diện lỗi, sửa lỗi; lựa chọn cách dùng đúng và hay. Những nội dung chủ yếu của học phần bao gồm: Rèn luyện kỹ năng chính tả (phân tích, sửa lỗi); rèn luyện kỹ năng dùng từ (lựa chọn, giải thích nghĩa, sửa lỗi); rèn luyện kỹ năng về câu (phân tích cấu trúc, nhận diện câu sai, sửa lỗi); rèn luyện kỹ năng soạn thảo văn bản (nhận xét lỗi trình bày, thực hành soạn thảo).

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Sau khi học xong học phần, người học hệ thống được các kiến thức kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, văn bản tiếng Việt; hình thành kỹ năng: nhận diện và sửa lỗi chính tả; lựa chọn từ ngữ đúng, hay; phân tích nghĩa, cách dùng và sửa lỗi dùng từ; sửa lỗi câu sai; soạn thảo các văn bản hành chính thông dụng như Thông báo, Đơn từ, Công văn, Báo cáo, Biên bản...; chỉnh sửa thể thức, văn phong, bố cục và nội dung cho các văn bản hành chính chưa đảm bảo yêu cầu; có khả năng lý giải cơ bản những hiện tượng trong đời sống ngôn ngữ tiếng Việt, làm nền tảng xây dựng văn bản tiếng Việt đúng văn phong chuẩn mực bằng tiếng Việt; làm cơ sở bước đầu để so sánh đối chiếu với các vấn đề của các ngôn ngữ đang theo học.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu	Nội dung	Lĩnh vực
CLO1	Trình bày được các đặc điểm ngữ âm, chính tả, chữ viết tiếng Việt	Kiến thức
CLO2	Trình bày được đặc điểm cấu tạo, các lớp nghĩa của từ, các phương thức tạo từ	Kiến thức
CLO3	Trình bày được chức năng, cấu trúc, đặc trưng của câu tiếng Việt	Kiến thức
CLO4	Trình bày được đặc điểm các phong cách ngôn ngữ văn bản; thể thức trình bày các loại văn bản hành chính thông dụng	Kiến thức
CLO5	Phân tích và chữa lỗi chính tả tiếng Việt	Kỹ năng
CLO6	Lựa chọn từ ngữ đúng và hay; chữa lỗi dùng từ trong văn bản, phân tích được các phương thức tạo từ của các từ ngữ mới xuất hiện	Kỹ năng
CLO7	Phân tích cấu trúc câu, sửa lỗi câu trong văn bản	Kỹ năng
CLO8	Soạn thảo một số văn bản hành chính thông dụng	Kỹ năng
CLO9	Có sự so sánh đối chiếu giữa tiếng	Tự chủ và trách

	Việt và ngoại ngữ đang học, từ đó vận dụng trong quá trình học tập các môn chuyên ngành ngoại ngữ.	nhiệm
CLO10	Nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp, trong học tập và nghiên cứu, đặc biệt là trong các môi trường cơ quan, công sở và mọi mặt của đời sống xã hội; có ý thức chủ động trong việc sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT		Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
Chương 1	CHƯƠNG 1	2	4	15	CLO1; CLO5; CLO9; CLO 10.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành, nhóm và cá nhân tại lớp	[1]; [2]; [3];[4].	Làm bài tập chính tả gv gửi; tìm các ví dụ về sai lỗi chính tả trong đời sống ngôn ngữ.
	RÈN LUYỆN KỸ NĂNG CHÍNH TẢ TIẾNG VIỆT 1. KHÁI QUÁT VỀ CHÍNH TẢ TIẾNG VIỆT 1.1. Khái niệm. 1.2. Nội dung chính tả tiếng Việt.							

	1.3. Những bất hợp li trong chính tả tiếng Việt 2. CHỮA LỖI CHÍNH TẢ TIẾNG VIỆT 2.1. Lỗi thanh điệu 2.2. Lỗi phụ âm đầu 2.3. Lỗi âm đệm 2.4. Lỗi âm chính 2.5. Lỗi âm cuối							
Chương 2	CHƯƠNG 2 RÈN LUYỆN KĨ NĂNG DÙNG TỪ 1. TỪ VÀ TỪ VỰNG TIẾNG VIỆT. 1. 1. Từ tiếng Việt. 1.2. Từ vựng tiếng Việt.	4	8	25	CLO2; CLO6; CLO9; CLO 10.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành, nhóm và cá nhân tại lớp	[1]; [2]; [3]; [4].	Làm bài tập dùng từ gv gửi. Tìm ví dụ dùng từ sai trong đời sống ngôn ngữ.

2. NHỮNG YÊU CẦU CƠ BẢN TRONG VIỆC DÙNG TỪ. 2.1. Dùng từ phải đúng với hình thức âm thanh. 2.2. Dùng từ phải đúng ý nghĩa. 2.3. Dùng từ phải đúng ngữ pháp. 2.4. Dùng từ phải đúng phong cách văn bản. 3. MỘT SỐ BIỆN PHÁP CẦN THIẾT ĐỂ DÙNG TỪ CHÍNH XÁC 3.1. Phân biệt các nét nghĩa, các sắc thái nghĩa khác nhau giữa các							
--	--	--	--	--	--	--	--

	từ đồng nghĩa. 3.2. Phân biệt giá trị biểu đạt của từ Hán - Việt so với từ thuần Việt. 4. CHỮA MỘT SỐ LỖI THÔNG THƯỜNG TRONG VIỆC DÙNG TỪ. 4.1. Chữa lỗi dùng từ sai vô ngữ âm. 4.2. Chữa lỗi chọn lựa từ. 4.3. Chữa lỗi kết hợp từ							
Chương 3	CHƯƠNG 3 RÈN LUYỆN KỸ NĂNG VIẾT CÂU 1. CÂU TRONG TIẾNG VIỆT. 1.1. Khái niệm.	4	8	25	CLO3; CLO7; CLO9; CLO 10.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành, nhóm và cá nhân tại lớp.	[1]; [2]; [3]; [4].	Làm bài tập câu gv gửi. Tìm ví dụ câu sai trong đời sống ngôn ngữ

1.2. Cấu tạo câu trong tiếng Việt.. 2. CHỮA CÁC LOẠI LỖI THƯỜNG GẶP 2.1. Chữa câu sai về cấu trúc 2.2. Chữa câu sai logic. 2.3. Chữa câu sai quy chiếu. 2.3. Câu mơ hồ. 3. CÁC DẤU CÂU VÀ CÁCH CHỮA LỖI CÁC DẤU CÂU. 3.1. Các dấu câu và cách dùng các dấu câu. 3.2. Chữa lỗi dùng dấu câu.							
--	--	--	--	--	--	--	--

Chương 4	CHƯƠNG 4 RÈN LUYỆN KĨ NĂNG XÂY DỰNG VĂN BẢN 1. KHÁI QUÁT VỀ VĂN BẢN. 1.1. Khái niệm 1.2. Nội dung và cấu trúc 1.2. Tiêu đề 2. NHỮNG YÊU CẦU CHUNG CỦA MỘT VĂN BẢN. 2.1. Mạch lạc và liên kết. 2.2. Có mục đích giao tiếp thống nhất. 2.3. Có kết cấu	5	10	40	CLO4; CLO8; CLO9; CLO 10.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành, nhóm và cá nhân tại lớp.	[1]; [2]; [3]; [4].	Làm bài tập tìm và nhận xét thể thức, bố cục, văn phong văn bản hành chính.
-------------	--	---	----	----	------------------------------------	---	------------------------	---

rõ ràng.							
2.4. Có một phong cách ngôn ngữ nhất định.							
3. ĐOẠN VĂN, ĐƠN VỊ ĐIỂN HÌNH VÀ CƠ SỞ CỦA VĂN BẢN.							
3.1. Khái niệm							
3.2. Cấu trúc							
3.3. Các kiểu kết cấu							
3.4. Phân loại							
4. QUI TRÌNH TẠO LẬP VĂN BẢN.							
4.1. Định hướng							
4.2. Xây dựng đề cương							
5. CÁC PHONG CÁCH NGÔN							

NGŨ								
5.1. Phong cách khẩu ngữ								
5.2. Phong cách khoa học								
5.3. Phong cách báo chí								
5.4. Phong cách chính luận								
5.5. Phong cách nghệ thuật								
5.6. Phong cách hành chính								
6.THỰC HÀNH SOẠN THẢO VĂN BẢN HÀNH CHÍNH								
6.1. Soạn thảo Thông báo								
6.2. Soạn thảo Báo cáo								
6.3. Soạn thảo Biên bản								
6.4. Soạn thảo								

	Công văn							
	6.5. Soạn thảo							
	Đơn từ							

6) Phương pháp dạy – học

6.1 Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính

6.2 Thực hành

	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành cá nhân	Hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức lý thuyết để làm bài tập gv cung cấp, đồng thời tìm hiểu, lí giải các vấn đề ngôn ngữ trong thực tiễn đời sống	Giáo trình chính Bài tập

6.3 Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 5 sinh viên, bầu nhóm trưởng.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và thuyết trình từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính để làm bài tập cuối mỗi bài và các hoạt động tự học khác theo yêu cầu của giảng viên.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

- (1) Bùi Minh Toán (2024), Tiếng Việt thực hành, Nxb Giáo dục
- (2) Hà Thúc Hoan (1998), Tiếng Việt thực hành, Nxb tp HCM.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- (1) Cao Xuân Hạo (2002), Lỗi ngữ pháp và cách khắc phục, Nxb KHXH.

(2) Lê Trung Hoa (2002), Lỗi chính tả và cách khắc phục, Nxb KHXH.

(3) Hồ Lê (2002), Lỗi từ vựng và cách khắc phục, Nxb KHXH.

(4) Nguyễn Thị Nhân (2006), Tiếng Việt thực hành, Nxb Thể dục Thể thao.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Làm bài tập	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	5%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm [2]	35%
		Trắc nghiệm, tự luận [3]	
		Bài tập tự học [4]	
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Tự luận, trắc nghiệm [3]	60%

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1	1									
CLO2	1									
CLO3	1									
CLO4	1									
CLO5					R					
CLO6					R					

CLO7				R					
CLO8				R					
CLO9								R	
CLO10								R	

9.2. Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO 1	CLO 2	CLO 3	CLO 4	CLO 5	CLO 6	CLO 7	CLO 8	CLO 9	CLO 10
Thuyết giảng	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm	X	X	X	X					X	X
Thực hành cá nhân					X	X	X	X	X	X
Báo cáo, thuyết trình				X				X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

[illegible]

Thảo luận nhóm, báo cáo thuyết trình					X	X	X	X	X	X
Trắc nghiệm, tự luận					X	X	X	X	X	X
Bài tập tự học	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0 – 3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%<=80%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khá (80%<=90%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%<=100%)

Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
---------------------	--	---	--	--	--

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (<=30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS. TS. Phan Thị
Hằng Nga

TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

ThS Dương Thị
Thu Hiền

ThS Nguyễn Thị Nhân

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Nhân	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0988.650.490
Email: nt.nhan@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Cơ sở Văn hóa Việt Nam.

Tên học phần (tiếng Anh): Fundamentals of Vietnamese Culture

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 010615
- Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 2 Thực hành: 0
- Phân bổ thời gian (giờ): 30 Lý thuyết: 30 Thực hành: 0
- Số giờ tự học (giờ): 70
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Thương mại và Du lịch.
- Đối tượng người học: Sinh viên năm thứ 1 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Đại cương

Đại cương ☒		Chuyên nghiệp ☐						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bổ trợ	Bắt buộc	Tự chọn
☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:
- + Điều kiện tiên quyết: Không
- + Học phần học trước: Không
- + Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần trình bày khái niệm về văn hóa Việt Nam, chức năng văn hóa và các thành tố văn hóa Việt Nam, phong tục tập quán truyền thống, các lễ hội truyền thống và hiện đại, các dân tộc Việt Nam và các lễ hội, tôn giáo. Học phần cũng giới thiệu về tiến trình lịch sử văn hóa qua các triều đại, văn hóa làng và tổ chức nhà nước trong các triều đại. Văn hóa và phân vùng văn hóa các vùng miền văn hóa Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng trình bày được các kiến thức cơ bản về văn hóa, văn minh, văn hiến và văn vật. Nhận biết được chức năng của văn hóa, vai trò của văn hóa Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử, các lớp văn hóa, tiến trình lịch sử văn hóa Việt Nam. So sánh được đời sống vật chất và đời sống tinh thần, tôn giáo, tín ngưỡng, cộng đồng của người dân Việt Nam qua các giai đoạn, văn hóa tộc người, phong tục tập quán, lễ nghi, tôn giáo chính của Việt Nam, các vùng văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam. Qua đó sẽ hình thành nên các kỹ năng ứng xử văn hóa, kỹ năng xử lý các tình huống liên quan văn hóa truyền thống và hiện đại của người dân và du khách, kỹ năng ứng xử với môi trường xung quanh, môi trường nhân văn và thiên nhiên, kỹ năng tổ chức, bảo lưu các giá trị văn hóa vật chất và tinh thần.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức I, R trong ma trận mối quan hệ CĐR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Nắm rõ các kiến thức cơ bản về văn hóa, văn minh, văn hiến, và văn vật, chức năng của văn hóa, vai trò của văn hóa Việt Nam, các giai đoạn lịch sử, các lớp văn hóa, tiến trình lịch sử văn hóa Việt Nam.	Kiến thức
CLO2	Vận dụng kiến thức, phân tích, đánh giá và đưa ra các giải pháp để giải quyết các vấn đề về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tôn giáo, tín ngưỡng, và các đặc trưng của các vùng văn hóa Việt Nam.	Kiến thức
CLO3	Kỹ năng xử lý các tình huống liên quan tới văn hóa truyền thống và hiện đại của người dân và du khách.	Kỹ năng
CLO4	Ứng xử với môi trường xung quanh, môi trường nhân văn và thiên nhiên tổ chức, bảo lưu các giá trị văn hóa vật chất và tinh thần.	Kỹ năng
CLO5	Làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm trong môi trường có nhiều thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Hướng dẫn và giám sát được những người khác thực hiện được nhiệm vụ.	Tự chủ và tự chịu trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
Chương 1	Văn hóa và văn hóa Việt Nam	5	0	10	CLO1	Thuyết giảng	[1]; [3];	Đọc chương 1 giáo

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	1.1. Văn hóa và văn hóa học 1.2. Định vị Văn hóa Việt Nam							trình chính
Chương 2	Tiến trình văn hóa Việt Nam 2.1. Lớp văn hóa bản địa 2.2. Lớp văn hóa giao lưu với Trung Hoa và khu vực 2.3. Lớp văn hóa giao lưu với phương Tây	5	0	10	CLO1, CLO3	Thuyết giảng, Thuyết trình	[1], [2], [4], [5]	Đọc chương 2 giáo trình chính
Chương 3	Văn hóa tổ chức đời sống tập thể 3.1. Tổ chức nông thôn 3.2. Tổ chức quốc gia 3.3. Tổ chức đô thị	5	0	10	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3]; [4]	Đọc tài liệu [1] chương 3, tài liệu tự học [1] chương 3, tài liệu tự học [2] chương 1
Chương 4	Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân 4.1. Tín ngưỡng 4.2. Tôn giáo 4.3. Phong tục 4.4. Văn hóa giao tiếp và	5	0	10	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3]; [4]	Đọc tài liệu [1] chương 3, tài liệu tự học [1] chương 3, tài liệu tự học [2] chương

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	nghệ thuật ngôn từ 4.5. Nghệ thuật thanh sắc và hình khối							1
Chương 5	Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên 5.1. Tận dụng môi trường tự nhiên: Âm thực 5.2. Ứng phó với môi trường tự nhiên: Trang phục 5.3. Ứng phó với môi trường tự nhiên: kiến trúc và giao thông	5	0	10	CLO2, CLO4, CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3]; [4]	Đọc tài liệu [1] chương 3, tài liệu tự học [1] chương 3, tài liệu tự học [2] chương 1
Chương 6	Không gian văn hóa Việt Nam 6.1. Vùng văn hóa Tây Bắc 6.2. Vùng văn hóa Việt Bắc 6.3. Vùng văn hóa châu thổ Bắc Bộ 6.4. Vùng văn hóa Trung Bộ 6.5. Vùng văn hóa Tây	5	0	20	CLO2, CLO4, CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề	[1]; [2]; [3]; [4]	Đọc tài liệu [1] chương 4, tài liệu tự học [1] chương 1, tài liệu tự học [2] chương 4

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	Nguyên 6.6. Vùng văn hóa Nam Bộ							

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng.	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập.	Giáo trình chính.
2	Thảo luận nhóm.	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận.	Chủ đề thảo luận. Giáo trình chính.
3	Báo cáo chuyên đề.	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận.	Chuyên đề viết báo cáo. Giáo trình chính.

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 5 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và làm bài tập cuối mỗi chương.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

- (1) GS.TSKH. Trần Ngọc Thêm, 2024, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- Tiếng Việt

(1) Trần Quốc Vượng, Tô Ngọc Thanh, Nguyễn Chí Bền, Lâm Mỹ Dung, Trần Thúy Anh, 2001, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo dục, HN.

(2) GS. Phan Ngọc, 2018, *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB Văn học.

(3) Phan Kế Bính, 2016, *Đất lề quê thói – Phong tục Việt Nam*, NXB Văn học.

- Tiếng Anh

(1) Hofstede, G., Hofstede, G. J. H., & Minkov, M., 2010, *Cultures and organizations: Software of the mind*, USA: McGraw Hill.

(2) Kreitner, R. & Kinicki, A., 2010, *Organizational behavior*, NY: McGraw Hill.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài báo cáo chuyên đề.	Chấm bài báo cáo.	Bài báo cáo chuyên đề hoàn thành.
Làm bài tập.	Chấm điểm bài tập.	Bài tập hoàn thành.

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm [2]	30%
		Thuyết trình [3]	
		Kiểm tra lý thuyết [4]	
		Bài tập [5]	
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Thi lý thuyết [4]	60%
		Tiểu luận [6]	
		Bài tập lớn [5]	
		Thi thực hành [7]	

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1	1				R					
CLO2	1				R					
CLO3	1				R					

CLO4	I				R					
CLO5									R	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng.	X	X	X	X	
Thảo luận nhóm, bài tập, thực hành.	X	X	X	X	X
Báo cáo chuyên đề.	X			X	X
Thực hành/thuyết trình tại lớp.		X	X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp.	X	X	X	X	
Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề, bài tập, thuyết trình.	X	X	X	X	
Bài tập tự học.	X	X	X	X	
Trắc nghiệm, tự luận	X			X	X
Tiểu luận cá nhân.	X	X	X	X	X

10) CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0 – 3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.3 Đánh giá điểm thuyết trình

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.4 Đánh giá điểm kiểm tra lý thuyết

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.5 Đánh giá điểm bài tập/ bài tập lớn

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (≤30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.6 Đánh giá điểm thi tiểu luận

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung phù hợp, cập nhật 3. Trả lời câu hỏi tình huống 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình	Đạt 2 tiêu chí

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
	(5.5-6.9)	
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.7 Đánh giá điểm thi thực hành/ thi vấn đáp

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung phù hợp, cập nhật 3. Trả lời câu hỏi tình huống 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

P. Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS. TS. Phan Thị
Hàng Nga

TS. Nguyễn Xuân
Hiệp

TS. Nguyễn Thị
Diễm Kiều

ThS. Trần Thị Nguyệt Tú

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Đọc hiểu 1

Tên học phần (tiếng Anh): Reading 1

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011935
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Ngoại ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm 1 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên nghiệp

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☒		Ngành ☐			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:
Điều kiện tiên quyết: Không
Học phần học trước: Ngữ pháp nâng cao
Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần Reading 1 thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, giúp sinh viên chuyên ngữ làm quen với nhiều loại văn bản khác nhau, khám phá các hiện tượng ngôn ngữ, văn hóa đa dạng. Học phần Reading 1 còn giúp cho sinh viên có điều kiện để phát triển các năng lực thực hành tiếng khác như: Nói, Nghe và Viết. Đồng thời, học phần này giúp sinh viên vượt qua những trở ngại về từ vựng, kiến thức và kỹ năng đọc hiểu, từ đó đạt được mức độ thông hiểu cao hơn và kỹ năng đọc tốt hơn.

Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (I); PLO6 (I); PLO9 (I)

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu và vận dụng được từ vựng về chủ đề

quen thuộc trong cuộc sống: du lịch, thời trang, khoa học thường thức, văn hóa, tài chính, sức khỏe, gia đình khi đọc hiểu. Sinh viên hiểu và áp dụng được các chiến lược, phương pháp, kỹ năng đọc hiểu để xác định cấu trúc bài đọc, sàng lọc ý chính, ý phụ, ý chi tiết, phán đoán, suy luận nội dung ý nghĩa của bài đọc. Sinh viên có thể vận dụng kiến thức từ các bài đọc để thực hiện hoạt động tư duy phân biện (phân tích, tổng hợp, đánh giá, phân biện) các vấn đề theo các chủ đề cho sẵn, góp phần bổ sung cải thiện kỹ năng nói, nghe, viết. Ngoài ra sinh viên có thể phát triển kỹ năng làm việc theo cặp, nhóm, có thái độ tích cực, chủ động trong học tập để đáp ứng tốt hơn cho việc học của mình.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức I trong ma trận mối quan hệ CDR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Hiểu, trình bày được nghĩa từ vựng về chủ đề du lịch, thời trang, khoa học thường thức, văn hóa, tài chính, sức khỏe, gia đình.	Kiến thức
CLO2	Hiểu, trình bày được các kỹ thuật (phương pháp) đọc hiểu: skimming (đọc lướt xác định ý chính), scanning (đọc lướt xác định ý phụ hay ý chi tiết), dựa vào ngữ cảnh để phỏng đoán ý, suy luận ý, tìm điểm so sánh giống và khác nhau, tóm tắt nội dung.	Kiến thức
CLO3	Áp dụng được từ vựng về chủ đề văn hóa xã hội khoa học thường thức khi đọc hiểu.	Kỹ năng
CLO4	Áp dụng được các kỹ thuật (phương pháp) để xác định ý chính, ý phụ (ý chi tiết), phỏng đoán ý, suy luận, tìm điểm so sánh giống và khác nhau, tóm tắt nội dung thông qua kỹ thuật đọc lướt, đọc nhanh, đọc chi tiết trong các bài đọc.	Kỹ năng
CLO5	Vận dụng ý tưởng (kiến thức) từ các bài đọc để thực hiện hoạt động tư duy phân biện (phân tích, tổng hợp, đánh giá, phân biện) các vấn đề theo các chủ đề cho sẵn, góp phần bổ sung cải thiện kỹ năng nghe nói và viết.	Kỹ năng

CLO6	Làm việc nhóm, quản lý thời gian để thực hiện các hoạt động thảo luận trong nhóm.	Kỹ năng
CLO7	Tích cực, chủ động trong việc lập kế hoạch điều phối, quản lý nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động của cá nhân, của nhóm và tổ chức.	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
Bài 1: Travel (trang 11)	Chương 1: Travel and Technology -Reading skill: <i>Scanning</i> -Vocabulary skill: <i>Organizing vocabulary</i>	5	1.5	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Làm bài tập tại lớp	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Luyện bài đọc hiểu sau giờ học
	Chương 2: Selling India's Rainy Season -Reading skill: <i>Predicting</i> -Vocabulary skill: <i>The prefeix -off</i>							
Bài 2:	Chương 1:	3	1.5	15	CLO1	Thuyết	[1]; [2];	Luyện

Fashion (trang 25)	The Color of Fashion -Reading skill: <i>Skimming for the Main Idea</i> -Vocabulary skill: <i>The Root Word dic/dict</i> Chương 2: Reality TV: Good or Bad for Fashion? -Reading skill: <i>Identifying Main and Supporting Ideas</i> -Vocabulary skill: <i>The Prefix mis-</i>				CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	giảng; Thảo luận nhóm; Làm bài tập tại lớp	[3]; [4]; [5]	bài đọc hiểu sau giờ học
Bài 3: Disappearing Animals (trang 39)	Chương 1: Endangered Species -Reading skill: <i>Identifying Meaning from Context</i> -Vocabulary skill: <i>The Prefixes en- and em-</i> Chương 2: Bring Back the Woolly	3	2	15	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Làm bài tập tại lớp	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Luyện bài đọc hiểu sau giờ học

	Mammoth? -Reading skill: <i>Identifying Main ideas within Paragraphs</i> -Vocabulary skill: <i>The Suffix -ize</i>							
Bài 4: Big Money (trang 65)	Chương 1: What Does a Million Dollars Buy? -Reading skill: <i>Identifying Cause and Effect</i> -Vocabulary skill: <i>The Prefixes in-, im-, il, and ir-</i> Chương 2: Lottery Winners: Rich...but Happy? -Reading skill: <i>Previewing</i> -Vocabulary skill: <i>The Suffixes -ent and -ant</i>	3	2	15	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Làm bài tập tại lớp	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Luyện bài đọc hiểu sau giờ học

Bài 5: Celebrations Around the World (trang 79)	Chương 1: Wedding Customs -Reading skill: <i>Using</i> <i>Subheadings</i> <i>to Predict</i> <i>Content</i> -Vocabulary skill: <i>Word</i> <i>Families</i> Chương 2: Travel Diary: Yanshuei Fireworks Festival -Reading skill: <i>Recognizing</i> <i>Sequence of</i> <i>Events</i> -Vocabulary skill: <i>Homophones</i>	3	1.5	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Làm bài tập tại lớp	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Luyện bài đọc hiểu sau giờ học
Bài 6: It's a Mystery! (trang 93)	Chương 1: The "Lost World" of Sound America -Reading skill: <i>Making</i> <i>Inferences</i> -Vocabulary skill: <i>The</i> <i>Root Word</i> <i>spec</i> + <i>Prefixes</i> Chương 2: Is "Spontaneous	3	1.5	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Làm bài tập tại lớp	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Luyện bài đọc hiểu sau giờ học

	Human Combustion" Possible? -Reading skill: <i>Identifying Main Ideas within Paragraphs</i> -Vocabulary skill: <i>Collocations</i>							
Bài 7: The Changing Family (tương ứng Unit 9, trang 147)	Chương 1: Is an Only Child a Lonely Child? -Reading skill: <i>Recognizing Facts and Opinions</i> -Vocabulary skill: <i>Compound Nouns</i> Chương 2: Changing Roles: The Rise of Stay-at-Home Dads -Reading skill: <i>Previewing</i> -Vocabulary skill: <i>The Root Words</i>	3	2	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Làm bài tập tại lớp	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Luyện bài đọc hiểu sau giờ học

	<i>pater, mater, and juv</i>							
Bài 8: The Future of Education (tương ứng Unit 10, trang 173)	Chương 1: Internet Learning: The Future? -Reading skill: <i>Arguing for and Against a Topic</i> -Vocabulary skill: <i>The Root Word ven/vent</i> Chương 2: Plagiarism and the Internet -Reading skill: <i>Identifying Meaning from Context</i> -Vocabulary skill: <i>The Suffix -ism</i>	3	2	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Làm bài tập tại lớp	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Luyện bài đọc hiểu sau giờ học
Bài 9: Comics (tương ứng Unit 12, trang 201)	Chương 1: The Evolution of Batman -Reading skill: <i>Recognizing Sequence of Events</i> -Vocabulary skill: <i>Compound Adjectives</i> Chương 2:	4	1	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Làm bài tập tại lớp	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Luyện bài đọc hiểu sau giờ học

	Graphic Novels Come to Life -Reading skill: <i>Identifying Main and Supporting Ideas</i> -Vocabulary skill: <i>Antonyms</i> Midterm Test							
--	---	--	--	--	--	--	--	--

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Làm bài tập tại lớp	Hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức lý thuyết về kỹ thuật đọc hiểu đã học để hoàn thành các bài tập và đọc hiểu văn bản.	Giáo trình chính Bài tập giảng viên giao

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 5 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.

- Nhóm trưởng nhận chủ đề thảo luận từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, và đánh giá chất lượng của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và làm bài tập cuối mỗi chương.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy(giáo trình chính):

(1) Neil J. Anderson (2014) *Active skills for Reading 3*, National Geographic Learning.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

(1) David, B. & Dorothy E. Z. (2018) *Skillful Reading & Writing 3*, Macmillan Publishers Ltd.

(2) Sam McCarter (2014) *Improve Your Skills: Reading for Ielts 4.5- 6.0*, Macmillan Education.

(3) Patrick McGinnis (2013) *Inside Reading 2 Student Book*, Oxford University Press.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài thảo luận	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo hoàn thành
Làm bài tập	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, trình bày báo cáo [2]	30%
		Bài tập tự học [3]	

		Kiểm tra giữa kỳ: Tự luận [4]	
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Tự luận [5]	60%

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

Chuẩn đầu ra của học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO 1			I							
CLO 2			I							
CLO 3			I							
CLO 4						I				
CLO 5						I				
CLO 6									I	
CLO 7									I	
Tổng hợp học phần			I			I			I	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7
Thuyết giảng	X	X					
Thảo luận nhóm			X	X	X	X	X
Thực hành tại lớp			X	X	X	X	

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm, trình bày báo cáo			X	X	X	X	X
Kiểm tra giữa kỳ: Tự luận	X	X	X	X			
Bài tập tự học			X	X	X		X
Tự luận	X	X	X	X			

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài ≥ 15 lần	10 điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài từ 10 đến 14 lần	9 điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài từ 5 đến 9 lần	8 điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài từ ≤ 4 lần	7 điểm
Không vắng, không phát biểu xây dựng bài	6 điểm

* **Ghi chú:** Vắng 1 buổi học bị trừ 0.5 điểm vào cột chuyên cần

10.2 Rubric: Thảo luận nhóm, trình bày báo cáo

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ ($90\% \leq 100\%$)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ ($80\% \leq 90\%$)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ ($50\% \leq 80\%$)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ ($30\% \leq 50\%$)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ ($\leq 30\%$)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Đánh giá quá trình: Kiểm tra giữa kỳ (tự luận)

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
BÀI THI TRẮC NGHIỆM + TỰ LUẬN + Thời gian: 60 phút	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80% $\leq$ 90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó

+Nội dung:			(50%≤80%)		(90%≤100%)
- Phần 1: Từ vựng (20 câu – 4 điểm bao gồm các dạng nối từ với định nghĩa, điền từ vào chỗ trống thích hợp, diễn giải nghĩa của từ, v.v...)					
- Phần 2: Đọc hiểu (6 điểm) bao gồm 2 bài đọc hiểu với các dạng câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn; đúng/sai; nối ý với đoạn văn thích hợp, điền cụm từ hay ý thích hợp vào đoạn văn, trả lời câu hỏi, v.v...					

10.5 Rubric: Đánh giá bài tự luận cá nhân cuối kỳ

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung tự luận	Không làm được	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
+ Thời gian 60 phút,					
+ Nội dung: Bài thi gồm 3 văn bản đọc hiểu, tổng số câu hỏi là 30 câu, với các dạng câu hỏi					

trắc nghiệm nhiều lựa chọn; đúng/sai; nói ý với đoạn văn thích hợp, điền cụm từ hay ý thích hợp vào đoạn văn, trả lời câu hỏi, v.v...)					
---	--	--	--	--	--

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS. TS. Phan Thị
Hằng Nga

TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

ThS Dương Thị
Thu Hiền

ThS Nguyễn Thị
Diễm

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Diễm	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0326.179.095
Email: nt.diem@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Nguyễn Thị Nguyễn	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0932.813.146
Email: nt.nguyen@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Đọc hiểu 2

Tên học phần (tiếng Anh): Reading 2

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011936
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Ngoại ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm thứ 2 – Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên nghiệp

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☒		Ngành ☐			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:
Điều kiện tiên quyết: Không
Học phần học trước: Đọc hiểu 1
Học phần song hành: Không

2) Mô tả văn bản nội dung học phần

Học phần Đọc hiểu 2 thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp kiến thức, phương pháp, kỹ thuật đọc hiểu với đa dạng chủ đề. Những nội dung chủ yếu của học phần bao gồm: các bài đọc thuộc các chủ đề như công việc, công nghệ, những chuyển biến lưu, tư duy của thế hệ mới, các tác phẩm hay, ẩm thực, vũ trụ, lịch sử. Lồng ghép trong các bài đọc là các bài tập từ vựng và kỹ thuật đọc hiểu.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Sau khi học xong học phần này, người học phát triển vốn từ vựng ở cấp độ nâng cao về đa dạng chủ đề trong cuộc sống; sử dụng được các kỹ thuật đọc hiểu để dự đoán được nội dung văn bản trước khi đọc, biết suy luận để hiểu được nội dung văn bản, phân tích được cấu trúc bài đọc, xác định được ý chính và ý phụ, xác định được phép ẩn dụ, so sánh

trong bài đọc, xác định được thông tin cần tìm. Người học có niềm yêu thích với việc đọc, có thái độ tích cực, chủ động khi làm việc nhóm.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức R trong ma trận mối quan hệ CDR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Phát triển vốn từ vựng ở cấp độ nâng cao về đa dạng chủ đề trong cuộc sống	Kiến thức
CLO2	Ghi nhớ các kỹ thuật đọc hiểu và cách suy luận, phân tích và xử lý bài đọc.	Kiến thức
CLO3	Dự đoán được nội dung văn bản trước khi đọc, biết suy luận để hiểu được nội dung văn bản, phân tích được cấu trúc bài đọc.	Kỹ năng
CLO4	Xác định được ý chính và ý phụ, xác định được phép ẩn dụ, so sánh trong bài đọc, xác định được thông tin cần tìm.	Kỹ năng
CLO5	Có niềm yêu thích với việc đọc, có thái độ tích cực, chủ động, hợp tác khi làm việc nhóm.	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Giới thiệu môn học UNIT 1. THE WORLD OF WORK Chapter 1: Not your typical 9-to-5 job Chapter 2: Job	4	2	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]	Làm bài tập thêm

	interview types							
2	UNIT 2. COMPUTER CULTURE Chapter 1: Unmasking Virus Writers and Hackers Chapter 2: Female Virus Writer Packs Punch	3.5	2	15	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]	Làm bài tập thêm
3	UNIT 3. TRAVEL ADVENTURES Chapter 1: Into the Heart of a Family in Casablanca Chapter 2: Travel for Good	3.5	2	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[[1]; [2]; [3]	Làm bài tập thêm
4	UNIT 4. A GOOD READ Chapter 1: What Exactly is a Short Story? Chapter 2: An Interview with J.K. Rowling MIDTERM TEST 1	3	2	15	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4]	Làm bài tập thêm

5	UNIT 5. A NEW GENERATION OF THINKING Chapter 1: Emotional Intelligence Chapter 2: Left Brains, Right Brains, and Board Games	4	1.5	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]	Làm bài tập thêm
6	UNIT 6. IT'S DINNER TIME! Chapter 1: The Mediterranean Diet Chapter 2: Genetically Modified Food	3	1.5	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]	Làm bài tập thêm
7	UNIT 7. BEYOND PLANET EARTH Chapter 1: Solar Storms Chapter 2: Star Struck MIDTERM TEST 2	3	1.5	15	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4]	Làm bài tập thêm
8	UNIT 8. UNEARTHING THE PAST Chapter 1: The Search for Cleopatra Chapter 2: Where	3	1.5	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]	Làm bài tập thêm

	Inca Kings Lie							
9	UNIT 9. LANGUAGE AND LIFE Chapter 1: The Exodus of Language Chapter 2: Life with the Tarahumaras REVIEW	3	1	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]	Làm bài tập thêm

6) Phương pháp dạy – học

6.1 Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, và trình bày kết quả thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính

6.2 Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành cá nhân	Hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức ngôn ngữ và kỹ thuật đọc hiểu để đọc hiểu văn bản tiếng Anh.	Giáo trình chính Bài tập và bài đọc thêm

6.3 Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 5 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề thảo luận từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, và đánh giá chất lượng của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và làm bài tập cuối mỗi chương.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

- (1) Anderson, N. J. (2014). *ACTIVE skills for reading 4 (Third edition)*. HEINLE Cengage Learning.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- (1) Caplan, N. & Douglas, S. (2019). *Skills for success: Level 5 Reading and Writing (Third edition)*. Oxford University Press.
- (2) Mann, M. & Knowles, S. T. (2014). *Improve Your Skills: Reading for Advanced*. Macmillan.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1 Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2 Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài thảo luận	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo hoàn thành
Làm bài tập thêm	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3 Phương pháp đánh giá học phần

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, thuyết trình [2]	5%
		Bài tập tự học [3]	5%

		Bài kiểm tra thực hành các kỹ thuật Đọc – Test 1 [4]	10%
		Bài kiểm tra thực hành các kỹ thuật Đọc – Test 2 [4]	10%
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận [5]	60%

9) Ma trận

9.1 Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1			R							
CLO2			R							
CLO3						R				
CLO4						R				
CLO5									R	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X	X	X	
Thảo luận nhóm	X	X		X	X
Thực hành cá nhân	X	X	X	X	X
Báo cáo, thuyết trình		X	X	X	X

9.3 Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp			X	X	X
Thảo luận nhóm, thuyết trình	X	X		X	
Bài tập tự học	X	X	X	X	X
Bài kiểm tra thực hành các kỹ thuật Đọc	X	X	X	X	X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X	X	X	

10) Các rubric/thang điểm đánh giá

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0-3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Rubric: Thảo luận nhóm, trình bày báo cáo

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ ($90\% \leq 100\%$)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ ($80\% \leq 90\%$)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ ($50\% \leq 80\%$)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ ($30\% \leq 50\%$)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ ($\leq 30\%$)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Đánh giá quá trình: Kiểm tra giữa kỳ (trắc nghiệm & tự luận)

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
BÀI KIỂM TRAGIỮA KÌ: TRẮC NGHIỆM + TỰ LUẬN + Thời gian: 60	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó ($50\% \leq 80\%$)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó ($80\% \leq 90\%$)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó ($90\% \leq 100\%$)

phút + Nội dung: - Phần 1. Từ vựng (20 câu – 4 điểm bao gồm các dạng nối từ với định nghĩa, điền từ vào chỗ trống thích hợp, diễn giải nghĩa của từ, v.v...) - Phần 2: Đọc hiểu (6 điểm) bao gồm 2 bài đọc hiểu với các dạng câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn; đúng/sai; nối ý với đoạn văn thích hợp, điền cụm từ hay ý thích hợp vào đoạn văn, trả lời câu hỏi, v.v...					
---	--	--	--	--	--

10.5 Rubric: Đánh giá bài thi KTHP (trắc nghiệm & tự luận)

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
+ Thời gian 60 phút,	Không làm	Làm được	Làm được	Làm được	Làm được
+ Nội dung: Bài thi gồm 3 văn bản đọc hiểu, tổng số	được các câu hỏi kiến thức cơ bản	đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó	đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%<=90%) rất	đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và khó

câu hỏi là 30 câu, với các dạng câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn; đúng/sai; nối ý với đoạn văn thích hợp, điền cụm từ hay ý thích hợp vào đoạn văn, trả lời câu hỏi, v.v...)			(50%≤80%)		(90%≤100%)
--	--	--	-----------	--	------------

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS. TS. Phan Thị
Hằng Nga

TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

ThS Dương Thị
Thu Hiền

ThS Võ Thị Ánh Nguyệt

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Võ Thị Ánh Nguyệt	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0908.694.950
Email: vta.nguyet@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Dương Thị Thu Hiền	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0908.253.387
Email: dtt.hien@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Hình thái học – Cú pháp học

Tên học phần (tiếng Anh): Morphology - Syntax

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011941
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bổ thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Ngoại ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm thứ 2 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên nghiệp

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☒			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:
Điều kiện tiên quyết: Không
Học phần học trước: Ngữ pháp nâng cao
Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần thuộc khối kiến thức ngành, cung cấp kiến thức (các khái niệm) cơ bản và chuyên sâu về hình vị, từ, (từ loại) cụm từ, mệnh đề và câu trong tiếng Anh, các quy tắc sắp xếp các thành tố hình thành từ, cụm từ và quá trình hình thành từ vựng tiếng Anh. Những nội dung chủ yếu của học phần: Phần 1: Morphology (Hình thái học) bao gồm các loại hình vị, đặc điểm của các loại hình vị cấu tạo nên từ, từ loại, và quá trình hình thành từ vựng (từ loại) trong tiếng Anh; Phần 2: Syntax (Cú pháp học) bao gồm vị trí, vai trò của môn cú pháp học trong ngôn ngữ học tiếng Anh, các loại cụm từ, mệnh đề và câu, biến đổi câu và diễn giải sự đa nghĩa của cấu trúc câu dựa trên tính tầng bậc của cấu trúc.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Sau khi học xong phần Hình thái học – Cú pháp học, người học giải thích được các

khái niệm như hình vị, quy tắc cấu tạo từ, nguồn gốc và quá trình hình thành từ vựng trong Tiếng Anh; phân loại được các loại cấu trúc hình vị, từ vựng khác nhau trong tiếng Anh, áp dụng các quy tắc kết hợp từ thành ngữ/ cụm từ, mệnh đề và câu; phân tích và diễn giải ý nghĩa các loại cấu trúc câu trong tiếng Anh bằng cách sử dụng sơ đồ hình cây; viết được các loại câu khác nhau và diễn giải được sự đa nghĩa của một cấu trúc bất kỳ dựa trên tính tăng bậc của cấu trúc, hỗ trợ tốt cho việc học các học phần thực hành tiếng (ngữ pháp, dịch, nghe, nói, đọc, viết...).

4) Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Phân tích được các khái niệm cơ bản về lý thuyết tiếng. Phân tích được các thành tố cấu tạo nên từ, từ loại, và quá trình hình thành từ vựng và các loại cụm từ, mệnh đề và câu, biến đổi câu.	Kiến thức
CLO2	Diễn giải được sự đa nghĩa của cấu trúc câu giúp xây dựng được nền tảng tiếp thu các kiến thức chuyên môn.	Kiến thức
CLO3	Có kỹ năng đánh giá, phản biện các vấn đề về hình vị học và cú pháp học trong công việc, giải quyết những khó khăn trong quá trình chuyên ngữ (biên phiên dịch) giúp diễn đạt ý kiến chính xác và chặt chẽ hơn.	Kỹ năng
CLO4	Vận dụng kiến thức về từ vựng và cú pháp tiếng Anh thành thạo vào thực tiễn hoạt động ngôn ngữ như nâng cao kỹ năng phán đoán nghĩa của từ, phản xạ ngôn ngữ nhanh nhẹn trong hoạt động biên phiên dịch.	Kỹ năng
CLO5	Có niềm tin vào bản thân, chủ động, tích cực tìm tòi và nghiên cứu sâu hơn về hình vị học và cú pháp học tiếng Anh nói riêng và các lĩnh vực cơ bản khác của ngôn ngữ nói chung để tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ	Tự chủ và trách nhiệm

	được quan điểm cá nhân về kiến thức lý thuyết tiếng.	
--	--	--

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Section 1-Morphology Chapter 1 -Introduction 1.1. An overview of Morphology 1.2. The position of Morphology in linguistics Chapter 2 – Morphemes 2.1. Definition of Morphology 2.2. Definition of morpheme 2.3. Characteristics of morphemes 2.4. Types of morphemes 2.4.1. Bound and free morphemes 2.4.2. Bases and affixes 2.5. Immediate constituents in English Morphology	4	1	10	CLO1 CLO 3	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp	[1]; [2]; [3]; [5].	Đọc chương 1, 2, 3 giáo trình chính (1)
2	Section 1 -Morphology Chương 3 -Words 3.1. Definition 3.2. Classification 3.3. Word formation processes	4	1	15	CLO1; CLO3; CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 4 giáo trình chính

						lớp.		
3	Section 2 Syntax Chapter 1- Introduction 1.1. An overview of syntax 1.2. Definition of syntax 1.3. What do syntactic rules account for? 1.4. Syntax - Descriptive or Prescriptive? Chapter 2 – Types of phrase 2.1. Definition 2.2. Classification: 2.2.1 Noun phrases	4	1	15	CLO1; CLO2; CLO3.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập chương Độc chương 2 giáo trình chính (2)
4	Section 2 Syntax Chapter 2 – Types of phrase 2.2.2 Adjective phrases 2.2.3 Adverb phrases 2.2.4 Prepositional phrase	3	2		CLO1; CLO2; CLO3.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập chương Độc chương 2 giáo trình chính (2) (mục 3-11)
5	Section 2 Syntax Chapter 2 – Types of phrase (cont.) 2.2.5 Verb phrases 2.3. Phrase-structure rules	3	2	15	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập chương Độc chương 2 giáo trình chính (2) (mục

								12-13) & chương 3 giáo trình chính (2) (mục 37)
6	Section 2 Syntax Chapter 3 – Types of clause 3.1. Definition 3.2 Classification 3.2.1 Finite clause 3.2.2 Non--finite clauses 3.2.3 Independent clauses 3.2.4 Dependent clauses 3.2.5 Subordinate clauses 3.2.6 Embedded clauses.	3	2	10	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập chương Độc chương 2 giáo trình chính (2) (mục 14-17)
7	Section 2- Syntax Chapter 4 – Types of sentence 4.1 Simple sentences 4.2 Coordinate sentences 4.3 Complex sentences 4.4 Compound-complex sentences	3	2	10	CLO2; CLO3; CLO4; CLO5.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập chương Độc chương 2 giáo trình chính (2) (mục 19)
8	Section 2 -Syntax Chapter 5 - Sentence structure 5.1. Grammatical Relations 5.2 Five Basic Sentence	3	2	10	CLO2; CLO3; CLO5.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập chương Độc chương 3 giáo trình

	Structures 5.3. Constituency 5.3.1 Linear Ordering of Constituents 5.3.2. Hierarchical Ordering of Constituents					lớp; Báo cáo chuyên đề.		chính (2) (mục 20-32)
9	Section 2 -Syntax Chapter 5 - Sentence structure 5.4. Transformation Rules 5.5 Tree diagram 5.6. Ambiguity	3	2	10	CLO2; CLO3; CLO5.	Thuyết giảng; làm bài tập; Thảo luận nhóm.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập chương Độc chương 3 giáo trình chính (2) (mục 33-36)

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm các câu hỏi theo chuyên đề	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành tại lớp	Sử dụng các tài liệu tham khảo, website về tiếng Anh chuyên ngành hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức lý thuyết để thực hiện các phân tích từ, cụm từ, mệnh đề và câu.	-Giáo trình chính -Tài liệu tham khảo -Bài tập

2	Bài tập lớn	Hướng dẫn sinh viên tìm các loại cấu trúc câu theo nhóm chủ đề, tiến hành phân tích và nộp sản phẩm.	-Giáo trình chính -Tài liệu tham khảo - Bài tập thực hành
---	-------------	--	---

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 5 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng thu thập nội dung và báo cáo giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và làm bài tập cuối mỗi chương.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

- (1) Tô Minh Thanh (2019) *Hình Thái Học Tiếng Anh - English Morphology*. 4th edition. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- (2) Tô Minh Thanh (2019) *Cú Pháp Học Tiếng Anh - English Syntax*. 3rd edition. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- Tiếng Anh

- (3) Bùi Phú Hưng. (2019). *Hình Thái Học Tiếng Anh*, 2nd edition. Nhà xuất bản Lao động
- (4) Burton-Roberts, N. (2021). *Analysing sentences: An introduction to English syntax*. Routledge.
- (5) Fromkin, V. et al. (2014) *An Introduction to Language*, 10th edition. (Australian edition). Singapore: Harcourt Brace Jovanovich Group Pty Limited
- (6) Yule, G. (2022). *The study of language*. Cambridge University Press.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sân phẩm tự học
Thảo luận nhóm, trao đổi các chuyên đề và nộp nội dung báo cáo thống nhất	Chấm nội dung báo cáo	Báo cáo nội dung chuyên đề mỗi buổi học
Làm bài tập	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp[1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, báo cáo nội dung thảo luận theo chuyên đề[2]	30%
		Trắc nghiệm, tự luận[3]	
		Bài tập tự học[4]	
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận [5]	60%
		Hoặc bài tập cá nhân [6]	

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

[illegible]

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X			
Thảo luận nhóm theo nội dung chuyên đề	X	X			X
Thực hành tại lớp			X	X	

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X		X
Thảo luận nhóm, báo cáo nội dung thảo luận nhóm theo chuyên đề	X	X	X		X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X			X
Bài tập tự học			X	X	X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X			X
Bài tập cá nhân	X	X	X	X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu	5-7 điểm

xây dựng bài.	
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0 – 3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	- Không chọn đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (<=30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
----------	--------	-----------------------

1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo đầy đủ, cập nhật 3. Phân tích ví dụ chi tiết, thuyết phục 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5 Rubric: Bài tập cá nhân cuối kỳ

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Cách thức tiếp cận 3. Nội dung bài tập phù hợp, cập nhật 4. Phân tích đầy đủ, chi tiết, thuyết phục	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS. TS. Phan Thị
Hằng Nga

TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

ThS Dương Thị
Thu Hiền

ThS Nguyễn Thị Kim
Ba

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Ba	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0867221315
Email: ntk.ba@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Chu Quang Phê	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0988.798.969
Email: cq.phe@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Ngữ âm học – Âm vị học

Tên học phần (tiếng Anh): Phonetics – Phonology

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011940
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Bài tập, thảo luận: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Ngoại Ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm thứ 2 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn Ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên nghiệp

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☒			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần học trước: Dẫn luận ngôn ngữ học

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Phonetics – Phonology là môn học cơ bản về lý thuyết phát âm, là một môn học bắt buộc nằm trong khối kiến thức ngành Ngôn ngữ Anh – chuyên ngành Tiếng Anh kinh doanh gồm Phonetics – Phonology, Syntax – Morphology, và Semantics – Pragmatics. Môn học này cung cấp cho người học những lý thuyết cơ bản về hệ thống ngữ âm, âm vị tiếng Anh, mô tả và phân loại âm, vai trò và các quy luật biến đổi của âm vị trong ngôn ngữ, trọng âm, ngữ điệu; đồng thời giúp người học nhận dạng và giải quyết các vấn đề phát âm. Những nội dung chủ yếu của học phần bao gồm: **Phần 1. Phonetics:** Unit 1. Introduction – Phonetics – Phonology, Linguistic knowledge and the role of phonetics and phonology, Unit 2. Speech sounds: What are speech sounds?, Producing speech sounds: the speech organs, airstream mechanism, vowels and consonants, oral and nasal sounds, voiced and voiceless sounds, Unit 3. Vowels and Consonants: Definition, Classification:

Tongue height, tongue part, muscle tense, lip shape, vowel length, Place of articulation, Manner of articulation and Voicing, diphthongs and triphthongs, Unit 4. Plosives: Definition, Classification, Characteristics, Fortis and lenis, Unit 5. Fricatives and Affricates: (1). Fricatives: Definition, Classification, Characteristics, (2). Affricates: Definition, Classification, Characteristics, Unit 6. Nasals and other consonants: (1). Nasals: Definition, Classification, Characteristics, Syllabic consonants, (2). Other consonants: the consonant /l/, the consonant /r/, the consonants /j/ and /w/, **Phần 2. Phonology**: Unit 7. Phonemes and symbols: Phoneme, symbols and transcriptions, Unit 8. The Syllable – strong and weak syllables: The nature of the syllable, The structure of the English syllable, Strong and weak syllables, Unit 9. Stress: The nature of stress, Levels of stress, Placement of stress within words: simple and complex words, Unit 10. Weak forms, Unit 11. Aspects of connected speech: Assimilation, Elision, Linking, Unit 12. Intonation: Form and function in intonation, Tones and tone languages, Some functions of English tones, The attitudinal function of intonation.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Sau khi học xong học phần, người học (i) vận dụng vai trò quan trọng của Ngữ âm học và Âm vị học tiếng Anh với việc phát triển kỹ năng giao tiếp bằng lời nói trong tiếng Anh, (ii) có kiến thức tổng quát về cấu trúc các cơ quan phát âm, hệ thống Ngữ âm và Âm vị học tiếng Anh, (iii) hình thành khả năng tự phát hiện và sửa lỗi phát âm những âm riêng lẻ và chuỗi âm thanh lời nói, (iv) có nền tảng lý thuyết về hệ thống Ngữ âm và các đặc điểm Âm vị học nhằm giúp người học chuẩn hóa kỹ năng phát âm tiếng Anh, (v) áp dụng được hệ thống những quy tắc biến đổi âm nhằm giúp người học cải thiện và nâng cao kỹ năng phát âm tiếng Anh, từ đó hình thành sự tự tin trong giao tiếp bằng lời nói.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Vận dụng mối liên hệ giữa các môn học trong ngôn ngữ học.	Kiến thức
CLO2	Phân tích cấu trúc các cơ quan phát âm và hệ thống âm nguyên âm, phụ âm tiếng Anh.	Kiến thức
CLO3	Phân tích được cơ chế phát âm từ đó bắt chước âm tiếng Anh chính xác	Kiến thức
CLO4	Vận dụng được quy tắc phát âm trong việc phát hiện và tự chỉnh sửa lỗi phát âm.	Kiến thức
CLO5	Phân tích được những qui tắc biến đổi âm trong chuỗi âm thanh lời nói trong cách nói tự nhiên của người bản xứ	Kiến thức
CLO6	Vận dụng được quy tắc dấu nhấn trong từ, câu và ngữ điệu của câu	Kiến thức

CLO7	Cải thiện và phát triển được khả năng nói tiếng Anh lưu loát và tự nhiên hơn	Kiến thức
CLO8	Sử dụng kỹ năng phát âm tiếng Anh chính xác hơn	Kỹ năng
CLO9	Phân tích được lỗi phát âm của bản thân và sửa lỗi phát âm đó, đồng thời sử dụng quy tắc phát âm phát hiện và chỉnh sửa lỗi phát âm của người khác	Kỹ năng
CLO10	Làm việc nhóm và quản lý thời gian hiệu quả, tư duy sáng tạo trong quá trình luyện tập và rèn luyện kỹ năng phát âm	Kỹ năng
CLO11	Học tập chủ động, tích cực học hỏi, chỉnh sửa lỗi phát âm và nghiên cứu đưa ra ý kiến nhận xét về kỹ năng phát âm.	Tự chủ và trách nhiệm
CLO12	Tự rèn luyện kỹ năng phát âm tiếng Anh từ đó hình thành sự tự tin trong giao tiếp, tu dưỡng đạo đức, phẩm chất tốt, thực hiện đúng đạo đức nghề nghiệp.	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Part 1. Phonetics Unit 1. Introduction 1.1. Phonetics – Phonology 1.2. Linguistic knowledge and the role of phonetics and phonology Unit 2. Speech	3		10	CLO1 CLO2	Thuyết giảng	[1]; [5].	Đọc Unit 1. Introduction trong giáo trình chính

	sounds 2.1. Articulators 2.2. The larynx							
2	Unit 2. (cont.) 2.3. Respiration and voicing Unit 3. Vowels and consonants 3.1. Vowels: long and short vowels 3.2. Diphthongs 3.3. Triphthongs 3.4. Consonants: manner of articulation, place of articulation and voicing	3	2	10	CLO2; CLO3; CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc Unit 2, Unit 3: giáo trình chính
3	Unit 4. Plosives 4.1. Definition 4.2. Classification 4.3. Characteristics 4.4. Fortis and lenis Unit 5. Fricatives and Affricates	3	2	10	CLO2; CLO3; CLO4; CLO11; CLO12	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập Unit 2 Đọc Units 4 – 6: giáo trình chính

	5.1. Fricatives 5.1.1. Definition 5.1.2. Classification 5.1.3. Characteristics 5.2. Affricates 5.2.1. Definition 5.2.2. Classification, characteristics							
4	Unit 6. Nasals and other consonants 6.1. Nasals 6.1.1. Definition 6.1.2. Classification 6.1.3. Characteristics 6.1.4. Syllabic consonants 6.2. Other consonants 6.2.1. The consonant /l/ 6.2.2. The consonant /r/ 6.2.3. The consonants /j/ and /w/ Part 2. Phonology Unit 7.	3	2	15	CLO2; CLO3; CLO4; CLO11; CLO12	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập Unit 3 Đọc Units 7 – 8: giáo trình chính

	Phonemes and symbols 7.1. The phoneme 7.2. Symbols and transcription							
5	Unit 8. The syllable – Strong and weak syllables 8.1. The nature of the syllable 8.2. The structure of the English syllable 8.3. Strong and weak syllables	3	2	15	CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO8; CLO11	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập Units 4 - 6 Đọc Unit 8 giáo trình chính
6	Unit 9. Stress 9.1. The nature of stress 9.2. Levels of stress 9.3. Placement of stress within the word 9.3.1. simple words 9.3.2. complex words	3	2	10	CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7; CLO11; CLO11	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập Unit 7 Đọc Unit 9 giáo trình chính
7	Unit 10. Weak forms	3	2	10	CLO2; CLO3;	Thuyết giảng; Thảo	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập Unit 8 Đọc Units

					CLO5; CLO8; CLO11; CLO12	luận nhóm;		10 - 12 giáo trình chính
8	Unit 11. Aspects of connected speech 11.1. Assimilation 11.2. Elision 11.3. Linking	3	2	10	CLO2; CLO3; CLO5; CLO11; CLO12	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập Unit 9 Đọc Units 13 - 14 giáo trình chính
9	Unit 12. Intonation 12.1. Form and function in intonation 12.2. Tone and tone languages 12.3. Some functions of English tones	4	1	10	CLO2; CLO5; CLO9; CLO10	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	
10	Unit 12 (cont.) 12.4. The attitudinal function of intonation Review	2		5	CLO5; CLO7; CLO8			

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt	Giáo trình chính

		câu hỏi, làm bài tập	
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, phản biện	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành tại lớp	Hướng dẫn người học trình bày lý thuyết, ứng dụng lý thuyết đã trình bày vào các chủ đề thảo luận và bài tập cá nhân	-Giáo trình chính -Bài tập

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 5 sinh viên, bầu nhóm trưởng.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và thuyết trình từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính để làm bài tập cuối mỗi bài và các hoạt động tự học khác theo yêu cầu của giảng viên.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

Roach, P. (2009). *English Phonetics and Phonology: A Practical course*. 4th edition. Cambridge University Press

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

(1). Celce-Murcia, M., Brinton, D., & Goodwin, J. (2013). *Teaching Pronunciation: A Course Book and Reference Guide*. 2nd edition. Cambridge University Press

(2). Lewis, J. (2014). ALAN VRITTENDEN. *Gimson's Pronunciation of English*. 8th edition. London & New York: Routledge

(3). Kang O. Thomson R. I. & Murphy, J. (2018). *The Routledge Handbook of Contemporary English Pronunciation*. 1st edition. Routledge an imprint of the Taylor & Francis Group

(4). To Minh Thanh & Phan Van Quang (2024). *English Phonetics and Phonology*. Thanh Nien Publishing House

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài thuyết trình	Chấm bài thuyết trình	Bài thuyết trình hoàn thành
Làm bài tập cá nhân	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	4%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, thuyết trình [2]	4%
		Bài tập cá nhân tại lớp, và homework [3]	10%
		Bài kiểm tra giữa kỳ [4]	22%
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận [5]	60%

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1			1							
CLO2			1							
CLO3			1							
CLO4			1							
CLO5			1							

CLO6			I							
CLO7			I							
CLO8			I							
CLO9			I							
CLO10			I							
CLO11					I					
CLO12					I					

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7
Thuyết giảng	X	X	X		X	X	X
Thảo luận nhóm		X	X	X			
Thực hành cá nhân				X		X	X
Thuyết trình		X	X		X		

Phương pháp dạy – học	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Thuyết giảng					
Thảo luận nhóm			X		
Thực hành cá nhân	X	X	X		
Thuyết trình				X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X		X		
Thảo luận nhóm, thuyết trình		X	X		X		
Bài tập cá nhân tại lớp, homework				X		X	
Bài kiểm tra giữa kỳ		X	X	X	X	X	X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X	X	X	X	X	X

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X			
Thảo luận nhóm, thuyết trình			X	X	X
Bài tập cá nhân tại lớp,	X	X		X	X

homework					
Bài kiểm tra giữa kỳ	X	X	X	X	X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X	X	X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0 – 3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	- Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và

			tương đối khó (50%≤80%)	(80%≤90%)	rất khó (90%≤100%)
--	--	--	----------------------------	-----------	-----------------------

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (<=30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Báo cáo, thuyết trình/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS. TS. Phan Thị
Hàng Nga

TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

ThS Dương Thị
Thu Hiền

ThS Nguyễn Ngọc
Tuyền

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Tuyền	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0913.617.276
Email: nn.tuyen@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Trần Duy Khiêm	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0909.063.497
Email: tdkhiem@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Ngữ nghĩa học

Tên học phần (tiếng Anh): Semantics

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011942
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Ngoại Ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm thứ 2 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên nghiệp

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☒			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần học trước: Ngữ pháp nâng cao, Hình thái học – Cú pháp học

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức các khái niệm cơ bản và chuyên sâu về word meaning (nghĩa của từ), sentence meaning (Nghĩa của câu), Utterance meaning (Nghĩa của phát ngôn) giúp người học nghiên cứu những vấn đề về lý thuyết tiếng của ngôn ngữ Anh cũng như vận dụng tiếng Anh hiệu quả hơn vào môi trường thực tế. Các nội dung chính của học phần bao gồm nghĩa sở chỉ và nghĩa quy chiếu, nghĩa từ vựng, các quan hệ từ vựng, sự biến đổi nghĩa, nghĩa câu và mệnh đề, nghĩa phát ngôn và các hành động ngôn từ.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này cung cấp kiến thức về phạm trù nghĩa của từ, câu và phát ngôn, cũng như sử dụng đúng từ trong các tình huống trong công việc dịch thuật và các hiện tượng chuyển nghĩa của từ, của câu trong ngữ cảnh giao tiếp. Sau khi học xong học phần, người học vận dụng được kiến thức về các loại nghĩa trong tiếng Anh vào hội thoại, biểu đạt ý tưởng một cách rõ ràng, nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh trong các tình huống thực tế, nâng cao kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, biên dịch và phiên dịch.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Phân tích và vận dụng khái niệm ngữ nghĩa học; các phương pháp phân tích thành tố nghĩa; ý nghĩa từ vựng; ý nghĩa ngữ pháp cũng như các kiến giải truyền thống về hiện tượng đa nghĩa, đồng nghĩa, đồng âm trong học tập và nghiên cứu ngôn ngữ.	Kiến thức
CLO2	Phân tích được các quan hệ ý, quan niệm về mệnh đề và cú pháp logic; ý nghĩa của câu, kiến thức về khả năng tư duy và đánh giá các vấn đề của ngữ nghĩa học.	Kiến thức
CLO3	Phân tích được nghĩa của các phát ngôn và vận dụng trong các tình huống giao tiếp.	Kiến thức
CLO4	Vận dụng kỹ năng phân tích ý nghĩa của từ, nghĩa của câu, và phát ngôn trong học tập và nghiên cứu.	Kỹ năng
CLO5	Có ý thức học tập nghiêm túc trên lớp, chủ động, tích cực tìm tòi và nghiên cứu sâu về ngữ nghĩa học, có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân về kiến thức lý thuyết tiếng.	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				

1	Chapter 1: Word meaning 1.1. Semantic features 1.2. Referent, reference and sense 1.3. Referring expressions 1.4. Denotation vs. connotation	4	2	11	CLO1 CLO4 CLO5	Thuyết giảng	[1]; [3]; [5].	Độc chương 1 giáo trình chính
2	1.5. Hyponymy 1.6. Multiple incompatibility 1.7. Synonymy 1.8. Antonymy	3	1.5	12	CLO1 CLO4 CLO5	Thuyết giảng	[1]; [3]; [5].	Độc chương 1 giáo trình chính
3	1.9. Homonym 1.10. Polysemy 1.11. Lexical ambiguity	4	2	12	CLO1 CLO4 CLO5	Thuyết giảng	[1]; [3]; [5].	Độc chương 1 giáo trình chính
4	1.12. Literal meaning vs. figurative meaning 1.13. Figures of speech	3	1.5	12	CLO1 CLO4 CLO5	Thuyết giảng	[1]; [3]; [5].	Độc chương 1 giáo trình chính
5	Chapter 2: SENTENCE MEANING 2.1 Utterances, sentences and propositions 2.2 Sense properties of sentences	4	2	12	CLO2 CLO4 CLO5	Thuyết giảng	[1]; [3]; [5].	Độc chương 2 giáo trình chính

	2.3 Anomaly							
6	Chapter 2: SENTENCE MEANING 2.4 Paraphrase 2.5 Entailment	3	1.5	12	CLO1 CLO4 CLO5	Thuyết giảng	[1]; [3]; [5].	Đọc chương 2 giáo trình chính
7	Chapter 3: UTTERANCE MEANING 3.1 Presuppositions	3	1.5	12	CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng	[1]; [3]; [5].	Đọc chương 3 giáo trình chính
8	Chapter 3: UTTERANCE MEANING 3.2 Conversational implicatures 3.3 Conventional implicatures	3	1.5	11	CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng	[1]; [3]; [5].	Đọc chương 3 giáo trình chính
9	Chapter 3: UTTERANCE MEANING 3.4 Perlocutions vs. illocutions 3.5 Speech acts 3.6 Performatives vs. Constatives	3	1.5	11	CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng	[1]; [3]; [5].	Đọc chương 3 giáo trình chính

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính

2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính
---	----------------	---	--------------------------------------

6.2 Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành cá nhân	Hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức lý thuyết để thực hiện các hoạt động giao tiếp liên quan đến thực tiễn.	Giáo trình chính Bài tập

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 5 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và làm bài tập cuối mỗi chương.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

- (1) Tô Minh Thanh. 2024. Ngữ nghĩa học tiếng Anh, NXB Thanh Niên.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- (1) Hurford, J. R, Heasley, B., and Smith, M. B. (2007). *Semantics: A Coursebook* (2nd ed.). Cambridge: Cambridge University Press.
- (2) Fromkin, V., Rodman, R. & Hymas, N. (2014) *An Introduction to Language* (10th ed). Wadsworth: Michael Rosenberg.
- (3) Goddard, C. (2011). *Semantic Analysis — A Practical Introduction*. Oxford and New York: Oxford University Press.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Làm bài tập	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm [2]	30%
		Trắc nghiệm, tự luận [3]	
		Bài tập tự học [4]	
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận [3]	60%

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1			R							
CLO2			R							
CLO3			R							
CLO4					R					
CLO5									I	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X	X		

Thảo luận nhóm				X	X
Thực hành tại lớp			X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm				X	X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X	X	X	
Bài tập tự học	X	X	X	X	X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X	X	X	

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0 – 3 điểm

Vắng học: > 25%	0 điểm
-----------------	--------

10.2 Đánh giá điểm bài tập trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	- Không chọn đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (<=30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp 3. Phong cách trình bày	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí

4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS. TS. Phan Thị
Hằng Nga

TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

ThS Dương Thị
Thu Hiền

ThS Phan Văn Quang

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Phan Văn Quang	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0985.974.207
Email: pv.quang@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Trần Thế Khoa	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0374.518.183
Email: tt.khoa@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Ngữ pháp nâng cao

Tên học phần (tiếng Anh): Advanced grammar

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011931
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Ngoại ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm thứ 1 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên nghiệp

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☒		Ngành ☐			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:
Điều kiện tiên quyết: Không
Học phần học trước: Không
Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Ngữ pháp là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, đóng vai trò nền tảng giúp sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh tự tin sử dụng tiếng Anh chuẩn về mặt văn phạm trong cả bốn kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết. Học phần cung cấp cho người học cái nhìn tổng quát về ngữ pháp tiếng Anh, được xây dựng dựa trên những kiến thức đã tiếp thu ở bậc phổ thông. Từ đó, sinh viên được trang bị những khái niệm nâng cao hơn về hình thức và chức năng của từ loại, cụm từ, mệnh đề và các loại câu.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu và trình bày được các khái niệm, hình thức và chức năng của các loại từ, cụm từ, mệnh đề và câu trong tiếng Anh. Đồng thời, người học có thể phân tích và nhận diện các câu tiếng Anh có cấu trúc ngữ pháp

phức tạp trong các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở các học phần kế tiếp. Từ đó, người học vận dụng thành thạo, chính xác kiến thức ngữ pháp đã tiếp thu để diễn đạt ý tưởng bằng câu từ và cấu trúc phù hợp.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Xác định và phân biệt được hình thức của các loại từ, cụm từ, mệnh đề và câu trong tiếng Anh	Kiến thức
CLO2	Xác định và phân biệt được chức năng của các loại từ, cụm từ, và mệnh đề trong tiếng Anh	Kiến thức
CLO3	Viết lại câu bằng cách sử dụng các cấu trúc ngữ pháp đã học mà vẫn giữ nguyên nghĩa ban đầu	Kỹ năng
CLO4	Tạo lập được câu đúng ngữ pháp với các mức độ khác nhau (simple, compound, complex, compound-complex)	Kỹ năng
CLO5	Làm việc độc lập/làm việc theo nhóm, chủ động giải quyết công việc, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
Chương 1	Chương 1: Basic elements of a sentence & Word types 1.1 Basic elements of a sentence 1.2 Word	6	1	10	CLO1; CLO2; CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp	[1]; [2]; [3]; [4]	Đọc các trang 10 - 65 giáo trình chính (2), các trang 75 -

	types							76, 82, 175, 198, 233, 251, 260, 286 giáo trình chính (1)
Chương 2	Chương 2: Phrases 2.1 Noun Phrase 2.2 Adjective Phrase 2.3 Adverb Phrase 2.4 Prepositional Phrase 2.5 Verb Phrase	8	2	25	CLO1; CLO2; CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Làm bài tập chương 1 Đọc các trang 66 - 120 giáo trình chính (2)
Chương 3	Chương 3: Clauses 3.1 Co-ordinate Clauses 3.2 Main Clauses and Subordinate Clauses 3.2.1 Main Clauses 3.2.2 Subordinate Clauses	12	6	45	CLO1; CLO2; CLO3; CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Làm bài tập chương 2 Đọc các trang 122 - 170 giáo trình chính (2) Đọc

	3.2.2.1 Noun Clauses 3.2.2.2 Relative Clauses 3.2.2.3 Adverbial Clauses 3.2.2.4 Non- finite Clauses 3.2.2.5 Verbless Clauses 3.3 Ellipsis							các trang 317 - 356 giáo trình chính (1)
Chương 4	Chương 4: Sentences 4.1 Overview of sentences 4.2 Types of sentences 4.2.1 Simple, compound, complex, & compound- complex sentences 4.2.2 Positive & negative sentences 4.2.3 Interrogative sentences & Question tags 4.2.4 Active & passive sentences	4	6	25	CLO1; CLO3; CLO4; CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Làm bài tập chương 3 Đọc các trang 172 - 195 giáo trình chính (2) Đọc các trang 6 - 24 giáo trình chính (1)

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành tại lớp	Hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức lý thuyết đã học về loại từ, cụm từ, mệnh đề và câu để viết các loại câu khác nhau theo yêu cầu của giảng viên đứng lớp	-Giáo trình chính -Bài tập giảng viên giao

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bất buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 5 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề thảo luận từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, và đánh giá chất lượng của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và làm bài tập cuối mỗi chương.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

- (1) Eastwood, J. (1994). *Oxford guide to English grammar*. Oxford University Press.
- (2) Davidson, G. (2003). *Phrases, clauses, sentences*. Learners Publishing Pte Ltd.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- (1) Murphy, R. (2019). *English grammar in use - Intermediate: A self-study reference and practice book for intermediate learners of English* (5th ed.). Cambridge University Press.

(2) Mann, M., & Taylore-Knowles, S. (2008). *Destination C1 & C2 grammar & Vocabulary with answer key*. Macmillan Publishers Limited.

(3) Oshima A., Hogue A., Ravitch L. (2017). *Writing academic English - Longman academic writing series - Level 4: Paragraph to essays* (5th ed.). Pearson Education.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài thảo luận	Chăm bài báo cáo	Bài báo cáo hoàn thành
Làm bài tập	Chăm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, trình bày báo cáo [2]	30%
		Tự luận [3]	
		Bài tập tự học [4]	
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc Part 1: Identify the form of the expressions in each sentence. (2.5 điểm) Part 2: Identify the function of the expressions in each sentence. (2.5 điểm) Part 3: Rewrite the	Tự luận cá nhân cuối kỳ [5]	60%

	sentences using the words given without changing their original meanings. (2 điểm) Part 4: Answer the questions by writing either ONE compound sentence, ONE complex sentence, or ONE compound-complex sentence. Make sure to vary your answers with ALL the THREE types of sentences. (3 điểm)		
--	--	--	--

9) Ma trận

9.1 Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1			1							
CLO2			1							
CLO3						1				
CLO4						1				
CLO5									1	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X			
Thảo luận nhóm	X	X			X

Thực hành tại lớp			X	X	X
-------------------	--	--	---	---	---

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm, trình bày báo cáo	X	X			X
Tự luận	X	X			X
Bài tập tự học			X	X	X
Tự luận cá nhân cuối kỳ	X	X	X	X	X

10) CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài ≥ 12 lần	10 điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài từ 8 đến 11 lần	9 điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài từ 4 đến 7 lần	8 điểm

Không vắng, có phát biểu xây dựng bài từ ≤ 3 lần	7 điểm
Không vắng, không phát biểu xây dựng bài	6 điểm

* **Ghi chú:** Vắng 1 buổi học bị trừ 0.5 điểm vào cột chuyên cần

10.2 Rubric: Thảo luận nhóm, trình bày báo cáo

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự luận trong quá trình học

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50% $\leq$ 80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80% $\leq$ 90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90% $\leq$ 100%)

10.4 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90% $\leq$ 100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80% $\leq$ 90%)	7-9 điểm

Làm bài tập chưa đầy đủ ($50\% \leq 80\%$)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ ($30\% \leq 50\%$)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ ($\leq 30\%$)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.5 Rubric: Đánh giá bài tự luận cá nhân cuối kỳ

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó ($50\% \leq 80\%$)	Làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó ($80\% \leq 90\%$)	Làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó ($90\% \leq 100\%$)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS. TS. Phan Thị
Hàng Nga

TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

ThS Dương Thị
Thu Hiền

ThS Phan Thị Hiền

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Phan Thị Hiền	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0906.868.820
Email: pt.hien@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Nguyễn Thị Nguyễn	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0932.813.146
Email: nt.nguyen@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Văn hóa Anh - Mỹ

Tên học phần (tiếng Anh): British - American Cultures

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011943
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Ngoại ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm 3 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn Ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên nghiệp

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☒			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:
Điều kiện tiên quyết: Không
Học phần học trước: Cơ sở văn hóa Việt Nam
Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần Văn hóa Anh - Mỹ thuộc khối kiến thức ngành, là học phần bắt buộc dành cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh, bao gồm 2 phần: Văn hoá Anh (British Culture) và Văn hoá Mỹ (American Culture). Nội dung chủ yếu của học phần bao gồm các kiến thức văn hóa xã hội được trau dồi và phân tích qua các bài học gồm đất nước, con người, lịch sử, địa lý, nguồn gốc dân tộc, nét văn hóa đặc trưng vùng miền, hệ thống chính trị, tôn giáo, kinh tế, hệ thống giáo dục, lễ hội, thể thao, giải trí và nghệ thuật của cả hai nước Anh và Mỹ.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Sau khi học xong học phần, người học có các kiến thức cơ bản về đời sống văn hóa, xã hội của con người và đất nước đang sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh, có kỹ năng trình bày kiến

thức và cập nhật thông tin bổ sung cho kiến thức nền từ giáo trình chính thông qua các bài thuyết trình và làm việc nhóm. Từ đó, người học hình thành các kỹ năng giao tiếp phù hợp và điều chỉnh thái độ hành vi giao tiếp ứng xử đúng đắn và linh hoạt để thích nghi trong môi trường làm việc đa văn hóa. Bên cạnh đó, học phần giúp người học nhận thức được mối quan hệ biện chứng giữa ngôn ngữ và văn hóa.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Trình bày được các kiến thức cơ bản về lịch sử, địa lý, kinh tế, chính trị, xã hội, phong tục, tập quán của đất nước Anh và Mỹ.	Kiến thức
CLO2	Nhận biết về văn minh, văn hóa và xã hội giúp hình thành kỹ năng giao tiếp trong môi trường đa văn hóa.	Kiến thức
CLO3	Phát triển kỹ năng giao tiếp và ứng xử tiếng Anh với nội dung phù hợp qua các bài học.	Kỹ năng
CLO4	Áp dụng kiến thức về các giá trị, phong tục và bối cảnh lịch sử của văn hóa Anh - Mỹ để giải quyết các tình huống giao tiếp hoặc hiểu lầm có thể xảy ra do khác biệt văn hóa.	Kỹ năng
CLO5	Phát triển ý thức tổ chức kỷ luật, hợp tác và tinh thần tập thể thông qua quá trình hoạt động nhóm và giải quyết vấn đề trong học tập.	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	PART1: BRITISH	3	2	10	CLO1	Thuyết	[1]; [2];	Trả lời

	CULTURE CHAPTER 1. THE BRITISH CONTEXT <i>1. Historical growth</i> <i>2. Structural change</i> <i>3. Contemporary conditions</i> <i>4. British attitudes to Britain</i> CHAPTER 2. THE COUNTRY <i>1. Geographical identities</i> <i>2. Physical features & climate</i> <i>3. Attitudes to the environment</i>				CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[3]; [6]	câu hỏi cuối mỗi chương và đọc thêm tài liệu tham khảo
2	CHAPTER 3. THE PEOPLE <i>1. Early settlement to AD 1066</i> <i>2. Growth and immigration to the twentieth century</i> <i>3. Immigration from 1900</i> <i>4. Ethnic groups in the UK</i> <i>5. Population movements from 1900</i> <i>6. Attitudes to national, ethnic, and</i>	3	1.5	13	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]; [6]	Trả lời câu hỏi cuối mỗi chương và đọc thêm tài liệu tham khảo

	<i>local identities</i>							
3	CHAPTER 4. RELIGION <i>1. Religious history</i> <i>2. The Christian tradition</i> <i>3. The non-Christian tradition</i> <i>4. Cooperation among the faiths</i> <i>5. Religion in schools</i> <i>6. Religious identification</i> <i>7. Attitudes to religion and morality</i>	3	1.5	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]; [6]	Trả lời câu hỏi cuối mỗi chương và đọc thêm tài liệu tham khảo
4	CHAPTER 5. POLITICS AND GOVERNMENT <i>1. Political history</i> <i>2. Local government and devolution</i> <i>3. The contemporary British political framework</i> <i>4. Constitution and monarchy</i> <i>5. UK Parliament: role, legislation, and elections</i> <i>6. The UK party political system</i> <i>7. The UK government</i> <i>8. UK parliamentary</i>	3	1.5	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [4]; [6]	Trả lời câu hỏi cuối mỗi chương và đọc thêm tài liệu tham khảo

	<i>control of government</i>							
5	CHAPTER 6. EDUCATION <i>1. The contemporary state school sector</i> <i>2. The contemporary independent (fee-paying) school sector</i> <i>3. School organization and examinations</i> <i>4. Higher education</i> <i>5. Further, adult, and lifelong education</i> <i>6. Attitudes to education</i> CHAPTER 7. LEISURE, SPORT AND THE ARTS <i>1. Leisure activities</i> <i>2. Sport</i> <i>3. The arts</i>	3	1.5	12	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [4]; [6]	Trả lời câu hỏi cuối mỗi chương và đọc thêm tài liệu tham khảo
6	PART2: AMERICAN CULTURE CHAPTER 1. THE AMERICAN CONTEXT <i>1. National identity</i> <i>2. Social and institutional change</i> <i>3. American attitudes</i>	3	1.5	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [4]; [6]	Trả lời câu hỏi cuối mỗi chương và đọc thêm tài liệu tham khảo

	<i>to US society</i> CHAPTER 2. THE COUNTRY <i>1. Climate</i> <i>2. The regions: cultural geography</i> <i>3. Native American cultural regions</i> <i>4. Cultural regions in the contemporary US</i> <i>5. Changing public attitudes: where do we go from here?</i>							
7	CHAPTER 3. THE PEOPLE: SETTLEMENT AND IMMIGRATION <i>1. Early encounters between Europeans and Native Americans</i> <i>2. The founders</i> <i>3. The first wave: colonial immigration, 1680–1776</i> <i>4. The second wave: the “old” immigrants, 1820–90</i> <i>5. Settlement patterns and nativism</i> <i>6. The third wave: the “new” immigrants, 1890–1930</i>	3	1.5	15	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [5]; [6]	Trả lời câu hỏi cuối mỗi chương và đọc thêm tài liệu tham khảo

	7. A renewed immigration debate and immigration restriction 8. Wartime policies and the search for principle in immigration policy 9. The fourth wave: 1965 to the present 10. Attitudes to immigrants: the contemporary debate CHAPTER 4. THE PEOPLE: WOMEN AND MINORITIES 1. The reason for American women's and minority history 2. Women in the US 3. Native Americans 4. Asian Americans							
8	CHAPTER 5. THE ECONOMY 1. Economic history 2. American economic liberalism: theory and practice 3. Social class and economic inequality 4. The contemporary economy 5. Industry, manufacturing, and energy	3	1.5	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [5]; [6]	Trả lời câu hỏi cuối mỗi chương và đọc thêm tài liệu tham khảo

	6. Service industries 7. Agriculture, forestry, and fisheries 8. Financial and industrial institutions 9. Attitudes to the economic system							
9	CHAPTER 6. EDUCATION 1. Elementary and secondary schools 2. Private elementary and secondary schools 3. Higher education 4. Recent problems and policy debates	3	1.5	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [5]; [6]	Trả lời câu hỏi cuối mỗi chương và đọc thêm tài liệu tham khảo
10	CHAPTER 7. ARTS, SPORTS AND LEISURE CULTURES 1. The arts 2. Sports 3. Leisure REVIEW AND TEST	3	1	5			[1]; [2]; [5]; [6]	Trả lời câu hỏi cuối mỗi chương và đọc thêm tài liệu tham khảo

6) Phương pháp dạy – học

6.1 Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính

2	Thảo luận nhóm	Phân nhóm trao đổi, thảo luận và trình bày kết quả thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính
---	----------------	--	--------------------------------------

6.2 Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành cá nhân	Hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức lý thuyết để thực hành phân tích tình huống	Giáo trình chính
2	Báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Chuyên đề viết báo cáo Giáo trình chính

6.3 Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Nghiên cứu giáo trình chính để làm bài tập cuối mỗi bài và các hoạt động tự học khác theo yêu cầu của giảng viên.
- Hoàn thành các bài đọc thêm trong tài liệu tham khảo theo thời gian giảng viên yêu cầu.
- Hoàn thành các sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

- (1) Oakland, J. (2020). *British Civilization - An Introduction (9th edition)*. Routledge
- (2) Mauk, D., Tonnessen, A.T., Oakland, J. (2022). *American Civilization - An Introduction (8th edition)*. Routledge

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- (1) O'Driscoll, J. (2010). *Britain For Learners Of English (2nd edition)*. Oxford University Press.
- (2) Elaine K., 2008. *About The USA*. The Office of English Language Programs, the US Department of State.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1 Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2 Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
-----------	--------------------	-----------------

Làm bài tập	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành
-------------	-------------------	--------------------

8.3 Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung	Phương pháp đánh giá		Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1] - Mức độ chuyên cần - Thái độ tích cực phát biểu	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề [2]: - Đánh giá kỹ năng sử dụng ngôn ngữ để trình bày các kiến thức - Đánh giá kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình về các chủ đề trong văn hoá Anh-Mỹ. - Đánh giá kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và tổng hợp các kiến thức về văn hóa Anh-Mỹ.	10%
		Trắc nghiệm, tự luận [3]: - Đánh giá mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến thức của sinh viên. - Đánh giá các kỹ năng vận dụng ngôn ngữ, khả năng tư duy hệ thống và lập luận chặt chẽ. - Đánh giá mức độ tự chịu trách nhiệm của sinh viên, khả năng hoàn thành bài kiểm tra theo yêu cầu của giảng viên.	10%
		Bài tập tự học [4]: - Đánh giá chuẩn bị bài trước, làm bài tập theo yêu cầu	10%

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm	X	X		X	
Thực hành cá nhân	X	X	X	X	X
Làm bài tập	X	X	X	X	X

9.3 Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp		x		X	X
Thảo luận nhóm, thuyết trình	X	X		X	
Bài kiểm tra thực hành kỹ năng Đọc	X	X		X	
Trắc nghiệm, tự luận	X	X	X		X

10) Các rubric/thang điểm đánh giá

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng	7-9 điểm

bài.	
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0-3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5<10)
Nội dung trắc nghiệm	- Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%<=80%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%<=90%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%<=100%)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%<=80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%<=90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%<=100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%<=100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%<=90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%<=80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%<=50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (<=30%)	0-3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm

10.4 Rubric: Báo cáo, thuyết trình/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS. TS. Phan Thị
Hằng Nga

TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

ThS Dương Thị
Thu Hiền

ThS. Võ Thị Ánh
Nguyệt

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Võ Thị Ánh Nguyệt	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0908.694.950
Email: vta.nguyet@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Nguyễn Hoàng Hải	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0339.565.099
Email: nhhai@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Viết 1

Tên học phần (tiếng Anh): Writing 1

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011937
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Ngoại ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm thứ 1 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên nghiệp

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☒		Ngành ☐			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:
Điều kiện tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Ngữ pháp nâng cao
- Học phần song hành: Không

2) Mô tả văn tắt nội dung học phần

Viết 1 là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành được thiết kế dành cho sinh viên năm 1 ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về khái niệm, cấu trúc và các thuộc tính của đoạn văn tiếng Anh học thuật; quy trình xây dựng đoạn và lựa chọn ngôn ngữ chuẩn xác cho mỗi thể loại đoạn văn. Ngoài ra, học phần này còn đưa ra các kỹ thuật viết phù hợp với yêu cầu của đoạn văn tiếng Anh học thuật, làm nền tảng giúp người học viết luận học thuật hiệu quả.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể hiểu và áp dụng các quy tắc về viết đoạn văn theo phong cách học thuật đã học vào quy trình viết, bao gồm việc lập dàn ý và tổ chức đoạn nhằm phát triển nội dung và đảm bảo tính mạch lạc, dễ hiểu khi viết.

Ngoài ra, người học có thể phân biệt và viết được các thể loại đoạn văn khác nhau, đồng thời rèn luyện được tư duy phân biện, kỹ năng tự đánh giá và chỉnh sửa bài viết.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Phân biệt được các khái niệm có liên quan đến đoạn văn như Paragraph, Topic sentence, Supporting sentence, Concluding sentence, Unity, Coherence	Kiến thức
CLO2	Phân biệt được các thể loại đoạn văn khác nhau như đoạn văn miêu tả (Descriptive Paragraph), đoạn văn tường thuật / kể chuyện (Narrative Paragraph), đoạn văn trình bày quan điểm cá nhân / nghị luận (Opinion Paragraph)	Kiến thức
CLO3	Viết được các câu chủ đề (Topic sentence), câu phát triển ý (Supporting sentence), và câu kết đoạn (Concluding sentence)	Kỹ năng
CLO4	Viết được đoạn văn hoàn chỉnh ở các thể loại khác nhau	Kỹ năng
CLO5	Làm việc độc lập/làm việc theo nhóm, chủ động giải quyết công việc, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Chương 1: An introduction to writing 1.1.	5	2.5	12	CLO1	Thuyết giảng	[1]; [3]; [5].	Đọc chương 1 giáo trình chính

	Academic writing 1.2. Writing a paragraph 1.3. Point and support 1.4. Writing as a skill 1.5. Writing as a process of discovery							
2	Chương 2: The paragraph 2.1. What is a paragraph? 2.2. Paragraph structure 2.3. Unity and coherence in a paragraph 2.4. Language focus 2.5. Review	5	2.5	18	CLO1 CLO3	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 2 giáo trình chính
3	Chương 3: Constructing a paragraph 3.1. The writing process	5	2.5	18	CLO1 CLO3	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập chương 2 Đọc chương 3 giáo trình

	3.2. Formatting a paragraph 3.3. Basic principles of effective writing							chính
4	Chương 4: Descriptive paragraph 4.1. Definition 4.2. Organization 4.3. Language focus	5	2.5	19	CLO2; CLO3; CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập chương 3 Đọc chương 4 giáo trình chính
5	Chương 7: Narrative paragraph 7.1. Definition 7.2. Organization 7.3. Language focus 7.4. Review	5	2.5	19	CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập chương 4 Đọc chương 7 giáo trình chính
6	Chương 8: Opinion paragraph 8.1.	5	2.5	19	CLO2; CLO3; CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập chương 7 Đọc

	Definition					hành tại lớp		chương 8 giáo trình chính
	8.2. Organization							
	8.3. Language focus							
	8.4. Review							

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành tại lớp	Hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức lý thuyết đã học để viết được các loại câu Topic sentence, Supporting sentence, Concluding sentence cũng như một đoạn văn hoàn chỉnh.	-Giáo trình chính -Bài tập

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 5 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận đề bài từ giảng viên đứng lớp (đề bài yêu cầu viết đoạn văn theo các bước, sau đó các nhóm đổi bài cho nhau để nhận xét và chấm điểm theo tiêu chí giảng viên cung cấp).
- Nhóm trưởng chủ trì quá trình thảo luận, thư ký ghi nhận các ý kiến của các thành viên trong nhóm; nhóm trưởng tổng hợp bài làm của nhóm đồng thời ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên.

- Hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên.
- Nghiên cứu giáo trình chính và viết câu hoặc đoạn văn theo yêu cầu của giảng viên.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

Nguyễn Ngọc Trân Châu (2022) Paragraph writing: course book. NXB Tài Chính.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

1. Keith S. Folse, April Muchmore-Vokoun, Elena Solomon Vestri (2019) Great Paragraphs (Great Writing, Fifth Edition). US: National Geographic/(ELT)
2. Oshima A., Hogue A. (2017) Writing Academic English - Longman Academic Writing Series, Level 4. Fourth Edition. US: Pearson Education.
3. Raymond Murphy (2019) English Grammar in Use: A self-study reference and practice book for intermediate learners of English, Fifth Edition. US: Cambridge University Press.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Viết bài theo nhóm và nhận xét bài của nhóm khác	Chấm bài viết và bài nhận xét của các nhóm	Bài viết và bài nhận xét hoàn thành
Viết bài cá nhân	Chấm điểm bài viết	Bài viết hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, nộp bài viết và nhận xét [2]	30%
		Tự luận [3]	
		Bài tập tự học, bài viết cá nhân [4]	

Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Tự luận cá nhân cuối kỳ [5]	60%
--------------------------	---------------------	------------------------------------	------------

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1			I							
CLO2			I							
CLO3						I				
CLO4						I				
CLO5									I	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X			
Thảo luận nhóm	X	X			X
Thực hành tại lớp			X	X	

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Phương pháp đánh giá					

Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm, nộp bài viết và nhận xét	X	X			X
Tự luận	X	X			X
Bài tập tự học, bài viết cá nhân			X	X	X
Tự luận cá nhân cuối kỳ	X	X	X	X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài ≥ 10 lần	10 điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài từ 7 đến 9 lần	9 điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài từ 3 đến 6 lần	8 điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài từ ≤ 2 lần	7 điểm
Không vắng, không phát biểu xây dựng bài	6 điểm

* Ghi chú: Vắng 1 buổi học bị trừ 0.5 điểm vào cột chuyên cần

10.2 Rubric: Thảo luận nhóm, trình bày bài viết và bài nhận xét

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Viết bài đúng chủ đề 2. Viết bài đúng cấu trúc đoạn văn 3. Nhận xét được cấu trúc đoạn	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí

4. Nhận xét được các tiêu chí về Unity, Coherence, grammar and vocabulary	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự luận trong quá trình học

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Viết câu (1 topic sentence, 2 supporting sentences, 1 concluding sentence)	Viết đúng / hợp lý ít hơn 2 câu, hơn 5 lỗi sai ngữ pháp, từ vựng	Viết đúng / hợp lý 2 câu, hơn 5 lỗi sai ngữ pháp, từ vựng	Viết đúng / hợp lý 3 câu, không quá 5 lỗi sai ngữ pháp, từ vựng	Viết đúng / hợp lý 3 câu, không quá 3 lỗi sai ngữ pháp, từ vựng	Viết đúng / hợp lý tất cả 4 câu, không có lỗi sai ngữ pháp, từ vựng đáng kể
Viết đoạn văn hoàn chỉnh	Sơ sai, không đầy đủ các bộ phận (topic sentence, supporting sentences, concluding sentence), hơn 10 lỗi ngữ pháp và chính tả, có hơn 2 ý không liên quan chủ đề, không mạch lạc, khó hiểu.	Bố cục (topic sentence, supporting sentences, concluding sentence) đầy đủ nhưng còn sai sót, 7 - 10 lỗi ngữ pháp và chính tả, có 2 ý không liên quan chủ đề, không mạch lạc, khó hiểu.	Bố cục (topic sentence, supporting sentences, concluding sentence) đầy đủ nhưng còn sai sót, 5 - 6 lỗi ngữ pháp và chính tả, có 2 ý không liên quan chủ đề, chưa mạch lạc, có 1 vài ý khó hiểu.	Bố cục (topic sentence, supporting sentences, concluding sentence) đầy đủ và không có sai sót, 3 - 4 lỗi ngữ pháp và chính tả, có 1 ý không liên quan chủ đề, khá mạch lạc và dễ hiểu.	Bố cục (topic sentence, supporting sentences, concluding sentence) đầy đủ, chính xác, hợp lý, ít hơn 3 lỗi ngữ pháp và chính tả, tất cả các ý đều phù hợp với chủ đề, rất mạch lạc và dễ hiểu.

10.4 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (<=30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.5 Rubric: Đánh giá bài tự luận cá nhân cuối kỳ

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Viết câu (1 topic sentence, 2 supporting sentences, 1 concluding sentence)	Viết đúng / hợp lý ít hơn 2 câu, hơn 5 lỗi sai ngữ pháp, từ vựng	Viết đúng / hợp lý 2 câu, hơn 5 lỗi sai ngữ pháp, từ vựng	Viết đúng / hợp lý 3 câu, không quá 5 lỗi sai ngữ pháp, từ vựng	Viết đúng / hợp lý 3 câu, không quá 3 lỗi sai ngữ pháp, từ vựng	Viết đúng / hợp lý tất cả 4 câu, không có lỗi sai ngữ pháp, từ vựng đáng kể
Viết đoạn văn hoàn chỉnh	Sơ sài, không đầy đủ các bộ cục (topic sentence, supporting sentences, concluding sentence), hơn 10 lỗi ngữ pháp và chính tả, có hơn 2 ý không liên quan chủ đề, không mạch	Bố cục (topic sentence, supporting sentences, concluding sentence) đầy đủ nhưng còn sai sót, 7 - 10 lỗi ngữ pháp và chính tả, có 2 ý không liên quan chủ đề, không mạch	Bố cục (topic sentence, supporting sentences, concluding sentence) đầy đủ nhưng còn sai sót, 5 – 6 lỗi ngữ pháp và chính tả, có 2 ý không liên quan chủ đề, chưa mạch lạc, có 1 vài ý	Bố cục (topic sentence, supporting sentences, concluding sentence) đầy đủ và không có sai sót, 3 - 4 lỗi ngữ pháp và chính tả, có 1 ý không liên quan chủ đề, khá mạch lạc	Bố cục (topic sentence, supporting sentences, concluding sentence) đầy đủ, chính xác, hợp lý, ít hơn 3 lỗi ngữ pháp và chính tả, tất cả các ý đều phù hợp với chủ đề, rất mạch

	lạc, khó hiểu.	lạc, khó hiểu.	khó hiểu.	và dễ hiểu.	lạc và dễ hiểu.
--	----------------	----------------	-----------	-------------	-----------------

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

**TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT**

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

**PGS. TS. Phan Thị
Hằng Nga**

**TS Nguyễn Thị
Châu Ngân**

**ThS Dương Thị
Thu Hiền**

ThS Phan Thị Hiền

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Phan Thị Hiền	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0906.868.820
Email: pt.hien@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Võ Thị Anh Đào	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0933.990.488
Email: vta.dao@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Viết 2

Tên học phần (tiếng Anh): Writing 2

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011938
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Ngoại ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm thứ 2 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên nghiệp

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☒		Ngành ☐			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:
Điều kiện tiên quyết: Không
Học phần học trước: Viết 1
Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp kiến thức và phương pháp xây dựng các thể loại bài luận tiếng Anh sử dụng trong môi trường học thuật và phát triển kỹ năng giao tiếp viết, phân xạ ngôn ngữ và tư duy phản biện qua ngôn ngữ học được cho người học. Những nội dung chủ yếu của học phần bao gồm: Từ đoạn văn phát triển thành bài luận; Bài luận đưa ra nguyên nhân và kết quả; Bài luận so sánh; Bài luận tranh luận; Bài luận giải thích vấn đề và đưa ra cách giải quyết; Bài luận phản hồi.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Sau khi học xong học phần, người học hiểu được cấu trúc và cách xây dựng bài luận tiếng Anh sử dụng trong môi trường học thuật, phân tích được 1 bài luận tốt cần có những yếu tố nào. Từ đó, người học hình thành kỹ năng viết một cách chặt chẽ và mạch

lạc các bài luận mang tính học thuật bằng tiếng Anh về thể loại nguyên nhân và kết quả, thể loại so sánh, thể loại tranh luận, thể loại giải thích vấn đề và đưa ra cách giải quyết và thể loại phản hồi. Học phần giúp người học có ý thức chủ động thảo luận, đóng góp ý kiến liên quan đến việc nhận xét bài luận và chịu trách nhiệm với sản phẩm của mình (bài luận) – không đạo văn, trích rõ nguồn khi sử dụng ý tưởng của người khác.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Ghi nhớ được cấu trúc và cách xây dựng bài luận tiếng Anh sử dụng trong môi trường học thuật	Kiến thức
CLO2	Phân tích được 1 bài luận tốt cần có những yếu tố nào	Kiến thức
CLO3	Liệt kê và sắp xếp các ý tưởng hợp lý, phát triển ý tưởng và tạo lập dàn bài	Kỹ năng
CLO4	Viết một cách chặt chẽ và mạch lạc các bài luận mang tính học thuật bằng tiếng Anh thuộc thể loại đưa ra nguyên nhân và kết quả, thể loại so sánh, thể loại tranh luận, thể loại giải thích vấn đề và đưa ra cách giải quyết và thể loại phản hồi	Kỹ năng
CLO5	Có ý thức chủ động thảo luận, đóng góp ý kiến liên quan đến việc nhận xét bài luận và chịu trách nhiệm với sản phẩm của mình	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Unit 1: Exploring the Essay 1.1. What is an Essay?	5	1	18	CLO1; CLO2;	Thuyết giảng	[1]; [3]; [5].	Đọc bài 1 giáo trình chính

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	1.2. Writing the Introduction 1.3. Writing the Body: Outlining 1.4. Writing the Conclusion							
2	Unit 2: Cause-Effect Essays 2.1. What is a Cause-Effect Essays? 2.2. Developing a Cause-Effect Essay 2.3. Grammar: Connectors for Cause-Effect Essays Noun Clauses 2.4. Wordiness & Redundancy	5	3	18	CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập Đọc bài 2 giáo trình chính
3	Unit 3: Comparison Essays 3.1. What is a Comparison Essay? 3.2. Developing a Comparison Essay: Supporting Information 3.3. Grammar:	5	3	18	CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập Đọc bài 3 giáo trình chính

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	Connectors for Comparison Essays Adjective Clauses							
4	Unit 4: Argument Essays 4.1. What is an Argument Essay? 4.2. Developing an Argument Essay 4.3. Grammar: Controlling Tone with Modals Using the If Clause 4.4. Counterargument and Refutation 4.5. Avoiding Faulty Logic Midterm Test	5	2	15	CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập Đọc bài 4 giáo trình chính
5	Unit 5: Problem-Solution Essays 5.1. What is a Problem-Solution Essay? 5.2. Developing a Problem-Solution Essay 5.3. Grammar:	5	3	18	CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập Đọc bài 5 giáo trình chính

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	Adverb Clauses							
6	Unit 6: Reaction Essays 6.1. What is a Reaction Essay? 6.2. Developing a Reaction Essay	5	3	18	CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập Đọc bài 6 giáo trình chính

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành tại lớp	Hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức lý thuyết để thực hiện viết các thể loại bài luận học thuật	- Giáo trình chính - Bài tập

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 5 sinh viên, bầu nhóm trưởng.
- Nhóm trưởng nhận bài viết để đánh giá từ giảng viên đứng lớp.

- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính để làm bài tập cuối mỗi bài và các hoạt động tự học khác theo yêu cầu của giảng viên.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

- (1) Folse K.S., Muchmore-Vokoun A. & Vestri E. (2020). *Great writing 4* (5th ed.). Cengage ELT.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- (1) Savage, A. & Mayer, P. (2012). *Effective Academic Writing 2: The Short Essay* (2nd ed.). Oxford University Press.
- (2) Oshima, A. & Houge, A. (2017). *Longman Academic Writing Series: Essays* (5th ed.). Pearson Education.
- (3) Zemach, D. & Ghulldu, L. (2020). *Writing essays: From Paragraph to Essay*. Macmillan Education.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Nhận xét bài luận của SV khác	Chấm bài nhận xét	Bài nhận xét
Làm bài tập	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	5%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, nhận xét bài viết của SV khác [2]	10%
		Bài tập tự học [3]	10%
		Tự luận [4]	15%

Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Tự luận [5]	60%
--------------------------	--------------	-------------	-----

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1			R							
CLO2			R							
CLO3						R				
CLO4						R				
CLO5									R	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X			
Thảo luận nhóm		X			X
Thực hành tại lớp			X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X			X
Thảo luận nhóm	X	X			X

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tự luận	X		X	X	
Bài tập tự học	X		X	X	
Tự luận	X		X	X	

10) CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1. Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0 – 3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2. Đánh giá điểm bài tập tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Lập dàn ý	Không lập được dàn ý với bố cục 3 phần (introduction, body, conclusion), các ý tưởng còn rời rạc, không liên	Dàn ý sơ sài, không đầy đủ các bố cục (introduction, body, conclusion), có hơn 3 ý không liên quan chủ đề, không mạch	Dàn ý có bố cục (introduction, body, conclusion) đầy đủ nhưng còn sai sót, có 2 ý không liên quan chủ đề, chưa mạch	Dàn ý có bố cục (introduction, body, conclusion) đầy đủ và không có sai sót, có 1 ý không liên quan chủ đề,	Dàn ý có bố cục (introduction, body, conclusion) đầy đủ, chính xác, hợp lý, tất cả các ý đều phù hợp với chủ đề, rất mạch lạc và dễ hiểu.

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
	quan chủ đề.	lạc, khó hiểu.	lạc, có 1 vài ý khó hiểu.	khá mạch lạc và dễ hiểu.	
Viết bài luận hoàn chỉnh	- Không đáp ứng được yêu cầu nào của đề bài. - Trình bày được rất ít ý và phần lớn những ý này không phù hợp hoặc lặp lại.	Sơ sài, không đầy đủ các bộ phận (introduction, body, conclusion), hơn 10 lỗi ngữ pháp và chính tả, có hơn 3 ý không liên quan chủ đề, không mạch lạc, khó hiểu.	Bố cục (introduction, body, conclusion) đầy đủ nhưng còn sai sót, 7-10 lỗi ngữ pháp và chính tả, có 2 ý không liên quan chủ đề, chưa mạch lạc, có 1 vài ý khó hiểu.	Bố cục (introduction, body, conclusion) đầy đủ và không có sai sót, 3-6 lỗi ngữ pháp và chính tả, có 1 ý không liên quan chủ đề, khá mạch lạc và dễ hiểu.	Bố cục (introduction, body, conclusion) đầy đủ, chính xác, hợp lý, ít hơn 3 lỗi ngữ pháp và chính tả, tất cả các ý đều phù hợp với chủ đề, rất mạch lạc và dễ hiểu.

10.3. Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (≤30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4. Rubric: Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức cho điểm				
		Kém 0 – 3.9	Yếu 4 – 5.4	Trung bình 5.5 – 6.9	Khá 7.0 – 8.4	Giỏi 8.5 – 10
Mức độ tham gia thực	20%	< 20% số lượng thành viên tham	Từ 20% đến 40% số lượng thành	Từ 40% đến 60% số lượng thành	Từ 60% đến 80% số lượng thành	Từ 80% đến 100% thành viên tham

hiện		gia viết bài và nhận xét	viên trở lên tham gia viết bài và nhận xét	viên trở lên tham gia viết bài và nhận xét	viên tham gia viết bài và nhận xét	gia viết bài và nhận xét
Hình thức bài viết (bài luận)	40%	- Không đáp ứng được yêu cầu nào của đề bài. - Trình bày được rất ít ý và phần lớn những ý này không phù hợp hoặc lặp lại.	Sơ sài, không đầy đủ các bộ cục (introduction, body, conclusion), hơn 10 lỗi ngữ pháp và chính tả, có hơn 3 ý không liên quan chủ đề, không mạch lạc, khó hiểu.	Bố cục (introduction, body, conclusion) đầy đủ nhưng còn sai sót, 7 - 10 lỗi ngữ pháp và chính tả, có 2 ý không liên quan chủ đề, chưa mạch lạc, có 1 vài ý khó hiểu.	Bố cục (introduction, body, conclusion) đầy đủ và không có sai sót, 3 - 6 lỗi ngữ pháp và chính tả, có 1 ý không liên quan chủ đề, khá mạch lạc và dễ hiểu.	Bố cục (introduction, body, conclusion) đầy đủ, chính xác, hợp lý, ít hơn 3 lỗi ngữ pháp và chính tả, tất cả các ý đều phù hợp với chủ đề, rất mạch lạc và dễ hiểu.
Nhận xét bài viết	40%	Không nhận xét hoặc nhận xét sai hoàn toàn các tiêu chí	Nhận xét đúng / hợp lý 1 tiêu chí	Nhận xét đúng / hợp lý 2 - 3 tiêu chí	Nhận xét đúng / hợp lý 4 - 5 tiêu chí	Nhận xét đúng / hợp lý 6 - 7 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS. TS. Phan Thị
Hằng Nga

TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

ThS Dương Thị
Thu Hiền

ThS Vũ Mai Phương

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Vũ Mai Phương	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0392.727.963
Email: vmphuong@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Phan Văn Quang	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0985.974.207
Email: pv.quang@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Viết 3

Tên học phần (tiếng Anh): Writing 3

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011939
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Ngoại ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm thứ 2 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên nghiệp

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☒		Ngành ☐			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần học trước: Viết 2

Học phần song hành: Không

2) Mô tả văn tắt nội dung học phần

Học phần Viết 3 thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp kiến thức và kỹ năng viết thư tín thương mại (memo, email, letter), thông báo (notice), báo cáo (report) và tờ rơi (leaflet). Học phần cũng cung cấp kiến thức về văn phong diễn đạt, cách thức trình bày các loại văn bản ứng dụng trong kinh doanh một cách rõ ràng, hiệu quả và lịch sự, nhằm xử lý tốt tình huống trong kinh doanh nhằm phục vụ cho công việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Các tình huống tạo điều kiện cho sinh viên hợp tác, trao đổi, ra quyết định để xử lý các vấn đề đặt ra trong tình huống viết.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Sau khi học xong học phần Viết 3, người học có kỹ năng viết một số thể loại bài viết giao tiếp tiếng Anh quan trọng trong môi trường doanh nghiệp; hình thành các kĩ

năng phân tích, nhận diện và lựa chọn các phương án để giải quyết tình huống; phát triển tính trách nhiệm khi vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong các tình huống kinh doanh.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức R trong ma trận mối quan hệ CDR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Trình bày được các thể loại bài viết tiếng Anh trong kinh doanh thông dụng	Kiến thức
CLO2	Diễn đạt lô-gic các ý nội dung trong các thể loại bài viết tiếng Anh trong kinh doanh thông dụng	Kiến thức
CLO3	Phân tích, nhận định, đánh giá đúng yêu cầu của tình huống để xác định nội dung bài viết	Kỹ năng
CLO4	Sử dụng từ vựng, văn phong phù hợp với tình huống và thể loại bài viết để đạt được mục đích giao tiếp	Kỹ năng
CLO5	Có tinh thần hợp tác, cầu thị trong học tập kỹ năng viết, chủ động học tập, nâng cao kiến thức chuyên môn	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
Chapter 1	Introduction to business English writing	5	0	15	CLO1	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp	[1]	Giáo trình chính: Chương 1 [1], Độc trang 4-36 [2]
Chapter 2	Memos	7	3	15	CLO2-	Thuyết	[1]; [2];	Giáo

	Introduction Building up your memo writing skills Practices				CLO6	giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp.	[3]; [4]; [5].	trình chính: Đọc và làm bài tập Chương 2 [1], Trang 40-71 [2], Đọc trang 29-37 [3]
Chapter 3	Emails Introduction Building up your email writing skills Practices	3	2	15	CLO2-CLO6	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Giáo trình chính: Đọc và làm bài tập Chương 3 [1], Đọc trang 7-28 [3]
Chapter 4	Letters Introduction Building up your letter writing skills Practices	6	4	15	CLO2-CLO6	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Giáo trình chính: Đọc và làm bài tập Chương 4 [1], Đọc trang 7-28 [3]
Chapter 5	Notices Introduction Building up your notice writing skills	3	2	15	CLO2-CLO6	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Giáo trình chính: Đọc và làm bài tập Chương

	Practices					lớp		2 [1],
Chapter 6	Reports Introduction Building up your report writing skills Practices	3	2	15	CLO2-CLO6	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Giáo trình chính: Đọc và làm bài tập Chương 7 [1], Đọc trang 250-265 [3]
Chapter 7	Leaflets Introduction Building up your leaflet writing skills Practices	3	2	15	CLO2-CLO6	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Giáo trình chính: Đọc và làm bài tập Chương 8 [1]

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm các câu hỏi theo chuyên đề	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành tại lớp	Viết xử lý tình huống (viết bài cá nhân và nhóm)	- Giáo trình chính

2	Bài tập lớn	Trình bày các phương pháp viết tiếng Anh trong kinh doanh hiệu quả.	- Tài liệu tham khảo - Các trang mạng (websites)

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 5 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng thu thập nội dung và báo cáo giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và làm bài tập cuối mỗi chương.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy(giáo trình chính):

- (1) Chu Quang Phê. (2021). Business English Writing. Tài liệu học tập của Trường ĐH Tài chính – Marketing
- (2) Maskari, K.M.A. (2013). A Practical Guide to Business English Writing in English for non-native speakers. Great Britain: Toppan Best-set Premedia Limited
- (3) Ashley, A. (2004). Oxford Handbook of Commercial Correspondence: Student's Book. Oxford University Press España, S.A.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- (1) Brieger, N. (2011). Collins English for Business Writing. Britain: HarperCollins Publishers
- (2) Wallwork, A. (2014). Email and English correspondence: A guide to professional English. London: HarperCollins Publishers

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Thảo luận nhóm, trao đổi các chuyên	Chấm nội dung báo cáo	Báo cáo nội dung chuyên đề mỗi buổi

đề và nộp nội dung báo cáo tổng nhất		học
Làm bài tập	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, báo cáo nội dung thảo luận theo chuyên đề [2]	30%
		Tự luận [3]	
		Bài tập tự học [4]	
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Tự luận [5] Hoặc tiểu luận [6]	60%

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1			M							
CLO2			M							
CLO3						M				
CLO4						M				
CLO5									R	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5

Thuyết giảng	X	X			
Thảo luận nhóm theo nội dung chuyên đề			X	X	X
Thực hành tại lớp			X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X			X
Thảo luận nhóm, báo cáo nội dung thảo luận nhóm theo chuyên đề	X	X	X		X
Tự luận (quá trình)			X	X	X
Bài tập tự học			X	X	X
Tự luận (thi cuối kỳ)	X	X	X	X	X
Tiểu luận cá nhân	X	X	X	X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0 – 3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm dạng bài tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Mức độ hoàn thành bài tập được giao	Mức điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (<30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo đầy đủ, cập nhật 3. Phân tích ví dụ chi tiết, thuyết phục 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5 Rubric: Tiểu luận cá nhân cuối kỳ

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật 4. Phân tích đầy đủ, chi tiết, thuyết phục	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS. TS. Phan Thị
Hằng Nga

TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

ThS Dương Thị
Thu Hiền

ThS Chu Quang Phê

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Chu Quang Phê	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0988.798.969
Email: cq.phe@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Vũ Mai Phương	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0392.727.963
Email: vmphuong@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Nghe – Nói 3

Tên học phần (tiếng Anh): Listening – Speaking 3

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011934
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bổ thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Ngoại ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm 2 – Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên nghiệp

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☒		Ngành ☐			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần học trước: Nghe – Nói 2

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần Nghe - Nói 3 thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, được xây dựng dành cho sinh viên chuyên ngữ, tương đương trình độ trung cấp theo khung năng lực ngoại ngữ CEFR. Học phần mở rộng vốn từ vựng về các đề tài như bệnh, sự sinh tồn, luật pháp và tương lai; sử dụng tiếng Anh và các kỹ năng được thực hành để thảo luận, trình bày quan điểm, đánh giá vấn đề và đưa ra giải pháp đối với các vấn đề xã hội và học thuật. Sinh viên có cơ hội ứng dụng kiến thức từ vựng, ngữ pháp và thực hành các kỹ năng ngôn ngữ dưới nhiều dạng bài tập cá nhân, bài tập nhóm, làm dự án, thảo luận, thuyết trình.

Hình thức tổ chức dạy học: Mô hình học tập kết hợp - Sinh viên học trên lớp với giảng viên, đồng thời thực hành kỹ năng ngôn ngữ thông qua các bài tập nhóm, bài tập thuyết trình, bài tập video có hướng dẫn và giám sát của giảng viên phụ trách môn học trong và ngoài giờ học.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần Nghe - Nói 3 nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ năng nghe và nói nâng cao, giúp họ có khả năng giao tiếp hiệu quả trong các tình huống học thuật và chuyên môn. Nâng cao khả năng nghe hiểu các bài nói, bài thuyết trình và hội thoại trong ngữ cảnh học thuật và xã hội với tốc độ tự nhiên. Khả năng phân tích và đánh giá thông tin từ các nguồn nghe khác nhau, bao gồm các bài nói phức tạp và các chương trình truyền hình. Tạo điều kiện cho sinh viên thực hành nói trong các tình huống giao tiếp khác nhau, từ thuyết trình đến thảo luận nhóm, làm việc theo cặp, và phát triển kỹ năng lắng nghe tích cực và phản hồi. Khuyến khích sự tự tin và khả năng diễn đạt ý kiến cá nhân một cách rõ ràng và mạch lạc. Giúp sinh viên mở rộng vốn từ vựng chuyên ngành và các cụm từ thông dụng trong giao tiếp hàng ngày. Nâng cao khả năng sử dụng ngữ pháp chính xác và linh hoạt trong giao tiếp. Thúc đẩy tư duy phản biện và khả năng phân tích các vấn đề xã hội, văn hóa và học thuật của sinh viên thông qua các bài nghe và thảo luận. Giúp sinh viên áp dụng các kỹ năng nghe và nói vào các tình huống thực tế, chuẩn bị cho môi trường làm việc toàn cầu.

4) Chuẩn đầu ra của học phần:

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Hiểu nghĩa và cách dùng từ vựng về các chủ đề như bệnh, sự sinh tồn, luật pháp và tương lai	Kiến thức
CLO2	Hiểu và ghi nhớ cách dùng động từ khiếm khuyết để phỏng đoán về các sự kiện trong quá khứ, câu điều kiện không có thật ở hiện tại, động từ cho câu trực tiếp gián tiếp và thì tương lai hoàn thành tiếp diễn.	Kiến thức
CLO3	Hiểu biết và áp dụng cách hỏi để làm rõ và xác nhận ý kiến của người nói, cách đóng góp thêm thông tin vào buổi thảo luận, cách không đồng ý với người khác một cách lịch sự, cách sử dụng ngôn ngữ và đưa ra các lập luận để thuyết phục người khác.	Kiến thức
CLO4	Nâng cao khả năng làm việc theo cặp, nhóm, kỹ năng thuyết trình khi	Kỹ năng

	tham gia làm các bài tập nghe nói, dự án.	
CLO5	- Nghe hiểu các loại thông tin, mối quan hệ nguyên nhân hậu quả, dự đoán nội dung dựa trên kiến thức đã có, các cụm từ liên kết ý, nghe và nhận biết được phần trích dẫn, thành kiến, phép tu từ cường điệu.	Kỹ năng
CLO6	- Giao tiếp tương đối thành thạo những tình huống trang trọng như đưa ra lý do và giải thích, phân tích và đánh giá dự án, đưa ra lời khuyên và kiến nghị, trình bày giải pháp, động não và thảo luận nhóm, chuẩn bị và thuyết trình về giải pháp cho một vấn đề cần được giải quyết.	Kỹ năng
CLO7	Nhận thức rõ ràng về mục đích ứng dụng của môn học trong công việc tương lai	Tự chủ và trách nhiệm
CLO8	Tích cực, chủ động làm việc theo nhóm, hoặc theo cặp để tăng độ tự tin trong giao tiếp.	Tự chủ và trách nhiệm
CLO9	Có ý thức tự học và rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ thường xuyên ngoài giờ học.	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Introduction to the course Unit 5: DISEASE Discussion and Video: <i>A BUZZ IN MEDICINE</i> Listening 1: GERM MYTHS	3	0	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9	-Thuyết giảng - Làm việc nhóm -Thực hành cá nhân.	[1]; [2];[3]	SV chuẩn bị giáo trình, đọc trước các mục tiêu, nội dung, cơ bản của học phần.

2	Unit 5: DISEASE (cont.) Listening 2: <i>HERD IMMUNITY</i> Pronunciation: Intonation with tag questions Vocabulary: Medical Language Grammar: Past modals of deduction	3	2	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9	-Thuyết giảng - Làm việc nhóm -Thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]	SV làm bài tập về nhà và chuẩn bị nội dung bài mới theo sự hướng dẫn của GV.
3	Speaking: Asking to clarify or confirm ideas you hear Speaking: Deduction Review Unit 5: Wordlist (p.101) Unit 6: SURVIVAL Discussion and Video: <i>RAISING AWARENESS</i> Listening 1: <i>ECO-PHILANTHROPY</i>	3	2	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9	-Thuyết giảng - Làm việc nhóm - Thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]	SV làm bài tập về nhà và chuẩn bị nội dung bài mới theo sự hướng dẫn của GV.
4	Unit 6: SURVIVAL (cont.) Listening 2: <i>BUILDING FOR THE FUTURE</i> Pronunciation: Question intonation	3	2	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8	-Thuyết giảng - Làm việc nhóm - Thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]	SV làm bài tập về nhà và chuẩn bị nội dung bài mới theo sự hướng dẫn của GV.

	Vocabulary: Word families Grammar: The present unreal conditional Speaking: Contributing additional information to a discussion. Speaking task: Global water challenge Review Unit 6: Wordlist (p.121)				CLO9			
5	Unit 7: LAW Discussion and video: <i>CRIME DOESN'T PAY</i> Listening 1: <i>THE WORLD'S WORST CRIME</i> Pronunciation: Using word stress to strongly agree or disagree	4	3	12	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9	-Thuyết giảng - Làm việc nhóm - Thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]	SV làm bài tập về nhà và chuẩn bị nội dung bài mới theo sự hướng dẫn của GV. Chuẩn bị thi giữa HP kĩ năng Listening
6	Unit 7: LAW (cont.) Listening 2: <i>PROTECT YOURSELF ONLINE</i>	2	0	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	-Thuyết giảng - Làm việc nhóm - Thực	[1]; [2]; [5]	SV làm bài tập về nhà và chuẩn bị nội dung bài mới theo sự hướng

	Vocabulary: Legal vocabulary Grammar: Verbs for reported speech Midterm test: Listening				CLO7 CLO8 CLO9	hành cá nhân		dẫn của GV
7	Unit 7 (cont) Speaking: Disagreeing politely Speaking task: Debate a case study Review Unit 7: Wordlist (p.141) Unit 8: TOMORROW Discussion and video: <i>BAT-WING DRONES</i> Listening 1: <i>ARE DRONES THE FUTURE?</i> Vocabulary: Transportation and Logistics vocabulary	4	2	13	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9	-Thuyết giảng - Làm việc nhóm - Thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]	SV làm bài tập về nhà và chuẩn bị nội dung bài mới theo sự hướng dẫn của GV. Chuẩn bị thi giữa HP kĩ năng Speaking
8	Listening 2: <i>HYPERLOOPS: THE 5TH FORM OF TRANSPORTATION</i> Midterm test: Speaking	2	0	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9	-Thuyết giảng - Làm việc nhóm - Thực hành cá nhân	[1]; [2]; [4]	SV làm bài tập về nhà và chuẩn bị nội dung bài mới theo sự hướng dẫn của GV.

9	Unit 8: TOMORROW (cont.) Grammar: Future perfect progressive Speaking: Language for convincing and making persuasive arguments.	3	2	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9	-Thuyết giảng - Làm việc nhóm - Thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]	SV làm bài tập về nhà và chuẩn bị nội dung bài mới theo sự hướng dẫn của GV.
10	Unit 8: TOMORROW (cont.) Speaking task: A problem you solved Review Unit 8: Wordlist (p.159)	3	2	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9	-Thuyết giảng - Làm việc nhóm - Thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]	SV làm bài tập về nhà và chuẩn bị nội dung bài mới theo sự hướng dẫn của GV. Chuẩn bị thi KTHP

6) Phương pháp dạy – học
6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Làm việc nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành cá nhân	Hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức lý thuyết để thực hiện các hoạt động nghe và nói theo chủ đề	Giáo trình chính Bài tập

6.3 Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 5 sinh viên, bầu nhóm trưởng.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu, thuyết trình hoặc quay video từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính để làm bài tập cuối mỗi bài và các hoạt động tự học khác theo yêu cầu của giảng viên.

7) Tài liệu dạy và học

* Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

1. Ellen Kisslinger and Lida Baker (2024). *Skillful Listening and Speaking 3*, 3rd edition. Macmillan Education

* Tài liệu hướng dẫn tự học:

1. Cambridge Press & Assessment (2019). *CAMBRIDGE IELTS ACADEMIC 14*. Cambridge University Press.
2. Cambridge Press & Assessment (2020). *CAMBRIDGE IELTS ACADEMIC 15*. Cambridge University Press.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1 Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2 Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài thuyết trình	Chấm bài thuyết trình	Bài thuyết trình hoàn thành
Chuẩn bị bài tập về nhà	Chấm bài tập về nhà	Bài tập đã hoàn thành

8.3 Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	5%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, thuyết trình [2]	10%
		Bài tập tự học [3]	5%
		Bài kiểm tra thực hành kỹ năng Nói [4]	10%
		Bài kiểm tra thực hành kỹ năng Nghe [5]	10%
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Thi vấn đáp [6]	60%

9) Ma trận

9.1 Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1			M							
CLO2			M							
CLO3			M							
CLO4						M				
CLO5						M				
CLO6						M				
CLO7									R	
CLO8									R	
CLO9									R	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Thuyết giảng	X	X	X	X	X	X		X	X
Thảo luận nhóm	X	X		X			X	X	X
Thực hành cá nhân	X	X	X	X	X	X		X	X

9.3 Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Phương pháp đánh giá									
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp			X	X	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm, thuyết trình	X	X		X		X	X	X	X
Bài kiểm tra thực hành kỹ năng Nói	X	X		X				X	X
Bài kiểm tra thực hành kỹ năng Nghe	X	X	X		X	X		X	X

Bài tập về nhà	X	X	X	X	X	X		X	X
-----------------------	---	---	---	---	---	---	--	---	---

10) Các rubric/thang điểm đánh giá

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0-3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập thực hành kĩ năng nghe, nói

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5<10)
Nội dung trắc nghiệm	- Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung vấn đáp	Không trả lời được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời lưu loát đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Trả lời lưu loát đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Trả lời lưu loát đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm đầy đủ yêu cầu (90%≤100%)	10 điểm

Làm chưa đầy đủ yêu cầu ($80\% \leq 90\%$)	7-9 điểm
Làm chưa đầy đủ yêu cầu ($50\% \leq 80\%$)	5-7 điểm
Làm chưa đầy đủ yêu cầu ($30\% \leq 50\%$)	3-5 điểm
Làm chưa đầy đủ yêu cầu ($\leq 30\%$)	0-3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm

10.4 Rubric: Báo cáo, thuyết trình/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS. TS. Phan Thị
Hàng Nga

TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

ThS Dương Thị
Thu Hiền

ThS Nguyễn Thị
Thanh Huyền

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ
THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Huyền	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0902.349.388
Email: ntt.huyen@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Nguyễn Minh Châu	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0764.144.412
Email: nmchau@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Nghe - Nói 1

Tên học phần (tiếng Anh): Listening - Speaking 1

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011932
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Ngoại ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm 1 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn Ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên nghiệp

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☒		Ngành ☐			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:
Điều kiện tiên quyết: Không
Học phần học trước: Ngữ pháp nâng cao
Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Khóa học này giúp người học phát triển kỹ năng nghe và nói thông qua các chủ đề đơn giản và phức tạp hơn liên quan đến kiến thức khoa học và kinh tế tổng quát, chẳng hạn như Society, Food, Business, Trends, Success, Pressure, Stories, và Environment.

Kỹ năng nghe: Người học sẽ được cung cấp nền tảng lý thuyết và các bài tập thực hành để xác định ý chính, suy luận, ghi chú các thông tin quan trọng, và nhận diện các lời giải thích cũng như ví dụ trong hội thoại, bài phát biểu, bài thuyết trình và bài giảng bằng tiếng Anh. Nội dung bao gồm cả những chủ đề quen thuộc và các vấn đề trừu tượng, giúp người học nâng cao khả năng nghe hiểu từ thông tin cơ bản đến phức tạp trong cuộc sống hàng ngày.

Kỹ năng nói: Khóa học tập trung rèn luyện cho người học cách bày tỏ ý kiến, đưa ra gợi ý, trình bày lý do lựa chọn hoặc bác bỏ một quan điểm, yêu cầu giải thích thêm và cung cấp ví dụ bổ sung. Ngoài ra, khóa học còn bao gồm các bài tập thực hành kỹ năng nói trước công chúng và phát triển tư duy phản biện..

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên sẽ có khả năng nghe và hiểu các bài giảng cũng như theo dõi các lập luận phức tạp hơn về những chủ đề học thuật và đời sống quen thuộc. Sinh viên sẽ có thể xác định ý chính, nắm bắt các chi tiết quan trọng và suy luận thông tin từ các tài liệu nghe ở mức độ trung cấp B1-CEFR.

Ngoài ra, kỹ năng nói của sinh viên sẽ được phát triển thông qua việc tham gia các cuộc hội thoại và thảo luận về những chủ đề quen thuộc liên quan đến xã hội, giáo dục và công việc. Sinh viên sẽ có thể diễn đạt suy nghĩ một cách rõ ràng, trình bày quan điểm cá nhân và giải thích quan điểm của mình bằng lập luận logic. Hơn nữa, sinh viên sẽ có khả năng phân tích ưu và nhược điểm của các giải pháp khác nhau cho những vấn đề thường gặp trong cuộc sống, sử dụng ngôn ngữ phù hợp và thuyết phục.

Quá trình học tập cũng giúp sinh viên nâng cao khả năng giao tiếp linh hoạt hơn trong các tình huống hàng ngày, từ các cuộc trò chuyện thông thường đến các cuộc thảo luận học thuật hoặc chuyên môn cơ bản. Điều này giúp họ tự tin hơn trong việc trao đổi thông tin, trình bày quan điểm và tham gia hiệu quả vào các hoạt động giao tiếp trong môi trường học thuật và chuyên nghiệp.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

Số thứ tự	Chuẩn đầu ra của môn học	Lĩnh vực
CLO1	Thể hiện sự hiểu biết và sử dụng chính xác các cấu trúc ngữ pháp liên quan, bao gồm câu đơn và câu phức, để truyền đạt ý nghĩa rõ ràng trong bối cảnh học thuật.	Kiến thức
CLO2	Tiếp thu và áp dụng hiệu quả từ vựng học thuật để hiểu và giao tiếp trong bối cảnh học thuật ở mức B1 theo Khung Tham Chiếu Ngôn Ngữ Chung Châu Âu (CEFR).	Kiến thức
CLO3	Phát âm rõ ràng, kiểm soát được các quy tắc nhấn trọng âm và ngữ điệu cơ bản, đảm bảo tính dễ hiểu.	Kiến thức
CLO4	Phát triển khả năng nghe chủ động và áp dụng các chiến lược nghe để hiểu các bài diễn văn nói ở mức B1 theo CEFR.	Kỹ năng

CLO5	Tham gia các cuộc hội thoại về chủ đề học thuật, khởi xướng và phản hồi phù hợp, đồng thời duy trì tính mạch lạc.	Kỹ năng
CLO6	Sử dụng tư duy phân tích, phản biện và sáng tạo để tổng hợp, phân tích và xây dựng các văn bản nói và thảo luận.	Kỹ năng
CLO7	Phát triển khả năng tự học và tăng cường kỹ năng hợp tác bằng cách đặt ra các mục tiêu ngôn ngữ cá nhân, tìm kiếm cơ hội thực hành thường xuyên ngoài lớp học và tham gia học tập xã hội.	Tự chủ và trách nhiệm
CLO8	Thể hiện sự hiểu biết về đa dạng văn hóa bằng cách nhận biết và tôn trọng các chuẩn mực, quan điểm văn hóa khác nhau, đồng thời áp dụng nhận thức này để giao tiếp hiệu quả và phù hợp trong bối cảnh xã hội và học thuật.	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

STT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Tài liệu học bắt buộc
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Unit 1: Society + Video Listening 1 - Community service + Speaking skill - Giving reasons	3	1.5	10.5	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7;	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Luyện tập cá nhân	[1]; [2]	Giáo trình chính - Unit 1 (pp. 8-12, 14-16 & 22, 44) Tài liệu tự học: Giáo

	and explanation + Listening 2 - Doctors without borders + Speaking Task - analyze and evaluate which charity to donate to							trình chính - Unit 1 (pp. 13, 17-23, 25)
2	Unit 2: Food + Video Listening 1 - Waste not, want not + Speaking skill - Offering advice and suggestion + Listening 2 - Brain food + Speaking Task - present advice on ways to reduce food waste	3	1.5	10.5	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7;	Thuyết giảng; Thuyết trình nhóm, Thảo luận nhóm; Luyện tập cá nhân	[1]; [2]	Giáo trình chính - Unit 2 (pp. 18-22, 34-36 & 42, 44) Tài liệu tự học: Giáo trình chính - Unit 2 (pp. 33, 37-43, 45)

3	Unit 3: Business + Video Listening 1 - Workspace + Speaking skill - Turn taking + Listening 2 - Slow and steady wins the race + Speaking Task - present a business plan	3	1.5	10.5	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7;	Thuyết giảng; Thuyết trình nhóm, Thảo luận nhóm; Luyện tập cá nhân	[1]; [2].	Giáo trình chính: Unit 3 (pp. 48-52, 54-56 & 62, 64) Tài liệu tự học: Giáo trình chính - Unit 3 (pp. 53, 57-63, 65)
4	Unit 4: Trends + Video Listening 1 - Buying a car + Academic skill - Presenting data + Listening 2 - Urban sprawl + Speaking skill -	3	1.5	10.5	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7;	Thuyết giảng; Thuyết trình nhóm, Thảo luận nhóm; Luyện tập cá nhân	[1]; [2]	Giáo trình chính: Unit 4 (pp. 66-74, 80) Tài liệu tự học: Giáo trình chính - Unit 4 (pp. 75-79, 81-83)

	Asking for repetition and clarification + Speaking Task - Internet trends questions							
5	Review + Project + Practice: + Suggested project Record a video about a trend in young generation + analyze positive and negative aspects of that trend, include real data	3	1.5	10.5	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7;	Thuyết giảng; Thuyết trình nhóm, Thảo luận nhóm; Luyện tập cá nhân	[1]; [2]; [5] .	Giáo trình chính và các giáo trình khác
6	Unit 5: Success + Video Listening 1 - Skill, effort or luck + Speaking skill - Using discourse marker to compare and	3	1.5	10.5	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7;	Thuyết giảng; Thuyết trình nhóm, Thảo luận nhóm; Luyện	[1]; [2]	Giáo trình chính: Unit 5 (pp. 84-88, 90-92 & 98,100) Tài liệu tự học: Giáo

	contrast + Listening 2 - Success or failure + Speaking Task - Use data to present					tập cá nhân		trình chính - Unit 5 (pp. 89, 93-97,101)
7	Unit 6: Pressure + Video Listening 1 - Peer pressure + Speaking skill - Explaining something that you don't know the word for + Listening 2 - Parental pressure + Speaking Task - Discuss the way to reduce pressure	3	1.5	10.5	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7;	Thuyết giảng; Thuyết trình nhóm, Thảo luận nhóm; Luyện tập cá nhân	[1]; [2]	Giáo trình chính: Unit 6 (pp. 104-108, 110-112 & 118,120) Tài liệu tự học: Giáo trình chính - Unit 6 (pp. 109, 113-117,121)
8	Unit 7: Stories + Video Listening 1 -	3	1.5	10.5	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4;	Thuyết giảng; Thuyết trình	[1]; [2]	Giáo trình chính: Unit 7 (pp. 124-128,

	Telling a good story + Speaking skill - Using sentence adverbs + Listening 2 - Elements of a plot + Speaking Task - Tell a story				CLO5; CLO6; CLO7;	nhóm, Thảo luận nhóm; Luyện tập cá nhân		130-132 & 138,140) Tài liệu tự học: Giáo trình chính - Unit 7 (pp. 129, 133-137,141)
9	Unit 8: Environment + Video Listening 1 - Solar power + Academic skill - Organizing a presentation + Listening 2 - Sustainable life + Speaking Task - Present a poster	3	1.5	10.5	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7;	Thuyết giảng; Thuyết trình nhóm, Thảo luận nhóm; Luyện tập cá nhân	[1]; [2]	Giáo trình chính: Unit 7 (pp. 142-150& 158) Tài liệu tự học: Giáo trình chính - Unit 7 (pp. 151-157,159)
10	REVIEW AND SUMMATIVE TEST	3	1.5	10.5	CLO1; CLO2; CLO3;	Thuyết giảng; Thuyết trình	[1]; [2]; [3]; [4]	

					CLO4; CLO5; CLO6; CLO7;	nhóm, Thảo luận nhóm; Luyện tập cá nhân		
--	--	--	--	--	----------------------------------	---	--	--

6) Phương pháp dạy – học

6.1 Lý thuyết

TT	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập trong lớp	Tài liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe tích cực, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thuyết trình nhóm	Chia nhóm, thuyết trình về những chủ đề được phân công	Giáo trình chính, chủ đề thảo luận
2	Thảo luận nhóm	Chia nhóm, tranh luận, thảo luận nhóm, nộp chủ đề thảo luận	Chủ đề thảo luận, giáo trình chính
3	Luyện tập cá nhân	Làm bài tập, trả lời câu hỏi cá nhân, thuyết trình cá nhân	Giáo trình chính, chủ đề962thao3 luận

6.2 Thực hành

TT	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập trong lớp	Tài liệu giảng dạy
1	Học tập lấy người học làm trung tâm	Hướng dẫn người học áp dụng kiến thức lý thuyết, chiến lược, ngôn ngữ vào thực hành nghe và nói.	Giáo trình chính, Bài tập

2	Học tập dựa trên thảo luận	Chia nhóm, tranh luận, thảo luận nhóm, thuyết trình.	Chủ đề thảo luận, Giáo trình chính
3	Học tập dựa trên nhiệm vụ	Thảo luận nhóm, trình bày, phản hồi do giáo viên hướng dẫn và phản hồi từ bạn học.	Giáo trình chính

6.3 Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

Bài tập tự học

- Học từ vựng quan trọng liên quan đến chủ đề của từng bài học.
- Hiểu ý nghĩa, cách sử dụng và phát âm của từ.
- Xem video được giao hoặc nghe tệp âm thanh để cải thiện kỹ năng nghe và hiểu.
- Ghi chú các điểm chính trong khi xem video hoặc nghe tệp âm thanh.
- Trả lời câu hỏi kiểm tra để đánh giá mức độ hiểu bài và khả năng phân tích.

Thuyết trình nhóm

- Thành lập nhóm và chọn một chủ đề liên quan đến nội dung khóa học.
- Tìm kiếm thông tin từ các nguồn đáng tin cậy.
- Xây dựng bài thuyết trình với phần mở đầu, nội dung chính và kết luận rõ ràng.
- Luyện tập trình bày một cách trôi chảy và tự tin.
- Sử dụng ngôn ngữ cơ thể và phương tiện trực quan để thu hút khán giả.
- Khuyến khích tinh thần làm việc nhóm và sự tham gia tích cực của tất cả thành viên.
- Sử dụng bảng tiêu chí đánh giá của giảng viên để tự đánh giá chất lượng bài thuyết trình.

Dự án video

- Tạo nhóm từ 3-5 sinh viên, đảm bảo có sự phân công kỹ năng như nghiên cứu, viết kịch bản, quay phim và chỉnh sửa.
- Chọn một vấn đề xã hội liên quan đến khóa học mà tất cả thành viên đều quan tâm.
- Thu thập thông tin từ các nguồn đáng tin cậy để hiểu nhiều góc nhìn về vấn đề.
- Lên cấu trúc video và viết kịch bản rõ ràng, hấp dẫn.
- Phân công nhiệm vụ theo thế mạnh của từng thành viên, như đạo diễn, diễn xuất hoặc biên tập.
- Sử dụng thiết bị sẵn có để quay các cảnh, chú ý đến chất lượng âm thanh và ánh sáng.
- Biên tập và hoàn thiện video bằng phần mềm chỉnh sửa, hướng đến sản phẩm ngắn

gọn và mạch lạc.

- Xin ý kiến phản hồi từ bạn bè và thực hiện chỉnh sửa cần thiết.
- Chia sẻ video với lớp, tổ chức thảo luận về vấn đề xã hội được đề cập.

Sử dụng tài liệu tham khảo bổ sung để nâng cao kỹ năng

- Sử dụng các tài liệu tham khảo được đề xuất trong khóa học để mở rộng kiến thức.
- Mở rộng vốn từ vựng bằng cách học từ mới trong các ngữ cảnh cụ thể.
- Cải thiện ngữ pháp thông qua các bài tập và thực hành có hệ thống.
- Luyện phát âm bằng cách nghe người bản ngữ và bắt chước cách họ nói.
- Áp dụng các phương pháp học tập hiệu quả như ghi chú, tóm tắt và ôn tập thường xuyên.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (Giáo trình chính):

(1) Bohlke, D., & Lockwood, R. B. (2024). *Skillful 2: Listening and Speaking*. MacMillan.

❖ Tài liệu tham khảo:

(2) Chase, R. T., Johannsen, K. L., MacIntyre, P., Fettig, C., & Najafi, K. (2018). *Pathways: Listening, Speaking, and Critical Thinking 3 (2nd Edition)*. Cengage Learning.

(3) Collectif, Dummett, P., & Hird, J. (2015). *Oxford EAP Pre-Intermediate: A Course in English for Academic Purposes*. Oxford University Press.

(4) Archer, G., Passmore, L., Crossthwaite, P., Hutchison, S., De Souza, N, Uddin, J, Loewenthal, M, & Wijayatilake, C. (2019). *Mindset for IELTS 2-* Cambridge University Press

(5) Brook-Hart, G., & Jakeman, V. (2012). *Complete IELTS Bands 5.0-6.5*. Cambridge University Press

(6) Li Ya Bin. (2018). *Basic IELTS (Listening, Speaking, Reading, Writing)*. Tong Hop Publishers Ltd.

(7) Hackers. (2019). *Hackers Ielts basic (Listening, Speaking, Reading, Writing)*. The Gioi Publishers Ltd.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1 Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2 Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Phương pháp đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị thuyết trình	Nhận xét và chấm điểm bài thuyết trình	Hoàn thành bài thuyết trình
Bài kiểm tra thực hành	Chấm điểm bài kiểm tra	Hoàn thành bài kiểm tra thực hành

8.3 Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỉ lệ
Đánh giá quá trình	Điểm danh	Tham gia tích cực vào các hoạt động trên lớp [1]	5%
	Tham gia	Thảo luận nhóm, thuyết trình hoặc tranh luận [2]	5%
	Bài kiểm tra quá trình	Bài kiểm tra tổng hợp kỹ năng nghe hiểu [3]	10%
		Bài kiểm tra tổng hợp kỹ năng nói [4]	10%
		Dự án video [5]	10%
Đánh giá cuối kỳ	Bài kiểm tra cuối kỳ	Bài kiểm tra nghe hiểu + bài kiểm tra nói - Bài kiểm tra tổng hợp kỹ năng nghe hiểu: Trắc nghiệm, điền vào chỗ trống, nối, tóm tắt, True/False. [6] - Bài kiểm tra tổng hợp kỹ năng nói: Trả lời cá nhân, hội thoại, thuyết trình. [7]	60%

9) Ma trận

9.1 Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO 1			I							
CLO 2			I							
CLO 3			I							
CLO 4						I				
CLO 5						I				
CLO 6						I				
CLO 7									I	
CLO 8						I				

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8
Thuyết giảng	X	X	X	X	X	X		X
Thuyết trình nhóm	X	X	X	X	X	X		X
Thảo luận nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X

Luyện tập cá nhân	X	X	X	X	X	X	X	
-------------------	---	---	---	---	---	---	---	--

9.3 Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

	CLO 1	CLO 2	CLO 3	CLO 4	CLO 5	CLO 6	CLO 7	CLO 8
Phương pháp đánh giá								
Điểm danh	X	X	X	X	X	X	X	
Tham gia	X	X	X	X	X	X	X	
Bài kiểm tra quá trình	X	X	X	X	X	X	X	X
Bài kiểm tra cuối kì	X	X	X	X	X	X	X	

10) Các rubric/thang điểm đánh giá

10.1 Điểm danh

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0-3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Tham gia

Tiêu chí	Mức độ	Tiêu chí đánh giá
• Độ chính xác ngôn	Kém (0-3.9)	Không đáp ứng cả 4 tiêu chí

ngữ (từ vựng và mẫu ngữ pháp liên quan ở Trình độ B1 - CEFR) • Kết hợp nghe/nói / • Tư duy/Phân tích phân biệt / • Sự tham gia/Tương tác	Yếu (4.0-5.4)	Đáp ứng 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đáp ứng 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đáp ứng 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đáp ứng cả 4 tiêu chí

10.3 Bài kiểm tra quá trình (nghe)

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Câu hỏi trắc nghiệm	Không thể chọn đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Có thể chọn đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và trung bình (50%≤80%)	Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Điền từ	Không thể trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và trung bình (50%≤80%)	Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

Nói	Không thể chọn đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Có thể chọn đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và trung bình (50%≤80%)	Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Tóm tắt	Không thể chọn đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Có thể chọn đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và trung bình (50%≤80%)	Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Đúng-Sai- Không có thông tin	Không thể chọn đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Có thể chọn đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và trung bình (50%≤80%)	Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.4 Bài kiểm tra quá trình (nói)

Tiêu chí	0-2 (Kém)	3-4 (Cần cải thiện)	5-6 (Đạt yêu cầu)	7-8 (Khá)	9-10 (Xuất sắc)
Phát âm	Rất khó hiểu do nhiều lỗi phát âm; chịu ảnh hưởng mạnh từ tiếng mẹ	Thường xuyên mắc lỗi phát âm; một số từ khó nhận ra	Một số lỗi phát âm nhưng nhìn chung dễ hiểu	Phát âm chủ yếu rõ ràng với lỗi nhỏ không cản trở việc hiểu	Phát âm rõ ràng, tự nhiên với lỗi tối thiểu; dễ hiểu

	đề				
Lưu loát	Bài nói rất ngập ngừng, nhịp điệu không tự nhiên, ngắt quãng dài khiến khó theo dõi	Thường xuyên ngập ngừng, ngắt quãng không tự nhiên, khó duy trì mạch	Có ngập ngừng, nhưng ý tưởng nhìn chung được thể hiện với mạch dễ hiểu	Chủ yếu lưu loát, thỉnh thoảng ngắt quãng, nhưng bài nói trôi chảy một cách tự nhiên	Bài nói trôi chảy, tự nhiên với sự tự tin và tốc độ phù hợp
Từ vựng	Từ vựng rất hạn chế, không thể diễn đạt ý tưởng cơ bản	Từ vựng hạn chế, với việc lặp lại từ ngữ thường xuyên, khó diễn đạt ý	Từ vựng đơn giản với lỗi thường xuyên, một số lặp lại	Phạm vi từ vựng tốt, lỗi nhỏ nhưng nghĩa rõ ràng	Phạm vi từ vựng rộng, lựa chọn từ ngữ chính xác, khả năng diễn đạt ý mạnh mẽ
Ngữ pháp	Lỗi ngữ pháp lớn ảnh hưởng nghiêm trọng đến nghĩa; rất khó hiểu	Lỗi ngữ pháp thường xuyên đôi khi cản trở việc hiểu	Một số lỗi ngữ pháp nhưng nghĩa nhìn chung rõ ràng	Ngữ pháp chủ yếu chính xác chỉ với những lỗi nhỏ	Sử dụng ngữ pháp chính xác và hiệu quả, chỉ với những lỗi thường xuyên
Mạch lạc & Liên kết	Không có cấu trúc logic, các câu rời rạc và khó theo	Ý tưởng có phần kết nối nhưng thiếu sự chuyển tiếp mượt	Có tổ chức, nhưng đôi khi có ý tưởng không rõ ràng hoặc	Có tổ chức tốt, cấu trúc logic với sự chuyển tiếp mượt mà	Bài nói rõ ràng, có cấu trúc tốt và logic, dễ theo dõi

	đôi	mà	rời rạc		
Nội dung	Không có ý tưởng liên quan, bài nói lạc đề hoặc vô nghĩa	Ý tưởng mơ hồ, lặp lại hoặc không được phát triển tốt	Một số ý tưởng liên quan nhưng thiếu chiều sâu hoặc tính độc đáo	Nội dung được phát triển tốt với ý tưởng có ý nghĩa và chi tiết tốt	Nội dung hấp dẫn, được suy nghĩ kỹ lưỡng với các chi tiết hỗ trợ mạnh mẽ và tính độc đáo

10.5 Dự án video

Tiêu chí	1-2 (Kém)	3-4 (Cần cải thiện)	5-6 (Đạt yêu cầu)	7-8 (Khá)	9-10 (Xuất sắc)
Phát âm	Bài nói không rõ ràng; lỗi phát âm khiến khó hiểu	Thường xuyên mắc lỗi phát âm; một số từ khó nhận ra	Một số lỗi phát âm, nhưng nhìn chung dễ hiểu	Phát âm chủ yếu rõ ràng; lỗi nhỏ không cản trở việc hiểu	Phát âm rõ ràng, tự nhiên với lỗi tối thiểu; dễ hiểu
Lưu loát	Bài nói rất ngập ngừng, khó theo dõi, ngắt quãng không tự nhiên	Thường xuyên ngập ngừng, nhịp điệu không tự nhiên, khó duy trì mạch	Tương đối lưu loát nhưng có những khoảng dừng hoặc ngập ngừng đáng chú ý	Chủ yếu lưu loát với những khoảng dừng nhỏ; bài nói trôi chảy một cách tự nhiên	Bài nói trôi chảy và tự nhiên với sự tự tin và biểu cảm

Từ vựng & Ngữ pháp	Từ vựng rất hạn chế và lỗi ngữ pháp nghiêm trọng cản trở nghĩa	Từ vựng cơ bản với lỗi ngữ pháp thường xuyên ảnh hưởng đến sự hiểu biết	Từ vựng và ngữ pháp đơn giản với lỗi thường xuyên	Phạm vi từ vựng tốt; lỗi ngữ pháp nhỏ không ảnh hưởng đến nghĩa	Phạm vi từ vựng rộng và ngữ pháp chủ yếu đúng với lỗi tối thiểu
Nội dung & Tổ chức	Không có cấu trúc rõ ràng; khó hiểu; thiếu tập trung	Thiếu tổ chức với ý tưởng không rõ ràng; chuyển tiếp yếu	Có tổ chức, nhưng đôi khi có ý tưởng không rõ ràng hoặc rời rạc	Có tổ chức tốt, cấu trúc logic với những lỗi hổng nhỏ	Hấp dẫn, có cấu trúc tốt và mạch lạc với mạch logic mạnh mẽ
Trình bày video & Sáng tạo	Chất lượng kém, hình ảnh/âm thanh không rõ ràng, không có nỗ lực chỉnh sửa	Hình ảnh/âm thanh chất lượng thấp với những điểm gây xao nhãng đáng chú ý, ít sáng tạo	Sản xuất video cơ bản; chỉnh sửa tối thiểu nhưng nhìn chung rõ ràng	Video chất lượng tốt với một số yếu tố sáng tạo và chỉnh sửa mượt mà	Video chất lượng cao, được chỉnh sửa tốt, hấp dẫn về mặt hình ảnh và sáng tạo
Ý nghĩa văn hóa	Không có liên quan đến văn hóa hoặc thể hiện không chính xác	Thể hiện văn hóa tối thiểu; thiếu chiều sâu hoặc không rõ ràng	Bao gồm một số khía cạnh văn hóa nhưng không được phát triển tốt	Tích hợp văn hóa tốt; chủ yếu liên quan và chính xác	Thể hiện văn hóa mạnh mẽ; được tích hợp liên mạch và thực hiện tốt

10.6 Bài kiểm tra cuối kì (nghe)

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
----------	-------------	---------------	----------------------	---------------	---------------

Câu hỏi trắc nghiệm	Không thể chọn đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Có thể chọn đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và trung bình (50%≤80%)	Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Điền từ	Không thể trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và trung bình (50%≤80%)	Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nối	Không thể chọn đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Có thể chọn đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và trung bình (50%≤80%)	Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Tóm tắt	Không thể chọn đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Có thể chọn đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và trung bình (50%≤80%)	Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

Đúng-Sai- Không có thông tin	Không thể chọn đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Có thể chọn đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và trung bình (50%≤80 %)	Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90 %)	Trả lời đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100 %)
------------------------------------	--	--	--	--	---

10.7 Bài kiểm tra cuối kì (nói)

Tiêu chí	0-2 (Kém)	3-4 (Cần cải thiện)	5-6 (Đạt yêu cầu)	7-8 (Khá)	9-10 (Xuất sắc)
Phát âm	Rất khó hiểu do nhiều lỗi phát âm; chịu ảnh hưởng mạnh từ tiếng mẹ đẻ	Thường xuyên mắc lỗi phát âm; một số từ khó nhận ra	Một số lỗi phát âm nhưng nhìn chung dễ hiểu	Phát âm chủ yếu rõ ràng với lỗi nhỏ không cản trở việc hiểu	Phát âm rõ ràng, tự nhiên với lỗi tối thiểu; dễ hiểu
Lưu loát	Bài nói rất ngập ngừng, nhịp điệu không tự nhiên, ngắt quãng dài khiến khó theo dõi	Thường xuyên ngập ngừng, ngắt quãng không tự nhiên, khó duy trì mạch	Có ngập ngừng, nhưng ý tưởng nhìn chung được thể hiện với mạch dễ hiểu	Chủ yếu lưu loát, thỉnh thoảng ngắt quãng, nhưng bài nói trôi chảy một cách tự nhiên	Bài nói trôi chảy, tự nhiên với sự tự tin và tốc độ phù hợp
Từ vựng	Từ vựng rất hạn chế, không thể diễn đạt ý tưởng cơ bản	Từ vựng hạn chế, với việc lặp lại từ ngữ thường xuyên, khó diễn đạt ý	Từ vựng đơn giản với lỗi thường xuyên, một số lặp lại	Phạm vi từ vựng tốt, lỗi nhỏ nhưng nghĩa rõ ràng	Phạm vi từ vựng rộng, lựa chọn từ ngữ chính xác, khả năng diễn đạt ý mạnh mẽ

Ngữ pháp	Lỗi ngữ pháp lớn ảnh hưởng nghiêm trọng đến nghĩa; rất khó hiểu	Lỗi ngữ pháp thường xuyên đôi khi cản trở việc hiểu	Một số lỗi ngữ pháp nhưng nghĩa nhìn chung rõ ràng	Ngữ pháp chủ yếu chính xác chỉ với những lỗi nhỏ	Sử dụng ngữ pháp chính xác và hiệu quả, chỉ với những lỗi thường xuyên
Mạch lạc & Liên kết	Không có cấu trúc logic, các câu rời rạc và khó theo dõi	Ý tưởng có phần kết nối nhưng thiếu sự chuyển tiếp mượt mà	Có tổ chức, nhưng đôi khi có ý tưởng không rõ ràng hoặc rời rạc	Có tổ chức tốt, cấu trúc logic với sự chuyển tiếp mượt mà	Bài nói rõ ràng, có cấu trúc tốt và logic, dễ theo dõi
Nội dung	Không có ý tưởng liên quan, bài nói lạc đề hoặc vô nghĩa	Ý tưởng mơ hồ, lặp lại hoặc không được phát triển tốt	Một số ý tưởng liên quan nhưng thiếu chiều sâu hoặc tính độc đáo	Nội dung được phát triển tốt với ý tưởng có ý nghĩa và chi tiết tốt	Nội dung hấp dẫn, được suy nghĩ kỹ lưỡng với các chi tiết hỗ trợ mạnh mẽ và tính độc đáo

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS. TS. Phan Thị
Hằng Nga

TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

ThS Dương Thị
Thu Hiền

ThS Lưu Nguyễn Trâm
Nhưng

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Lưu Nguyễn Trầm Nhung	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0972.424.934
Email: lntrung@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Trần Duy Khiêm	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0909.063.497
Email: tdkhiem@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Nghe – Nói 2

Tên học phần (tiếng Anh): Listening – Speaking 2

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011933
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Ngoại ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm 1 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn Ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên nghiệp

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☒		Ngành ☐			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần học trước: Nghe - Nói 1

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học các kỹ thuật nghe hiểu ở mức độ trung cấp theo các chủ đề từ công việc, văn hóa, xã hội, lịch sử, khoa học, công nghệ đến môi trường. Các kỹ thuật này bao gồm nghe hiểu để suy luận ý nghĩa từ ngữ cảnh, nghe hiểu các thuật ngữ và định nghĩa trong ngữ cảnh; nghe hiểu cấu trúc của một lập luận chính thức, nghe hiểu cách giải thích bổ sung thông tin; nghe hiểu phân biệt giữa sự thật và ý kiến, nghe hiểu trình tự về các sự kiện; nghe hiểu nhận biết các ý khái quát và thứ tự ưu tiên. Ngoài ra, học phần cung cấp đa dạng các hoạt động giao tiếp theo theo cặp nhóm thông qua việc thảo luận vấn đề tìm giải pháp để giải quyết, tham gia tranh luận bàn luận giải thích lý do và trình bày quan điểm về một vấn đề, đánh giá một vấn đề, đưa ra thứ tự ưu tiên và đề xuất giải pháp. Các hoạt động này nhằm giúp người học phát triển khả năng tư duy phân biện để giao tiếp hiệu quả.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Sau học phần này, người học có khả năng nghe hiểu và nắm bắt nội dung ở mức độ trung cấp và làm quen với nhiều loại hình bài tập/hoạt động nghe khác nhau như nghe hiểu để suy luận ý nghĩa từ ngữ cảnh, nghe hiểu các thuật ngữ và định nghĩa trong ngữ cảnh; nghe hiểu cấu trúc của một lập luận chính thức, nghe hiểu cách sửa chữa và bổ sung thông tin; nghe hiểu để phân biệt giữa sự thật và ý kiến, nghe hiểu trình tự các sự kiện; nghe hiểu để nhận biết các ý khái quát, nghe hiểu các thứ tự ưu tiên. Từ đó người học được kỳ vọng vận dụng kỹ năng nghe hiểu vào trong các cuộc đối thoại, thảo luận, bản luận, tranh luận, trình bày quan điểm, đánh giá trong các tình huống khác nhau để phát triển khả năng tư duy phân biện nói riêng và khả năng giao tiếp hiệu quả nói chung.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Hiểu và áp dụng các chiến lược nghe hiểu để nắm bắt nội dung chính và chi tiết trong các bài nói thuộc nhiều chủ đề khác nhau.	Kiến thức
CLO2	Vận dụng hiệu quả trong các tình huống giao tiếp như thảo luận, tranh luận, trình bày quan điểm, giải thích lý do, mở rộng ý kiến và đưa ra ví dụ để diễn đạt ý tưởng một cách rõ ràng và thuyết phục.	Kiến thức
CLO3	Phát âm rõ ràng, có thể sử dụng nhấn trọng âm, ngữ điệu phù hợp và diễn đạt tự nhiên trong các tình huống giao tiếp.	Kỹ năng
CLO4	Nghe hiểu và tóm tắt nội dung của các đoạn văn trong nhiều ngữ cảnh khác nhau; nhận biết và tổng hợp các thông tin quan trọng từ bài nói, kể cả các ý ngầm hoặc hàm ý của người nói.	Kỹ năng
CLO5	Nghe hiểu và tham gia vào hội thoại một cách linh hoạt, sử dụng các chiến lược giao tiếp phù hợp với từng đối tượng và bối cảnh.	Kỹ năng
CLO6	Phân tích, đánh giá và phản hồi lại ý kiến của người khác trong các cuộc hội thoại và tranh luận.	Kỹ năng

CLO7	Chủ động tiếp thu kiến thức và phát triển kỹ năng giao tiếp Nghe - Nói tiếng Anh ở cấp độ cao hơn, tự tin sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống thực tế và học thuật.	Tự chủ và trách nhiệm
CLO8	Có thái độ cư xử, giao tiếp tiếng Anh chuẩn mực phù hợp môi trường đa văn hóa	Tự chủ và trách nhiệm
CLO9	Học tập và rèn luyện tiếng Anh như công cụ để trau dồi và nghiên cứu các môn học chuyên ngành.	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	UNIT 1. DESIGN <i>Video: A virtual future</i> Listening 1: Principles of good design - <i>Academic skills: Reiterating other people's ideas</i> Listening 2: The realities of design - <i>Critical thinking developing and applying evaluation standards</i>	7	4	25	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [5]	Đọc và chuẩn bị bài Unit 1 (từ trang 8 đến 27)

	- <i>Vocabulary: Words to talk about design</i> - <i>Speaking model: Talk about problems and solutions</i> - <i>Pronunciation: Intonation to make declarative statements</i>							
2	UNIT 2: THOUGHTS <i>Video: Brain reading computer</i> Listening 1: Brain training - <i>Academic skills: Anticipating opposing views</i> Listening 2: Screen time - <i>Critical thinking: Appeal to popularity</i> - <i>Vocabulary: Words to describe the brain and mind</i> - <i>Speaking model: Debate about the use of technology in education</i> - <i>Pronunciation:</i>	8	4	25	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]; [5]	Đọc và chuẩn bị bài Unit 2 (từ trang 28 đến 45)

	<i>Stress in statements of contradiction</i> Listening Test 1 (midterm)							
3	UNIT 3: FIRE <i>Video: A burning issue</i> Listening 1: The healing power of fire - <i>Academic skills: Cohesion</i> Listening 2: Forest fire: friend or foe? - <i>Critical thinking: Distinguishing between causation and correction</i> - <i>Vocabulary: Practice and use synonyms</i> - <i>Speaking model: Debate on how fire can be used to benefit or harm us</i> - <i>Pronunciation: Using intonation to express feelings and attitudes</i>	8	3	25	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [5];	Đọc và chuẩn bị bài Unit 3 (từ trang 46 đến 65)

4	UNIT 4: MOVEMENTS <i>Video: Cutting through chaos</i> Listening 1: Ocean shipping - <i>Academic skills: Inferring a speaker's attitude or feeling</i> Listening 2: Crowd management - <i>Critical thinking: Slippery slope</i> - <i>Vocabulary: Practice and use compound adjectives</i> - <i>Speaking model: Assess and prioritize risk in a stadium and present solution to each issue</i> - <i>Pronunciation: Word stress with content and function words</i> - Listening Test 2 (midterm) - Speaking Test (midterm)	7	4	30	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3], [4], [5]	Đọc và chuẩn bị bài Unit 4 (từ trang 67 đến 83)
---	---	---	---	----	---	--	--------------------------------	---

6) Phương pháp dạy – học

6.1 Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính

6.2 Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành cá nhân và thực hành nhóm	Hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức lý thuyết để thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ	Giáo trình chính Bài tập

6.3 Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 5 sinh viên, bầu nhóm trưởng.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và thuyết trình từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính để làm bài tập cuối mỗi bài và các hoạt động tự học khác theo yêu cầu của giảng viên.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

(1) Baker L. & Gershon, (2024). *Skillful Listening and Speaking 3*. Macmillan Education

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

(1) Chase, R. T., Johannsen, K. L., & MacIntyre, P. (2018). *Pathways: Listening, Speaking, and Critical Thinking 2* (2nd ed.). Heinle ELT.

(2) Tanka, J., Baker, L.R. (2013). *Interaction 2: Listening and Speaking*. McGraw Hill Education

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1 Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2 Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài thuyết trình, báo cáo	Chấm bài thuyết trình, báo cáo, tranh luận	Bài thuyết trình hoàn thành
Thực hành cá nhân (bài tập cá nhân)	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3 Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	4%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, báo cáo, thuyết trình [2]	6%
		Bài kiểm tra thực hành kỹ năng Nghe [3]	12%
		Bài kiểm tra thực hành kỹ năng Nói [4]	12%
		Bài tập cá nhân [5]	6%
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận (kỹ năng nghe) và vấn đáp (kỹ năng nói) [3,4]	60%

9) Ma trận

9.1 Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1			R							
CLO2			R							
CLO3						R				
CLO4						R				
CLO5						R				
CLO6						R				
CLO7									R	
CLO8									R	
CLO9									R	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Thuyết giảng	X		X		X	X			X
Thảo luận nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thực hành nhóm (báo cáo, thuyết trình)	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thực hành cá nhân (bài tập cá nhân)	X		X	X	X	X	X		X

9.3 Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp		X	X	X	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm, thuyết trình	X	X	X		X	X	X	X	X
Bài kiểm tra thực hành kỹ năng Nghe	X			X			X		X
Bài kiểm tra thực hành kỹ năng Nói		X			X	X	X	X	X
Bài tập cá nhân	X			X	X		X		X
Bài kiểm tra thực hành Nghe Nói cuối kỳ	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10) Các rubric/thang điểm đánh giá

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu	5-7 điểm

xây dựng bài.	
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0-3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Rubric: Báo cáo, thuyết trình/ thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.3 Rubric: Đánh giá bài kiểm tra thực hành kỹ năng nghe

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	- Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.4 Rubric: Bài kiểm tra thực hành nói

Tiêu chí	Mức độ				
	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
1. Từ vựng (mức độ đa dạng và kiểm soát được từ vựng)	Từ vựng đơn giản, cụm từ rời rạc	Từ vựng tương đối đủ theo chủ đề	Từ vựng tương đối đa dạng, đôi lúc chưa chính xác	Từ vựng khá đa dạng, tương đối chính xác	Từ vựng đa dạng, chính xác
2. Ngữ pháp (mức độ đa dạng và chính xác)	Rất ít hoặc có cấu trúc câu đơn nhưng sai nhiều	Câu đơn ổn, có sử dụng câu phức nhưng có vài lỗi sai	Câu đơn và câu phức ổn, có vài lỗi nhỏ nhưng không gây khó hiểu	Câu đơn tốt, sử dụng tương đối đa dạng câu phức	Câu đơn tốt, sử dụng đa dạng và chính xác câu phức
3. Phát âm (độ chính xác về âm, dấu nhấn, ngữ điệu)	Phần lớn phát âm có thể hiểu được, có lỗi sai về các âm	Phát âm hiểu được, rất ít lỗi sai về âm, có dấu nhấn trong từ, có nỗ lực dùng ngữ điệu	Phát âm rõ ràng, khá tự nhiên không lỗi sai về âm, có dấu nhấn trong từ và câu, có sử dụng ngữ điệu	Phát âm các âm rõ ràng, tự nhiên, có dấu nhấn trong từ và câu, sử dụng khá tốt ngữ điệu	Phát âm tự nhiên, sử dụng tốt dấu nhấn trong từ, câu và ngữ điệu
4. Độ trôi chảy (mức độ ngập ngừng, và có thể nói tràng dài)	-Nói một cách hiểu được các chủ đề đơn giản, hay ngập ngừng tìm từ vựng và sắp xếp cấu trúc ngữ pháp -Câu trả lời có mở rộng bằng cách sử dụng các cấu	Nói dễ hiểu các chủ đề, có thể do dự ngập ngừng tìm từ vựng và sắp xếp cấu trúc ngữ pháp - Câu trả lời có mở rộng nhưng thể hiện rõ dấu	Xử lý các chủ đề một cách dễ dàng, với sự lưu loát đáng kể, thỉnh thoảng do dự ngập ngừng tìm từ vựng và sắp xếp cấu trúc ngữ pháp - Câu trả lời	Xử lý các chủ đề một cách dễ dàng, với sự lưu loát đáng kể, hiếm khi do dự ngập ngừng tìm từ vựng và sắp xếp cấu trúc ngữ pháp - Câu trả lời	Câu trả lời mở rộng tốt, nói lưu loát tự nhiên. - Sử dụng các khoảng dừng (nếu có) để tìm kiếm ý tưởng phù hợp cho các chủ đề khó

	trúc đơn giản	hiệu tự sửa lỗi	có mở rộng nhưng có sự lập lại và sửa lỗi sai	có mở rộng rất ít có sự lập lại và sửa lỗi sai	
5. Cách lập luận, phát triển ý và sử dụng liên từ	- Trả lời phù hợp và có phát triển ý tương dưới dạng liệt kê điểm đơn giản, có cố gắng trong việc mở rộng ý tương. - Liên kết các ý tương bằng một số từ nối đơn giản, nhưng vẫn thường lặp lại	- Trả lời phù hợp và có thể phát triển ý tương dưới dạng liệt kê ý đơn giản, cố gắng mở rộng ý tương (bằng chỉ tiết và ví dụ) - Liên kết các ý tương một cách linh hoạt bằng một số từ nối đơn giản.	Phát triển ý phù hợp và tương đối dễ dàng, mở rộng ý với một số chỉ tiết và ví dụ thích hợp. - Sử dụng các liên từ phức tạp hơn để liên kết các câu nói, nhưng không làm rõ ràng mối quan hệ giữa các ý tương.	Phát triển ý tương tương đối mạch lạc và dễ dàng, mở rộng ý với nhiều chỉ tiết và ví dụ thích hợp. - Sử dụng đa dạng các từ nối để làm rõ ràng mối quan hệ giữa các ý tương.	Phát triển ý tương một cách mạch lạc với các chi tiết và ví dụ mở rộng, đồng thời có thể kết thúc bằng một kết luận phù hợp. - Bài nói rõ ràng, trôi chảy, cấu trúc tốt, sử dụng hiệu quả từ nối và các phương tiện liên kết.

10.5 Rubric: Đánh giá bài tập cá nhân

Số bài tập tư học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (<30%)	0-3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm

10.6 Rubric: Đánh giá bài thi kết thúc học phần

- Sử dụng rubric đánh giá bài kiểm tra thực hành nghe (10.3) và rubric bài kiểm tra thực hành nói (10.4) để đánh giá bài thi kết thúc học phần.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT



PGS. TS. Phan Thị
Hằng Nga

Trưởng khoa



TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

Trưởng bộ môn



ThS Dương Thị
Thu Hiền

Giảng viên biên soạn



ThS Nguyễn Thị Xuân
Chi

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Xuân Chi	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0907.314.423
Email: ntx.chi@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Hà Thành Thảo Em	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0949.597.369
Email: httem@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Biên dịch trong kinh doanh

Tên học phần (tiếng Anh): Business Translation

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011956
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Ngoại ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm 3 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn Ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên nghiệp

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần học trước: Biên dịch, Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh kinh doanh, Tiếng Việt thực hành, Cơ sở văn hóa Việt Nam

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần Biên dịch Kinh doanh thuộc khối kiến thức chuyên Ngành Tiếng Anh Kinh Doanh, là học phần tự chọn, được thiết kế nhằm phát triển và hoàn thiện kỹ năng biên dịch của sinh viên ở cấp độ nâng cao, đặc biệt chú trọng việc biên dịch trong lĩnh vực thương mại, ngân hàng, tài chính, quản trị, marketing,... Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên củng cố kiến thức ngữ pháp, cấu trúc câu trong biên dịch thương mại và cơ hội vận dụng các kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ trong biên dịch. Trong học phần này, sinh viên được học và rèn luyện các kỹ năng chuyển ngữ khá phức tạp và biên dịch các bài viết từ Anh sang Việt và ngược lại.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Sau khi học xong học phần này, sinh viên phát triển và vận dụng tốt các kỹ năng ngôn ngữ trong kinh doanh trong việc dịch các văn bản kinh doanh từ Anh sang Việt và ngược lại. Bên cạnh đó, sinh viên có thể phát triển các kỹ năng căn cơ của một biên dịch viên khi dịch một văn bản kinh doanh. Từ đó xây dựng cho sinh viên thái độ tích cực, chủ động đáp ứng tốt hơn cho công việc trong tương lai.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Ngôn ngữ: Áp dụng tốt cách phân tích và biến đổi cấu trúc câu để dịch các văn bản từ Anh sang Việt và ngược lại.	Kiến thức
CLO2	Từ vựng: Sử dụng được hệ thống từ vựng chuyên sâu để dịch các văn bản ở nhiều chủ đề khác nhau.	Kiến thức
CLO3	Văn hóa: Củng cố và phát triển kiến thức về văn hóa giữa hai ngôn ngữ Anh và Việt để vận dụng vào trong việc dịch Việt – Anh và Anh – Việt.	Kiến thức
CLO4	Đọc: Đọc hiểu được các đoạn văn bản chuyên sâu ở các chủ đề khác nhau trong kinh doanh	Kỹ năng
CLO5	Viết: Viết được các đoạn văn đúng ngữ pháp, từ vựng và có tính liên kết.	Kỹ năng
CLO6	Biết cách hợp tác, phân công nhiệm vụ giữa các thành viên trong nhóm để hoàn thành công việc được giao.	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Bài 1: dịch theo chủ đề - Thư giới thiệu doanh nghiệp	7	3	25	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết giảng, thảo luận nhóm,	[1]; [2]; [3]; [4] [5]; [6]	Làm bài tập trong giáo trình

	- Hồ sơ năng lực công ty				CLO4 CLO6	thực hành cá nhân		chính
2	Bài 2: dịch theo chủ đề - Kế hoạch kinh doanh: phân tích thị trường - Kế hoạch kinh doanh: dự báo bán hàng	8	4	25	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4] [5]; [6]	Làm bài tập trong giáo trình chính
3	Bài 3: dịch theo chủ đề - Chính sách công ty - Bản mô tả công việc	8	4	30	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4] [5]; [6]	Làm bài tập trong giáo trình chính
4	Bài 4: dịch theo chủ đề - Đánh giá nhân sự - Biên bản họp	7	4	25	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4] [5]; [6]	Làm bài tập trong giáo trình chính
5	Bài 5: dịch theo chủ đề - Thông cáo báo chí - Bản tin nhà đầu tư				CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4] [5]; [6]	Làm bài tập trong giáo trình chính
6	Bài 6: dịch theo chủ đề - Thư mời dự sự kiện				CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết giảng, thảo luận nhóm,	[1]; [2]; [3]; [4] [5]; [6]	Làm bài tập trong giáo trình

	- Thư mời họp đại hội cổ đông thường niên				CLO4 CLO5 CLO6	thực hành cá nhân		chính
7	Bài 7: dịch theo chủ đề - Hợp đồng thương mại - Biên bản ghi nhớ				CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6]	Làm bài tập trong giáo trình chính
8	Bài 8: dịch theo chủ đề - Thư xác nhận nhân sự - Bản cam kết bảo mật thông tin				CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6]	Làm bài tập trong giáo trình chính
9	Bài 9: dịch theo chủ đề - Chức danh, bộ phận và chức năng của bộ phận trong doanh nghiệp - Quốc hiệu, tên một số cơ quan đơn vị và chức danh lãnh đạo, cán bộ công chức trong hệ thống hành chính nhà nước Việt Nam				CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6]	Làm bài tập trong giáo trình chính

6) Phương pháp dạy – học

6.1 Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập	Vật liệu giảng dạy
----	-----------------	---------------------	--------------------

		trên lớp	
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính

6.2 Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành cá nhân	Hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức lý thuyết để thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong kinh doanh	Giáo trình chính Bài tập

6.3 Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 5 sinh viên, bầu nhóm trưởng.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và thuyết trình từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính để làm bài tập cuối mỗi bài và các hoạt động tự học khác theo yêu cầu của giảng viên.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

- (1) Tô Hà Thanh Phương (2024). *Thực hành dịch thương mại*. NXB Thế Giới.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- (1) Newmark, P. (2007), *Approaches to Translation*, Pergamon Press: London.
 (2) Le Huy Lâm (2009), *Luyện dịch Anh - Việt, Việt - Anh*, Nxb Tổng hợp Tp Hồ Chí Minh
 (3) Hồ Văn Hòa (2012), *Luyện Dịch Việt-Anh 1*, Nxb Hồng Đức.
 (4) Hồ Văn Hòa (2012), *Luyện Dịch Việt-Anh 2*, Nxb Hồng Đức.
 (5) Hồ Văn Hòa (2012), *Luyện Dịch Việt-Anh 3*, Nxb Hồng Đức.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1 Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2 Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài thuyết trình	Chấm bài thuyết trình	Bài thuyết trình hoàn thành
Làm bài tập được giao	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3 Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	4%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, thuyết trình [2]	6%
		Bài kiểm tra thực hành dịch Anh-Việt [3]	15%
		Bài kiểm tra thực hành dịch Việt-Anh [4]	15%
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Tự luận [5]	60%

9) Ma trận

9.1 Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1				R		M				
CLO2				R		M				
CLO3				R		M				
CLO4				R		M				

CLO5				R		M				
CLO6									R	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết giảng	X	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm	X	X		X		
Thực hành cá nhân	X	X	X	X	X	X
Báo cáo, thuyết trình	X	X		X		X

9.3 Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp			X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm, thuyết trình	X	X		X		X	X
Bài kiểm tra thực hành dịch Anh-Việt	X	X		X			

Bài kiểm tra thực hành dịch Việt-Anh	X	X	X		X	X	
Tự luận	X	X	X		X	X	

10) Các rubric/thang điểm đánh giá

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0-3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm

Làm bài tập chưa đầy đủ ($80\% \leq 90\%$)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ ($50\% \leq 80\%$)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ ($30\% \leq 50\%$)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ ($\leq 30\%$)	0-3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm

10.4 Rubric: Báo cáo, thuyết trình/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS. TS. Phan Thị
Hằng Nga

TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

ThS Dương Thị
Thu Hiền

ThS Phan Văn
Quang

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Phan Văn Quang	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0985.974.207
Email: pv.quang@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Nguyễn Thị Huyền	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0902.349.388
Email: ntt.huyen@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Biên dịch

Tên học phần (tiếng Anh): Translation

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011945
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Bài tập, thảo luận: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Ngoại ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm thứ 2 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên nghiệp

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần học trước: Ngữ pháp nâng cao, Tiếng Việt thực hành, Cơ sở văn hóa Việt Nam

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần Biên dịch thuộc khối kiến thức chuyên ngành – học phần bắt buộc – cung cấp các kiến thức căn bản về phương pháp biên dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại. Người học cũng có khả năng ứng dụng các kiến thức về lý thuyết dịch vào trong thực tế công việc để thực hành các kỹ năng biên dịch. Những nội dung chủ yếu của học phần bao gồm: Unit 1. Introduction to basic translation, Translation methods, Sentence transformation, Rule of parallelism, Unit 2. Thực hành dịch Việt – Anh: (a) Hợp đồng xuất khẩu gạo, (b) Hợp đồng liên doanh, (c) Hợp đồng ủy thác nhập khẩu, (d) Hợp đồng vận chuyển hàng hóa, (e) thư tín thương mại: Orders: Placing an order, Delays in delivery, Refusing an order, Payment: Invoices and statements, Requests for payment, Unit 3. Travel: (a) Melbourne: thành phố văn hóa, (b) Phố cổ Hội An, (c) Khám phá vùng đất mới:

Israel, (d) Về thăm Đồng Tháp, Unit 4. Thực hành dịch Anh – Việt: (a) HoChiMinh City to develop 49km metro line linking downtown area to Can Gio, (b) Saigon dishes at night, (c) The Birth of Tourism, (d) Contract for rice, (d) Joint Venture Contract, (e) Sales and Purchase Contract, (f) Credit, (g) Transport and shipment,

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Sau khi học xong học phần, người học hiểu được cách thức dịch một văn bản từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại ở nhiều lĩnh vực khác nhau, đồng thời người học có cơ hội vận dụng kiến thức đã học để biên dịch một văn bản. Ngoài ra, người học có thể vận dụng các phương pháp dịch căn bản, cách phân tích và biến đổi cấu trúc câu và xử lý từ vựng nhằm giúp người học có được cơ sở lý luận cơ bản về Biên dịch.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức I và R trong ma trận mối quan hệ CDR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Áp dụng kiến thức chuyên môn được cung cấp trong khóa học để phát triển năng lực biên dịch, một yếu tố quan trọng góp phần tạo nên đội ngũ phiên dịch viên có trình độ chuyên môn trong thực tế.	Kiến thức
CLO2	Phân tích và tổng hợp kiến thức đã học để rèn luyện phát triển năng lực biên dịch.	Kiến thức
CLO3	Đánh giá chất lượng bài kiểm tra biên dịch của từng ứng viên dựa trên thang điểm đánh giá chất lượng biên dịch.	Kiến thức
CLO4	Tạo ra các phiên bản dịch khác nhau bằng cách áp dụng các chiến lược học tập để phát triển chuyên môn cần thiết cho công việc cụ thể.	Kỹ năng
CLO5	Phân tích được các yếu tố văn hóa trong bản dịch	Kỹ năng
CLO6	Vận dụng được phương pháp dịch phù hợp với văn bản dịch, từ đó giúp người học hình thành kỹ năng dịch thuật	Kỹ năng
CLO7	Vận dụng được các phần mềm, công nghệ trong công việc dịch thuật	Kỹ năng

CLO8	Tích cực lĩnh hội kiến thức và phát triển kỹ năng dịch thuật thông qua các chủ đề được học	Tự chủ và trách nhiệm
CLO9	Có thái độ cư xử, giao tiếp tiếng Anh chuẩn mực phù hợp môi trường đa văn hóa	Tự chủ và trách nhiệm
CLO10	Có ý thức học tập và rèn luyện kỹ năng dịch như công cụ để trau dồi và nghiên cứu các môn học chuyên ngành	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Unit 1: + Introduction to basic translation + Basic sentence patterns + Rules of parallelism + Translation methods	3	1.5	10.5	CLO1 CLO2	Thuyết giảng	[1]; [2]; [5].	Sinh viên đọc từ: - trang 7-21 trong sách "phương pháp dịch Anh – Việt" của Nguyễn Thanh Chương và Dương Trác Bạt
2	Unit 1 (cont.) + Transformation in translation	3	1.5	10.5	CLO2; CLO3; CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [5].	Sinh viên đọc từ: - trang 7-21

								trong sách “phương pháp dịch Anh – Việt” của Nguyễn Thanh Chương và Dương Trác Bật
3	Unit 2. Thực hành dịch Việt – Anh: + Hợp đồng xuất khẩu gạo + Hợp đồng liên doanh	3	1.5	10.5	CLO2; CLO3; CLO4;	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Sinh viên đọc từ: -trang 202 và trang 326 sách Hướng dẫn Biên soạn và Dịch thuật 100 mẫu hợp đồng kinh tế Việt – Anh của Đức Tín
4	Unit 2 (cont.) + Thư tín thương mại: Orders, Payment Unit 3. Thực hành dịch Việt – Anh + Travel: Melbourne:	3	1.5	10.5	CLO2; CLO3; CLO4; CLO7; CLO8	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Sinh viên đọc: - trang 105 và trang 153 sách Thư tín thương mại hiện

	thành phố văn hóa							đại của Lê Minh Cần
5	Unit 3 (cont.) + Phố cổ Hội An + Khám phá vùng đất mới: Israel Unit 4. Thực hành dịch Anh – Việt + Saigon dishes at night + The Birth of Tourism	3	1.5	10.5	CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO8; CLO10	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Sinh viên tham khảo báo Sài gòn giải phóng – English edition
6	Unit 3 (cont.) + Về thăm Đồng Tháp Unit 4 (cont.) + Contract for rice + Transport and shipment	3	1.5	10.5	CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7; CLO10;	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Sinh viên đọc: - trang 425 sách Thư tín thương mại hiện đại của Lê Minh Cần - trang 231 sách Hợp đồng thương mại quốc tế của Nguyễn Trọng Đàn
7	Unit 4 (cont.) + Joint	3	1.5	10.5	CLO2; CLO3;	Thuyết giảng; Thảo	[1]; [2]; [3]; [4];	Sinh viên

	Venture Contract + Sales and Purchase contract				CLO5; CLO8; CLO9	luận nhóm;	[5].	đọc: - trang 306, 322 sách Hợp đồng thương mại quốc tế của Nguyễn Trọng Dân
8	Unit 4 (cont.) + Credit Unit 3 (cont.) + HoChiMinh City to develop 49km metro line linking downtown area to Can Gio	3	1.5	10.5	CLO2; CLO3; CLO5; CLO10	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Sinh viên đọc: - trang 259 sách Cẩm nang thư tín thương mại hiện đại của Lê Minh Cần - báo Sài Gòn giải phóng: English edition
9	Unit 3 (cont.) + Credit (cont.) + Hợp đồng cung ứng lao động Midterm exam	3	1.5	10.5	CLO2; CLO5; CLO9; CLO10	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Sinh viên đọc: - trang 198 sách Hướng dẫn Biên soạn và Dịch thuật 100 mẫu hợp

								đồng kinh tế Việt – Anh của Đức Tin
10	Unit 2 (cont.) + Hợp đồng Ủy thác xuất khẩu Review	3	1.5	10.5	CLO5; CLO7; CLO8			Sinh viên đọc: - trang 336 sách Hướng dẫn Biên soạn và Dịch thuật 100 mẫu hợp đồng kinh tế Việt – Anh của Đức Tin

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, phản biện	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành tại lớp	Hướng dẫn người học trình bày lý thuyết, ứng dụng lý thuyết đã trình bày vào các chủ đề thảo luận và bài tập cá nhân	- Giáo trình chính - Bài tập

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 5 sinh viên, bầu nhóm trưởng.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và thuyết trình từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính để làm bài tập cuối mỗi bài và các hoạt động tự học khác theo yêu cầu của giảng viên.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

(1) Nguyễn Thanh Chương và Trương Trác Bạt (2018), *Phương pháp dịch Anh Việt*. Nhà xuất bản Đồng Nai.

(2) Đức Tín (2018). *Hướng dẫn Biên soạn và Dịch thuật 100 mẫu hợp đồng kinh tế Việt – Anh*. Nhà xuất bản Dân Trí

(3) Cotton, D., Falvey, D. & Kent, S. (2010). *Intermediate Market Leader. Business English Course book*. Pearson: Longman. <<https://plienglish.net/wp-content/uploads/2020/04/Market-Leader-Intermediate-3rd-Edition.pdf>>

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

(1) Nguyễn Thành Yên (2005). *Luyện dịch tiếng Anh thương mại*. Nhà xuất bản Tổng hợp Tp. HCM

(2) Mỹ Duy (2019). *Sổ tay thư tín thương mại quốc tế*. Nhà xuất bản Thanh niên

(3) Lê Minh Căn (2006). *Cẩm nang thư tín thương mại hiện đại*. Nhà xuất bản Tổng hợp Đồng Nai

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài thuyết trình	Chấm bài thuyết trình	Bài thuyết trình hoàn thành
Làm bài tập cá nhân	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	4%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, thuyết trình [2]	4%
		Bài tập cá nhân tại lớp, và homework [3]	10%
		Bài kiểm tra giữa kỳ [4]	22%
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Tự luận [5]	60%

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1				1		1				
CLO2				1		1				
CLO3				1		1				
CLO4				1		1				
CLO5				1		1				
CLO6				1		1				
CLO7				1		1				
CLO8									1	
CLO9									1	
CLO10									1	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7
Thuyết giảng	X	X	X		X	X	X
Thảo luận nhóm		X	X	X			
Thực hành cá nhân				X		X	X
Thuyết trình		X	X		X		

Phương pháp dạy – học	CLO8	CLO9	CLO10
Thuyết giảng			
Thảo luận nhóm			X
Thực hành cá nhân	X	X	X
Thuyết trình			

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X		X		
Thảo luận nhóm, thuyết trình		X	X		X		

Bài tập cá nhân tại lớp, homework				X		X	
Bài kiểm tra giữa kỳ		X	X	X	X	X	X
Tự luận	X	X	X	X	X	X	X

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO8	CLO9	CLO10
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	
Thảo luận nhóm, thuyết trình			X
Bài tập cá nhân tại lớp, homework	X	X	
Bài kiểm tra giữa kỳ	X	X	X
Tự luận	X	X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm

Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0 – 3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	- Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%<=80%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%<=90%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%<=100%)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%<=80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%<=90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%<=100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%<=100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%<=90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%<=80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%<=50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (<=30%)	0 – 3 điểm

Không làm bài tập	0 điểm.
-------------------	---------

10.4 Rubric: Báo cáo, thuyết trình/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS. TS. Phan Thị
Hàng Nga

TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

ThS Dương Thị
Thu Hiền

ThS Nguyễn Ngọc
Tuyền

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Tuyền	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0913.617.276
Email: nn.tuyen@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Phan Văn Quang	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0985.974.207
Email: pv.quang@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Giao tiếp kinh doanh liên văn hóa

Tên học phần (tiếng Anh): Intercultural Business Communication

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011960
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Ngoại Ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm thứ 3 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn Ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên nghiệp

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☒			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☒	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:
Điều kiện tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Văn hóa doanh nghiệp
- Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần Giao tiếp liên văn hoá trong kinh doanh cung cấp kiến thức về các lý thuyết và mô hình giao tiếp liên văn hóa trong môi trường kinh doanh, giúp người học hiểu rõ sự ảnh hưởng của văn hóa đến phong cách giao tiếp, đàm phán và hợp tác quốc tế. Thông qua các tình huống thực tế, người học sẽ nhận diện sự khác biệt về giá trị, tập quán, tín ngưỡng, và cách thức ra quyết định trong các nền văn hóa khác nhau. Đồng thời, học phần cũng đề cập đến bản sắc văn hóa, thành kiến, định kiến và những ngộ nhận trong giao tiếp phi ngôn ngữ, giúp người học nâng cao khả năng thích ứng, xây dựng chiến lược giao tiếp hiệu quả và phát triển kỹ năng làm việc trong môi trường kinh doanh đa văn hóa.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này cung cấp kiến thức nền tảng về văn hóa và giao tiếp liên văn hóa trong môi trường kinh doanh quốc tế, đặc biệt là các quốc gia sử dụng tiếng Anh. Người học sẽ hiểu được sự khác biệt văn hóa, phân tích tác động của chúng đến giao tiếp, đàm phán và hợp tác kinh doanh, đồng thời rèn luyện kỹ năng thích ứng với các mô hình giao tiếp đa văn hóa. Học phần này giúp người học áp dụng kiến thức về văn hóa và liên văn hóa để thực hiện các hoạt động chuyên môn như: giao tiếp kinh doanh, thương lượng và đàm phán quốc tế, quản lý quan hệ khách hàng đa văn hóa, làm việc trong các tập đoàn đa quốc gia hoặc các tổ chức có yếu tố quốc tế.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Phân biệt được những khái niệm cơ bản trong giao tiếp liên văn hóa bao gồm những hệ thống giá trị văn hóa, cú sớ văn hóa, giao tiếp bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa	Kiến thức
CLO2	So sánh và đối chiếu những thang bậc giá trị, tín ngưỡng, quan niệm sống và hành vi giữa nhiều nền văn hóa khác nhau. Lựa chọn thái độ và hành vi phù hợp với từng ngữ cảnh giao tiếp liên văn hóa khác nhau trong môi trường làm việc	Kiến thức
CLO3	Phân tích và lý giải được những nguyên nhân dẫn đến những xung đột văn hóa, sự kỳ thị và thành kiến trong giao tiếp, có phương pháp ứng xử và giao tiếp hiệu quả, cụ thể là trong môi trường làm việc. Ứng dụng thuần thục những cử chỉ trong giao tiếp phi ngôn ngữ trong từng nền văn hóa khác nhau.	Kiến thức
CLO4	Phân tích và đánh giá được sự khác biệt và đa dạng văn hóa trong các tình huống giao tiếp đa văn hóa trong học thuật, trong kinh doanh và trong các sự kiện văn hóa xã hội	Kỹ năng

CLO5	Nhận diện và xử lý các vấn đề liên quan đến khác biệt văn hóa, có cách ứng xử phù hợp, tránh các xung đột văn hóa, cũng như giải quyết các tình huống phát sinh hiệu quả trong giao tiếp liên văn hóa.	Kỹ năng
CLO6	Làm việc độc lập/làm việc theo nhóm, chủ động giải quyết công việc, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	[1]: (trang 1-21) CHAPTER 1. THE NATURE OF INTERCULTURAL COMMUNICATION 1. Globalization, Glocalization, and Grobalization 2. Culture 3. Enculturation 4. Acculturation 5. Ethnocentrism 6. Norms, Rules, Roles, and Networks Subcultures and Subgroups	3	1	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm	[1]; [2]	Đọc giáo trình [1] trang 1-21, giáo trình [2] trang 14-17

	7. <i>Cultural Intelligence</i> 8. <i>Communication Barriers</i> 9. <i>Intercultural Constructs</i> 10. <i>Global Mindsets</i> 11. <i>Multinational Management Orientations</i> [2]: (trang 14-17) CHAPTER 1. WHY STUDY INTERCULTURAL COMMUNICATION? 1. <i>The Economic Imperative</i>							
2	[1]: (trang 51-71) CHAPTER 3. CONTRASTING CULTURAL VALUES 1. <i>Values</i> 2. <i>Semantic Differences</i> 3. <i>Attribution and Perception</i> 4. <i>Attitudes Toward</i>	3	1	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm	[1]; [2]	Đọc giáo trình [1] trang 51-71, giáo trình [2] trang 88-105

	<i>Women</i> <i>5. Work Attitudes</i> <i>6. Attitudes Toward Ethics</i> <i>7. Religious Influences</i> <i>8. Individualism and Collectivism</i> [2]: (trang 88-105) CHAPTER 3. CULTURE, COMMUNICATION, CONTEXT AND POWER <i>1. The Relationship Between Culture and Communication</i> <i>1.1. How Culture Influences Communication</i> <i>1.2. How Communication Reinforces Culture</i> <i>1.3. Communication as Resistance to the Dominant Cultural System</i>							
3	[1]: (trang 75-114) CHAPTER 4.	3	1	10	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết giảng, thảo luận	[1]; [2]	Đọc giáo trình [1]

CULTURAL SHOCK <i>1. Stages of Cultural Shock</i> <i>2. Alleviating Cultural Shock</i> <i>3. Aspects of Cultural Shock</i> <i>4. Relationships and Family Considerations</i> <i>5. Public and Private Self</i> CHAPTER 5. LANGUAGE <i>1. High- and Low-Context Language</i> <i>2. Language Diversity</i> <i>3. Informal and Alternative Languages</i> <i>4. Forms of Verbal Interaction</i> <i>5. Linear and Nonlinear Language</i> <i>6. Conversation Taboos 100</i> <i>7. Language and Culture Interaction</i>				CLO4 CLO5	nhóm		trang 75-114, giáo trình [2] trang 250- 253
--	--	--	--	--------------	------	--	--

	[2]: (trang 250-253) CHAPTER 6. LANGUAGE AND INTERCULTURAL COMMUNICATION <i>1. Language and globalization</i>							
4	[1]: (trang 115-137) CHAPTER 6. ORAL AND NON-VERBAL COMMUNICATION PATTERNS <i>1. Thought Patterns</i> <i>2. Paralanguage</i> <i>3. Chronemics</i> <i>4. Proxemics</i> <i>5. Oculesics</i> <i>6. Olfactics</i> <i>7. Haptics</i> <i>8. Kinesics</i> <i>9. Chromatics</i> <i>10. Silence</i> <i>11. Nonverbal Leakage 1</i> [2]: (trang 262-282) CHAPTER 7.	3	1	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm	[1]; [2]	Đọc giáo trình [1] trang 115- 137, giáo trình [2] trang 262- 282

	NONVERBAL CODES AND CULTURAL SPACE <i>1. Defining Nonverbal Communication</i> <i>2. Comparing Verbal and Nonverbal Communication</i> <i>3. What Nonverbal Behavior Communicates</i> <i>4. The Universality of Nonverbal Behavior</i> <i>5. Recent Research Findings</i> <i>6. Nonverbal Codes</i> <i>7. Stereotype, Prejudice, and Discrimination</i> <i>8. Semiotics and Nonverbal Communication</i>							
5	[1]: (trang 138-160) CHAPTER 7. WRITTEN COMMUNICATION PATTERNS <i>1. International English</i>	3	1	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm	[1]; [2]	Độc giáo trình [1] trang 138-160

	<i>2. Writing Tone and Style</i> <i>3. Letter Formats</i> <i>5. Electronic Mail (E-Mail)</i> <i>6. Resume and Job Search Information</i>							
6	[1]: (trang 161-180) CHAPTER 8. GLOBAL ETIQUETTE <i>1. Introductions</i> <i>2. Business Card Exchange</i> <i>3. Position and Status</i> <i>4. Electronic Communication Etiquette</i> <i>5. Dining Practices</i> <i>6. Tipping</i> <i>7. Gift Giving</i> <i>8. Travel Etiquette</i>	3	1	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm	[1]; [2]	Đọc giáo trình [1] trang 161-180
7	[1]: (trang 181-204) CHAPTER 9. BUSINESS AND SOCIAL CUSTOMS <i>1. Greeting and</i>	3	1	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm	[1]; [2]	Đọc giáo trình [1] trang 181-204

	<i>Handshaking Customs</i> <i>2. Verbal Expressions</i> <i>3. Male/Female Relationships and Workplace Equality</i> <i>4. Humor in Business</i> <i>187</i> <i>5. Superstitions and Taboos</i> <i>6. Dress and Appearance</i> <i>7. Customs Associated with Holidays and Holy Days</i> <i>8. Office Customs and Practices</i> <i>9. Customary Demeanor/Behavior</i> <i>10. Special Foods and Consumption Taboos</i>							
8	THUYẾT TRÌNH	3	3	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề	[1]; [2]; [3]; [4]	
9	BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ	2	4	15	CLO1 CLO2 CLO3	Báo cáo chuyên đề	[1]; [2]	

					CLO4 CLO5			
10	[1]: (trang 205-258) CHAPTER 10. INTERCULTURAL NEGOTIATION PROCESS <i>1. Steps in the Negotiation Process</i> <i>2. Mistakes Commonly Made During Negotiations</i> <i>3. Intercultural Negotiation Models</i> <i>4. Negotiation Strategies</i> <i>5. Trade Agreements</i> <i>6. Negotiation Styles</i> CHAPTER 11. INTERCULTURAL NEGOTIATION COMPONENTS <i>1. Cross-Cultural Negotiation Components</i> <i>2. Stereotypes That Affect Intercultural Negotiations</i>	4	1	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luyện nhóm	[1]; [2]	Đọc giáo trình [1] trang 205- 258, giáo trình [2] trang 436- 444

3. <i>Comparative Negotiation Styles</i> 4. <i>Characteristics of Effective Negotiators</i> 5. <i>Importance of Protocol in Intercultural Negotiations</i> [2]: (trang 436-444) CHAPTER 12. MANAGING INTERCULTURAL CONFLICT 1. Managing intercultural conflict 1.1. Dealing with Interpersonal Conflict 1.2. Mediation 1.3. Peacebuilding							
--	--	--	--	--	--	--	--

6) Phương pháp dạy – học

6.1 Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, và trình bày kết quả thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính

3	Báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Chuyên đề viết báo cáo
---	-------------------	---	------------------------

6.2. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Thực hành cá nhân các bài tập theo hướng dẫn của giảng viên.
- Nghiên cứu giáo trình chính để làm bài tập cuối mỗi bài và các hoạt động tự học khác theo yêu cầu của giảng viên.
- Hoàn thành các bài đọc thêm trong tài liệu tham khảo theo thời gian giảng viên yêu cầu.
- Hoàn thành các sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy(giáo trình chính):

- (1) Chaney, L. H., & Martin, J. S. (2012). *Intercultural business communication* (6th ed). Prentice Hall.
- (2) Martin, J. N., & Nakayama, T. K. (2022). *Intercultural communication in contexts* (Eighth edition.). McGraw Hill Education.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- (1) Reynolds, S., & Valentine, D. (2011). *Guide to cross-cultural communication* (2nd ed). Prentice Hall.
- (2) Jandt, F. E. (2022). *An introduction to intercultural communication: Identities in a global community* (Tenth Edition). SAGE.
- (3) Sorrells, K. (2016). *Intercultural communication: Globalization and social justice* (Second edition). SAGE.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học:

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Bài tập phân tích tình huống	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động	10%

quá trình		trên lớp [1]	
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm [2]	10%
		Tiểu luận [3]	20%
		Thuyết trình [4]	10%
Đánh giá kết thúc	Dự án cuối kỳ	Dự án cuối kỳ theo hình thức quay video [5]	50%

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1	1				M	M				
CLO2	1				M	M				
CLO3	1				M	M				
CLO4	1				M	M				
CLO5	1				M	M				
CLO6										

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết giảng	X	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm	X	X	X	X	X	X
Báo cáo chuyên đề	X	X	X	X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Chuyên cần, tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X	X		
Thảo luận nhóm	X	X	X	X	X	X
Bài tập tự học	X	X	X	X	X	
Tiểu luận nhóm giữa kỳ	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình nhóm giữa kỳ	X	X	X	X	X	X
Dự án video cuối kỳ	X	X	X	X	X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm chuyên cần:

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm

Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0-3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm thảo luận nhóm:

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt (10)	Khá (7.5)	Trung bình (5.0)	Kém (0)
Thái độ tham gia	20	Khơi gợi vấn đề và dẫn dắt cuộc thảo luận	Tham gia thảo luận	Ít tham gia thảo luận	Không tham gia thảo luận
Kỹ năng thảo luận	40	Phân tích đánh giá tốt	Phân tích, đánh giá khá tốt	Phân tích, đánh giá khi tốt, khi chưa tốt	Phân tích, đánh giá chưa tốt
Chất lượng đóng góp ý kiến	40	Sáng tạo, phù hợp	Phù hợp	Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp	Không phù hợp

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học:

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ ($90\% \leq 100\%$)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ ($80\% \leq 90\%$)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ ($50\% \leq 80\%$)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ ($30\% \leq 50\%$)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ ($\leq 30\%$)	0-3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm

10.4 Rubric: Tiểu luận nhóm giữa kỳ

Điểm	Nội dung và mức độ đáp ứng yêu cầu của đề (25%)	Cách trình bày và văn phong (25%)	Bố cục và trật tự lập luận (25%)	Tư duy phân biện và tính sáng tạo (25%)
0-2.9	Nội dung không hoặc ít liên quan đến yêu cầu của đề	Rất khó hiểu	Rời rạc và thiếu lập luận	Thiếu tư duy phân biện và tính sáng tạo
3.0-3.9	Thiếu kiến thức và sự hiểu biết về các vấn đề liên quan	Không rõ ràng hoặc diễn đạt chưa phù hợp	Rời rạc và thiếu lập luận	Thiếu tư duy phân biện và tính sáng tạo
4.0-4.9	Thể hiện kiến thức cơ bản về các vấn đề liên quan	Gặp nhiều vấn đề về cách trình bày	Lập luận yếu	Thiếu tư duy phân biện nhưng có ít sáng tạo
5.0-5.9	Tương đối hiểu được các vấn đề trọng tâm có liên quan; phần nào hiểu được lĩnh vực bao quát	Đôi khi không rõ ràng hoặc dài dòng; mắc một vài vấn đề về cách trình bày	Lập luận tương đối mạch lạc nhưng còn một vài vấn đề về bố cục	Thể hiện được một phần tư duy phân biện
6.0-6.4	Hiểu được các vấn đề và lý thuyết có liên quan; biết sử dụng các khung và phương pháp phân tích	Diễn đạt rõ ràng với ít vấn đề về cách trình bày	Bố cục rõ ràng, thể hiện khả năng phát triển lập luận	Thể hiện được một phần tư duy phân biện
6.5-6.9	Nắm vững các vấn đề và lý thuyết có liên quan; biết phân tích dữ liệu một	Cách diễn đạt mạch lạc và thú vị, có khả năng truyền tải những ý phức tạp một	Lập luận rõ ràng, mạch lạc, thể hiện khả năng tổng hợp những thông tin và lý	Thể hiện tốt tư duy phân biện

	cách chính xác (nếu có)	cách rõ ràng và cô đọng, với rất ít hoặc hầu như không có vấn đề về cách trình bày	thuyết đã có	
7.0-8.4	Hiểu rất rõ các vấn đề và lý thuyết có liên quan và sử dụng dữ liệu một cách xuất sắc	Trình bày rõ ràng, mạch lạc, sử dụng ngôn ngữ phù hợp.	Lập luận chặt chẽ và có sức thuyết phục, dẫn đến một kết luận hợp lý	Thể hiện được ý thức tốt về tư duy phân biện và thể hiện một phần tính sáng tạo
8.5-10	Thể hiện kiến thức và hiểu biết sâu và rộng về các nguồn dữ liệu sơ cấp, thứ cấp, và các vấn đề liên quan	Sử dụng ngôn ngữ tự tin, súc tích, truyền tải thông điệp một cách hiệu quả.	Bổ cục chặt chẽ với lập luận có tính sáng tạo một cách nổi bật và nhất quán	Đánh giá được những cách tiếp cận đã có và đề xuất những giải pháp mới có tính sáng tạo, sâu sắc, và bao quát

10.5 Rubric: Thuyết trình nhóm giữa kỳ

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung thuyết trình phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.6 Rubric: Dự án video cuối kỳ

Tiêu chí	9 - 10 điểm (Xuất sắc)	7 - 8 điểm (Tốt)	5 - 6 điểm (Đạt yêu cầu cơ bản)	Dưới 5 điểm (Chưa đạt yêu cầu)

Tiêu chí	9 - 10 điểm (Xuất sắc)	7 - 8 điểm (Tốt)	5 - 6 điểm (Đạt yêu cầu cơ bản)	Dưới 5 điểm (Chưa đạt yêu cầu)
Nội dung (40%)	Nội dung đầy đủ, chính xác, có hệ thống rõ ràng. Thể hiện hiểu biết sâu sắc về chủ đề.	Nội dung đúng, khá đầy đủ nhưng có thể mở rộng hơn. Chủ đề được trình bày tốt nhưng chưa có chiều sâu.	Nội dung cơ bản nhưng còn thiếu sót hoặc chưa chặt chẽ. Chủ đề trình bày chưa đầy đủ.	Nội dung sơ sài, thiếu chính xác hoặc có sai lệch. Chủ đề chưa được triển khai rõ ràng.
Trình bày (30%)	Cấu trúc video hợp lý, có mở đầu hấp dẫn, nội dung rõ ràng, kết luận ấn tượng. Thời lượng phù hợp, không lan man. Chuyển tiếp mượt mà, sắp xếp hợp lý.	Bố cục tương đối hợp lý nhưng có thể cải thiện phần liên kết giữa các phần. Một số nội dung có thể trình bày gọn hơn. Chuyển tiếp ổn nhưng chưa thực sự mượt mà.	Cấu trúc chưa thật sự rõ ràng, có phần thiếu liên kết. Một số ý chưa được trình bày mạch lạc, dễ gây nhầm lẫn. Video đôi lúc bị rời rạc, khó theo dõi.	Cấu trúc lộn xộn, khó theo dõi. Nội dung không mạch lạc, thiếu liên kết. Trình bày rối rắm, khiến người xem khó hiểu.
Sự sáng tạo & Ứng dụng thực tiễn (30%)	Ý tưởng mới mẻ, sáng tạo trong cách tiếp cận chủ đề.	Có sự sáng tạo nhưng chưa thật sự nổi bật. Có liên hệ thực tế nhưng chưa sâu.	Ít sáng tạo, cách tiếp cận khá phổ biến. Liên hệ thực tế còn hạn chế.	Không có sáng tạo, cách tiếp cận cũ kỹ. Không có hoặc rất ít liên hệ

	Có liên hệ thực tế rõ ràng.			thực tế.
--	-----------------------------------	--	--	----------

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT



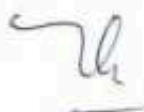
PGS. TS. Phan Thị
Hằng Nga

Trưởng khoa



TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

Trưởng bộ môn



ThS Dương Thị
Thu Hiền

Giảng viên biên soạn



ThS Đặng Nguyễn
Phương Thảo

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Đặng Nguyễn Phương Thảo	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0978.356.006
Email: dnp.thao@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Nguyễn Hoàng Hải	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0339.565.099
Email: nhhai@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Khóa luận tốt nghiệp

Tên học phần (tiếng Anh): Graduation thesis

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011425
- Tổng số tín chỉ: 6 Lý thuyết: 0 Thực hành: 6
- Phân bố thời gian (giờ): Lý thuyết: 0 Thực hành: 300
- Số giờ tự học (giờ): 0
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Ngoại ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm thứ 3 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Tốt nghiệp

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☐						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:

- Điều kiện tiên quyết: Theo quy định về thực hiện Khóa luận tốt nghiệp hiện hành của Trường

- Học phần học trước: Các học phần ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo

- Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần Khóa luận tốt nghiệp là học phần bắt buộc, cuối cùng sau khi sinh viên hoàn thành tất cả các học phần khác trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh_Tiếng Anh kinh doanh. Học phần diễn ra trong 10 tuần, sinh viên vừa thực tập tại đơn vị thực tập (công ty, xí nghiệp, tổ chức kinh doanh...) và vừa viết báo cáo thực tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Học phần giúp người học vận dụng kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm được đào tạo ở trường đại học vào môi trường làm việc thực tế, giúp sinh viên có trải nghiệm trong môi trường làm việc thực tế, nhận ra điểm mạnh, điểm yếu của mình và học hỏi kinh nghiệm chuẩn bị cho công việc trong tương lai.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Sau khi hoàn thành Học phần Khóa luận tốt nghiệp, sinh viên có thể vận dụng tốt các kiến thức về kinh doanh và các kỹ năng ngôn ngữ đã học vào thực tế hoạt động của một công ty, doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh có sử dụng tiếng Anh thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể. Ngoài ra, sinh viên củng cố kiến thức đã học, rèn luyện thêm các kỹ năng ngôn ngữ, nâng cao kỹ năng thực hành tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết, biên phiên dịch) trong môi trường làm việc thực tế và học được những kỹ năng mềm cần thiết cho công việc sau này. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng trình bày kết quả của một báo cáo, phát hiện và giải quyết những vấn đề cụ thể một cách độc lập. Ngoài ra, khi sinh viên ra trường có cái nhìn rõ hơn về lý thuyết và thực tiễn, môi trường làm việc thực tế và giúp sinh viên có thái độ tích cực, chủ động đáp ứng tốt hơn cho công việc tương lai.

4) **Chuẩn đầu ra của học phần** (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức R trong ma trận mối quan hệ CDR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Vận dụng được kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh ở trình độ C1 trong các tình huống giao tiếp kinh doanh.	Kiến thức
CLO2	Vận dụng được các kiến thức về chuyên ngành tiếng Anh kinh doanh vào thực tế hoạt động của một công ty, xí nghiệp, tổ chức kinh doanh có sử dụng tiếng Anh thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể.	Kiến thức
CLO3	Vận dụng thành thạo các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh ở cấp độ C1 trong môi trường làm việc, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế, để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.	Kỹ năng
CLO4	Sử dụng các kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá các vấn đề và đề xuất các giải pháp phù hợp và hợp lý.	Kỹ năng
CLO5	Tích cực tự học hỏi, tự tìm tòi và ham hiểu biết về lĩnh vực sinh viên thực tập và các lĩnh vực liên quan	Tự chủ và tự chịu trách nhiệm
CLO6	Lập kế hoạch, điều phối và quản lý hiệu quả các nguồn lực; đánh giá và cải thiện hoạt động của cá nhân, nhóm và tổ chức; thích ứng với sự thay đổi và phát triển nghề nghiệp.	Tự chủ và tự chịu trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
Tuần 1	- Sinh viên liên hệ đơn vị		30		CLO1	Phương pháp đặt và giải	[1], [2], [3]	Đọc Tài liệu

	thực tập. - Sinh viên liên hệ với giảng viên trao đổi về đề tài viết khóa luận tốt nghiệp.					quyết vấn đề		
Tuần 2	- Thực tập tại các đơn vị. - Xác định đề tài. - Viết đề cương sơ bộ cho đề tài.		30		CLO2, CLO3	Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề	[1], [2], [3], [4], [5]	Đọc Tài liệu và thực tập
Tuần 3, 4	- Thực tập tại các đơn vị. - Hoàn thiện đề cương. - Viết và chỉnh sửa Phần mở đầu.		60		CLO2, CLO3, CLO4, CLO5; CLO6	Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề	[1], [2], [3], [4], [5]	Đọc Tài liệu và thực tập
Tuần 5, 6	- Thực tập tại các đơn vị. - Viết và chỉnh sửa chương 1, chương 2		60		CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề	[1], [2], [3], [4], [5]	Đọc Tài liệu và thực tập
Tuần 7, 8	- Thực tập tại các đơn vị. - Viết và chỉnh sửa chương 2, chương 3		60		CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề	[1], [2], [3], [4], [5], [6]	Đọc Tài liệu và thực tập

Tuần 9, 10	- Thực tập tại các đơn vị. - Viết và chỉnh sửa chương 3, chương 4		60		CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề	[1], [2], [3], [4], [5], [6]	Đọc Tài liệu và thực tập
---------------	--	--	----	--	------------------------------	--------------------------------------	------------------------------	--------------------------

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp/đơn vị thực tập	Vật liệu giảng dạy
1	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp và tại đơn vị	Thực tập đầy đủ các buổi theo kế hoạch Tích cực tham gia hoạt động tại đơn vị	- Đề cương Thực hành nghề nghiệp - Kế hoạch viết khóa luận tốt nghiệp
2	Báo cáo chuyên đề	Giảng viên trao đổi, hướng dẫn sinh viên viết báo cáo khóa luận theo từng chương	- Đề cương Thực hành nghề nghiệp - Kế hoạch viết khóa luận tốt nghiệp

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành tại đơn vị	Giảng viên trao đổi, hướng dẫn sinh viên viết báo cáo khóa luận theo từng chương	- Đề cương Thực hành nghề nghiệp - Kế hoạch viết khóa luận tốt nghiệp - Tài liệu nghiệp vụ tại đơn vị thực tập

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Lập kế hoạch và quản lý thời gian.
- Thực tập và hoàn thành nội dung được phân công tại đơn vị thực tập.
- Nghiên cứu tài liệu viết khóa luận.
- Hoàn thành từng phần nội dung bài viết theo quy định trong kế hoạch thực tập.

- Thảo luận về công việc thực tập, nội dung bài khóa luận với bạn bè, đồng nghiệp, người hướng dẫn tại đơn vị thực tập, giảng viên hướng dẫn.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy(giáo trình chính):

- (1) Đề cương Thực hành nghề nghiệp
- (2) Kế hoạch viết khóa luận tốt nghiệp
- (3) Tài liệu nghiệp vụ tại đơn vị thực tập

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- Tiếng Việt

- (1) Các giáo trình, tài liệu tham khảo liên quan đã các môn học trước.
- (2) Các tài liệu tài liệu tham khảo khác liên quan tới Khóa luận tốt nghiệp.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài báo cáo theo lịch gặp giảng viên	Chấm trình bày nội dung viết theo đề cương	Nội dung chương hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

	Nội dung	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Thực tập đầy đủ các buổi theo kế hoạch [1] Tích cực tham gia hoạt động tại đơn vị [2]	10%
	Thái độ học tập, thực tập tại đơn vị thực tập	Chấp hành sự hướng dẫn của giảng viên [3] Chấp hành nội quy tại đơn vị thực tập. Có đánh giá, nhận xét tốt về chuyên cần, thái độ, tinh thần làm việc từ đơn vị thực tập [4]	30%
Đánh giá kết thúc	Khóa luận tốt nghiệp	Đăng ký đề tài Khóa luận phù hợp và đúng hạn [5]	60%
		Nộp đề cương chi tiết Khóa	

		luận đúng hạn và Kết cấu hợp lý [6]	
		Hoàn thành các nội dung của Khóa luận [7]	

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1			A	M						
CLO2			A	M						
CLO3						M	R			
CLO4						M	R			
CLO5									M	M
CLO6									M	M

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp và tại đơn vị					M	M
Báo cáo chuyên đề	M	M	M	R		
Thực hành tại đơn vị	A	A	A	R		

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Phương pháp đánh giá						

Chuyên cần					X	X
Thái độ học tập, thực tập tại đơn vị thực tập					X	X
Khóa luận tốt nghiệp	X	X	X	X		

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
		0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Đánh giá mức độ tự chủ và trách nhiệm của sinh viên khi chấp hành sự hướng dẫn của giảng viên.	30%	Tham dự < 70% số buổi học	Tham dự từ 70% đến < 80% số buổi học	Tham dự từ 80% đến < 90% số buổi học	Tham dự từ 90% số buổi học trở lên.
Chấp hành nội quy tại đơn vị thực tập. Có đánh giá, nhận xét tốt về chuyên cần, thái độ,	20%	Thường xuyên vắng mặt và được nhận xét thiếu ý thức trách nhiệm, thái độ thờ ơ tại cơ sở thực tập.	Thỉnh thoảng vắng mặt và hoàn thành những nhiệm vụ được giao tại cơ sở thực tập.	Tham dự đầy đủ, có ý thức trách nhiệm, tinh thần học hỏi, chịu khó và hoàn thành tốt các nhiệm vụ	Nhiệt tình, hăng say tham dự đầy đủ các buổi thực tập, có tinh thần học hỏi, có ý thức trách

tinh thần làm việc từ đơn vị thực tập.				vụ được giao	nhiệm cao, hòa nhã thân thiện với đồng nghiệp và hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao
Đăng ký đề tài Khóa luận phù hợp và đúng hạn.	10%	Đăng ký đề tài quá trễ hạn, nội dung đề tài không phù hợp với các tiêu chí quy định Khoa đưa ra	Đăng ký đề tài đúng hạn, nội dung đề tài không đáp ứng hết các tiêu chí quy định Khoa đưa ra	Đăng ký đề tài đúng hạn, nội dung đề tài đáp ứng hầu hết các tiêu chí quy định Khoa đưa ra.	Đăng ký đề tài đúng hạn, nội dung đề tài đáp ứng tốt các tiêu chí quy định và có tính thực tiễn cao.
Nộp đề cương chi tiết Khóa luận đúng hạn và Kết cấu hợp lý	20%	Nộp đề cương chi tiết Khóa luận trễ hạn và Kết cấu không hợp lý	Nộp đề cương chi tiết Khóa luận đúng hạn và Kết cấu tương đối hợp lý	Nộp đề cương chi tiết Khóa luận đúng hạn và Kết cấu hợp lý	Nộp đề cương chi tiết Khóa luận đúng hạn và Kết cấu hợp lý, chặt chẽ và trình bày rõ ràng.
Hoàn thành các nội dung của Khóa luận.	20%	Không hoàn thành các nội dung của Khóa luận	Hoàn thành các nội dung của Khóa luận	Hoàn thành các nội dung của Khóa luận và trình bày các chương rõ ràng, hợp lý về nội dung và độ dài.	Hoàn thành các nội dung của Khóa luận và trình bày các chương rõ ràng, hợp lý về nội dung và độ dài, đảm bảo đúng tiêu chí

					của từng chương.
--	--	--	--	--	------------------

10.2 Đánh giá tiểu luận/bài tập lớn

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
		0 - 4.9	5.0 - 6.9	7.0-8.4	8.5-10
Hình thức	10%	Trình bày hình thức KLTN không theo hướng dẫn, mắc lỗi chính tả, ngữ pháp và dùng từ ngữ không liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu, hay báo cáo. Hình ảnh, bảng biểu không rõ ràng.	Trình bày hình thức KLTN theo hướng dẫn, mặc dù còn mắc một số lỗi chính tả, ngữ pháp và từ ngữ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu, hay báo cáo. Hình ảnh, bảng biểu tương đối rõ ràng.	Trình bày hình thức KLTN theo hướng dẫn, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp và dùng từ ngữ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu, hay báo cáo. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng.	SV tiếp thu rất tốt về hình thức trình bày KLTN theo hướng dẫn, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp và dùng từ ngữ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu, hay báo cáo. Hình ảnh, bảng biểu rất rõ ràng, bắt mắt.
Phần mở đầu, Chương 1	20%	- Đề tài không có ý nghĩa thực tiễn. - Không nêu rõ được lý do chọn chủ đề, mục tiêu thực tập theo chủ đề đã chọn	- Đề tài có ý nghĩa thực tiễn. - Nêu được lý do chọn chủ đề, mục tiêu thực tập theo chủ đề đã chọn nhưng trình bày chưa rõ ràng.	- Đề tài có ý nghĩa thực tiễn. - Nêu được lý do chọn chủ đề, mục tiêu thực tập theo chủ đề đã chọn, trình bày rõ ràng.	- Đề tài rất có ý nghĩa thực tiễn. Trình bày rất rõ ràng lý do chọn chủ đề, mục tiêu thực tập theo chủ đề đã chọn.
Chương 2	30%	- Trình bày định nghĩa, tính chất, đặc điểm của chủ đề thực tập còn sơ sài, trích dẫn sai	- Trình bày được định nghĩa, tính chất, đặc điểm của chủ đề thực tập. - Đạt yêu cầu	- Trình bày định nghĩa, tính chất, đặc điểm của chủ đề thực tập rõ ràng. Trích dẫn đúng	- Trình bày định nghĩa, tính chất, đặc điểm của chủ đề thực tập rất rõ ràng, khúc chiết, có

		nguồn. - Không đạt yêu cầu về mô tả công việc thực tập thực tế hàng ngày/ hàng tuần liên quan trực tiếp đến chủ đề thực tập.	về mô tả công việc thực tập thực tế hàng ngày/ hàng tuần liên quan trực tiếp đến chủ đề thực tập.	theo quy định. - Đạt yêu cầu về mô tả công việc thực tập thực tế hàng ngày/ hàng tuần liên quan trực tiếp đến chủ đề thực tập.	trích dẫn rõ ràng, lập luận tốt. - Mô tả cụ thể, chi tiết công việc thực tập thực tế hàng ngày/ hàng tuần liên quan trực tiếp đến chủ đề thực tập.
Chương 3	20%	Khả năng tư duy logic còn hạn chế, lập luận chưa chặt chẽ, giữa kiến thức lý thuyết đã học ở trường và thực tiễn tại cơ sở thực tập để trình bày những gì đã tìm hiểu, trải nghiệm, học hỏi, kinh nghiệm thu được và hạn chế trong quá trình thực tập.	Có khả năng tư duy logic, lập luận tương đối chặt chẽ, kết hợp giữa kiến thức lý thuyết đã học ở trường và thực tiễn tại cơ sở thực tập để trình bày những gì đã tìm hiểu, trải nghiệm, học hỏi, kinh nghiệm thu được và hạn chế trong quá trình thực tập.	Có khả năng tư duy logic tốt, lập luận chặt chẽ, kết hợp giữa kiến thức lý thuyết đã học ở trường và thực tiễn tại cơ sở thực tập để trình bày những gì đã tìm hiểu, trải nghiệm, học hỏi, kinh nghiệm thu được và hạn chế trong quá trình thực tập.	Có khả năng tư duy logic rất tốt, lập luận rất chặt chẽ, kết hợp giữa kiến thức lý thuyết đã học ở trường và thực tiễn tại cơ sở thực tập để trình bày những gì đã tìm hiểu, trải nghiệm, học hỏi, kinh nghiệm thu được và hạn chế trong quá trình thực tập.
Chương 4	10%	- Trình bày tóm tắt báo cáo thực tập còn lủng củng không rõ ràng, thiếu ý. - Chưa so sánh thực tiễn và lý thuyết	- Có khả năng trình bày tóm tắt báo cáo thực tập ngắn gọn, tương đối rõ ràng. - So sánh thực tiễn và	- Có khả năng trình bày tóm tắt báo cáo thực tập ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ ý. - So sánh thực tiễn và lý thuyết học	- Có khả năng trình bày tóm tắt báo cáo thực tập ngắn gọn, rất rõ ràng, đầy đủ ý. - So sánh được thực tiễn và lý

		học ở trường - Nêu các giải pháp cải thiện còn mơ hồ, thiếu thực tế.	lý thuyết học ở trường tương đối rõ ràng. - Nêu được các giải pháp cải thiện thực tế	ở trường rõ ràng. - Nêu được các giải pháp cải thiện thực tế.	thuyết học ở trường rõ ràng. - Nêu các giải pháp cải thiện khúc chiết, thực tế
Văn phong và Tài liệu tham khảo	10%	- Trình bày tóm tắt báo cáo thực tập bằng tiếng Anh và tiếng Việt không rõ ràng, dài dòng, thiếu ý quan trọng. - Chưa so sánh được thực tiễn và lý thuyết học ở trường. - Nêu các giải pháp cải thiện không chi tiết, thiếu thực tế.	- Trình bày tóm tắt báo cáo thực tập bằng tiếng Anh và tiếng Việt tương đối rõ ràng, ngắn gọn, đủ ý. - So sánh được thực tiễn và lý thuyết học ở trường. - Nêu các giải pháp cải thiện tương đối chi tiết, thực tế.	- Trình bày tóm tắt báo cáo thực tập bằng tiếng Anh và tiếng Việt rõ ràng, ngắn gọn, đủ ý quan trọng. - So sánh được thực tiễn và lý thuyết học ở trường. - Nêu các giải pháp cải thiện chi tiết, thực tế.	- Tiếp nhận tốt và tích cực trong quá trình thực tập. - Trình bày tóm tắt báo cáo thực tập bằng tiếng Anh và tiếng Việt rất rõ ràng, ngắn gọn, đầy đủ ý. - So sánh được thực tiễn và lý thuyết học ở trường. - Nêu các giải pháp cải thiện chi tiết, thực tế.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS. TS. Phan Thị
Hằng Nga

TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

ThS Dương Thị
Thu Hiền

TS Nguyễn Thị Châu
Ngân

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Châu Ngân	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0398.840.848
Email: ntc.ngan@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Dương Thị Thu Hiền	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0908.253.387
Email: dtt.hien@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp các kiến thức và tạo lập tình huống mô phỏng thực tế để người học hiểu làm quen môi trường làm việc giao tiếp bằng tiếng Anh. Người học hiểu được các cấu trúc ngữ pháp cùng với nguồn từ vựng phong phú về các chủ đề trong môi trường kinh doanh như tìm kiếm việc làm, chiến lược kinh doanh, logistics và phong cách lãnh đạo dưới các dạng bài tập nghe nói đọc viết, trình độ tương đương cao trung cấp B1+, giúp sinh viên phát triển các kỹ năng ngôn ngữ và hình thành phản xạ giao tiếp tiếng Anh. Từ đó, người học vận dụng vào các công việc liên quan đến nghe hiểu, đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết email, báo cáo, dự án, giao tiếp khả thành thạo trong những tình huống công việc và kinh doanh thông thường. Bên cạnh đó, học phần giúp người học nhận thức tính trách nhiệm và phát triển kỹ năng khi làm việc theo cặp, nhóm, phát triển thái độ tích cực, chủ động đáp ứng tốt hơn cho công việc tương lai.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Ngữ pháp: Vận dụng kiến thức ngữ pháp thể hiện chính xác ý muốn diễn đạt trong công việc	Kiến thức
CLO2	Từ vựng: Vận dụng linh hoạt vốn từ vựng liên quan chuyên ngành tiếng Anh kinh doanh với các chủ đề thường gặp như tổ chức cuộc họp, tìm kiếm việc làm, chiến lược kinh doanh, đàm phán	Kiến thức
CLO3	Nghe: Hiểu được nội dung và thái độ của người nói trong các tình huống trao đổi công việc, phỏng vấn, thương lượng	Kỹ năng
CLO4	Nói: Sử dụng kỹ năng giao tiếp trong các chủ đề liên quan môi trường làm việc trong kinh doanh như trình bày thông tin; đưa ra lập luận phản biện; trả lời phỏng vấn; đàm phán; dẫn dắt cuộc họp	Kỹ năng
CLO5	Đọc: Vận dụng kỹ năng skimming và scanning để đọc hiểu văn bản có liên quan đến lĩnh vực kinh doanh	Kỹ năng
CLO6	Viết: Vận dụng kiến thức đã học về ngữ pháp và văn phong viết để viết email; báo cáo thông tin cuộc họp;	Kỹ năng

	đơn xin việc; email thông báo công việc	
CL07	Vận dụng các kiến thức đã học để phát triển kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trong môi trường kinh doanh; kỹ năng tự chủ và làm việc nhóm hiệu quả; nhận thức tính trách nhiệm trong công việc; có thể tự bảo vệ được quan điểm cá nhân	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	UNIT 1. JOB HUNTING 1.1. A job search - Listening (video): <i>Applying for an internship</i> - Vocabulary: Getting a job - Project: Plan and write a job advertisement 1.2. Job interview questions - Listening: Interview questions and answers - Task: Roleplay a job interview 1.3. Communication skills: Listening actively	7	4	26	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6 CLO7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Làm bài tập ngữ pháp Unit1; luyện tập phần Writing và Project

	- <i>Listening (video):</i> <i>Demonstrating active listening</i> - <i>Functional language: Active listening</i> - <i>Task: The listening/ distraction game</i> 1.4. Business skills: Interviews - <i>Listening: Two different interviews for the same job</i> - <i>Functional Language: Useful phrases for candidates</i> - <i>Task: Create a job interview for it</i> 1.5. Writing: Covering letters - <i>Functional Language: Useful words and phrases for covering letters</i> - <i>Task: Write a covering letter</i>							
2	UNIT 2. BUSINESS STRATEGY 2.1. Food industry strategies - <i>Vocabulary: Business strategy collocations</i> - <i>Project: Attitudes to</i>	7	3	26	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6 CLO7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Làm bài tập ngữ pháp Unit 2; luyện tập phần Writing

<i>health</i> 2.2. PEST analysis <i>- Listening: A lecture on PEST analysis</i> <i>- Grammar: Modal verbs: Obligation, prohibition, necessity, recommendation</i> <i>- Writing: A short PEST analysis of a company or organization</i> 2.3. Communication skills: Solving problems <i>- Functional language: offering and asking for help</i> <i>- Task: Offering and asking for help in work and social situations</i> 2.4. Business Skills: Problem-solving meetings <i>- Functional Language: Leading and participating in problem-solving meetings</i> <i>- Task: Take part in a problem-solving</i>							
--	--	--	--	--	--	--	--

	2.5. Writing: <i>- Reporting reasons and results</i>							
3	UNIT 3. LOGISTICS 3.1. E-commerce <i>- Listening (video):</i> <i>Amazon: the logistics of e-commerce</i> <i>- Vocabulary:</i> <i>Logistics and word building</i> <i>- Project: Debate the use of drones for delivering medicines</i> 3.2. Driverless technology <i>- Reading: Lorries lead car in the technology race</i> <i>- Speaking: Describe a process</i> 3.3. Communication skills: Collaborating <i>- Listening (video):</i> <i>Collaborating on a project</i> <i>- Functional language: Agreeing and disagreeing</i> <i>- Task: A meeting to discuss controversial proposals</i> 3.4. Business skills:	7	4	26	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Làm bài tập ngữ pháp; luyện tập phần Writing

	Negotiating - <i>Listening:</i> <i>Negotiating new terms and conditions</i> - <i>Functional language:</i> <i>Negotiating</i> - <i>Task: Negotiate a deal</i> 3.5. Writing: A letter of complaint - <i>Functional language: Useful phrases for letters of complaint</i> <i>Task: Write a letter of complaint</i> MIDTERM TEST - TEST 1 (Listening, Reading, Writing)							
4	UNIT 4. LEADERSHIP 4.1. Learning to lead - <i>Vocabulary: Leadership</i> - <i>Project: Discuss and write about a great leader</i> 4.2. Neuroleadership - <i>Reading: Business leaders need neuroscience</i> - <i>Grammar: Relative</i>	9	4	27	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Làm bài tập ngữ pháp; luyện tập phần Writing và Project

<i>clauses</i> - <i>Speaking: Truth or lie game using relative clauses</i> 4.3. Communication skills: Giving and receiving feedback - <i>Functional language: giving and responding to feedback</i> - <i>Task: Give and respond to developmental feedback</i> 4.4. Business skills: Leading meetings - <i>Listening: Managing a team meeting</i> - <i>Functional language: leading and managing meetings</i> - <i>Task: Lead a mini-meeting</i> 4.5. Writing: Informing a decision - <i>Functional language: Formal and semi-formal language for decisions</i> - <i>Task: Write a</i>							
--	--	--	--	--	--	--	--

<i>formal email to inform staff the decisions made</i> MIDTERM TEST 2: Speaking <i>Revision</i>							
--	--	--	--	--	--	--	--

6) Phương pháp dạy – học

6.1 Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm; trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính

6.2 Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành cá nhân	Hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức lý thuyết để thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong kinh doanh	Giáo trình chính Bài tập

6.3 Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 5 sinh viên, bầu nhóm trưởng.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và thuyết trình từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính để làm bài tập cuối mỗi bài và các hoạt động tự học khác theo yêu cầu của giảng viên.

7) Tài liệu dạy và học

❖ **Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):**

(1) Dubicka, I., O'Keeffe, M., Dignen, B., Hogan, M., & Wright, L. (2018). *Business partner B1+ Coursebook*. Pearson.

❖ **Tài liệu hướng dẫn tự học:**

(1) Evans, L. (2018). *Business partner B1+ Workbook*. Pearson.

(2) Mascull, B. (2017). *Business vocabulary in use - Intermediate* (3rd ed.). Cambridge.

(3) David, C., David, F., & Simon, K., (2005). *Market Leader – Intermediate, 3rd edition*. Pearson Longman.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1 Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2 Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài thuyết trình	Chấm bài thuyết trình	Bài thuyết trình hoàn thành

8.3 Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	4%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, thuyết trình [2]	8%
		Bài kiểm tra kỹ năng Nghe, Đọc, Viết [3]	16%
		Bài kiểm tra kỹ năng Nói [4]	12%
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận [5]	60%

9) Ma trận

9.1 Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1				R		R				
CLO2				R		R				
CLO3				R		R				
CLO4				R		R				
CLO5				R		R				
CLO6				R		R				
CLO7									I	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7
Thuyết giảng	X	X	X	X	X	X	
Thảo luận nhóm	X	X		X			X
Thực hành cá nhân	X	X	X	X	X	X	
Báo cáo, thuyết trình	X	X		X		X	X

9.3 Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp			X	X	X	X	X

Thảo luận nhóm, thuyết trình	X	X		X			X
Bài kiểm tra thực hành kỹ năng Nói	X	X		X			X
Bài kiểm tra kỹ năng Nghe, Đọc, Viết	X	X	X		X	X	
Trắc nghiệm, tự luận	X	X	X		X	X	

10) Các rubric/thang điểm đánh giá

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0-3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc	Không chọn đúng được các	Trả lời được đúng các câu	Trả lời được đúng các câu	Trả lời được đúng các câu	Trả lời được đúng các câu

nghiệm	câu hỏi kiến thức cơ bản	hỏi kiến thức cơ bản	hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (≤30%)	0-3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm

10.4 Rubric: Báo cáo, thuyết trình/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi	Đạt 4 tiêu chí

	(8.5-10)	
--	----------	--

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS. TS. Phan Thị
Hằng Nga

TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

ThS Dương Thị
Thu Hiền

ThS Huỳnh Nguyễn
Thư

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Huỳnh Nguyễn Thu	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0973.852.432
Email: hn.thu@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Trần Thúy Trâm Anh	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0349.699.239
Email: ttanh@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Kỹ năng nói trước công chúng

Tên học phần (tiếng Anh): Public Speaking Skill

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011962
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 0 Thực hành: 3
- Phân bổ thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 15 Thực hành: 30
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Ngoại ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm thứ 3 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Tiếng Anh kinh doanh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Tốt nghiệp

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☐						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:
Điều kiện tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Các học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành
- Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học cái nhìn khái quát về kỹ năng nói trước công chúng. Những kiến thức của học phần được trình bày có hệ thống, từ việc xây dựng nội dung, triển khai bài nói đến các kỹ năng trình bày trước công chúng. Học phần tập trung nghiên cứu các nội dung chính như: cách chọn chủ đề, phân tích đối tượng người nghe, phát triển ý tưởng, hướng dẫn người học cách tổ chức dẫn bài bài nói, rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, phương tiện trực quan và các kỹ thuật trình bày. Đặc biệt, học phần còn giới thiệu các hình thức nói trước công chúng khác nhau cùng cơ hội thực hành để người học củng cố kiến thức đã được học.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Sau khi học xong học phần này, người học trình bày và diễn giải được các nội dung

của một bài thuyết trình trước công chúng, áp dụng các chiến lược về giọng nói, ngữ điệu, ngôn ngữ cơ thể trong khi nói trước đám đông, từ đó hình thành kỹ năng nói trước công chúng. Hình thành khả năng phân tích nội dung, thiết kế một bài nói hoàn chỉnh và vận dụng kiến thức đã học để thực hiện bài nói đó trong giao tiếp tiếng Anh trước công chúng ở môi trường kinh doanh và một số tình huống giao tiếp yêu cầu kỹ năng nói trước công chúng.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức R trong ma trận mối quan hệ CĐR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Giải thích được vai trò của ngôn ngữ cơ thể, ánh mắt và âm điệu trong việc gây ấn tượng và giao tiếp với người nghe khi thực hiện bài nói bằng tiếng Anh trước công chúng trong môi trường kinh doanh, phục vụ các mục tiêu trong công việc	Kiến thức
CLO2	Giải thích được vai trò của phương tiện trực quan và công nghệ thông tin trong khi tổ chức thực hiện bài nói trước công chúng	Kiến thức
CLO3	Vận dụng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ cơ thể, ánh mắt, âm điệu hiệu quả, linh hoạt trong khi trình bày bài nói trước công chúng	Kỹ năng
CLO4	Sử dụng phương tiện trực quan và áp dụng công nghệ thông tin một cách hiệu quả để gây ấn tượng trong khi thuyết trình, thực hiện bài nói trước công chúng	Kỹ năng
CLO5	Vận dụng được kiến thức về ngôn ngữ tiếng Anh nói chung và tiếng	Kỹ năng

	Anh kinh doanh nói riêng một cách hữu ích, phù hợp để phác thảo cấu trúc và xây dựng nội dung bài nói bằng tiếng Anh trước công chúng đầy đủ và đúng trình tự; trả lời các câu hỏi do khán giả đặt ra một cách phù hợp, hiệu quả	
CLO6	Vận dụng các kiến thức đã học để phát triển khả năng giao tiếp tiếng Anh trong môi trường kinh doanh; làm việc nhóm hiệu quả; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong việc chuẩn bị nội dung và thực hiện bài nói trước công chúng	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Unit 1. Analyzing the Audience - The Psychology of Audiences - Situational Audience Analysis - Getting Information	2	3	10	CLO1 CLO5 CLO6	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]	Đọc Unit 6 giáo trình chính

	about the Audience - Adapting to the Audience							
2	Unit 2. Supporting Your Ideas - Examples - Statistics - Testimony - Citing Sources Orally	1	4	15	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hiện bài nói trước công chúng theo hình thức nhóm	[1]; [2]	Đọc Unit 8 giáo trình chính Nghiên cứu nội dung bài nói trước công chúng
3	Unit 3. Organizing the Body of the Speech - Organization Is Important - Main Points - Supporting Materials - Connectives	2	3	15	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hiện bài nói trước công chúng theo hình thức nhóm	[1]; [2]	Đọc Unit 9 giáo trình chính Nghiên cứu nội dung bài nói trước công chúng
4	Unit 4. Beginning and Ending the Speech - The Introduction - The Conclusion	2	3	15	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hiện bài nói trước công chúng theo hình	[1]; [2]	Đọc Unit 10 giáo trình chính Nghiên cứu nội dung bài nói trước

						thức nhóm		công chúng
5	Unit 5. Outlining the Speech - The Preparation Outline - The Speaking Outline	2	3	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hiện bài nói trước công chúng theo hình thức nhóm	[1]; [2]	Đọc Unit 11 giáo trình chính Nghiên cứu nội dung bài nói trước công chúng
6	Unit 6. Using Language - Using Language Accurately - Using Language Clearly - Using Language Vividly - Using Language Appropriately	2	3	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hiện bài nói trước công chúng theo hình thức nhóm	[1]; [2]	Đọc Unit 12 giáo trình chính Nghiên cứu nội dung bài nói trước công chúng
7	Unit 7. Delivery - What Is Good Delivery? - Methods of Delivery - The Speaker's Voice	2	3	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hiện bài nói trước công chúng theo hình	[1]; [2]	Đọc Unit 13 giáo trình chính Nghiên cứu bài nói trước công chúng

	- The Speaker's Body - Answering Audience Questions					thức nhóm		
8	Unit 8. Using Visual Aids - Kinds of Visual Aids - Presentation Technology - Guidelines for Preparing Visual Aids - Guidelines for Presenting Visual Aids MID-TERM TEST (Individuals)	1	4	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Thuyết giảng; Thực hiện bài nói trước công chúng theo hình thức cá nhân	[1]; [3]	Đọc Unit 14 giáo trình chính Nghiên cứu bài nói trước công chúng
9	Unit 9. Presenting Your Speech Online - Kinds of Online Speeches - Guidelines for Online Speaking - The Technology of Real-Time Online Speeches - Have a Backup Plan REVIEW	1	4	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]	Đọc Unit 19 giáo trình chính

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Giáo trình chính Chủ đề thảo luận

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hiện bài nói trước công chúng theo hình thức nhóm	Phân chia nội dung, phân nhóm, từng nhóm thực hiện bài nói của mình	Giáo trình chính Chủ đề thực hành
2	Thực hiện bài nói trước công chúng theo hình thức cá nhân	Phân chia nội dung cho từng sinh viên, từng sinh viên thực hiện bài nói của mình	Giáo trình chính Chủ đề thực hành

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 5 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề để thực hiện bài nói trước công chúng từ giảng viên đứng lớp; nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo thời gian và yêu cầu của giảng viên.
- Nghiên cứu giáo trình chính và làm bài tập cuối mỗi chương.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính)

(1) Lucas, S. E. (2020). *The art of public speaking* (13th ed.). McGraw-Hill Education.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học/ tài liệu tham khảo khác

(1) Coopman, S. J., & Lull, J. (2018). *Public speaking – The evolving art* (4th ed.). CENGAGE Learning.

(2) O’Hair, D., Rubenstein, H., & Stewart, R. (2016). *A pocket guide to public speaking*. Bedford/St. Martin’s.

(3) Fraleigh, D. M., & Tuman, J. S. (2017). *Speak up – An illustrated guide to public speaking* (4th ed.). Bedford/St. Martin’s.

(4) Siddons, S. (2008). *The complete presentation skills handbook*. Kogan Page Limited.

(5) Anderson, C. (2016). *TED talks – The official TED guide to public speaking*. Houghton Mifflin Harcourt Publishing Company.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài nói trước công chúng	Chấm bài nói trước công chúng	Bài nói trước công chúng hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	4%

	Kiểm tra thường xuyên	Bài tập nhóm: Thực hiện bài nói trước công chúng theo hình thức nhóm [2]	16%
		Kiểm tra giữa kỳ: thực hiện bài nói trước công chúng theo hình thức cá nhân [3]	20%
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc học phần	Quay video thực hiện bài nói trước công chúng theo hình thức cá nhân [4]	60%

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1			M							
CLO2			M							
CLO3						M				
CLO4							R			
CLO5						M				
CLO6									R	

9.2. Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết giảng	X	X	X	X	X	

Thảo luận nhóm	X	X	X	X	X	X
Thực hiện bài nói trước công chúng theo hình thức nhóm	X	X	X	X	X	X
Thực hiện bài nói trước công chúng theo hình thức cá nhân	X	X	X	X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Phương pháp đánh giá						
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp					X	X
Bài tập nhóm: Thực hiện bài nói trước công chúng theo hình thức nhóm	X	X	X	X	X	X
Kiểm tra giữa kỳ: thực hiện bài nói trước công chúng theo	X	X	X	X	X	X

hình thức cá nhân						
Quay video thực hiện bài nói trước công chúng theo hình thức cá nhân	X	X	X	X	X	X

10) Các rubric/thang điểm đánh giá

10.1. Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%	0-3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2. Đánh giá điểm bài tập nhóm (Thực hiện bài nói trước công chúng theo hình thức nhóm)

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Nội dung, đề tài	Kém (0-3.9)	Không đạt 5-6 tiêu chí

2. Tổ chức nội dung	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 2 tiêu chí
3. Cách thức trình bày (ngôn ngữ, phát âm, ngữ điệu, điều tiết giọng nói)	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 3 tiêu chí
4. Phương tiện trực quan minh họa	Khá (7.0-8.4)	Đạt 4-5 tiêu chí
5. Ngôn ngữ cơ thể (giao tiếp mắt, dáng đứng, cử chỉ tay, di chuyển cơ thể)	Giỏi (8.5-10)	Đạt 6 tiêu chí
6. Làm việc nhóm (tổ chức công việc, quản lý lãnh đạo, quản lý thời gian, giao tiếp với đám đông, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề, trả lời câu hỏi từ khán giả)		

10.3. Rubric: Kiểm tra giữa kỳ (Thực hiện bài nói trước công chúng theo hình thức cá nhân)

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Nội dung, đề tài	Kém (0-3.9)	Không đạt 5-6 tiêu chí
2. Tổ chức nội dung	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 2 tiêu chí
3. Cách thức trình bày (ngôn ngữ, phát âm, ngữ điệu, điều tiết giọng nói)	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 3 tiêu chí
4. Phương tiện trực quan minh họa	Khá (7.0-8.4)	Đạt 4-5 tiêu chí
5. Ngôn ngữ cơ thể (giao tiếp mắt, dáng đứng, cử chỉ tay, di chuyển cơ thể)	Giỏi (8.5-10)	Đạt 6 tiêu chí
6. Làm việc độc lập (Tổ chức công việc, quản lý thời gian, giao tiếp với đám đông, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề, trả lời câu hỏi từ khán giả)		

10.4. Rubric: Kiểm tra cuối kỳ (Quay video thực hiện bài nói trước công chúng theo hình thức cá nhân)

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Nội dung, đề tài 2. Tổ chức nội dung 3. Cách thức trình bày (ngôn ngữ, phát âm, ngữ điệu, điều tiết giọng nói) 4. Phương tiện trực quan minh họa 5. Ngôn ngữ cơ thể (giao tiếp mắt, dáng đứng, cử chỉ tay, di chuyển cơ thể) 6. Làm việc độc lập (Tổ chức công việc, quản lý thời gian, giao tiếp với đám đông, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề) 7. Chất lượng video bài nói	Kém (0-3.9)	Không đạt 6-7 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 2 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 3 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 4-6 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 7 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
 Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS. TS. Phan Thị
 Hằng Nga

TS Nguyễn Thị
 Châu Ngân

ThS Dương Thị
 Thu Hiền

ThS Trần Thúy
 Quỳnh My

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Trần Thúy Quỳnh My	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0935.987.187
Email: ttq.my@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Đặng Thị Minh Thanh	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0707.611.825
Email: dtmthanh@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Kỹ năng thương lượng

Tên học phần (tiếng Anh): Negotiation Skills

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011954
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Ngoại ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm thứ 3 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn Ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên nghiệp

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:
Điều kiện tiên quyết: Không
Học phần học trước: Nghe – Nói 3
Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần Kỹ năng thương lượng thuộc khối kiến thức ngành, cung cấp kiến thức, phương pháp, kỹ thuật cần thiết để thương lượng hiệu quả. Những nội dung chủ yếu của học phần bao gồm: khái niệm, thuật ngữ và quy trình thương lượng, các chiến lược thương lượng, các yếu tố cần chú ý khi thương lượng trong môi trường kinh doanh đa văn hóa, kỹ năng giao tiếp hiệu quả khi thương lượng, các tình huống thường gặp và cách giải quyết vấn đề để đạt được mục tiêu khi thương lượng.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học ghi nhớ và thực hiện được các bước chuẩn bị cho một cuộc thương lượng trong kinh doanh trong môi trường có sử dụng tiếng Anh; phân biệt và sử dụng được chiến lược thương lượng phù hợp với tình huống thực tế; sử

dụng được các kỹ thuật giao tiếp để đặt câu hỏi, thu thập, truyền đạt thông tin hữu ích trong môi trường giao tiếp đa văn hóa; phát triển quan hệ hợp tác và áp dụng kỹ năng giải quyết vấn đề hiệu quả để đạt được mục tiêu; sử dụng được tiếng Anh trong các tình huống thương lượng. Người học nhận thức được tầm quan trọng của tinh thần hợp tác và tôn trọng lợi ích của các bên; duy trì được tính chính trực, công bằng, kiên nhẫn trong thương lượng; thể hiện sự tự tin và chủ động khi giải quyết vấn đề trong quá trình thương lượng.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức R và M trong ma trận mối quan hệ CDR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Ghi nhớ các bước chuẩn bị cho một cuộc thương lượng trong kinh doanh trong môi trường có sử dụng tiếng Anh	Kiến thức
CLO2	Phân biệt các chiến lược thương lượng	Kiến thức
CLO3	Thực hiện được các bước chuẩn bị trước khi thương lượng và sử dụng được chiến lược thương lượng phù hợp với tình huống thực tế	Kỹ năng
CLO4	Sử dụng được các kỹ thuật giao tiếp để đặt câu hỏi, thu thập, truyền đạt thông tin hữu ích trong môi trường giao tiếp đa văn hóa; phát triển quan hệ hợp tác và áp dụng kỹ năng giải quyết vấn đề hiệu quả để đạt được mục tiêu; sử dụng được tiếng Anh trong các tình huống thương lượng	Kỹ năng
CLO5	Có tinh thần hợp tác và tôn trọng lợi ích của các bên; duy trì được tính chính trực, công bằng, kiên nhẫn trong thương lượng; thể hiện sự tự tin và chủ động khi giải quyết vấn đề trong quá trình thương lượng	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT (tuần)	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Giới thiệu tổng quan môn KI	3	1.5	10	CLO1	Thuyết giảng	[1]; [2]	Đọc chương 1

	năng thương lượng trong kinh doanh Chương 1: What do you want to get from negotiations? Distributive and integrative Choosing the strategy When not to negotiate at all							giáo trình chính
2	Chương 2: First Connection Gaining and giving information Relationships Empathy Review of relationship building Impression management Satisfaction Negotiation error: how NOT to give a concession	3	1.5	12	CLO2; CLO3; CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thuyết trình	[1]; [2]	Đọc chương 2 giáo trình chính
3	Chương 3: Core Negotiation Concepts Anchoring effect BATNA Reserve point Negotiation error: watch your BATNA Understanding and misunderstanding interests Principle based negotiation	3	1.5	12	CLO2; CLO3; CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thuyết trình	[1]; [2]	Làm bài tập chương 2 Đọc chương 3 giáo trình chính
4	Chương 4: Structure & Planning Getting to start Building momentum 3D negotiation Basic planning Identifying interests Backward mapping Priority and outcome mapping	3	1.5	11	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thuyết trình; Nghiên cứu tình huống; Đóng vai	[1]; [2]	Làm bài tập chương 3 Đọc chương 4 giáo trình chính

	The sequence of talk at the table							
5	Chương 5: Some Cultural Considerations Top down/bottom up Culture and negotiation Weak/strong points of North American negotiators Weak/strong points of Japanese negotiators Weak/strong points of Chinese negotiators Gender	3	1.5	10	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thuyết trình; Nghiên cứu tình huống; Đóng vai	[1]; [2]	Làm bài tập chương 4 Đọc chương 5 giáo trình chính
6	Chương 6: Talking the Talk Designing offers and suggesting tradeoffs Accepting and rejecting offers Summarizing and clarifying Practical verbal signals Deadlock and breaking deadlock Shutdown moves Language choice Use of a foreign lingua franca among the same native language speakers Visual communication Remote electronic negotiations Negotiation error: when to go slow	3	1.5	10	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thuyết trình; Nghiên cứu tình huống; Đóng vai	[1]; [2]	Làm bài tập chương 5 Đọc chương 6 giáo trình chính
7	Chương 7: Negotiation Tactics Tactics at the table Persuasion approaches	3	1.5	10	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3]	Đọc chương 7 giáo trình chính Ôn tập

	Kiểm tra giữa kỳ							
8	Chương 7: Negotiation Tactics (tt) Humour in the negotiation Ethics Who should you not negotiate with? Chương 8: Win at Home Educating the boss and coworkers Back table negotiations The back back table	3	1.5	10	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thuyết trình; Nghiên cứu tình huống; Đóng vai	[1]; [2]	Làm bài tập chương 6 Đọc chương 7 giáo trình chính
9	Chương 8 (tt) Negotiation error: back table out of synch Problem solving techniques Ishikawa diagram (fishbone) Why-why (five whys) What to do and how to do it Creative solutions War gaming as preparation Red team vs blue team Additional benefit – greater creativity Additional benefit – intuitive thinking Financial modelling	3	1.5	10	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thuyết trình; Nghiên cứu tình huống; Đóng vai	[1]; [2]	Làm bài tập chương 7 Đọc chương 8 giáo trình chính
10	Chapter 9: What kind of negotiator ... are you? ... are they? How do you resolve disputes? Emotional style Emotional intelligence Comparing Assertive Example of	3	1.5	10	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thuyết trình; Nghiên cứu tình huống; Đóng vai	[1]; [2]	Làm bài tập chương 8 Đọc chương 9 giáo trình chính

	framing Kepner-Tregoe decision-making process High pressure high speed process for negotiators Cross-cultural teams Common language within the team							
	Review							

6) Phương pháp dạy – học

6.1 Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính
3	Thuyết trình	Nghiên cứu, chuẩn bị bài thuyết trình; Trình bày trước lớp; Trả lời câu hỏi của giảng viên và các sinh viên khác.	Giáo trình chính Chủ đề thuyết trình Tiêu chí đánh giá bài thuyết trình.

6.2 Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Nghiên cứu tình huống	Đọc, phân tích tình huống; Xác định các bên liên quan, mục tiêu, lợi ích, vấn đề; Đề xuất các phương án giải quyết; Thảo luận, lựa chọn phương án tối ưu.	Giáo trình chính Các tình huống thương lượng thực tế

2	Đóng vai	Nghiên cứu tình huống, phân vai; Thương lượng theo vai diễn; Quan sát, nhận xét, phản hồi về cách thức thương lượng của các nhóm khác.	Giáo trình chính Các tình huống thương lượng thực tế
---	----------	--	---

6.3 Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

6.3.1 Tự học:

- Học và hiểu các khái niệm quan trọng về đàm phán, các kỹ thuật đàm phán và quy trình đàm phán.
- Thực hành các tình huống đàm phán bằng cách đóng vai các vai trò khác nhau để hiểu các quan điểm khác nhau.
- Phân tích các nghiên cứu tình huống đàm phán thực tế để thấy cách các khái niệm lý thuyết được áp dụng trong thực tế.
- Tự đánh giá phong cách đàm phán của bản thân và các lĩnh vực cần cải thiện thông qua các bài kiểm tra và bài tập tự đánh giá.

6.3.2 Thuyết trình nhóm:

- Chọn một chủ đề liên quan đến đàm phán.
- Tìm kiếm thông tin từ các nguồn đáng tin cậy.
- Xây dựng bài thuyết trình với phần mở đầu rõ ràng, nội dung chính và kết luận.
- Luyện tập thuyết trình một cách trôi chảy và tự tin.
- Sử dụng ngôn ngữ cơ thể và các công cụ hỗ trợ trực quan để thu hút khán giả.
- Khuyến khích làm việc nhóm và sự tham gia tích cực từ tất cả các thành viên.
- Sử dụng bảng chấm điểm do giảng viên cung cấp để tự đánh giá chất lượng bài thuyết trình.

6.3.3 Tài liệu tham khảo bổ sung:

- Sử dụng các tài liệu tham khảo được đề xuất trong khóa học để mở rộng kiến thức.
- Nghe podcast và tham gia các hội thảo trực tuyến do các chuyên gia đàm phán tổ chức để có được những hiểu biết và mẹo thực tế.
- Tham gia các câu lạc bộ sinh viên hoặc tổ chức chuyên nghiệp liên quan đến kinh doanh và đàm phán để kết nối với bạn bè và các chuyên gia.
- Áp dụng các phương pháp học tập hiệu quả như ghi chú, tóm tắt và ôn tập thường xuyên.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

(1) William W. Baber & Chavi C-Y Fletcher-Chen. 2020. *Practical Business Negotiation* (2nd edition), Routledge.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

(1) Mark Powell. 2012. *International Negotiations*. Cambridge University Press.

(2) Peter Sander. 2017. *Negotiating 101: From Planning Your Strategy To Finding A Common Ground, An Essential Guide To The Art Of Negotiating*. Adam Media.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1 Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2 Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài thuyết trình/role-play	Chấm bài thuyết trình/role-play	Bài thuyết trình/role-play hoàn thành
Làm bài tập	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3 Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10 %
	Kiểm tra thường xuyên	Thuyết trình/ Role-play [2]	30%
		Kiểm tra giữa kỳ [3]	
		Bài tập tự học [4]	
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc học phần	Trắc nghiệm, tự luận [5]	60%

9) Ma trận

9.1 Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1				R						
CLO2				R						
CLO3							M			
CLO4							M			
CLO5										R

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X	X	X	
Thảo luận nhóm		X	X	X	X
Thực hành cá nhân	X	X	X	X	X
Báo cáo, thuyết trình	X	X	X	X	X

9.3 Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp			X	X	X

Trắc nghiệm, tự luận	X	X	X		
Bài tập tự học	X	X			X
Thảo luận nhóm, thuyết trình	X	X		X	X

10) Các rubric/thang điểm đánh giá

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0 – 3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	- Không chọn đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó

	bản		(50%≤80%)	(80%≤90%)	(90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (≤30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Thuyết trình nhóm/ Role-play

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Ngôn ngữ (diễn đạt ý, ngôn từ, phản hồi) 2. Giải quyết vấn đề (xác định vấn đề, đưa ra giải pháp, lựa chọn giải pháp tối ưu) 3. Ngôn ngữ cơ thể (nghe tích cực, quản lý cảm xúc, thể hiện sự đồng cảm) 4. Tính thuyết phục (khả năng ảnh	Kém (0-3.9)	Không đạt 5-6 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 2 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 3 tiêu chí
	Khá	Đạt 4 tiêu chí

hướng thuyết phục)	(7.0-8.4)	
5. Tính linh hoạt (đa dạng chiến lược theo tình huống phát sinh)	Giỏi (8.5-10)	Đạt 5- 6 tiêu chí
6. Kết quả thương lượng (đạt được mục tiêu thương thảo)		

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT



PGS. TS. Phan Thị
Hằng Nga

Trưởng khoa



TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

Trưởng bộ môn



ThS Dương Thị
Thu Hiền

Giảng viên biên soạn



ThS Dương Thị Thu
Hiền

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Dương Thị Thu Hiền	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0908.253.387
Email: dtt.hien@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Đặng Thị Ngọc Trinh	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0931.943.194
Email: dtntrinh@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Nhập môn giảng dạy tiếng Anh

Tên học phần (tiếng Anh): Introduction to English Language Teaching

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011961
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Ngoại ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm thứ 3 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Tiếng Anh kinh doanh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên nghiệp

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☒			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	Bổ trợ ☒	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở, kiến thức ngành
- Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ ngành, nhằm cung cấp trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng lý thuyết về phương pháp giảng dạy tiếng Anh, đồng thời giúp sinh viên có cơ hội thực hành các kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ. Những nội dung chủ yếu của học phần bao gồm: khái niệm chi tiết về kỹ thuật giảng dạy cụ thể như phương pháp giao tiếp, phương pháp học qua nhiệm vụ, phương pháp dạy từ vựng và bốn phương pháp truyền thống khác, để dạy cho từng kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) và các thành tố ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp, phát âm); các chiến lược và kỹ thuật quản lý lớp học hiệu quả, từ việc duy trì trật tự lớp học, sắp xếp chỗ ngồi, xử lý các tình huống cơ bản và phát sinh trong lớp học; khái niệm cơ bản về người học cũng như những đặc tính của người học như tuổi, phong cách học tập, động lực học tập, mức độ khả năng ngôn ngữ,

khả năng tự học; khái niệm và đặc tính cơ bản của người dạy: tiêu chuẩn của một giáo viên giỏi, vai trò của giáo viên trong lớp học, và những yêu cầu giáo viên cần làm trong công tác giảng dạy; hướng dẫn chi tiết về cách lập kế hoạch bài giảng, thiết kế các hoạt động học tập cho học sinh và lựa chọn tài liệu giảng dạy phù hợp với mục tiêu của từng bài học; các loại bài kiểm tra đánh giá kết quả học tập, chất lượng của một bài kiểm tra, và cách chấm điểm bài thi.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Sau khi học xong khóa học, người học không chỉ có khả năng nắm vững các phương pháp giảng dạy tiếng Anh truyền thống mà còn biết cách sử dụng các phương pháp hiện đại như phương pháp giảng dạy giao tiếp và học qua nhiệm vụ. Người học hiểu cách áp dụng những phương pháp này vào thực tế giảng dạy cho bốn kỹ năng tiếng Anh cơ bản, bao gồm Nghe, Nói, Đọc, Viết, và ba thành tố ngôn ngữ từ vựng, ngữ pháp, phát âm, giúp học sinh cải thiện những kỹ năng và lĩnh vực ngôn ngữ này. Người học có khả năng nắm vững các kỹ thuật quản lý lớp học một cách hiệu quả bao gồm duy trì trật tự, tạo động lực cho học sinh và xử lý các tình huống khó khăn trong lớp học. Đồng thời người học có khả năng lên kế hoạch, và thiết kế các bài học tiếng Anh một cách hiệu quả, phù hợp với từng nhu cầu và mục tiêu học tập của nhóm học sinh nhất định. Người học cũng có khả năng lên kế hoạch, xây dựng đề thi để kiểm tra đánh giá hiệu quả của việc dạy và học trong lớp. Hơn nữa, họ cũng có khả năng lựa chọn và sử dụng tài liệu giảng dạy phù hợp với từng đối tượng người học. Sau khóa học này, người học hoàn toàn có thể xây dựng được sự tự tin và bản lĩnh trong việc áp dụng lý thuyết và kỹ năng giảng dạy vào lớp học cụ thể, từ đó nâng cao chất lượng giảng dạy của bản thân.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức I và R trong ma trận mối quan hệ CDR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Liệt kê, trình bày được định nghĩa và phân tích các phương pháp giảng dạy chính từ truyền thống tới hiện đại	Kiến thức
CLO2	Trình bày và phân tích được đặc tính của từng đối tượng học khác nhau trong lớp học.	Kiến thức
CLO3	Trình bày và phân tích được các vai trò khác nhau của người dạy trong từng hoạt động giảng dạy, và cách tổ chức và quản lý lớp học.	Kiến thức
CLO4	Thiết kế được kế hoạch bài giảng, soạn giáo án cho từng bài học, kỹ năng, lớp học cụ thể.	Kỹ năng

CLO5	Thực hiện hoạt động giảng dạy ngữ pháp, từ vựng, phát âm, nghe, nói, đọc và viết trong lớp học cụ thể.	Kỹ năng
CLO6	Thiết kế được bài thi, bài kiểm tra cơ bản để đánh giá kết quả học tập và khả năng của người học tiếng Anh	Kỹ năng
CLO7	Tự đánh giá được hiệu quả phương pháp giảng dạy của mình và đưa ra chiến lược cải thiện cho những bài giảng tiếp theo	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
Unit 1	Popular methodology	3	1	10	CLO1	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm	[1]; [3]; [5]; [6]	Đọc giáo trình chính-chương 4 [trang 54-79]
Unit 2	Being learners and Being teachers	3	1	10	CLO1; CLO2; CLO3.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm	[1]; [3]; [5]; [6].	Đọc giáo trình chính-chương 5 [trang 80-111] & chương 6 [trang 112-135]
Unit 3	Seating and grouping students + Planning	3	1	10	CLO2; CLO3; CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm	[1]; [3]; [5], [6].	Đọc giáo trình chính-chương 10 [trang 177-190] và

								chương 12 [trang 210- 227]
Unit 4	Teaching Grammar	3	2	10	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO7.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Viết luận phản ánh; Thực hành tại lớp.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6].	Đọc giáo trình chính- chương 14 [trang 239- 257], chuẩn bị giáo án bài giảng Ngữ pháp
Unit 5	Teaching Vocabulary	3	2	10	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO7.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Viết luận phản ánh; Thực hành tại lớp.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6].	Đọc giáo trình chính- chương 15 [trang 258- 276], chuẩn bị giáo án bài giảng Từ vựng
Unit 6	Testing and evaluation MIDTERM TEST	3	1	10	CLO6	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6].	Đọc giáo trình chính- chương 22 [trang - 408- 424]
Unit 7	Teaching Pronunciation and Reading	3	2	15	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO7.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Viết luận	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6].	Đọc giáo trình chính- chương 16

						phản ánh; Thực hành tại lớp.		[trang 277- 296]; & chương 18 [trang 314- 335]; chuẩn bị giáo án bài giảng Phát âm và Đọc.
Unit 8	Teaching Listening	3	2	10	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO7.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Viết luận phản ánh; Thực hành tại lớp.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6].	Đọc giáo trình chính- chương 19 giáo trình chính [trang 336- 359]; chuẩn bị giáo án bài giảng kĩ năng Nghe
Unit 9	Teaching Writing	3	2	10	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO7.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Viết luận phản ánh; Thực hành tại lớp.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6].	Đọc giáo trình chính- chương 20 giáo trình chính [trang 360- 383]; chuẩn bị giáo án bài giảng kĩ năng Viết
Unit 10	Teaching Speaking	3	1	10	CLO1; CLO2;	Thuyết	[1]; [2]; [3]; [4];	Đọc giáo

					CLO3; CLO4; CLO5; CLO7.	giảng; Thảo luận nhóm; Viết luận phản ánh; Thực hành tại lớp.	[5]; [6].	trình chính- chương 21 giáo trình chính [trang 384- 407]; chuẩn bị giáo án bài giảng kĩ năng Nói
--	--	--	--	--	----------------------------------	---	-----------	--

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính
3	Viết luận phản ánh	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận bài học và kinh nghiệm rút ra từ bài giảng mô phỏng trong lớp, cách xử lý và đề xuất để có bài giảng hiệu quả.	Chủ đề viết luận Giáo trình chính

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành tại lớp	Sử dụng các nguồn tài liệu chính và tham khảo, các công cụ giảng dạy hướng dẫn người học vận dụng lý thuyết vào thiết kế giáo án bài giảng tiếng Anh hoàn chỉnh, và thực hành giảng dạy các kĩ năng tiếng Anh nghe-nói-	Giáo trình chính Giáo trình tiếng Anh chương trình trung học phổ thông lớp 10, 11, 12.

		đọc-viết và các thành tố tiếng Anh từ vựng-ngữ pháp-phát âm trong lớp học mô phỏng.	
--	--	---	--

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

Quy định nhóm:

- Chia nhóm: mỗi nhóm ít nhất 5 thành viên, phân chia nhóm trưởng và các thành viên
- Phân chia công việc, trách nhiệm đồng đều giữa các thành viên, đảm bảo sự đóng góp công bằng.

Đọc tài liệu ở nhà:

- Đọc kỹ chương sách được phân theo từng tuần để nắm bắt các thông tin và kiến thức về phương pháp giảng dạy tiếng Anh.
- Trong khi đọc tài liệu, ghi chú thông tin quan trọng, các vấn đề thắc mắc cần giải đáp
- Tìm hiểu thêm về các công cụ phần mềm, ứng dụng học tiếng Anh, bảng trắng điện tử, hoặc các tài liệu tham khảo trực tuyến.

Chuẩn bị bài giảng, bài thuyết trình:

- Đọc kỹ tài liệu, chương phần được giao.
- Thảo luận, nghiên cứu để viết giáo án hoàn chỉnh cho bài giảng: xác định mục tiêu, lựa chọn hoạt động, chuẩn bị tài liệu giảng dạy phù hợp đúng yêu cầu.
- Thực hành giảng thử tại nhà, nhận xét và tự nhận xét giữa các thành viên, giúp bản thân tiến bộ nhanh chóng, thể hiện tốt tại lớp học mô phỏng.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy(giáo trình chính):

(1) Harmer, J. (2015). *The practice of English language teaching* (5th ed.). Pearson Longman.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

(1) Harmer, J. (2007). *How to teach English*. Pearson Longman.

(2) Larsen-Freeman, D., & Anderson, M. (2011). *Techniques and principles in language teaching* (3rd ed.). Oxford University Press.

(3) Ur, P. (2012). *A course in English language teaching* (2nd ed.). Cambridge University Press.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Đọc và nghiên cứu giáo trình, ghi chú thông tin và tự đặt câu hỏi	Đánh giá câu hỏi và thông tin ghi chú	Ghi chú, câu hỏi và đáp án trả lời hoàn chỉnh.
Chuẩn bị giáo án bài giảng trong lớp mô phỏng	Chấm giáo án bài giảng	Giáo án đã được nhận xét và chỉnh sửa hoàn chỉnh

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	5%
	Kiểm tra thường xuyên	Thực hành giảng dạy mô phỏng [2]	15%
		Thảo luận nhóm [3]	10%
		Viết luận phản ánh [4]	5%
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Làm tiểu luận [5]	60%
		Trắc nghiệm + tự luận [6]	

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1			I			I				
CLO2			I			I				
CLO3			I			I				
CLO4			I			I				
CLO5			I			I				

CLO6			I			I				
CLO7										

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7
Thuyết giảng	X	X	X	X	X	X	
Thảo luận nhóm	X	X	X	X	X	X	
Viết luận phản ánh							X
Thực hành tại lớp				X	X	X	

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7
Phương pháp đánh giá							
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X	X	X	X	
Thực hành giảng dạy mô phỏng				X	X	X	
Thảo luận nhóm	X	X	X	X	X	X	
Viết luận phản ánh							X

Làm tiểu luận	X	X	X	X	X	X	X
Trắc nghiệm + tự luận	X	X	X	X	X	X	

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0 – 3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	- Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó

			(50%≤80%)		(90%≤100%)
--	--	--	-----------	--	------------

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (≤30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4. Rubric: Thực hành giảng dạy mô phỏng

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Áp dụng lý thuyết vào bài giảng thực hành	Kém (0-3.9)	Không đạt 5 tiêu chí
2. Cách diễn đạt, truyền tải kiến thức mạch lạc, dễ hiểu	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
3. Tổ chức và quản lý lớp học hiệu quả		
4. Sử dụng phương tiện và công cụ giảng dạy	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
5. Đổi mới và sáng tạo trong phương pháp dạy học	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 hoặc 5 tiêu chí

10.5 Rubric: Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
2. Nội dung thảo luận phù hợp	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
3. Phong cách trình bày		

4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.6 Rubric: Viết luận phản ánh

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Cấu trúc và cách tổ chức 2. Phân tích sự liên kết giữa lý thuyết và thực hành 3. Ngôn ngữ và văn phong 4. Tính sáng tạo, tính cá nhân	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS. TS. Phan Thị
Hàng Nga

TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

ThS Dương Thị
Thu Hiền

ThS Võ Thị Hoa
Cánh

PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Võ Thị Hoa Cảnh	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0932.673.022
Email: vythcanh@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Nguyễn Hà Thảo Mi	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0908.492.852
Email: nhtmi@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

**BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Phiên dịch trong kinh doanh

Tên học phần (tiếng Anh): Business Interpretation

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011957
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bổ thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 15 Thực hành: 30
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Ngoại ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm 3 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: ngành Ngôn Ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên nghiệp

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần học trước: Phiên dịch, Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh kinh doanh, Tiếng Việt thực hành, Cơ sở văn hóa Việt Nam

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Phiên dịch trong kinh doanh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức Chuyên ngành Tiếng Anh Kinh Doanh, thuộc cấp độ nâng cao trang bị kiến thức và kỹ năng phiên dịch cho sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh Kinh Doanh. Học phần đào tạo cho sinh viên kỹ năng phiên dịch chuyên sâu trong các tình huống liên quan đến các chủ đề thuộc lĩnh vực quản trị và tài chính, ngân hàng, logistics, marketing... trên cơ sở ứng dụng những kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ đã học về các lĩnh vực này.

Học phần tiếp tục củng cố và tăng cường các kỹ năng cần thiết hỗ trợ cho việc thực hành phiên dịch chẳng hạn như kỹ năng ghi nhớ thông tin qua các bài nghe – luyện trí nhớ, kỹ năng nghe - tóm tắt nội dung, nghe - ghi nhanh và kỹ năng trình bày nội dung, thông tin

qua các bài tập mô phỏng tình huống phiên dịch, kỹ năng phản xạ nhanh nhạy, và khả năng diễn đạt lưu loát, thoát ý. Ngoài ra, học phần còn cung cấp những kiến thức, từ vựng trong lĩnh vực quản trị, tài chính - ngân hàng, logistics, marketing... giúp sinh viên mở rộng kiến thức và vốn từ cần thiết để thực hành nghề nghiệp sau khi ra trường.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần được thiết kế nhằm mục tiêu rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phiên dịch nâng cao để hoàn thành tốt công việc sau có liên quan đến các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, quản trị, logistics, marketing... Ngoài ra, sinh viên có khả năng phân tích văn bản rõ ràng trước khi dịch. Sinh viên có khả năng nhận xét cách diễn đạt ý nghĩa, sử dụng từ chính xác, rõ ràng trong công tác phiên dịch. Sinh viên thể hiện khả năng ghi chép, ghi nhớ, diễn đạt chính xác ý nghĩa của văn bản.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Nhớ và phân tích được các khái niệm nâng cao về lý thuyết tiếng, biết kiến thức về kinh doanh để có thể so sánh, đối chiếu những tình huống trong kinh doanh và vận dụng trong phiên dịch.	Kiến thức
CLO2	Nhận biết kiến thức nâng cao về các phương pháp phiên dịch khác nhau; các phương pháp phân tích ngôn ngữ khác nhau; các phương pháp xử lý tình huống đa dạng; các từ vựng chuyên ngành thuộc các lĩnh vực kinh tế, marketing, logistics, ngân hàng...	Kiến thức
CLO3	Vận dụng các phương pháp phiên dịch khác nhau trong hoàn cảnh khác biệt văn hóa; các phương pháp chuyển đổi cấu trúc câu; các khác biệt về ngôn ngữ và cách chọn từ ngữ tối ưu khi phiên dịch.	Kỹ năng
CLO4	Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử, xử lý tình huống, làm việc nhóm trong công việc.	Kỹ năng
CLO5	Có ý thức học tập và rèn luyện kỹ năng phiên dịch như công cụ để trau	Tự chủ và trách

	đổi và nghiên cứu các môn học chuyên ngành	nhiệm
CLO6	Tích cực, chủ động trong việc lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động của cá nhân, của nhóm và tổ chức; thay đổi thích nghi trong nghề nghiệp.	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	UNIT 1. - Giới thiệu chương trình môn học, cách thức thực hiện các mục tiêu môn học. - Phân công nhóm học tập. - Giới thiệu về kỹ năng phỏng đoán nội dung trước khi dịch. (p.18-24) - Giới thiệu về kỹ năng dịch cấu trúc cú pháp phức tạp/Đưa thông tin ngắn gọn. (p25-44) Thực hành phiên dịch: • English – Vietnamese translation: - Personal finance: “Which services do you use	5	3	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6 CLO7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6]	- Yêu cầu sinh viên trang bị đầy đủ tài liệu học tập. - Đọc tài liệu [1] (trang 18-44). - Luyện phiên dịch theo tài liệu tham khảo

	• Vietnamese – English translation - “Vẫn khô tiếp cận vốn rẻ” - “Xăng sinh học ra thị trường”							
2	UNIT 2. - Giới thiệu cách dịch trật tự từ/cụm từ trong tiếng Anh. (p45-52) - Giới thiệu cách dịch mệnh đề trạng từ trong tiếng Anh. (p53-56) - Giới thiệu các yếu tố không thể dịch trong tiếng Anh (p57-66) Thực hành phiên dịch: • Vietnamese – English translation: - “Việt Nam không dễ kiểm chế lạm phát” - “Phải thi chung với sự cạnh tranh của thị trường” • English – Vietnamese translation:	5	3	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6 CLO7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4] [5]; [6]	- Yêu cầu sinh viên trang bị đầy đủ tài liệu học tập. - Đọc tài liệu [1] (trang 45-66). - Luyện phiên dịch theo tài liệu tham khảo

	- “What is leadership?” - “Organizations and operations.”							
3	UNIT 3. - Giới thiệu cách dịch câu có áp dụng biện pháp tu từ và áp dụng biện pháp tu từ trong phiên dịch. (p67-116) - Hướng dẫn cách xử lý lập luận, cách đưa ra lập luận rõ ràng và hiệu quả trong diễn giải. (p117-126) - Phân tích cách chọn lựa từ ngữ và phù hợp với phong cách ngôn ngữ của từng tình huống. (p127-172) Thực hành phiên dịch: • English Vietnamese: - - “Strategy and business environment” - “Scheduling appointments” • Vietnamese English -	5	3	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6 CLO7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4] [5]; [6]	- Yêu cầu sinh viên trang bị đầy đủ tài liệu học tập. - Đọc tài liệu [1] (trang 67-172). - Luyện phiên dịch theo tài liệu tham khảo

	translation: - “Kinh tế Việt Nam hội nhập” - “Bản tin kinh tế”							
4	Thực hành phiên dịch: • English - Vietnamese: - “Japan’s Toyota Builds a City-like Center to Test Robotics, AI” - “Mary Kay: A Leader in the Beauty Product Industry” • Vietnamese – English translation: - “Kinh tế Việt Nam hội nhập” - “Bản tin kinh tế”		3	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6 CLO7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4] [5]; [6]	- Yêu cầu sinh viên trang bị đầy đủ tài liệu học tập. - Luyện phiên dịch theo tài liệu tham khảo
5	Thực hành phiên dịch: • English – Vietnamese translation: - “The Great Depression” - “Investment decision” • Vietnamese – English translation: - “FTA talks with Malaysia” - “Calling the IMF”		3	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6 CLO7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4] [5]; [6]	- Yêu cầu sinh viên trang bị đầy đủ tài liệu học tập. - - Luyện phiên dịch theo tài liệu tham khảo

6	Thực hành phiên dịch: • Vietnamese – English translation: - “Gia nhập WTO: con đường phát triển” - “Kinh tế Việt Nam bước vào quý 4 với những lo ngại” • English – Vietnamese: - “Budgets, decisions and risk” - “Developing people”		3	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6 CLO7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4] [5]; [6]	- Yêu cầu sinh viên trang bị đầy đủ tài liệu học tập. - - Luyện phiên dịch theo tài liệu tham khảo
7	Thực hành phiên dịch: • Vietnamese – English: - “Tạp chí kinh tế cuối tuần” - “Thông tin kinh tế quốc tế”. • English – Vietnamese: - “Types of banks in the U.K” - “Why do stock markets move?”		3	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6 CLO7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4] [5]; [6]	- Yêu cầu sinh viên trang bị đầy đủ tài liệu học tập. - - Luyện phiên dịch theo tài liệu tham khảo
8	Thực hành phiên dịch: • English –		3	10	CLO1 CLO2	Thuyết giảng, thảo luận	[1]; [2]; [3]; [4] [5]; [6]	- Yêu cầu sinh viên

	Vietnamese: - “Reward and remuneration” - “HR development” Mid-term exam				CLO3 CLO4 CLO6 CLO7	nhóm, thực hành cá nhân		trang bị đầy đủ tài liệu học tập. - Luyện phiên dịch theo tài liệu tham khảo
9	Thực hành phiên dịch: - English – Vietnamese: - “Cash flow” - “Marketing management” - Vietnamese – English: - “Australia” - “Du lịch miệt vườn sông nước Tiền Giang”		3	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6 CLO7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4] [5]; [6]	- Yêu cầu sinh viên trang bị đầy đủ tài liệu học tập. - Luyện phiên dịch theo tài liệu tham khảo
10	Thực hành phiên dịch: - Vietnamese – English: - “3 khó khăn chính kiềm hãm ngành thủy sản” - “Du lịch thành phố Hồ Chí Minh thu hút khách bằng trải nghiệm mới” - English – Vietnamese:		3	15				-

- "California's dry weather"							
- "Solar airplane in Switzerland"							

6) Phương pháp dạy – học

6.1 Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Thực hành phiên dịch Anh-Việt, Việt-Anh, góp ý nhận xét bài phiên dịch.	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, nộp bài phiên dịch	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính

6.2 Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành cá nhân	Hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức lý thuyết để thực hiện phiên dịch trong kinh doanh	Giáo trình chính Bài tập

6.3 Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

Thực hành nhóm	- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 4 sinh viên, bầu nhóm trưởng. - Nhóm trưởng nhận chủ đề một cuộc đối thoại kinh doanh. - Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên). - Các thành viên đóng vai một doanh nhân nói tiếng Anh, một doanh nhân nói tiếng Việt và hai phiên dịch viên Anh-Việt; Việt-Anh. - Hoàn thành sản phẩm quay video cuộc đối thoại theo yêu cầu và thời gian giảng viên yêu cầu.
----------------	---

Thực hành cá nhân	- Nghiên cứu giáo trình chính để làm bài tập cuối mỗi bài và các hoạt động tự học khác theo yêu cầu của giảng viên.
-------------------	---

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

- (1) Nolan, J. (2005). *Interpretation techniques and exercises*. Linguistic Services, Houston, Texas, USA.
- (2) US Company Gives Over 18,000 Kilograms of Salmon to Food Bank (VOA Learning English)
- (3) Thúc đẩy dòng vốn cho phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo (Sài Gòn Giải Phóng)

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- (1) Nguyễn, Q. H. (2024). *Hướng dẫn kỹ thuật phiên dịch Anh - Việt, Việt - Anh*. Thanh Niên.
- (2) Trương, Q. P. (2014). *Giáo Khoa Căn Bản Môn Dịch Anh-Việt, Việt-Anh*. Ho Chi Minh City General Publishing House.
- (3) Website: <https://learningenglish.voanews.com/> (VOA Learning English)
- (4) Website: <https://www.sggp.org.vn/> (Sài Gòn Giải Phóng)

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1 Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2 Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài nhóm	Chấm bài nhóm	Video mô phỏng buổi phiên dịch hội thoại trong kinh doanh

8.3 Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Thái độ học tập, chuyên cần	Sinh viên không tham gia học tập quá 04 buổi sẽ không được	5%

		tham gia thi kiểm tra giữa kỳ Rèn luyện thái độ nghiêm túc, chăm chỉ, có kỷ luật trong công việc. Thể hiện thái độ chuyên nghiệp, có tư cách đạo đức của một phiên dịch viên.	
	Bài tập nhóm	Thực hành phiên dịch theo nhóm Các nhóm quay dựng video mô phỏng một cuộc đối thoại giữa hai doanh nhân theo chủ đề được phân công. Một hoặc hai phiên dịch viên sẽ phiên dịch Anh-Việt; Việt-Anh cuộc hội thoại. Sản phẩm gồm một kịch bản hội thoại và video mô phỏng buổi phiên dịch hội thoại.	10%
	Bài tập cá nhân	Đánh giá tính chính xác về ngôn ngữ của sinh viên như cách sử dụng từ, cấu trúc và phát âm. Trong các buổi học, giáo viên tạo cơ hội cho mỗi sinh viên tham gia dịch các bản tin, hội thoại chủ đề kinh doanh. Giáo viên đánh giá và hướng dẫn, gợi ý cho sinh viên các cách dịch tốt nhất.	10%
	Kiểm tra giữa kỳ	Bài thi giữa kỳ cho mỗi sinh viên là 10 phút gồm 02 phần: Sinh viên nghe một đoạn tiếng Anh (5-7 câu) từ VOA (03 lần) và sinh viên có thời gian chuẩn bị là 02 phút và sau đó sinh viên sẽ chuyển tải thông điệp đó sang tiếng Việt. Sinh viên nghe 01 đoạn văn bằng tiếng Việt (03 lần) và sinh viên có thời gian chuẩn bị là 04	15%

		phút, sau đó sinh viên sẽ chuyển tải thông điệp sang tiếng Anh.	
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc học phần	Sinh viên nghe 01 đoạn văn (7-10 câu) bằng tiếng Anh (03 lần) và sinh viên có thời gian chuẩn bị là 02 phút và sau đó sinh viên sẽ chuyển tải thông điệp đó sang tiếng Việt. Sinh viên nghe 01 đoạn văn (7-10 câu) bằng tiếng Việt (03 lần) và sinh viên có thời gian chuẩn bị là 02 phút, sau đó sinh viên sẽ chuyển tải thông điệp sang tiếng Anh	60%

9) Ma trận

9.1 Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLO1(I), PLO4(R), PLO5(R), PLO9(R).

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1				R						
CLO2				R						
CLO3				R						
CLO4				R						
CLO5						M				
CLO6									R	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7

Thuyết giảng	X	X	X	X	X	X	
Thảo luận/ thực hành nhóm	X	X		X			X
Thực hành cá nhân	X	X	X	X	X	X	

9.3 Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp			X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm, thuyết trình	X	X		X		X	X
Bài kiểm tra thực hành kỹ năng phiên dịch	X	X		X			

10) Các rubric/thang điểm đánh giá

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm

Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0-3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm Bài thực hành kỹ năng phiên dịch

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5<10)
Nội dung tự luận	Không dịch được nội dung cơ bản trong bài	Dịch tạm nội dung cơ bản	Dịch đúng các nội dung cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Dịch đúng các nội dung cơ bản và khó (80%≤90%)	Dịch đúng các nội dung cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (<=30%)	0-3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm

10.4 Rubric: Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá	Đạt 3 tiêu chí

	(7.0-8.4)	
	Giới (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS. TS. Phan Thị
Hằng Nga

TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

ThS Dương Thị
Thu Hiền

ThS Trần Thế Khoa

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Trần Thế Khoa	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0374.518.183
Email: tt.khoa@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Bùi Thị Nhi	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0973.112.575
Email: bt.nhi@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Phiên dịch

Tên học phần (tiếng Anh): Interpretation

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011946
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Ngoại ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm 3 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên nghiệp

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần học trước: Ngữ pháp nâng cao, Tiếng Việt thực hành, Cơ sở văn hóa Việt Nam, Nghe – Nói 3

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần Phiên dịch, thuộc chuyên ngành Tiếng Anh Kinh Doanh, cung cấp lý thuyết và kỹ năng cơ bản trong phiên dịch, bao gồm phiên dịch đoạn ngôn bản, đuổi, song hành, và tóm tắt. Sinh viên được trang bị kỹ năng nghe, ghi nhớ, tốc ký, chuyển dịch và tái tạo ngôn bản.

Học phần còn đề cập đến đạo đức nghề phiên dịch và các vấn đề thường gặp, như khó khăn về từ vựng chuyên ngành và kiến thức nền, cùng các thủ pháp thực hành phiên dịch. Nội dung học tập tập trung vào kỹ năng ghi nhớ thông qua bài nghe và phát triển kỹ năng nghe – tóm tắt, nghe – ghi nhanh và trình bày thông tin. Các tình huống phiên dịch chủ yếu liên quan đến marketing, du lịch và khách sạn, áp dụng từ vựng chuyên ngành đã

học.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần được thiết kế nhằm mục tiêu rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phiên dịch cơ bản tổng các lĩnh vực quen thuộc. Ngoài ra, sinh viên có khả năng phân tích văn bản rõ ràng trước khi dịch. Sinh viên có khả năng nhận xét cách diễn đạt ý nghĩa, sử dụng từ chính xác, rõ ràng trong công tác phiên dịch. Sinh viên thể hiện khả năng ghi chép, ghi nhớ, diễn đạt chính xác ý nghĩa của văn bản.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Nhớ và phân tích được các khái niệm cơ bản về lý thuyết tiếng, biết kiến thức về xã hội, văn hóa Anh - Mỹ để có thể so sánh, đối chiếu những giá trị văn hóa giữa các nền văn hóa khác nhau và vận dụng trong phiên dịch.	Kiến thức
CLO2	Nhận biết kiến thức tổng quát về các phương pháp phiên dịch khác nhau; các phương pháp phân tích ngôn ngữ khác nhau; các phương pháp xử lý tình huống đa dạng; các từ vựng chuyên ngành thuộc các lĩnh vực khác nhau.	Kiến thức
CLO3	Vận dụng các phương pháp phiên dịch khác nhau trong hoàn cảnh khác biệt văn hóa; các phương pháp chuyển đổi cấu trúc câu; các khác biệt về ngôn ngữ và cách chọn từ ngữ tối ưu khi phiên dịch.	Kỹ năng
CLO4	Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử, xử lý tình huống, làm việc nhóm trong công việc.	Kỹ năng
CLO5	Có ý thức học tập và rèn luyện kỹ năng phiên dịch như công cụ để trau dồi và nghiên cứu các môn học	Tự chủ và trách nhiệm

	chuyên ngành	
CLO6	Tích cực, chủ động trong việc lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động của cá nhân, của nhóm và tổ chức; thay đổi thích nghi trong nghề nghiệp.	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Unit 1. Bản chất các loại hình phiên dịch - Đạo đức nghề nghiệp - Kỹ thuật dịch	3	1.5	10.5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6 CLO7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4] [5]; [6]	- Đọc tài liệu: Nguyễn, Q. H. (2024), trang 11-26 - Làm bài tập thực hành dịch
2	Unit 2. Nghe hiểu đề dịch: + Các đoạn hội thoại về giáo dục, văn hoá, xã hội, ...	3	1.5	10.5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6 CLO7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4] [5]; [6]	- Đọc tài liệu: Nguyễn, Q. H. (2024), trang 47-82 - Làm bài tập thực hành dịch
3	Unit 3. Thực hành các đoạn dịch về y tế, giáo dục	3	1.5	10.5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực	[1]; [2]; [3]; [4] [5]; [6]	- Tham khảo website: VOA hoặc

					CLO6 CLO7	hành cá nhân		sggp.org.vn - Làm bài tập thực hành dịch
4	Unit 4. Thực hành các đoạn dịch về sở thích, môi trường	3	1.5	10.5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6 CLO7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4] [5]; [6]	- Tham khảo website: VOA hoặc sggp.org.vn - Làm bài tập thực hành dịch
5	Unit 5. Thực hành dịch thông tin về du lịch + Thực trạng du lịch + Chất lượng ngành du lịch	3	1.5	10.5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6 CLO7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4] [5]; [6]	- Tham khảo website: VOA hoặc sggp.org.vn - Làm bài tập thực hành dịch
6	Unit 6. Thực hành các bài dịch về marketing + Nghiên cứu thị trường + Sự hài lòng của khách hàng	3	1.5	10.5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6 CLO7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4] [5]; [6]	- Tham khảo website: VOA hoặc sggp.org.vn - Làm bài tập thực hành dịch
7	Unit 7. Thực hành các bài dịch về kinh	3	1.5	10.5	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết giảng, thảo luận	[1]; [2]; [3]; [4] [5]; [6]	- Tham khảo website:

	doanh				CLO4 CLO6 CLO7	nhóm, thực hành cá nhân		VOA hoặc sggp.org.vn - Làm bài tập thực hành dịch
8	Unit 8. Thực hành các bài dịch về du lịch Mid-term exam	3	1.5	10.5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6 CLO7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4] [5]; [6]	- Tham khảo website: VOA hoặc sggp.org.vn - Làm bài tập thực hành dịch
9	Unit 9. Thực hành các bài dịch về marketing	3	1.5	10.5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6 CLO7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4] [5]; [6]	- Tham khảo website: VOA hoặc sggp.org.vn - Làm bài tập thực hành dịch
10	Unit 10. Thực hành các bài dịch về kinh doanh	3	1.5	10.5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6 CLO7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4] [5]; [6]	- Tham khảo website: VOA hoặc sggp.org.vn - Làm bài tập thực hành dịch

6) Phương pháp dạy – học

6.1 Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
----	-----------------	---------------------------------	--------------------

1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi	Giáo trình chính, bài giảng của giảng viên đứng lớp
2	Thảo luận nhóm/ Thuyết trình nhóm	Các nhóm làm bài thuyết trình dựa trên các phương diện lý thuyết về phiên dịch, hoặc trả lời các câu hỏi thảo luận về lý thuyết phiên dịch.	Giáo trình chính, các nguồn tài liệu tham khảo và các nguồn bên ngoài

6.2 Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành tình huống phiên dịch (theo nhóm)	Trong các buổi học thực hành kỹ năng phiên dịch, các nhóm thực hiện role-play theo các tình huống phiên dịch đã cho trước của giảng viên đứng lớp	Các tình huống, kịch bản cần có phiên dịch (consecutive interpreting) được chuẩn bị trước
2	Thực hành phiên dịch cá nhân	Mỗi buổi học thực hành kỹ năng phiên dịch trên lớp, giảng viên cho sinh viên nghe bài thuộc chủ đề của buổi học đó và thực hành phiên dịch tại lớp để đánh giá Sau mỗi buổi học, giảng viên cho bài tập phiên dịch, sinh viên thực hành phiên dịch ở nhà, ghi lại bản dịch của mình để đánh giá	Cái bài nghe tiếng Việt và tiếng Anh thuộc các chủ đề khác nhau, phù hợp với chủ đề của từng buổi học, do giảng viên chuẩn bị

6.3 Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn chia nhóm: mỗi nhóm từ 3-5 sinh viên, bầu nhóm trưởng để tiện liên lạc với giảng viên khi cần.
- Các nhóm nhận chủ đề thuyết trình (cho các buổi học về lý thuyết phiên dịch, nếu giảng viên cho SV thuyết trình) và tình huống thực hành phiên dịch (cho các buổi thực hành kỹ năng phiên dịch theo chủ đề)
- Nhóm trưởng phân chia công việc cho các thành viên trong nhóm để thực hiện đúng tiến độ như yêu cầu, hướng dẫn của giảng viên đứng lớp

- Đối với bài tập thực hành phiên dịch sau mỗi buổi học, sinh viên tự thực hiện ghi âm phần trình bày của mình ở nhà, có thể kèm theo phần tự đánh giá của bản thân (nếu có) nộp lại cho giảng viên đứng lớp để đánh giá

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

(1) Nguyễn, Q. H. (2024). *Hướng Dẫn Kỹ Thuật Phiên Dịch Anh - Việt, Việt - Anh*. Thanh Niên.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

(1) Lê, H. Lâm., Trương, H. Duy & Phạm, V. Thuận. (2009). *Luyện Dịch Anh-Việt, Việt-Anh*. Nhà Xuất Bản Tổng Hợp Thành Phố Hồ Chí Minh.

(2) Trương, Q. P. (2014). *Giáo Khoa Căn Bản Môn Dịch Anh-Việt, Việt-Anh*. Thanh Niên.

(3) Website: <https://learningenglish.voanews.com/> (VOA Learning English)

(4) Website: <https://www.sggp.org.vn/> (Sài Gòn Giải Phóng)

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1 Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2 Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Thực hành tình huống phiên dịch tại lớp theo nhóm	Chấm điểm phần trình bày tình huống của nhóm trên lớp	Kịch bản tình huống phiên dịch
Thực hành phiên dịch cá nhân ở nhà	Chấm điểm bản ghi âm	Bản ghi âm phần trình bày phiên dịch

8.3 Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tham dự các buổi học đầy đủ, tích cực tham gia xây dựng bài (1)	4%
	Kiểm tra thường xuyên	Thuyết trình lý thuyết phiên dịch, hoặc thảo luận lý thuyết phiên dịch (2)	8%

		Thực hành tình huống phiên dịch (theo nhóm) (3)	12%
		Thực hành phiên dịch cá nhân trên lớp (4)	8%
		Thực hành phiên dịch cá nhân ở nhà (5)	8%
Đánh giá kết thúc	Thi kỹ năng phiên dịch. Sinh viên bốc thăm chọn chủ đề bài nghe để thực hành phiên dịch Anh – Việt và Việt – Anh. Mỗi bài nghe dài tối đa 2 phút, có 1 phút chuẩn bị và tiến hành phiên dịch	Giao tiếp, phỏng vấn (6)	60%

9) Ma trận

9.1 Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1				I						
CLO2				I						
CLO3				I		I				
CLO4				I		I				
CLO5									I	
CLO6									I	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7
Thuyết giảng	X	X	X	X	X	X	

Thảo luận nhóm	X	X		X			X
Thực hành cá nhân	X	X	X	X	X	X	

9.3 Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp			X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm, thuyết trình	X	X		X		X	X
Bài kiểm tra thực hành kỹ năng phiên dịch	X	X		X			

10) Các rubric/thang điểm đánh giá

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0-3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài thực hành kỹ năng phiên dịch

Tiêu chí	Kém 0-0.5	Yếu 0.5-1.0	Trung bình 1.0-1.5	Khá 1.5-2.0	Giỏi 2.0-2.5
Nội dung (2.5 điểm)	Bản dịch khác hoàn toàn bản gốc	Bản dịch đúng một vài chi tiết, và dịch chưa chính xác phần lớn chi tiết và ý chính quan trọng, dẫn đến người nghe hiểu sai thông tin bản gốc.	Bản dịch còn chung chung, đại khái, chưa chính xác mọi chi tiết và một số chi tiết bị bỏ sót hoặc dịch chưa chính xác	Bản dịch chính xác các ý chính. Người dịch gặp khó khăn với các thuật ngữ chuyên ngành	Bản dịch đầy đủ, trọn vẹn và chính xác, được chuyển ngữ chính xác, linh hoạt. Truyền tải đầy đủ nội dung thông tin bản gốc
Mức độ trôi chảy của bản dịch (2.5 điểm)	Áp úng, ngập ngừng trước mỗi từ, và không có khả năng kết nối các câu đơn giản với nhau.	Ngắt, nghỉ câu quá lâu, nói lặp lại hoặc tự sửa lỗi sai nhiều lần với người nghe.	Duy trì được nhịp độ nói ổn định nhưng còn lặp lại để sửa lỗi sai.	Duy trì sự trôi chảy ổn định, nói mạch lạc.	Nói trôi chảy. Hầu như không nói lặp lại và dịch lưu loát.
Phát âm (2.5 điểm)	Phát âm sai nhiều, ngữ điệu và trọng âm không có, gây khó hiểu cho người nghe	Phát âm sai, ngữ điệu và trọng âm còn hạn chế.	Phát âm và ngữ điệu còn hạn chế nhưng không ảnh hưởng nội dung bản dịch và người nghe vẫn hiểu được.	Phát âm đúng, ngữ điệu rõ ràng.	Phát âm hay, ngữ điệu rõ ràng, tự nhiên.
Ngữ pháp (2.5 điểm)	Sử dụng ngữ pháp chưa chính xác, cấu trúc câu không diễn giải được bản dịch.	Diễn giải với cấu trúc ngữ pháp căn bản nhưng còn lỗi sai và chưa hiệu quả.	Bảo đảm ngữ pháp căn bản. Một số lỗi diễn đạt còn không tự nhiên	Sử dụng ngữ pháp và các cấu trúc câu, cụm từ chính xác và thành thạo. Có thể có một số lỗi căn bản.	Sử dụng ngữ pháp và các cấu trúc câu, cụm từ chính xác và thành thạo. Có lỗi diễn đạt theo vẫn nói linh hoạt.

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm

Làm bài tập chưa đầy đủ ($80\% \leq 90\%$)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ ($50\% \leq 80\%$)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ ($30\% \leq 50\%$)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ ($\leq 30\%$)	0-3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm

10.4 Rubric: Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS. TS. Phan Thị
Hằng Nga

TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

ThS Dương Thị
Thu Hiền

ThS Trần Thế Khoa

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Trần Thế Khoa	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0374.518.183
Email: tt.khoa@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Trần Đăng Khoa	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0902.693.614
Email: tdkhoa@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (Tiếng Việt): Tiếng Anh Du Lịch - Khách Sạn

Tên học phần (Tiếng Anh): English for Tourism - Hospitality

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011951
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Bài tập, thảo luận: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Ngoại ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm thứ 3 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên nghiệp

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:
Điều kiện tiên quyết: Không
Học phần học trước: Quản trị học
Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần thuộc khối Kiến thức chuyên ngành Tiếng Anh Kinh Doanh, cung cấp kiến thức, tiêu chí để phân tích và đánh giá các điểm đến du lịch, các dịch vụ lưu trú du lịch, các tour du lịch. Những nội dung chủ yếu của học phần bao gồm: những khái niệm, công việc trong lĩnh vực Du Lịch và Khách Sạn; điểm đến du lịch nổi tiếng; phương tiện đi lại, những hoạt động tham quan, vui chơi, ăn uống (nhà hàng), ngủ nghỉ (khách sạn) trong các tour du lịch; các tình huống giao tiếp bằng tiếng Anh về các chủ đề thuộc lĩnh vực trên.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Sau khi học xong học phần, người học đọc hiểu và nghe nhận diện được các công việc trong ngành du lịch, cũng như mô tả các công việc này bằng hình thức nói hoặc viết;

mô tả và thiết kế tờ rơi quảng bá các điểm đến du lịch; có khả năng phân tích cách vận hành các tour du lịch khác nhau; đánh giá khả năng sắp xếp, chuẩn bị phương tiện đi lại, những hoạt động tham quan, vui chơi, ăn uống, ngủ nghỉ; Bên cạnh đó, người học cũng biết cách xử lý các tình huống thường gặp với khách hàng bằng tiếng Anh khi làm việc tại các công ty du lịch.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức R và M trong ma trận mối quan hệ CDR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Vận dụng linh hoạt và phát triển vốn từ vựng, thuật ngữ, ngữ pháp sử dụng trong lĩnh vực Du lịch – Khách sạn.	Kiến thức
CLO2	Phân tích được thông tin, cách ứng xử, xử lý các tình huống giao tiếp về lĩnh vực Du lịch – Khách sạn mà các nhân vật trong các bài nghe, bài đọc đã sử dụng.	Kiến thức
CLO3	Nghe hiểu được những tình huống, hội thoại giao tiếp trong lĩnh vực Du lịch – Khách sạn. Thảo luận được các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực này. Trình bày ý kiến, giải quyết vấn đề với khách hàng trong lĩnh vực Du lịch – Khách sạn.	Kỹ năng
CLO4	Đọc hiểu thông tin về nền du lịch trên thế giới, cũng như xu hướng phát triển của lĩnh vực Du lịch- Khách sạn. Viết: Thiết kế được những tờ rơi/ tờ bướm quảng bá những điểm đến hấp dẫn du khách.	Kỹ năng
CLO5	Làm việc độc lập/làm việc theo nhóm, chủ động giải quyết công việc, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
Unit 1	Unit 1: Tourism 1.1 An introduction to	5	3	18	CLO1; CLO2;	Thuyết giảng; Thảo	[1]; [3]; [5].	Đọc tài liệu Catrin

	Travel and Tourism 1.2 What is tourism?				CLO3; CLO5.	luận nhóm		Morris p.4– p.7 Robin Walker p.4– p.11
Unit 2	Unit 2: Destinations 2.1 Destinations 2.2 New Tourist Destinations	5	3	18	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc tài liệu Peter Strutt p.32-39 Robin Walker p.12 -19 Catrin Morris p.56 -59
Unit 3	Unit 3: Tour operators 3.1 Things to do 3.2 package tours	5	3	18	CLO2; CLO3; CLO4; CLO5.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc tài liệu Peter Strutt p.40-47 Robin Walker p.20-27
Unit 4	Unit 4: Selling dreams 4.1 Marketing in Tourism 4.2 Travel agencies	5	3	17	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc tài liệu Peter Strutt p.8-15 Catrin Morris p.24 -27

	Midterm test	2						Robin Walker p.36-43
Unit 5	Unit 5: Accommodation 5.1 Types of accommodation 5.2 Running a hotel	5	2	17	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Peter Strutt p.24-31 Catrin Morris p.16-17 Peter Strutt p.68-75
Unit 6	Unit 6: Applying for a job	5	1	17	CLO2; CLO3; CLO4; CLO5.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Catrin Morris p.60-63 Robin Walker p.52-53

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành tại lớp	Sử dụng các thiết bị điện tử, trang thiết bị, trang web, công cụ,	-Giáo trình chính

		hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức lý thuyết để phân tích cách vận hành các tour du lịch khác nhau; đánh giá khả năng sắp xếp, chuẩn bị phương tiện đi lại, những hoạt động tham quan, vui chơi, ăn uống, ngủ nghỉ	-Bài tập
2	Thực hành ngoài lớp	Sử dụng các thiết bị điện tử, trang thiết bị, trang web, công cụ, ... hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức lý thuyết để mô tả và thiết kế tờ rơi quảng bá các điểm đến du lịch.	- Bài tập thực hành - Giáo trình chính

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bất buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm từ 6-8 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và làm bài tập cuối mỗi chương.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy(giáo trình chính):

- (1) Peter, S. (2018). *English for International Tourism*- 7th impression. Pearson.
- (2) Robin, W. & Keith, H. (2006). *Tourism 1*. Oxford University Press.
- (3) Catrin, E. M. (2017). *Flash on English for Tourism*. ELI Publishing.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- (1) Dubicka, I. & Margaret, O. (2013). *Tourism English for international tourism, Pre-intermediate coursebook*. Pearson.
- (2) Keith, H. & Paul, H. (2010). *High Season*. Oxford University Press.
- (3) International Air Transport Association (IATA). (2007). International travel and tourism training program.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài thuyết trình	Chấm bài thuyết trình	Bài thuyết trình hoàn thành
Làm bài tập	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm hoặc cá nhân [2]	30%
		Trắc nghiệm, tự luận [3]	
		Bài tập tự học [4]	
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận [3]	60%
		Hoặc tiểu luận cá nhân[5]	

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1				R		M				
CLO2				R		M				
CLO3				R		M				
CLO4				R		M				
CLO5										

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5

Thuyết giảng	X	X			
Thảo luận nhóm	X	X	X		X
Thuyết trình	X		X		X
Thực hành tại lớp	X	X	X		X
Thực hành ngoài lớp	X			X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm, Thuyết trình	X	X	X		X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X	X	X	X
Bài tập tự học			X	X	X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X	X	X	X
Tiểu luận cá nhân	X			X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
---	--------------

Không vắng, tích cực phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0 – 3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	- Không chọn đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm

Làm bài tập chưa đầy đủ ($30\% \leq 50\%$)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ ($\leq 30\%$)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

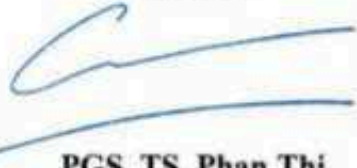
10.5 Rubric: Tiểu luận cá nhân cuối kỳ

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật 4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí

	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí
--	------------------	----------------

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT



PGS. TS. Phan Thị
Hằng Nga

Trưởng khoa



TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

Trưởng bộ môn



ThS Dương Thị
Thu Hiền

Giảng viên biên soạn



ThS Đoàn Quang
Định

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Đoàn Quang Định	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0918.752.886
Email: dq.dinh@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Lê Thị Thanh Trúc	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0985.423.220
Email: ltt.truc@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Anh kinh doanh quốc tế

Tên học phần (tiếng Anh): English for International Business

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011949

- Tổng số tín chỉ: 3

Lý thuyết: 3 Thực hành: 0

- Phân bố thời gian (giờ): 45

Lý thuyết: 30 Thực hành: 15

- Số giờ tự học (giờ): 105

- Khoa Quản lý học phần: Khoa Ngoại ngữ

- Đối tượng người học: Sinh viên năm 3 - Chương trình Chuẩn

- Học phần thuộc ngành: Ngôn ngữ Anh

- Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên nghiệp

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần học trước: Quản trị học

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Tiếng Anh kinh doanh quốc tế là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành được thiết kế dành cho sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh kinh doanh. Học phần này cung cấp cho người học những vấn đề liên quan đến làm việc trong môi trường đa quốc gia, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, xử lý khủng hoảng trong kinh doanh, dự đoán những thay đổi và biến động trong kinh doanh quốc tế. Học phần còn cung cấp cho người học những thuật ngữ và các khái niệm cơ bản về công cụ thanh toán và các phương thức thanh toán quốc tế trong giao dịch thương mại. Ngoài ra, người học có cơ hội thực hành kỹ năng trình bày và viết báo cáo và đề xuất giải pháp liên quan đến công việc kinh doanh.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Sau khi học xong học phần Anh văn kinh doanh quốc tế, người học có thể nắm vững các khái niệm, thuật ngữ, vấn đề cơ bản liên quan đến môi trường kinh doanh đa quốc gia, trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, phương thức thanh toán quốc tế, cùng kỹ năng xử lý khủng hoảng, viết báo cáo và đề xuất giải pháp kinh doanh. Từ đó, người học ra được các quyết định phân tích, xử lý tình huống cơ bản trong kinh doanh quốc tế, lựa chọn phương thức thanh toán hiệu quả và viết báo cáo kinh doanh ở mức cơ bản. Bên cạnh đó, học phần giúp người học nhận thức tính trách nhiệm và phát triển kỹ năng khi làm việc theo cặp, nhóm, phát triển thái độ tích cực, chủ động đáp ứng tốt hơn cho công việc tương lai.

4) Chuẩn đầu ra của học phần: Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức R, M trong ma trận mối quan hệ CDR của CTĐT với các học phần

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Ngữ pháp: Hiểu và nắm vững các kiến thức ngữ pháp đã học để trình bày chính xác ý muốn diễn đạt trong công việc	Kiến thức
CLO2	Từ vựng: Hiểu và nắm vững vốn từ vựng cơ bản liên quan đến chuyên ngành tiếng Anh kinh doanh quốc tế về chủ đề giao thoa văn hóa, khủng hoảng doanh nghiệp, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR); hiểu các khái niệm về công cụ thanh toán và phương thức thanh toán quốc tế	Kiến thức
CLO3	Nghe: Nghe hiểu được nội dung và biểu cảm của người nói trong bối cảnh công việc như buổi thuyết trình; nghe và hiểu được phần lớn nội dung về đàm phán trong kinh doanh; hiểu và phân biệt được các loại liên minh chiến lược trong kinh doanh quốc tế	Kỹ năng
CLO4	Nói: Sử dụng kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trong các chủ đề liên quan đến môi trường làm việc trong kinh doanh quốc tế như giới thiệu bản thân và thảo luận trong các nhóm đối tác đa quốc gia; thảo luận tìm giải pháp; thuyết trình; thảo luận về sự thay đổi trong tổ chức hay các rủi ro của công ty	Kỹ năng
CLO5	Đọc: Vận dụng kỹ năng skimming và scanning để đọc hiểu văn bản có độ dài	Kỹ năng

	vừa phải liên quan đến lĩnh vực về kinh tế như kinh doanh quốc tế; đọc hiểu một số văn bản chuyên ngành như các chứng từ về thanh toán quốc tế	
CLO6	Viết: Vận dụng kiến thức đã học về ngữ pháp, từ vựng và kiến thức về nền tảng kinh doanh quốc tế để viết các văn bản trao đổi trong công việc như viết báo cáo, đề xuất giải pháp	Kỹ năng
CL07	Vận dụng các kiến thức đã học để phát triển kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trong môi trường kinh doanh quốc tế; kỹ năng tự chủ và làm việc nhóm hiệu quả; nhận thức tính trách nhiệm trong công việc; tích cực, chủ động trong việc đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động của cá nhân, của nhóm và tổ chức; tự định hướng hoạt động chuyên môn, thay đổi thích nghi trong môi trường nghề nghiệp để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	UNIT 1. CONNECTIONS 1.1. Working with words <i>- Describing cross-cultural experiences</i> 1.2. Business Communication <i>- Reporting back on research</i> 1.3 Practically speaking	5	2	20	CLO 1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Đọc Unit 1 giáo trình Business Results - Advance d; luyện tập phần Speaking

	- <i>Introducing yourself to a group</i> 1.4 Talking point - <i>Working in multinational teams</i>							
2	UNIT 2. CHANGE 2.1. Working with words - <i>Discussing working practices</i> 2.2. Business Communication - <i>Giving a formal presentation</i> 2.3. Language at work - <i>Speculating about future changes</i> 2.4. Practically speaking - <i>Showing understanding</i> 2.5. Viewpoint 1 - <i>Dealing with change</i> - <i>Video</i>	5	3	20	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Đọc Unit 3 giáo trình Business Results - Advanced, luyện tập phần Listening - Speaking
3	UNIT 3. RISK 3.1. Working with words - <i>Handling a corporate crisis</i> 3.2. Business Communication - <i>Taking part in a</i>	4	4	20	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO7	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thuyết trình nhóm Thực hành tại	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Làm bài tập phần Language at work Unit 4 giáo trình Business Results Advance

	<i>teleconference</i> 3.3. Practically speaking <i>- Establishing rapport</i> 3.4. Talking point <i>- Planning for the Olympics</i>					lớp;		d; luyện tập phần Speaking
4	UNIT 4. RESOURCES 4.1. Working with words <i>- Corporate Social Responsibility</i> 4.2. Business Communication <i>- Discussing options</i> 4.3. Language at work <i>- Using conditionals</i> 4.4. Practically speaking <i>- Dealing with misunderstandings</i> 4.5. View point 3 <i>- Business education</i> <i>- Video</i>	4	4	20	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO7	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thuyết trình nhóm; Thực hành tại lớp;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Làm bài tập Unit 9 giáo trình Business Results Advanced, Đọc Chương 4 giáo trình International Commercial Transactions
5	UNIT 5. INTERNATIONAL SETTLEMENTS 5.1. International Payment Instruments <i>- Drafts: Bills of</i>	12	2	25	CLO1 CLO2 CLO5 CLO6 CLO7	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Đọc thêm chương 4 giáo trình International Commer

exchange						lớp;		cial Transacti ons
5.2. International Payment methods								
- Documentary credits								
Midterm test:								
Listening –								
Reading-Writing								

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Giáo trình chính Chủ đề thảo luận

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành cá nhân tại lớp	Vận dụng các lý thuyết đã học vào việc thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ trong môi trường làm việc.	Giáo trình chính Bài tập
2	Thuyết trình nhóm	Phân chia chủ đề, phân nhóm, từng nhóm thuyết trình	Giáo trình chính Chủ đề thuyết trình

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 5 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu và thời gian giảng viên yêu cầu.

- Nghiên cứu giáo trình chính và làm bài tập cuối mỗi chương.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

- (1) Baade, K., Holloway, C., Hughes, J., Scrivener, J., & Turner, R. (2017). *Business Results Advanced Student's Book*. Oxford University
- (2) Nong Thi Nhu Mai. (2018). International Commercial Transactions. UFM: Lecture

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- Tiếng Anh

- (1) Hill, Charles W. L. (2023). *International Business*. McGraw-Hill
- (2) Margaret O., Iwonna D., Marjorie R. (2019). *Business Partner B2*. Pearson
- (3) Margaret O., Iwonna D., Marjorie R. (2019). *Business Partner B2+*. Pearson

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Làm bài tập	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	4%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm [2]	8%
		Trắc nghiệm, tự luận [3]	20%
		Bài tập tự học [4]	8%
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Tiểu luận cá nhân [5]	60%

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO1 0
CLO 1				R						
CLO 2				R						
CLO 3						M				
CLO 4						M				
CLO 5						M				
CLO 6						M				
CLO 7										

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7
Thuyết giảng	X	X	X		X		
Thảo luận nhóm	X	X	X	X	X	X	X
Thực hành tại lớp			X	X	X	X	
Thuyết trình nhóm	X	X		X	X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7
------	------	------	------	------	------	------	------

Phương pháp đánh giá							
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm	X	X				X	X
Bài tập tự học	X	X			X	X	X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X			X	X	
Thuyết trình nhóm	X	X		X			X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài	10 điểm
Vắng học 1 buổi, có phát biểu xây dựng bài .	8-9 điểm
Vắng học 2 buổi, có phát biểu xây dựng bài.	6-7 điểm
Vắng học từ 3 buổi trở lên	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	- Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được các câu hỏi kiến thức cơ bản và	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và

			tương đối khó (50%≤80%)	cơ bản và khó (80%≤90%)	rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (<=30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Thuyết trình nhóm/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5 Rubric: Tiểu luận cá nhân cuối kỳ

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Nội dung: Tiểu luận có nội dung rõ ràng, cập nhật và có liên quan đến chủ đề 2. Hình thức trình bày: Định dạng theo yêu cầu (cỡ chữ, font chữ, giãn dòng...) 3. Bố cục: Trình bày rõ ràng, có tính mạch lạc và liên kết giữa các câu, đoạn, phần. 4. Văn phong học thuật: Sử dụng từ vựng trang trọng, ngữ pháp phù hợp, tránh dùng lối diễn đạt thông tục.	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS. TS. Phan Thị
Hằng Nga

TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

ThS Dương Thị
Thu Hiền

ThS Võ Thị Anh Đào

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Võ Thị Anh Đào	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0933.990.488
Email: vta.dao@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Đặng Thị Minh Thanh	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0707.611.825
Email: dtmthanh@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

**BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Anh Marketing nâng cao

Tên học phần (tiếng Anh): Advanced English for Marketing

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011958
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Ngoại Ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm thứ 3 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn Ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên nghiệp

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần học trước: Tiếng Anh Marketing

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần Tiếng Anh Marketing nâng cao là môn học tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp kiến thức và kỹ năng nâng cao về Marketing nhằm giúp sinh viên hiểu sâu hơn về chiến lược tiếp thị và ứng dụng trong kinh doanh. Nội dung học phần bao gồm Marketing toàn cầu, đạo đức và tính bền vững, lập kế hoạch chiến lược Marketing, nghiên cứu thị trường, hành vi khách hàng, chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá, xây dựng thương hiệu, phân phối, quảng cáo và khuyến mãi, cùng với Marketing kỹ thuật số, quan hệ công chúng và bán hàng cá nhân. Học phần không chỉ trang bị kiến thức lý thuyết

mà còn giúp sinh viên phát triển kỹ năng thực tiễn thông qua nghiên cứu tình huống, xây dựng chiến lược và thực hiện kế hoạch Marketing trong môi trường kinh doanh thực tế.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ nắm vững thuật ngữ chuyên ngành và kiến thức chuyên sâu về Marketing, đồng thời vận dụng hiệu quả kỹ năng ngôn ngữ để giao tiếp và xử lý các tình huống thực tế. Học phần cũng giúp phát triển tư duy phân tích, kỹ năng giao tiếp, năng lực tự chủ và sáng tạo trong việc áp dụng chiến lược Marketing. Thông qua thực hành, thảo luận và nghiên cứu tình huống, sinh viên rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết vấn đề trong môi trường kinh doanh.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức R và M trong ma trận mối quan hệ CDR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Nắm vững kiến thức cốt lõi về marketing quốc tế, bao gồm chiến lược thâm nhập thị trường, nghiên cứu thị trường, quản lý quan hệ khách hàng, phân tích và dự báo marketing. Hiểu rõ hành vi người tiêu dùng, các chiến lược định giá, phân khúc và định vị thương hiệu. Có hiểu biết về hệ thống phân phối, logistics, thương mại điện tử, truyền thông tiếp thị và quảng cáo, đặc biệt là vai trò của mạng xã hội và quan hệ công chúng trong các chiến dịch truyền thông.	Kiến thức
CLO2	Hiểu và trình bày được các kiến thức nâng cao về Marketing, nắm bắt xu hướng ngành, các mô hình marketing hiện đại.	Kiến thức
CLO3	Phân tích và đánh giá các case study thực tế trong lĩnh vực Marketing, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm và đề xuất giải pháp phù hợp. Hiểu cách vận dụng lý thuyết marketing vào các tình huống cụ thể trong môi trường kinh doanh hiện đại.	Kiến thức
CLO4	Phát triển kỹ năng đọc hiểu tài liệu chuyên ngành, đồng thời nâng cao năng lực giao tiếp trong các hoạt động marketing.	Kỹ năng
CLO5	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, quản lý thời gian và tư duy sáng tạo nhằm giải quyết hiệu quả các tình huống	Kỹ năng

	thực tế trong lĩnh vực marketing.	
CLO6	Ứng dụng kiến thức đã học vào thực tế, triển khai các hoạt động marketing và xây dựng kế hoạch marketing hiệu quả.	Kỹ năng
CLO7	Học tập chủ động, trau dồi thêm kiến thức chuyên ngành Marketing.	Mức tự chủ và chịu trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		LT	TH	Tự học				
Chương 1	Chương 1: Global Ethical, and Sustainable Marketing 1.1 Understand the big picture of international marketing and the decisions firms must make when they consider globalization 1.2 Explain how international organizations such as the World Trade Organization (WTO), economic communities and individual country regulations facilitate and limit a firm's opportunities for globalization 1.3 Explain some of the strategies and	4	1	10	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, Thuyết trình	[1], [2], [3], [4], [5], [6]	Đọc chương 2 giáo trình chính nội dung từ trang 32-37, 48-53

	tactics that a firm can use to enter global markets Làm bài tập case study cuối Chương							
Chương 2	Chương 2: Strategic Market Planning 2.1 Describe the steps in strategic planning 2.2 Describe the steps in market planning Build a Marketing plan	3	2	15	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, Thuyết trình	[1], [2], [3], [4], [5], [6]	Đọc chương 3 giáo trình chính nội dung từ trang 71-84, 90-91
Chương 3	Chương 3: Market research & Marketing Analytics 3.1 Explain how marketers increase long-term success and profits by practicing customer relationship management 3.2 Describe what marketing analytics include and how organizations can leverage both marketing analytics and predictive analytics to Improve marketing performance Làm bài tập case study cuối Chương	3	2	15	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, Thuyết trình	[1], [2], [3], [4], [5], [6]	Đọc chương 5 giáo trình chính nội dung từ trang 126-131, 141-150
Chương 4	Chương 4: Understand	3	2	15	CLO1,	Thuyết giảng,	[1], [2], [3], [4],	Đọc chương 6

	Consumer and Business Markets 4.1 Define consumer behavior, and explain the purchase decision-making process 4.2 Explain how internal factors influence consumers' decision-making processes 4.3 Show how situational factors and consumers' relationships with other people influence consumer behavior Làm bài tập case study cuối Chương				CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	thảo luận nhóm, Thuyết trình	[5], [6]	giáo trình chính nội dung từ trang 160-174, 174-179
Chương 5	Chương 5: Segmentation, Target Marketing, and Positioning 5.1 Understand the need for market segmentation and the approaches available to do it 5.2 Explain how marketers evaluate segments and choose a targeting strategy 5.3 Recognize how marketers develop and implement a positioning strategy	3	2	10	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, Thuyết trình	[1], [2], [3], [4], [5], [6]	Đọc chương 7 giáo trình chính nội dung từ trang 205-225

	Làm bài tập case study cuối Chương							
Chương 6	Chương 6: Product development 6.1 Discuss the different product objectives and strategies a firm may choose 6.2 Understand how firms manage products throughout the product life cycle 6.3 Explain how branding and packaging strategies contribute to product Identify Làm bài tập case study cuối Chương	4	1	10		Thuyết giảng, thảo luận nhóm, Thuyết trình	[1], [2], [3], [4], [5], [6]	Đọc chương 9 giáo trình chính nội dung từ trang 264-283
Chương 7	Chương 7: Price 7.1 Explain the importance of pricing and how marketers set objectives for their pricing strategies 7.2 Understand key pricing strategies and tactics 7.3 Understand the opportunity for Internet pricing strategies 7.4 Describe the psychological legal and ethical aspects of	4	1	10	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, Thuyết trình	[1], [2], [3], [4], [5], [6]	Đọc chương 10 giáo trình chính nội dung từ trang 292-296, 308-323

	pricing Làm bài tập case study cuối Chương							
Chương 8	Chương 8: Deliver the Goods & Deliver the Customer Experience 8.1 Explain what a distribution channel is, and identify types of wholesaling intermediaries and describe the different types of distribution channels 8.2 Discuss the concepts of logistics and supply chain. 8.3 Understand how we classify traditional retailers Làm bài tập case study cuối Chương	3	2	10	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, Thuyết trình	[1], [2], [3], [4], [5], [6]	Đọc chương 11, 12 giáo trình chính nội dung từ trang 342-353, 360-368, 383-389
Chương 9	Chương 9: Advertising & PR 9.1 Tell what advertising is, describe the major types of advertising, discuss some of the major criticisms of advertising, and describe the process of developing an advertising campaign and how marketers	3	2	10	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, Thuyết trình	[1], [2], [3], [4], [5], [6]	Đọc chương 13 giáo trình chính nội dung từ trang 424-444, 460-465, 477-486

evaluate advertising 9.2 Understand how managers communicate using an updated communication model that incorporates new social media and buzz marketing activities 9.3 Explain the role of public relations and the steps in developing a public relations campaign Làm bài tập case study cuối Chương							
---	--	--	--	--	--	--	--

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính và các giáo trình tham khảo
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính
3	Thuyết trình	Phân chia nhóm, từng nhóm thuyết trình nội dung được giao	Giáo trình chính và các giáo trình tham khảo

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành cá nhân	Sử dụng các máy móc, trang thiết	-Giáo trình chính

		bị, công cụ, dụng cụ ... hướng dẫn người học nghiên cứu và giải quyết các tình huống	-Bài tập case study
2	Thực hành nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Giáo trình chính và các giáo trình tham khảo

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Nghiên cứu giáo trình chính và làm bài tập giảng viên giao.
- Tìm hiểu các nội dung liên quan đến các chủ đề trong giáo trình chính ở các giáo trình tự học.
- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm từ 3 – 5 sv.
- Các nhóm nhận chủ đề thuyết trình từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc.
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu và thời gian giảng viên yêu cầu.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

1. Solomon, M. R., Marshall, G. W., & Stuart, E. W. (2018). *Marketing: Real people, real choices* (9th ed.). Pearson Education Limited.

❖ Tài liệu tham khảo

1. Dennis, L. W., Glen, T. C., & Bryan, H. R. (2018). *Public relations: Strategies and tactics* (11th ed.). Pearson Education Limited.
2. Allen, H., & Patrick, J. (2014). *Public relations practices: Managerial case studies and problems* (8th ed.). Pearson Education.
3. Verhage, B. (2014). *Marketing: A global perspective*. Cengage Learning.
4. Kotler, P., & Armstrong, G. (2017). *Principles of marketing* (17th ed.). Pearson Education.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
-----------	--------------------	-----------------

Làm bài tập	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành
Nghiên cứu chủ đề thuyết trình	Chấm điểm thuyết trình	Bài nộp (word, power point, canva) về chủ đề marketing thuyết trình

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ	
Đánh giá quá trình	Chuyên cần và phát biểu	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%	40%
	Thảo luận nhóm	Kết quả thảo luận nhóm tại lớp [2]	20%	
	Bài tập tự học	Mức độ hoàn thành bài tập tự luận cuối chương [3]	20%	
	Thuyết trình	Khả năng trình bày chủ đề về marketing [4]	50%	
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc học phần	-Thi trực tiếp (giải quyết tình huống) [5] -Tiểu luận nhóm/ cá nhân [6]		60%

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO1 0
CLO1				R		M				
CLO2				R		M				
CLO3				R		M				
CLO4				R		M				

CLO5				R		M				
CLO6				R		M				
CLO7										

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7
Thuyết giảng	X	X	X	X	X		
Thảo luận nhóm	X	X	X	X	X	X	X
Bài tập tự học	X	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình	X	X	X	X	X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7
Chuyên cần							X
Thảo luận nhóm	X	X	X	X	X		
Bài tập tự học	X	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình	X	X	X	X	X	X	X
Thi kết thúc học phần	X	X	X	X	X	X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0 – 3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Khả năng diễn giải 2. Khả năng nghiên cứu 3. Khả năng giải quyết vấn đề 4. Khả năng làm việc nhóm	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.3 Đánh giá điểm Bài tập tự học

Số bài tập được giao	Mức cho điểm
Hoàn thành tốt, đầy đủ (90% - 100%)	10 điểm

Hoàn thành khá, đầy đủ (80% - 90%)	7-9 điểm
Hoàn thành khá, chưa đầy đủ (50% - 80%)	5-7 điểm
Hoàn thành trung bình, chưa đầy đủ (30% - 50%)	3-5 điểm
Hoàn thành kém, chưa đầy đủ (< 30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Thuyết trình

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra 5. Đặt câu hỏi phản biện 6. Quản lý thời gian	Kém (0-3.9)	Không đạt 5 tiêu chí hoặc chỉ đạt 1 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 2 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 3 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 4 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 5 tiêu chí

10.5 Rubric: Tiểu luận nhóm/ cá nhân cuối kỳ

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật 4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá	Đạt 3 tiêu chí

	(7.0-8.4)	
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS. TS. Phan Thị
Hàng Nga

TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

ThS Dương Thị
Thu Hiền

ThS. Lê Xuân Quỳnh
Anh

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Lê Xuân Quỳnh Anh	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0909.611.160
Email: lxq.anh@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Lê Triệu Đông Phương	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0937.643.641
Email: ltdphuong@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Anh Marketing

Tên học phần (tiếng Anh): English for Marketing

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011947
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Ngoại ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm thứ 3 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn Ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên nghiệp

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:
Điều kiện tiên quyết: Không
Học phần học trước: Nguyên lý Marketing
Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp kiến thức, phương pháp và công cụ giúp người học phát triển vốn từ vựng và rèn luyện kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến tiếp thị, nâng cao khả năng giao tiếp và làm việc trong môi trường chuyên nghiệp. Những nội dung chính của học phần bao gồm: Vai trò marketing, kế hoạch và chiến lược marketing, Nghiên cứu thị trường, Phát triển sản phẩm mới, Xúc tiến và ra mắt sản phẩm, Ra mắt sản phẩm mới, Các dịch vụ và nhà cung cấp, Marketing kỹ thuật số.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần giúp người học phát triển vốn từ vựng và rèn luyện kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến tiếp thị, giúp hình thành phản xạ giao tiếp bằng tiếng Anh sử dụng trong lĩnh vực Marketing. Đồng thời, người học nắm vững các kiến thức về tầm quan trọng của marketing, kế hoạch và chiến lược marketing, nghiên cứu thị trường, marketing trong thời đại số, hiểu và vận dụng các xu hướng tiếp thị hiện đại, cách thức tạo thương hiệu, chọn nhà cung cấp, quảng bá và cách tiếp thị sản phẩm thành công. Học phần cũng giúp người học nhận thức trách nhiệm áp dụng kiến thức vào thực tiễn để phát triển tổ chức và đóng góp vào sự phát triển bền vững của xã hội.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức R trong ma trận mối quan hệ CDR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Trình bày được những từ vựng và khái niệm dùng trong từng chủ đề Marketing cụ thể.	Kiến thức
CLO2	Trình bày được các kiến thức cơ bản trong các chủ đề Marketing.	Kiến thức
CLO3	Phát triển các kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết khi thực hành về các chủ đề thuộc lĩnh vực Marketing.	Kỹ năng
CLO4	Trau dồi thêm các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, quản lý thời gian ... thông qua các hoạt động tại lớp.	Kỹ năng
CLO5	Học tập chủ động, trau dồi thêm kiến thức chuyên ngành Marketing.	Mức tự chủ và chịu trách nhiệm
CLO6	Chủ động giải quyết công việc được giao và có trách nhiệm đối với nhóm học tập.	Mức tự chủ và chịu trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
Unit 1	Unit 1: The role	4	1	10	CLO1;	Thuyết	[1]; [2]	Làm

	of marketing - Introduction to marketing -Describing your skills, qualifications and experience -Talking about what an organisation does -Describing the role of marketing within an organisation -Identifying and discussing stakeholders Làm bài tập 1-9				CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6;	giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành cá nhân	[3]; [5]	bài tập Unit 1 [Trang 1-13]
Unit 2	Unit 2: The marketing plan 1: Audit and objectives – PESTLE & SWOT, SMART -Outlining a marketing plan -Carrying out a marketing audit: PESTEL analysis, SWOT analysis, Five	4	1	15	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6;	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành cá nhân	[1]; [2] [3]; [4] [5]	Làm bài tập Unit 2 [Trang 14-21]

	Forces analysis -Setting marketing objectives Làm bài tập 1-6							
Unit 3	Unit 3: The marketing plan 2: Strategy and Tactics – Marketing mix - Proposing a marketing strategy -Planning and discussing the marketing mix -Presenting the marketing budget -Writing an executive summary Làm bài tập 1-6	4	1	15	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6;	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành cá nhân	[1]; [2] [3]; [4] [5]	Làm bài tập Unit 3 [Trang 22-29]
Unit 4	Unit 4: Market research -Explaining research needs - Formulating and explaining a market research plan -Moderating a focus group - Writing survey questions; explaining survey data	3	2	15	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6;	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành cá nhân	[1]; [2] [3]; [4] [5]	Làm bài tập Unit 5 [Trang 38-45]

	Làm bài tập 1-9							
Unit 5	Unit 5: New product development & Branding - Discussing possibilities in an idea generation meeting -Developing an idea into a concept statement -Creating a brand -Writing a brief for a brand identity Làm bài tập 1-9	3	2	10	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6;	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành cá nhân	[1]; [2] [3]; [4] [5]	Làm bài tập Unit 6 [Trang 46-53]
Unit 6	Unit 6: Product Launch & promotion -Creating and presenting a marketing message	3	2	10	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6;	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành cá nhân.	[1]; [2] [3]; [4] [5]	Làm bài tập Unit 7 [Trang 54-61]

	-Presenting the promotional mix -Communicating effectively to internal stakeholders -Planning and writing a press release Làm bài tập 1-7							
Unit 7	Unit 7: Digital Marketing -Talking about results -Making your point persuasively -Discussing digital marketing objectives and tools -Writing good web copy Làm bài tập 1-7	3	2	10	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6;	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành cá nhân.	[1]; [2] [3]; [4] [5]	Làm bài tập Unit 8 [Trang 62-69]
Unit 8	Agencies & Suppliers -Responding to a request for information from a potential client -Pitching informally to a potential client	3	2	10	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6;	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành cá nhân	[1]; [2] [3]; [4] [5]	Làm bài tập Unit 9 [Trang 70-77]

	-Choosing a supplier based on selection criteria -Evaluating good copy Làm bài tập 1-6							
Unit 9	Unit 9: Exhibitions & Events -Booking a stand at an event -Dealing with a visitor to the stand -Networking at a social event - Writing a follow-up email Làm bài tập 1-8	3	2	10	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6;	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành cá nhân	[1]; [2] [3]; [4] [5]	Làm bài tập Unit 10 [Trang 72-85]

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành cá nhân	Sử dụng các máy móc, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ ... hướng dẫn người học thực hành kỹ năng Nghe-Nói-Đọc-Viết về các chủ đề trong Marketing	Giáo trình chính Bài tập
2	Thực hành nhóm	Phân nhóm thảo luận, giao các tình huống thực hành tại lớp	Bài tập thực hành Giáo trình chính

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Học các từ vựng chuyên ngành ở từng Unit
- Ghi chú những nội dung quan trọng trong những bài đọc hiểu
- Nghiên cứu giáo trình chính và làm bài tập được giao đầy đủ ở mỗi unit.
- Tìm hiểu các nội dung liên quan đến các chủ đề trong giáo trình chính ở các giáo trình tự học
- Luyện kỹ năng Nghe-Nói thêm trên podcast hoặc xem quảng cáo của các thương hiệu lớn và phân tích nội dung
- Thực hành viết mô tả sản phẩm, email marketing, bài đăng mạng xã hội bằng tiếng Anh.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

Ronbinson, N., & Day, J. (2010). *Cambridge English for Marketing*. Cambridge University Press.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

(1) Kotler, P., & Armstrong, G. (2021). *Principles of marketing, 18th Edition*. Pearson Higher Ed.

(2) Baines, P., Whitehouse, S., Rosengren, S., & Antonetti, P. (2017). *Fundamentals of Marketing- 2nd Edition*. Oxford University Press.

(3) Kingsnorth, S. (2016). *Digital Marketing strategy: An integrated approach to online marketing*. Kogan Page

(4) Phạm Thị Huyền, Nguyễn Thu Lan (2023). *English for Marketing (Textbook)*. Đại học Kinh Tế Quốc dân

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Làm bài tập	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Bài tập thảo luận nhóm tại lớp [2]	30%
		Bài tập cá nhân tại lớp (Trắc nghiệm, tự luận) [3]	
		Bài tập tự học [4]	
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận [3]	60%
		Hoặc tiểu luận nhóm [5]	

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

[illegible]

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết giảng	X	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm	X	X	X	X	X	X
Bài tập cá nhân tại lớp	X	X	X	X	X	X
Bài tập tự học	X	X	X	X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm	X	X	X	X	X	X
Bài tập cá nhân tại lớp (Trắc nghiệm, tự luận)	X	X	X	X	X	X
Bài tập tự học	X	X	X	X	X	X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X	X	X	X	X
Tiểu luận nhóm	X	X	X	X	X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0 – 3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	- Không chọn đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm

Làm bài tập chưa đầy đủ ($50\% \leq 80\%$)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ ($30\% \leq 50\%$)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ ($\leq 30\%$)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5 Rubric: Tiểu luận cá nhân/ nhóm cuối kỳ

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật 4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi	Đạt 4 tiêu chí

	(8.5-10)	
--	----------	--

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS. TS. Phan Thị
Hằng Nga

TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

ThS Dương Thị
Thu Hiền

ThS Lê Xuân Quỳnh
Anh

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Lê Xuân Quỳnh Anh	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0909.611.160
Email: lxq.anh@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Lê Triệu Đồng Phương	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0937.643.641
Email: ltdphuong@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Anh Quản trị nguồn nhân lực

Tên học phần (tiếng Anh): English for Human Resource Management

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011955
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Ngoại ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm thứ 3 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn Ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên nghiệp

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒

- Điều kiện tiên quyết gồm:
Điều kiện tiên quyết: Không
Học phần học trước: Quản trị học
Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp kiến thức, phương pháp và công cụ giúp người học phát triển vốn kiến thức ngành nhân sự, vốn từ vựng và rèn luyện kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến quản trị nguồn nhân lực, nâng cao khả năng giao tiếp và làm việc trong môi trường chuyên nghiệp. Những nội dung chính của học phần bao gồm: Khái quát quản trị nguồn nhân lực, Chiến lược nguồn nhân lực, Phân tích công việc và quản trị nhân tài, tuyển dụng và hoạch định nhân sự, Lựa chọn ứng viên, chiến lược đào tạo và phát triển, Đánh giá và quản lý hiệu quả làm việc.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần giúp người học phát triển vốn từ vựng và rèn luyện kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến quản trị nguồn nhân lực, nâng cao khả năng giao tiếp và làm việc trong môi trường chuyên nghiệp. Đồng thời, người học nắm vững các giai đoạn hoạch định, tuyển dụng, đào tạo, đánh giá và duy trì nhân sự, hiểu và vận dụng các xu hướng quản trị nhân sự hiện đại, hình thành kỹ năng phân tích nhu cầu nhân sự, lựa chọn nhân sự, đánh giá năng lực, xây dựng chính sách thu hút và giữ chân nhân tài. Học phần cũng giúp người học nhận thức trách nhiệm áp dụng kiến thức vào thực tiễn để phát triển tổ chức và đóng góp vào sự phát triển bền vững của xã hội.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức R và M trong ma trận mối quan hệ CĐR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Hiểu và vận dụng được hệ thống kiến thức và thuật ngữ dùng trong lĩnh vực nhân sự và giao tiếp công sở	Kiến thức
CLO2	Có thể hiểu và trình bày được các ý chính của một đoạn văn hay bài báo ngắn có chủ đề liên quan đến những hoạt động trong quản trị nguồn nhân lực.	Kiến thức
CLO3	Áp dụng được các cấu trúc, từ vựng để mô tả và trình bày đơn giản về bản thân, công việc, công ty, môi trường làm việc quản trị nguồn nhân lực.	Kiến thức
CLO4	Phát triển kỹ năng Nghe-Nói được bằng Tiếng Anh khi thực hành về các chủ đề thuộc lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực đã được học	Kỹ năng
CLO5	Vận dụng kỹ năng đọc hiểu các văn bản tiếng Anh về các chủ đề liên quan đến quản trị nguồn nhân lực, có thể tham khảo tài liệu bằng tiếng Anh trong lĩnh vực chuyên ngành này.	Kỹ năng
CLO6	Rèn luyện kỹ năng viết về các chủ đề về nhân sự (chiến lược nhân sự, qui trình phỏng vấn và tuyển dụng, đánh giá khen thưởng) và trau	Kỹ năng

	đổi thêm về các kỹ năng giao tiếp trong các hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, trả lời phản hồi ý kiến)	
CLO7	Học tập chủ động, trau dồi thêm kiến thức chuyên ngành quản trị nhân sự.	Mức tự chủ và chịu trách nhiệm
CLO8	Chủ động giải quyết công việc được giao và có trách nhiệm đối với nhóm	Mức tự chủ và chịu trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
Chương 1	Chương 1: Managing human resource today 1.1 What Is Human Resource Management? 1.2 The Trends Shaping Human Resource Management 1.3 The New Human Resource Management 1.4 Unit 1: HR strategies (Làm bài tập 1-10)	5	3	15	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7; CLO8	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành cá nhân, Thuyết trình	[1]; [2] [3]; [6];	Đọc giáo trình chính quyền 1, Phần 1 [Trang 25-42] Làm bài tập giáo trình chính quyền 2, Unit 1 [Trang 6-13]
Chương 2	Chương 2: Job Analysis and Talent Management 2.1 The Talent	5	3	20	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4;	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực	[1]; [2] [3]; [4] [5]; [6]	Đọc giáo trình chính quyền 1, Phần

	Management Process 2.2 The Basics of Job Analysis 2.3 Methods for Collecting Job Analysis Information 2.4 Writing Job Descriptions 2.5 Unit 2: Employee Resourcing and Talen Management (Làm bài tập 1-12)				CLO5; CLO6; CLO7; CLO8	hành cá nhân; Thuyết trình		2, chương 4 [Trang 111-132] Làm bài tập giáo trình chính quyền 2, Unit 2 [Trang 14-21]
Chương 3	Chương 3 Personnel Planning and Recruiting 3.1 Workforce Planning and Forecasting 3.2 Internal Sources of Candidates 3.3 Outside Sources of Candidates 3.4 Unit 3: Recruitment and Selection (Làm bài tập 1-12)	5	3	20	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7; CLO8	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành cá nhân; Thuyết trình	[1]; [2] [3]; [4] [5]; [6]	Đọc giáo trình chính quyền 1, Phần 2, chương 5 [Trang 144-167] Làm bài tập giáo trình chính quyền 2, Unit 3 [Trang 22-29]

Chương 4	Chương 4: Selecting Employees 4.1 The Basics of Testing and Selecting Employees 4.2 Types of Tests 4.3 Interviewing Candidates	3	2	15	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7; CLO8	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành cá nhân; Thuyết trình	[1]; [2] [3]; [4] [5]; [6]	Đọc giáo trình chính Phần 2, chương 6 [Trang 179-201]
Chương 5	Chương 5 Training and Developing Employees 5.1 Orienting/Onboarding New Employees 5.2 Overview of the Training Process 5.3 Implementing the training program 5.4 Unit 4: Training and Development (Làm bài tập 1-13)	6	2	20	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7; CLO8	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành cá nhân; Thuyết trình	[1]; [2] [3]; [4] [5]; [6]	Đọc giáo trình chính quyển 1, Phần 3, chương 7 [Trang 221-240] Làm bài tập giáo trình chính quyển 2, Unit 4 [Trang 30-37]
Chương 6	Chương 6 Performance Management and Appraisal Today 6.1 Basic Concepts in Performance Appraisal 6.2 Traditional Appraisal Methods	6	2	15	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7;	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành cá nhân; Thuyết trình	[1]; [2] [3]; [4] [5]; [6]	Đọc giáo trình chính quyển 1 Phần 3, chương 7 [Trang 256-

6.3Performance Management Today				CLO8			279]
6.4 Unit 7: Employee Development and Performance Review (Làm bài tập 1-15)							Làm bài tập giáo trình chính quyền 2, Unit 7 [Trang 54-61]

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính
3	Thuyết trình	Phân chia nhóm, từng nhóm thuyết trình nội dung được giao	Giáo trình chính và các giáo trình tham khảo

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành cá nhân	Sử dụng các máy móc, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ ... hướng dẫn người học thực hành kỹ năng Nghe-Nói-Đọc-Viết về các chủ đề trong Quản trị nguồn nhân lực	-Giáo trình chính -Bài tập
2	Thực hành nhóm	Phân nhóm thảo luận, giao các tình huống thực hành tại lớp	- Bài tập thực hành - Giáo trình chính

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Học các từ vựng chuyên ngành ở từng chương

- Ghi chú những nội dung quan trọng trong những bài đọc hiểu
- Nghiên cứu giáo trình chính và làm bài tập giảng viên giao.
- Tìm hiểu các nội dung liên quan đến các chủ đề trong giáo trình chính ở các giáo trình tự học.
- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm từ 3 – 5 sv.
- Các nhóm nhận chủ đề thuyết trình từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc.
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu và thời gian giảng viên yêu cầu.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

- (1) Dessler, G. (2020). *Fundamentals of human resource management*. Pearson.
- (2) Sandford, G., & Day, J. (2011). *Cambridge English for Human Resources Student's Book*. Cambridge University Press.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- (1) Raymond A. Noe, John R. Hollenbeck, Barry Gerhart, Patrick M. Wright (2024). *Fundamentals Of Human Resource Management - Quản Trị Nguồn Nhân Lực Thời Đại Mới – Textbook*. Saigon Books.
- (2) Marchington, M., Wilkinson, A., Donnelly, R., & Kynighou, A. (2021). *Human resource management at work: The definitive guide*. Kogan Page Publishers.
- (3) Pledger, P. (2007). *Professions English for Human Resources*. Oxford University Press.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Làm bài tập	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành
Nghiên cứu chủ đề thuyết trình	Chấm điểm thuyết trình	Bài nộp (word, power point, canva) liên quan đến chủ đề quản trị nguồn nhân lực

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung	Phương pháp đánh giá		Tỷ lệ
----------	----------------------	--	-------

Đánh giá quá trình	Chuyên cần và phát biểu	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%	40%
	Kiểm tra thường xuyên	Bài tập thảo luận nhóm tại lớp [2]	20%	
		Bài tập cá nhân tại lớp (Trắc nghiệm, tự luận) [3]	20%	
		Bài tập tự học [4]	10%	
		Thuyết trình (Khả năng trình bày dự án) [5]	40%	
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận (bài tập Multiple choice, Gap-fill, Answer the questions, giải quyết tình huống nhân sự) [3]	60%	
		Hoặc tiểu luận cá nhân/ nhóm [6]		

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1				R		M				
CLO2				R		M				
CLO3				R		M				
CLO4				R		M				
CLO5				R		M				
CLO6				R		M				
CLO7										
CLO8										

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8
Thuyết giảng	X	X	X	X	X	X		
Thảo luận nhóm	X	X	X	X	X	X		X
Bài tập cá nhân tại lớp	X	X	X	X	X	X	X	
Bài tập tự học	X	X	X	X	X	X	X	
Thuyết trình	X	X	X	X	X	X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm	X	X	X				X	X
Bài tập cá nhân tại lớp (Trắc nghiệm, tự luận)	X	X	X	X	X	X	X	
Bài tập tự học	X	X	X	X	X	X	X	

Thuyết trình	X	X	X	X	X	X	X	X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X	X	X	X	X	X	
Tiểu luận nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0 – 3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	- Không chọn đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức	Làm được các câu hỏi kiến thức	Làm được các câu hỏi kiến thức	Làm được các câu hỏi kiến thức	Làm được các câu hỏi kiến thức

	cơ bản	cơ bản	cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	cơ bản và khó (80%≤90%)	cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
--	--------	--------	-----------------------------------	-------------------------	-----------------------------------

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (<=30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5 Rubric: Thuyết trình

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày	Kém (0-3.9)	Không đạt 5 tiêu chí hoặc chỉ đạt 1 tiêu chí

2. Nội dung phù hợp, cập nhật	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 2 tiêu chí
3. Phong cách trình bày		
4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 3 tiêu chí
5. Đặt câu hỏi phản biện		
6. Quản lý thời gian	Khá (7.0-8.4)	Đạt 4 tiêu chí

10.6 Rubric: Tiểu luận cá nhân/nhóm cuối kỳ

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
2. Phương pháp nghiên cứu	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS. TS. Phan Thị
Hằng Nga

TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

ThS Dương Thị
Thu Hiền

ThS. Lê Xuân Quỳnh
Anh

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Lê Xuân Quỳnh Anh	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0909.611.160
Email: lxq.anh@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Phạm Thị Minh Thủy	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0988.809.839
Email: ptm.thuy@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Anh Quản trị

Tên học phần (tiếng Anh): English for Management

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011948
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Ngoại Ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm thứ 3 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên nghiệp

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☒	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bổ trợ	Bắt buộc	Tự chọn
☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☒	☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:
Điều kiện tiên quyết: Không
Học phần học trước: Quản trị học
Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần Tiếng Anh Quản trị là môn học thuộc kiến thức chuyên ngành bắt buộc, cung cấp nền tảng lý thuyết và thực tiễn về quản trị tổ chức, giúp sinh viên hiểu rõ bản chất của quản trị và áp dụng vào thực tế. Nội dung môn học bao gồm : (1) Các năng lực cần thiết và các chức năng chính cho nhà quản trị hiện đại; (2) Sự phát triển của tư duy quản trị với các xu hướng hiện đại, đánh giá tác động của công nghệ đối với doanh nghiệp; (3) Môi trường và văn hóa doanh nghiệp, các loại hình văn hóa doanh nghiệp và vai trò của lãnh đạo trong xây dựng văn hóa tổ chức hiệu quả; (4) Đạo đức và trách nhiệm xã hội trong quản lý; (5) Kiến thức cơ bản về quản trị khởi nghiệp và đổi mới, các yếu tố quan trọng để thành công trong thời đại công nghệ số.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Sau khi học xong học phần này, sinh viên vận dụng được các thuật ngữ, các kiến thức, khái niệm cơ bản trong quản trị doanh nghiệp và vận dụng được các khái niệm, kiến thức đã học vào việc xác định, phân tích, và xử lý các tình huống quản trị. Qua đó, người học có thể giao tiếp và sử dụng các kỹ năng tiếng Anh hiệu quả trong các tình huống liên quan đến quản trị.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức R trong ma trận mối quan hệ CĐR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Vận dụng các từ vựng, thuật ngữ, khái niệm cơ bản sử dụng trong quản trị doanh nghiệp.	Kiến thức
CLO2	Vận dụng thuật ngữ, kiến thức đã được học để phân tích được thông tin, và xử lý các tình huống trong quản trị	Kiến thức
CLO3	Vận dụng và thực hành các kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các bài viết, hình ảnh, biểu đồ mô tả, bài phát biểu, thuyết trình trong quản trị	Kỹ năng
CLO4	Vận dụng kỹ năng giao tiếp, thảo luận nhóm, thuyết trình, nêu ý kiến, giải quyết vấn đề bằng tiếng Anh trong lĩnh vực quản trị.	Kỹ năng
CLO5	Có ý thức tự trau dồi kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ và khả năng tự nghiên cứu quản trị doanh nghiệp ở cấp độ chuyên sâu.	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				

Chương 1. Leading edge Management	1. Manager Achievement - Management Competencies for Today's World - The Basic Functions of Management - Organizational Performance - Management Skills - Challenges Facing New Managers - What Is a Manager's Job Really Like? 2. How Do You Manage Your Time? - Managing in Nonprofit Organizations - Discussion Questions - Apply Your Skills: Engagement Exercise - Apply Your Skills: Small Group Breakout - Apply Your Skills: Ethical Dilemma - Apply Your Skills: Case for Critical Analysis	5	1	15	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành cá nhân; Thuyết trình.	[1]; [2]; [3]; [4].	Độc trước tài liệu, nghiên cứu các câu hỏi thảo luận và các câu hỏi tình huống trong giáo trình chính và giáo trình tham khảo
Chương 2: The evolution of Management thinking	1. Are You a New-Style Manager? - The Historical Struggle: The Things of Production Versus the Humanity of Production - Classical Perspective - Humanistic Perspective	5	3	18	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành cá nhân;	[1]; [2]; [3]; [4]. [5]	Độc trước tài liệu, nghiên cứu các câu hỏi thảo luận và

	2. What Is Your Manager Frame? - Recent Historical Trends - Management Thinking into the Future - The Historical Struggle: Is Artificial Intelligence the Answer? - Discussion Questions - Apply Your Skills: Engagement Exercise - Apply Your Skills: Small Group Breakout - Apply Your Skills: Ethical Dilemma - Apply Your Skills: Case for Critical Analysis					Thuyết trình.		các câu hỏi tình huống trong giáo trình chính và giáo trình tham khảo
Chương 3: The environment and corporate culture	1. Are You Fit for Managerial Uncertainty? - The External Environment - The Organization-Environment Relationship - The Internal Environment: Corporate Culture - Interpreting/Shaping Culture - Types of Culture 2. What is Your Culture Preference? - Shaping Corporate Culture for Innovative Response - Discussion Questions - Apply Your Skills:	5	3	18	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành cá nhân; Thuyết trình.	[1]; [2]; [3]; [4]. [5]	Đọc trước tài liệu, nghiên cứu các câu hỏi thảo luận và các câu hỏi tình huống trong giáo trình chính và giáo trình tham

	Engagement Exercise - Apply Your Skills: Small Group Breakout - Apply Your Skills: Ethical Dilemma - Apply Your Skills: Case for Critical Analysis							khảo
Chương 4: Managing in a global environment	1. Are You Ready to Work Internationally? - A Borderless World - The Changing International Landscape - Multinational Corporations - Getting Started Internationally - Legal–Political Challenges - Sociocultural Challenges 2. Are You Culturally Intelligent? - International Trade Alliances - Discussion Questions - Apply Your Skills: Engagement Exercise - Apply Your Skills: Small Group Breakout - Apply Your Skills: Ethical Dilemma - Apply Your Skills: Case for Critical Analysis	5	3	18	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành cá nhân; Thuyết trình.	[1]; [2]; [3]; [4]. [5]	Đọc trước tài liệu, nghiên cứu các câu hỏi thảo luận và các câu hỏi tình huống trong giáo trình chính và giáo trình tham khảo
Chương 5: Managing	1. What Is Your Level of Ethical Maturity?	5	3	18	CLO1; CLO2;	Thuyết giảng;	[1]; [2]; [3]; [4].	Đọc trước tài

ethics and Social responsibility	- What Is Managerial Ethics? - Frameworks for Ethical Decision Making - The Individual Manager and Ethical Choices 2. Are You a Giver or a Taker? - What Is Corporate Social Responsibility? - Managing Company Ethics and Social Responsibility - Responsibility - Discussion Questions - Apply Your Skills: Engagement Exercise - Apply Your Skills: Small Group Breakout - Apply Your Skills: Ethical Dilemma - Apply Your Skills: Case for Critical Analysis				CLO3; CLO4; CLO5	Thảo luận nhóm; Thực hành cá nhân; Thuyết trình.	[5]	liệu, nghiên cứu các câu hỏi thảo luận và các câu hỏi tình huống trong giáo trình chính và giáo trình tham khảo
Chương 6: Managing Start-ups and new ventures	1. Do You Think Like an Entrepreneur? - What Is Entrepreneurship? - Who Are Entrepreneurs? - Starting an Online or Mobile App Business - Social Entrepreneurship - Launching a Start-Up 2. Do You Make Presentations with Passion? - The Franchise Appeal	5	2	18	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành cá nhân; Thuyết trình.	[1]; [2]; [3]; [4]. [5]	Đọc trước tài liệu, nghiên cứu các câu hỏi thảo luận và các câu hỏi tình huống trong

	- Entrepreneurship Internationally - Discussion Questions - Apply Your Skills: Engagement Exercise - Apply Your Skills: Small Group Breakout - Apply Your Skills: Ethical Dilemma - Apply Your Skills: Case for Critical Analysis							giáo trình chính và giáo trình tham khảo
--	--	--	--	--	--	--	--	--

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành tại lớp	Sử dụng các máy móc, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ ... hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức lý thuyết để thực hiện các thao tác.	-Giáo trình chính -Bài tập
2	Thực hành làm các Case Study	Sử dụng các máy móc, trang thiết bị ở lớp hoặc máy tính cá nhân	- Bài tập thực hành - Giáo trình chính

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 5 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề thuyết trình và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và làm bài tập cuối mỗi chương.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

Richard, L. D. (2022). Management (14th ed.). Cengage Learning.

❖ Tài liệu tham khảo:

(1) Jones, G. & George, J. (2019). Contemporary management (11th edition). McGraw Hill.

(2) Cotton, D., David Falvey, D., & Simon Kent, S. (2011). Market Leader: Upper-intermediate (3rd edition). Pearson Education Limited.

(3) Corballis, T & Jennings, W. (2009). English for Management Studies in Higher Education Studies. Garnet Education.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Làm bài tập	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm [2]	10%
		Trắc nghiệm, tự luận [3]	10%
		Bài tập tự học [4]	10%
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận [3]	60%
		Hoặc tiểu luận cá nhân [5]	

9) Ma trận

9.1 Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

Chuẩn đầu ra của học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO 1				R		M				
CLO 2				R		M				
CLO 3				R		M				
CLO 4				R		M				
CLO 5										

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X			
Thảo luận nhóm			X	X	
Thực hành cá nhân			X	X	X
Thuyết trình			X	X	X

9.3 Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X			
Thảo luận nhóm			X	X	X

Trắc nghiệm, tự luận	X	X			X
Bài tập tự học			X	X	X
Tiểu luận cá nhân			X	X	

10) Các rubric/thang điểm đánh giá

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0-3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	- Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50% ≤ 80%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80% ≤ 90%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90% ≤ 100%)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu	Làm được đúng các câu	Làm được đúng các câu	Làm được đúng các câu	Làm được đúng các câu

	hỏi kiến thức cơ bản	hỏi kiến thức cơ bản	hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
--	----------------------	----------------------	---	---------------------------------------	---

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (≤30%)	0-3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm

10.4 Rubric: Báo cáo, thuyết trình/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS. TS. Phan Thị
Hàng Nga

TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

ThS Dương Thị
Thu Hiền

ThS Nguyễn Thị
Tuyết Mai

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Tuyết Mai	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0935.135.953
Email: ntt.mai@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Bùi Thị Nhi	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0973.112.575
Email: bt.nhi@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Anh Tài chính - Ngân hàng

Tên học phần (tiếng Anh): English for Finance - Banking

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011950
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Ngoại ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm 3 - chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên nghiệp

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:
Điều kiện tiên quyết: Không
Học phần học trước: Quản trị học
Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Tiếng Anh Tài chính - Ngân hàng là học phần thuộc khối kiến chuyên ngành được thiết kế dành cho sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh kinh doanh. Học phần cung cấp cho người học cái nhìn khái quát về lĩnh vực Tài chính ngân hàng. Cụ thể, học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản và thuật ngữ Tiếng Anh về hệ thống tài chính và ngân hàng như các loại thẻ thanh toán, tiền điện tử, các loại ngân hàng như ngân hàng thương mại, ngân hàng đầu tư, ngân hàng trung ương, cổ phiếu, trái phiếu, thị trường ngoại hối, thị trường tiền tệ, ... Ngoài ra, trong học phần này, sinh viên được tham gia vào hoạt động học tập trên lớp giúp nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh chuyên ngành, một công cụ không thể thiếu trong việc thực hiện nghiệp vụ chuyên môn sau này.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp cho người học kiến thức và thuật ngữ Tiếng Anh cơ bản trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng như các loại thẻ thanh toán, tiền điện tử, các loại ngân hàng (thương mại, đầu tư, trung ương), các công cụ đầu tư, thị trường ngoại hối và tiền tệ. Từ đó, người học có thể đưa ra các quyết định như lựa chọn dịch vụ tài chính, các loại hình đầu tư, áp dụng thuật ngữ chuyên ngành trong công việc, lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp. Kỳ vọng người học có thể đảm nhận các vị trí công việc như chuyên viên thanh toán quốc tế, biên – phiên dịch chuyên ngành, chuyên viên quan hệ khách hàng quốc tế... tại các ngân hàng và công ty tài chính.

4) Chuẩn đầu ra của học phần: (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức R và M trong ma trận mối quan hệ CĐR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Giải thích được các lý thuyết cơ bản trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng bằng tiếng Anh, dựa trên nội dung của các tài liệu chuyên ngành.	Kiến thức
CLO2	Phân biệt được các thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành tài chính – ngân hàng trong ngữ cảnh phù hợp.	Kiến thức
CLO3	Phân tích và đánh giá được nội dung các bài đọc cơ bản bằng tiếng Anh về tài chính – ngân hàng; vận dụng thông tin vào thực tiễn.	Kỹ năng
CLO4	Vận dụng được kỹ năng nói bằng tiếng Anh để trình bày, đánh giá và tranh luận các vấn đề cơ bản trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng.	Kỹ năng
CLO5	Vận dụng được kỹ năng viết bằng tiếng Anh để phân tích và trả lời các câu hỏi liên quan đến kiến thức cơ bản trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, đồng thời trình bày được quan điểm cá nhân.	Kỹ năng
CLO6	Thể hiện tinh thần chủ động và trách nhiệm trong học tập thông qua thảo luận nhóm, bài tập tự học và thuyết trình về các chủ đề chuyên ngành.	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Unit 1: Payment cards <i>- Reading:</i> Types of payment cards, Card technologies, Payment card networks. <i>- Vocabulary:</i> Financial vocabulary & General vocabulary <i>- Discussion:</i> Discussion point questions	5	0	11	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6	Thuyết giảng, thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3]	- Đọc & làm bài tập Unit 3 giáo trình chính - Chuẩn bị nội dung thuyết trình bài kế tiếp
2	Unit 2 Cryptocurrencies <i>- Reading:</i> What are cryptocurrencies? Blockchain and mining, Bitcoin and altcoins, Stablecoins <i>- Vocabulary:</i> Financial and Technical vocabulary ; General vocabulary <i>- Discussion:</i> Discussion point questions	2	3	11	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm	[1]; [2]; [3]	- Đọc & làm bài tập Unit 4 giáo trình chính - Chuẩn bị nội dung thuyết trình bài kế tiếp
3	Unit 3: Commercial Banks	3	3	11	CLO1 CLO2	Thuyết giảng, thảo	[1]; [2]; [3]	- Đọc & làm bài tập Unit

	- <i>Reading</i>: Core banking functions, Diversification of banking activities, Types of banking institutions. - <i>Vocabulary</i>: Financial vocabulary & General vocabulary - <i>Discussion</i>: Building the retail bank of the future (Bain & Co.)				CLO3 CLO4 CLO6	luận nhóm, thuyết trình nhóm		5 giáo trình chính - Chuẩn bị nội dung thuyết trình bài kế tiếp
4	Unit 4: Investment Banking - <i>Reading</i>: Overview, Securities underwriting, Mergers and acquisitions, Trading, Investment banks and the financial crisis. - <i>Vocabulary</i>: Financial vocabulary & General vocabulary - <i>Discussion</i>: Discussion point questions	3	2	11	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm	[1]; [2]; [3]	- Đọc & làm bài tập Unit 6 giáo trình chính - Chuẩn bị nội dung thuyết trình bài kế tiếp
5	Unit 5: Central Banking - <i>Reading</i>: Monetary policy, Financial	3	2	11	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết giảng, thảo luận nhóm,	[1]; [2]; [3]	- Đọc & làm bài tập Unit 7 giáo trình

	stability, Reserve management and foreign exchange operations. <i>- Vocabulary:</i> Financial vocabulary & General vocabulary <i>- Discussion:</i> Discussion point questions				CLO4 CLO6	thuyết trình nhóm		chính - Chuẩn bị nội dung thuyết trình bài kế tiếp
6	Unit 6: Equity Securities <i>- Reading:</i> Ordinary and preference shares, Rights offering, Warrants, Depositary receipts. <i>- Vocabulary:</i> Financial vocabulary & General vocabulary <i>- Discussion:</i> Discussion point questions	3	2	11	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm	[1]; [2]; [3]	- Đọc & làm bài tập Unit 13 giáo trình chính - Chuẩn bị nội dung thuyết trình bài kế tiếp
7	Unit 7: Bonds <i>- Reading:</i> Characteristics, Types of bonds according to provisions and interest payment, Types of bonds according to issuer. <i>- Vocabulary:</i> Financial vocabulary	2	3	14	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm	[1]; [2]; [3]	- Đọc & làm bài tập Unit 14 giáo trình chính - Chuẩn bị thi giữa kì

	& General vocabulary - <i>Discussion:</i> Discussion point questions							
8	Unit 8: Foreign Exchange (FX) Market - <i>Reading:</i> Exchange rates, Types of FX transactions, FX trading, Foreign exchange controls. - <i>Vocabulary:</i> Financial vocabulary & General vocabulary - <i>Discussion:</i> Discussion point questions - Mid-term test	4	0	11	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Thuyết giảng, thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3]; [4]	- Đọc & làm bài tập Unit 17 giáo trình chính
9	Unit 9: Money Markets - <i>Reading:</i> Description and functions, Instruments, Money market funds and accounts. - <i>Vocabulary:</i> Financial vocabulary & General vocabulary	5	0	14	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6	Thuyết giảng, thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3]	- Đọc & làm bài tập Unit 18 giáo trình chính

	- <i>Discussion:</i> Discussion point questions							
--	---	--	--	--	--	--	--	--

6) Phương pháp dạy – học

6.1 Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính

6.2 Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết trình nhóm	Phân chia nội dung, phân nhóm, từng nhóm thuyết trình	Giáo trình chính Chủ đề thuyết trình

6.3 Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 5 sinh viên, bầu nhóm trưởng.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và thuyết trình từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính để làm bài tập cuối mỗi bài và các hoạt động tự học khác theo yêu cầu của giảng viên.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

(1) Siskind, K. (2023). *English for Financial Institutions*. Bibliothèque nationale de Luxembourg.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- (1) Rosenberg, M. (2012) *English for Banking and Finance*. Pearson Education.
- (2) Szulczyk, K. R. (2014). *Money, banking, and international finance* (2nd ed.). CreateSpace Independent Publishing Platform.
- (3) Lê, P. C., & Đỗ, H. L. (2019). *English for banking and finance*. National Economics University Press.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1 Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2 Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài thuyết trình	Chấm bài thuyết trình	Bài thuyết trình hoàn thành
Làm bài tập	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3 Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	4%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm [2]	36%
		Bài tập tự học [3]	
		Bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận [4]	
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Bài kiểm tra Trắc nghiệm, tự luận [5]	60%

9) Ma trận

9.1 Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1				R						
CLO2				R						

CLO3						M				
CLO4						M				
CLO5						M				
CLO6										

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết giảng	X	X				
Thảo luận nhóm	X	X	X	X		X
Thuyết trình nhóm	X	X	X	X		X

9.3 Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X	X		X
Thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm	X	X	X	X		X
Bài tập tự học	X	X	X		X	X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X	X		X	

10) Các rubric/thang điểm đánh giá

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm

Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0-3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	- Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50% ≤ 80%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80% ≤ 90%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90% ≤ 100%)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50% ≤ 80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80% ≤ 90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90% ≤ 100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90% ≤ 100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80% ≤ 90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50% ≤ 80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30% ≤ 50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (< 30%)	0-3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm

10.4 Rubric: Thuyết trình/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS. TS. Phan Thị
Hằng Nga

TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

ThS Dương Thị
Thu Hiền

ThS Đặng Thị Minh
Thanh

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Đặng Thị Minh Thanh	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0707.611.825
Email: dtmthanh@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: ThS Đặng Thị Ngọc Trinh	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0931.943.194
Email: dtnttrinh@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Tổ chức sự kiện

Tên học phần (tiếng Anh): Event Management

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011953
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Ngoại Ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm thứ 3 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên nghiệp

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☒	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bổ trợ	Bắt buộc	Tự chọn
☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☒	☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:
Điều kiện tiên quyết: Không
Học phần học trước: Quản trị học
Học phần song hành: Không

2) Mô tả văn tắt nội dung học phần

Học phần Event Management là học phần tự chọn thuộc Khối kiến thức chuyên ngành, giới thiệu kiến thức nền tảng và kỹ năng ngôn ngữ về lĩnh vực quản lý, ứng dụng tổ chức sự kiện, qua đó sinh viên có cơ hội tiếp cận những khái niệm, mô hình sự kiện phổ biến, cách thiết kế và cách vận hành một sự kiện, cách quản lý tài chính cho sự kiện và cách quảng cáo thiết thực cho sự kiện đó nhằm hỗ trợ sinh viên áp dụng vào định hướng nghề nghiệp

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên vốn từ vựng chuyên ngành và rèn luyện kỹ năng giao tiếp, thuyết trình tiếng Anh thông qua các tình huống thực tế trong lĩnh vực Tổ chức Sự kiện. Thông qua quá trình học tập, sinh viên sẽ phát triển phản xạ

giao tiếp linh hoạt, tự tin sử dụng tiếng Anh trong môi trường chuyên nghiệp, đồng thời nắm vững các khái niệm nền tảng bằng tiếng Anh, tạo tiền đề cho việc ứng dụng vào thực tiễn công việc sau này.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức R và M trong ma trận mối quan hệ CĐR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Hiểu các từ vựng, thuật ngữ, khái niệm cơ bản sử dụng trong quản trị tổ chức sự kiện.	Kiến thức
CLO2	Vận dụng kiến thức đã học để phân tích thông tin và xử lý các tình huống trong quản trị tổ chức sự kiện.	Kiến thức
CLO3	Vận dụng và thực hành các kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các bài viết, hình ảnh, biểu đồ mô tả, bài phát biểu, thuyết trình trong quản trị tổ chức sự kiện.	Kỹ năng
CLO4	Vận dụng kỹ năng giao tiếp, thảo luận nhóm, thuyết trình, nêu ý kiến, giải quyết vấn đề bằng tiếng Anh trong lĩnh vực quản trị tổ chức sự kiện.	Kỹ năng
CLO5	Có ý thức tự trau dồi kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ và khả năng tự nghiên cứu quản trị tổ chức sự kiện ở cấp độ chuyên sâu.	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
Chương 1: An introduction to events	-Introduction -Definitions and frameworks -Categories and typologies -Characteristics of events - <i>Case study 1:</i> Leisure/sporting events:	3	1	21	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành cá nhân;	[1]; [2]; [3]; [4].	Đọc trước tài liệu Chương 1, nghiên cứu các câu hỏi thảo luận (Trang 23)

	The Olympic Games					Thuyết trình.		và các câu hỏi tình huống trong giáo trình chính (Trang 7) và giáo trình tham khảo.
Chương 2: Making a start and planning the event	- Introduction - Getting organized. - Organizational issues in events of varying sizes - The screening process. - <i>Case study 17:</i> Volunteer organizations and event screening: University College, Cork Hockey Club –The planning process. - Objectives, environmental search, information-gathering. - Operational planning and demand. - Financial planning -Marketing planning. -Getting it together. - <i>Case study 19:</i> Demand planning: the opening night of the Millennium Dome	7	4	21	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành cá nhân; Thuyết trình.	[1]; [2]; [3]; [4].	Đọc trước tài liệu Chương 2, nghiên cứu các câu hỏi thảo luận (Trang 123) và các câu hỏi tình huống trong giáo trình chính (Trang 99 và 116) và giáo trình tham khảo.
Chương 3: Financial management and the budget	- Introduction - Objectives and financial planning - Creating a detailed budget - Who spends what? - <i>Case study 20:</i> Event break-even: The annual dinner of the Ecclesbourne Valley Railway - Other source of income. - Sponsorship and public funding. - Summary	7	4	21	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành cá nhân; Thuyết trình.	[1]; [2]; [3]; [4].	Đọc trước tài liệu Chương 3, nghiên cứu các câu hỏi thảo luận (Trang 149) và các câu hỏi tình huống trong giáo trình chính (Trang 135)

	- <i>Case study 21:</i> Sponsorship and the Tour de France.							và 144) và giáo trình tham khảo.
Chương 4: Event Logistics and Supplies	- Introduction - Finding the venue- Logistics. - Supplies, transport, and distribution, technical facilities. - <i>Case study 22:</i> Event Logistics: DB Schenker- Backdrops and staging. - Amenities and cleaning. - Catering and event hospitality. - <i>Case study 23:</i> VIP Hospitality at the FIS Alpine Ski World Championships	7	3	21	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành cá nhân; Thuyết trình.	[1]; [2]; [3]; [4].	Đọc trước tài liệu Chương 4, nghiên cứu các câu hỏi thảo luận (Trang 177) và các câu hỏi tình huống trong giáo trình chính (Trang 157 và 172) và giáo trình tham khảo.
Chương 5: Marketing and public relations for events	- Introduction - The target market - How to influence the target market. - <i>Case study 24:</i> Marketing catchment area: Lake Vyrnwy Half Marathon - The marketing plan. - Marketing for a new event. - Marketing for repeat events and new editions. - E-marketing and Internet marketing. - <i>Case study 26:</i> Social media Epica	6	3	21	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành cá nhân; Thuyết trình.	[1]; [2]; [3]; [4].	Đọc trước tài liệu Chương 5, nghiên cứu các câu hỏi thảo luận (Trang 202) và các câu hỏi tình huống trong giáo trình chính (Trang 183 và 198) và giáo trình tham khảo.

6) Phương pháp dạy – học

6.1 Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính

6.2 Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
	Thực hành cá nhân	Hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức lý thuyết để thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ và giải quyết các tình huống trong lĩnh vực tổ chức sự kiện	Giáo trình chính Bài tập

6.3 Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn làm việc theo nhóm:

- + Mỗi nhóm từ 3 đến 5 sinh viên, bầu nhóm trưởng.
- + Nhóm trưởng nhận chủ đề từ giảng viên đứng lớp.
- + Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- + Hoàn thành sản phẩm theo thời gian và yêu cầu của giảng viên.

- Nghiên cứu giáo trình chính để làm bài tập cuối mỗi bài và các hoạt động tự học khác theo yêu cầu của giảng viên.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

- (1) Shone, A., & Parry, B. (2019). *Successful Event Management: A practical handbook*, 5th Edition (5th ed.). Cengage Learning.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học/ Tài liệu tham khảo:

- (1) Bladen, C., Kennell, J., Abson, E., & Wilde, N. (2023). *Events Management: An Introduction*, 3rd Edition. Routledge.
- (2) Conway, D. (2020). *The Event Manager's Bible: The Complete Guide to Planning and Organising a Voluntary or Public Event*. How To Content.
- (3) Getz, D., & Page, S. J. (2024). *Event Studies: Theory and Management for Planned Events*, 5th Edition. Routledge.
- (4) Mallen, C. & Adams, L. J. (2024). *Event Management in Sport, Recreation and Tourism: Theoretical and Practical Dimensions*, 4th Edition. Routledge.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1 Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2 Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài thuyết trình	Chấm bài thuyết trình	Bài thuyết trình hoàn thành
Làm bài tập cá nhân	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3 Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	4%
	Kiểm tra thường xuyên	Bài tập cá nhân [2]	8%
		Bài tập nhóm: Thảo luận, thuyết trình nhóm [3]	8%
		Trắc nghiệm, tự luận [4]	20%
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận [4]	60%

9) Ma trận

9.1 Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1				R			M			
CLO2				R			M			
CLO3				R			M			
CLO4				R			M			
CLO5										R

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs					
Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5

Thuyết giảng	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm	X	X	X	X	X
Thực hành cá nhân	X	X	X	X	X
Báo cáo, thuyết trình	X	X	X	X	X

9.3 Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm, thuyết trình	X	X	X	X	X
Bài tập cá nhân	X	X	X	X	X
Bài kiểm tra giữa khóa: Trắc nghiệm, tự luận	X	X			
Bài thi kết thúc: Trắc nghiệm, tự luận	X	X			

10) Các rubric/thang điểm đánh giá

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm

Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0-3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5<10)
Nội dung trắc nghiệm	- Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%<=80%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%<=90%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%<=100%)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%<=80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%<=90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%<=100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập cá nhân

Số bài tập cá nhân được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%<=100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%<=90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%<=80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%<=50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (<=30%)	0-3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm

10.4 Rubric: Báo cáo, thuyết trình/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
----------	--------	-----------------------

1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

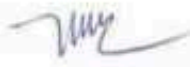
TUQ. Hiệu trưởng
 Trưởng phòng
 QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn



PGS. TS. Phan Thị
 Hằng Nga

TS Nguyễn Thị
 Châu Ngân

ThS Dương Thị
 Thu Hiền

ThS Nguyễn Thị
 Tuyết Mai

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Tuyết Mai	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0935.135.953
Email: ntt.mai@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Nguyễn Thị Gia Định	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0918.752.886
Email: ntg.dinh@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Thực tập cuối khóa

Tên học phần (tiếng Anh): Professional internship

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011426
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 0 Thực hành: 3
- Phân bố thời gian (giờ): 150 Lý thuyết: 0 Thực hành: 150
- Số giờ tự học (giờ): 0
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Ngoại ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm 3 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Tốt nghiệp

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☐						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Theo quy định về thực hiện Thực tập cuối khóa hiện hành của Trường

Học phần học trước: Các học phần ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần giúp sinh viên vận dụng các kiến thức về kinh doanh và các kỹ năng ngôn ngữ đã học vào thực tế hoạt động của một công ty, doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh có sử dụng tiếng Anh thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể. Quá trình trải nghiệm thực tế giúp sinh viên nhận ra điểm mạnh và hạn chế về kiến thức, kỹ năng, cũng như thái độ, qua đó tự trau dồi để chuẩn bị tốt hơn cho công việc sau này. Kết thúc thời gian thực tập, sinh viên phải viết Báo cáo tốt nghiệp liên quan đến nội dung thực tập.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được quy trình làm việc cũng như các dạng thức ngôn ngữ được sử dụng khi giải quyết các vấn đề tại doanh nghiệp. Trên cơ sở và chạm thực tế tại đơn vị qua các công việc trong quá trình thực tập, sinh viên nâng cao các kỹ năng thực hành tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết, biên-phiên dịch), kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh trong môi trường làm việc thực tế, và học được những kỹ năng mềm cần thiết cho công việc. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng trình bày kết quả của một báo cáo phục vụ tốt cho công tác nghiên cứu sau này.

4) Chuẩn đầu ra của học phần:

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Trình bày được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị, và kinh tế để có thể tiếp thu kiến thức giáo dục nghề nghiệp và tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.	Kiến thức
CLO2	Vận dụng được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, ngoại ngữ 2, văn hoá Anh - Mỹ đáp ứng yêu cầu trong công việc.	Kiến thức
CLO3	Sử dụng được tiếng Anh chuyên ngành như là một công cụ để nghiên cứu và giải quyết các vấn đề chuyên môn cụ thể.	Kiến thức
CLO4	Vận dụng thành thạo kiến thức lý thuyết và thực hành tiếng Anh ở trình độ C1 trong môi trường kinh doanh; sử dụng được tiếng Trung ở trình độ sơ cấp.	Kiến thức
CLO5	Thực hiện được việc phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề thực tiễn; đưa ra được giải pháp phù hợp dựa trên cơ sở lý luận và bối cảnh cụ thể.	Kỹ năng
CLO6	Sử dụng được kiến thức thuộc các lĩnh vực: Ngôn ngữ, Văn hóa Anh - Mỹ, Kinh tế, và công nghệ thông tin đã được trang bị trong chương trình đào tạo để làm việc hiệu quả.	Kỹ năng
CLO7	Vận dụng được kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, thuyết trình, giao tiếp, làm việc nhóm và tin học ứng dụng; sử dụng tiếng Trung trình độ sơ cấp trong giao tiếp các tình huống quen thuộc.	Kỹ năng
CLO8	Trình bày một cách hiệu quả kết quả của một báo cáo	Kỹ năng
CLO9	Chủ động thảo luận, đóng góp ý kiến liên quan đến các tình huống thực tiễn phát sinh thuộc lĩnh vực kinh doanh quốc tế trong phạm vi giải quyết của bản thân; chịu trách nhiệm bản thân đối với công việc.	Tự chủ và trách nhiệm

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO10	Tích cực tự học hỏi, tự tìm tòi và ham hiểu biết về lĩnh vực sinh viên thực tập và các lĩnh vực liên quan.	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Sinh viên liên hệ đơn vị thực tập. - Sinh viên liên hệ với giảng viên trao đổi về đề tài viết báo cáo tốt nghiệp.		25		CLO1 CLO3 CLO9 CLO10	Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề		Đọc Tài liệu
2	- Thực tập tại các đơn vị. - Xác định đề tài. - Viết đề cương sơ bộ cho đề tài.		25		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10	-Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề -Thực hành cá nhân		Đọc Tài liệu và thực tập
3	- Thực tập tại các đơn vị. - Hoàn thiện đề cương. - Viết và chỉnh sửa Phần mở đầu.		25		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10	-Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề -Thực hành cá nhân		Đọc Tài liệu và thực tập
4	Thực tập tại các đơn vị. - Viết và chỉnh sửa chương 1		25		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	-Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề -Thực hành cá nhân		Đọc Tài liệu và thực tập

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
					CLO8 CLO9 CLO10	nhân		
5	- Thực tập tại các đơn vị. - Viết và chỉnh sửa chương 2, hoàn thiện báo cáo.		50		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10	-Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề -Thực hành cá nhân		Đọc Tài liệu và thực tập

6) Phương pháp dạy – học

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành cá nhân	Hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức lý thuyết để thực hiện các hoạt động thực tập tại đơn vị và viết báo cáo.	
2	Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề	-Khuyến khích suy nghĩ và phân tích vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau, khuyến khích sự sáng tạo và tư duy phản biện. -SV có thể thu thập thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để hiểu rõ hơn về vấn đề.	

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu chính:

- Đề cương Thực tập cuối khóa
- Kế hoạch viết báo cáo tốt nghiệp
- Tài liệu nghiệp vụ tại đơn vị thực tập

❖ Tài liệu tham khảo:

- Các giáo trình, tài liệu tham khảo liên quan đã các môn học trước.
- Các tài liệu tài liệu tham khảo khác liên quan tới Báo cáo tốt nghiệp.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1 Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2 Phương pháp đánh giá học phần:

	Nội dung	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Tính chuyên cần, thái độ học tập, thực tập tại đơn vị thực tập.	Đánh giá mức độ tự chủ và trách nhiệm của sinh viên: - Chấp hành sự hướng dẫn của giảng viên. - Chấp hành nội quy tại đơn vị thực tập. - Có đánh giá, nhận xét tốt về chuyên cần, thái độ, tinh thần làm việc từ đơn vị thực tập	20%
	Báo cáo tốt nghiệp	Đăng ký đề tài Báo cáo tốt nghiệp phù hợp và đúng hạn. - Nộp đề cương chi tiết Khóa luận đúng hạn và Kết cấu hợp lý. - Hoàn thành các nội dung của Báo cáo.	20%
Đánh giá kết thúc	Hình thức Báo cáo tốt nghiệp	Đánh giá về kiến thức và kỹ năng: - Đánh giá kỹ năng viết của sinh viên không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp và dùng từ ngữ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu, hay báo cáo. - Kỹ năng trình bày hình ảnh, bảng biểu rõ ràng.	10%
	Phần mở đầu	Đánh giá về kiến thức và kỹ năng: - Đề tài có ý nghĩa thực tiễn. - Nêu được lý do chọn chủ đề, mục tiêu thực tập theo chủ đề đã chọn	10%

	Chương 1	Đánh giá về kiến thức và kỹ năng: - Giới thiệu tổng quan về đơn vị thực tập và bộ phận trực tiếp tham gia thực tập: quá trình hình thành, phát triển doanh nghiệp, nhiệm vụ, chức năng, định hướng phát triển, công nghệ sản xuất sản phẩm chính/ quá trình hoạt động chính, cơ cấu tổ chức doanh nghiệp. - Mô tả công việc thực tập thực tế hàng ngày/ hàng tuần liên quan trực tiếp đến chủ đề thực tập	15%
	Chương 2	Đánh giá về kiến thức và kỹ năng: - Nêu được những gì đã tìm hiểu, làm được, học hỏi, kinh nghiệm thu được và hạn chế trong quá trình thực tập. - Nêu tóm tắt báo cáo tốt nghiệp.	15%
	Văn phong và Tài liệu tham khảo	Đánh giá về mức tự chủ tự chịu trách nhiệm: - Văn phong học thuật. - Nguồn tài liệu tham khảo tin cậy	10%

9) Ma trận

9.1 Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1			A	M						
CLO2			A	M						
CLO3			A	M						
CLO4			A	M						

[illegible]

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

[illegible]

9.3 Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

[illegible]

Phương pháp đánh giá	CLOs									
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10
nghiệp)										

10) Các rubric/thang điểm đánh giá:

10.1 Đánh giá quá trình

Đánh giá mức độ tự chủ và trách nhiệm của sinh viên khi - Chấp hành sự hướng dẫn của giảng viên.	Mức cho điểm
Tham dự từ 90% số buổi học trở lên.	8.5 - 10 điểm
Tham dự từ 80% đến < 90% số buổi học	7.0 - 8.4 điểm
Tham dự từ 70% đến < 80% số buổi học	5.0 - 6.9 điểm
Tham dự < 70% số buổi học	0 - 4.9 điểm

Chấp hành nội quy tại đơn vị thực tập. Có đánh giá, nhận xét tốt về chuyên cần, thái độ, tinh thần làm việc từ đơn vị thực tập.	Mức cho điểm
Nhiệt tình, hăng say tham dự đầy đủ các buổi thực tập, có tinh thần học hỏi, có ý thức trách nhiệm cao, hòa nhã thân thiện với đồng nghiệp và hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao	8.5 - 10 điểm
Tham dự đầy đủ, có ý thức trách nhiệm, tinh thần học hỏi, chịu khó và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao	7.0 - 8.4 điểm
Thỉnh thoảng vắng mặt và hoàn thành những nhiệm vụ được giao tại cơ sở thực tập	5.0 - 6.9 điểm
Thường xuyên vắng mặt và được nhận xét	0 - 4.9 điểm

thiếu ý thức trách nhiệm, thái độ thờ ơ tại cơ sở thực tập.	
---	--

Đăng ký đề tài Báo cáo phù hợp và đúng hạn.	Mức cho điểm
Đăng ký đề tài đúng hạn, nội dung đề tài đáp ứng với các tiêu chí quy định và có tính thực tiễn cao.	8.5 - 10 điểm
Đăng ký đề tài đúng hạn, nội dung đề tài đáp ứng với các tiêu chí quy định Khoa đưa ra.	7.0 - 8.4 điểm
Đăng ký đề tài đúng hạn, nội dung đề tài không đáp ứng hết với các tiêu chí quy định Khoa đưa ra	5.0 - 6.9 điểm
Đăng ký đề tài quá trễ hạn quá, nội dung đề tài không phù hợp với các tiêu chí quy định Khoa đưa ra	0 - 4.9 điểm

Nộp đề cương chi tiết Báo cáo đúng hạn và Kết cấu hợp lý	Mức cho điểm
Nộp đề cương chi tiết Khóa luận đúng hạn và Kết cấu hợp lý, chặt chẽ và trình bày rõ ràng.	8.5 - 10 điểm
Nộp đề cương chi tiết Khóa luận đúng hạn và Kết cấu hợp lý	7.0 - 8.4 điểm
Nộp đề cương chi tiết Khóa luận đúng hạn và Kết cấu tương đối hợp lý	5.0 - 6.9 điểm
Nộp đề cương chi tiết Khóa luận trễ hạn và Kết cấu không hợp lý	0 - 4.9 điểm

Hoàn thành các nội dung của Báo cáo.	Mức cho điểm
Hoàn thành các nội dung của Khóa luận và trình bày các chương rõ ràng, hợp lý về nội dung và độ dài, đảm bảo đúng tiêu chí của từng chương.	8.5 - 10 điểm
Hoàn thành các nội dung của Khóa luận và trình bày các chương rõ ràng, hợp lý về nội dung và độ dài.	7.0 - 8.4 điểm
Hoàn thành các nội dung của Khóa luận	5.0 - 6.9 điểm
Không hoàn thành các nội dung của Khóa luận	0 - 4.9 điểm

10.2 Đánh giá tiểu luận/ bài tập lớn

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Hình thức	Trình bày hình thức KLTN không theo hướng dẫn, mắc nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp và dùng từ ngữ không liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu, hay báo cáo. Hình ảnh, bảng biểu không rõ ràng.	Trình bày hình thức KLTN theo hướng dẫn, nhưng còn mắc nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp và dùng từ ngữ không liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu, hay báo cáo. Hình ảnh, bảng biểu không rõ ràng.	Trình bày hình thức KLTN theo hướng dẫn, còn mắc một số lỗi chính tả, ngữ pháp và cách dùng từ ngữ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu, hay báo cáo. Hình ảnh, bảng biểu tương đối rõ ràng.	Trình bày hình thức KLTN theo hướng dẫn, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp và cách dùng từ ngữ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu, hay báo cáo. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng.	SV tiếp thu rất tốt về hình thức trình bày KLTN theo hướng dẫn, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp và cách dùng từ ngữ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu, hay báo cáo. Hình ảnh, bảng biểu rất rõ ràng, bắt mắt.
Phản mở đầu, Chương 1	Đề tài không có ý nghĩa thực tiễn. - Không nêu rõ được lý do chọn chủ đề, mục tiêu thực tập theo chủ đề	Đề tài có ý nghĩa thực tiễn. - Không nêu rõ được lý do chọn chủ đề, mục tiêu thực tập theo chủ đề	Đề tài có ý nghĩa thực tiễn. - Nêu được lý do chọn chủ đề, mục tiêu thực tập theo chủ đề đã chọn nhưng	Đề tài có ý nghĩa thực tiễn. - Nêu được lý do chọn chủ đề, mục tiêu thực tập theo chủ đề đã chọn, trình	Đề tài rất có ý nghĩa thực tiễn. Trình bày rất rõ ràng lý do chọn chủ đề, mục tiêu thực tập theo chủ đề đã

	đã chọn	để đã chọn	trình bày chưa rõ ràng.	bày rõ ràng.	chọn.
Chương 2	Trình bày định nghĩa, tính chất, đặc điểm của chủ đề thực tập còn sơ sài, trích dẫn sai nguồn. - Không đạt yêu cầu về mô tả công việc thực tập thực tế hàng ngày/ hàng tuần liên quan trực tiếp đến chủ đề thực tập.	Trình bày được định nghĩa, tính chất, đặc điểm của chủ đề thực tập nhưng vẫn còn hơi sơ sài. - Không đạt yêu cầu về mô tả công việc thực tập thực tế hàng ngày/ hàng tuần liên quan trực tiếp đến chủ đề thực tập.	Trình bày định nghĩa, tính chất, đặc điểm của chủ đề thực tập. - Đạt yêu cầu về mô tả công việc thực tập thực tế hàng ngày/ hàng tuần liên quan trực tiếp đến chủ đề thực tập.	Trình bày định nghĩa, tính chất, đặc điểm của chủ đề thực tập rõ ràng. Trích dẫn đúng theo quy định. - Đạt yêu cầu về mô tả công việc thực tập thực tế hàng ngày/ hàng tuần liên quan trực tiếp đến chủ đề thực tập.	Trình bày định nghĩa, tính chất, đặc điểm của chủ đề thực tập rất rõ ràng, khúc chiết, có trích dẫn rõ ràng, lập luận tốt. - Mô tả cụ thể, chi tiết công việc thực tập thực tế hàng ngày/ hàng tuần liên quan trực tiếp đến chủ đề thực tập.
Văn phong và Tài liệu tham khảo	-SV trình bày tóm tắt báo cáo thực tập bằng tiếng Anh và tiếng Việt không rõ ràng, dài dòng, thiếu ý quan trọng. - Chưa so sánh được thực tiễn và lý thuyết học ở trường. - Nêu các giải pháp cải thiện không chi tiết, thiếu thực tế.	-SV trình bày tóm tắt báo cáo thực tập bằng tiếng Anh và tiếng Việt tương đối rõ ràng, đủ ý quan trọng. - Chưa so sánh được thực tiễn và lý thuyết học ở trường. - Nêu các giải pháp cải thiện không chi tiết, thiếu	SV trình bày tóm tắt báo cáo thực tập bằng tiếng Anh và tiếng Việt tương đối rõ ràng, ngắn gọn, đủ ý. - So sánh được thực tiễn và lý thuyết học ở trường. - Nêu các giải pháp cải thiện tương đối chi tiết, thực tế.	SV trình bày tóm tắt báo cáo thực tập bằng tiếng Anh và tiếng Việt rõ ràng, ngắn gọn, đủ ý quan trọng. - So sánh được thực tiễn và lý thuyết học ở trường. - Nêu các giải pháp cải thiện chi tiết, thực tế.	SV tiếp nhận và tích cực trong quá trình thực tập. -Trình bày tóm tắt báo cáo thực tập bằng tiếng Anh và tiếng Việt rất rõ ràng, ngắn gọn, đầy đủ ý. - So sánh được thực tiễn và lý thuyết học ở trường.

		thực tế.			- Nêu các giải pháp cải thiện chi tiết, thực tế.
--	--	----------	--	--	--

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS. TS. Phan Thị
Hằng Nga

TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

ThS Dương Thị
Thu Hiền

ThS Phạm Thị Thùy
Trang

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Phạm Thị Thùy Trang	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0985.974.207
Email: trangptt@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Chu Quang Phê	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0988.798.969
Email: cq.phe@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Văn hóa doanh nghiệp

Tên học phần (tiếng Anh): Corporate Culture

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011952
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Ngoại Ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm thứ 3 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn Ngữ Anh – Tiếng Anh Kinh Doanh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên nghiệp

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần học trước: Quản trị học, Văn hóa Anh – Mỹ

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần Văn hóa doanh nghiệp thuộc khối kiến thức chuyên ngành, học phần cung cấp các kiến thức về văn hóa và cách thức xây dựng văn hóa trong tổ chức, người học có được những kỹ năng cần thiết khi hội nhập vào môi trường làm việc của tổ chức; xây dựng và thiết lập các chuẩn mực văn hóa tổ chức trong các hoạt động giao tiếp với xã hội và cộng đồng.

Sau khi hoàn tất học phần, người học được trang bị kiến thức tổng quát về các yếu tố và các phương diện của văn hóa doanh nghiệp, giúp sinh viên lĩnh hội những giá trị, chuẩn mực hành vi - ứng xử, tác phong làm việc trong doanh nghiệp thông qua các chủ điểm đặc trưng cấu thành văn hóa doanh nghiệp, và các kỹ năng cần thiết để hội nhập vào môi trường làm việc cơ quan, tổ chức.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần Văn hóa doanh nghiệp cung cấp những kiến thức cơ bản về văn hóa và văn hóa kinh doanh, các yếu tố cấu thành nền văn hóa và văn hóa doanh nghiệp như: triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, văn hoá doanh nhân và văn hoá trong các hoạt động của doanh nghiệp, cách thức và kỹ năng xây dựng và phát triển văn hóa cho doanh nghiệp, giúp người học lĩnh hội những giá trị, những chuẩn mực được thể hiện trong thực tế và trong các hành vi mỗi thành viên doanh nghiệp, cũng như những tác dụng, đặc trưng của văn hóa doanh nghiệp. Qua đó, môn học giúp người học nhận thức được tầm quan trọng của văn hóa doanh nghiệp, hình thành khả năng nhạy bén trong quá trình đón nhận các vấn đề xảy ra trong quá trình làm việc và có khả năng phân tích những rủi ro các tình huống gây trở ngại về văn hóa doanh nghiệp và đề nghị cách giải quyết hợp lý tích cực.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức R trong ma trận mối quan hệ CDR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Hiểu được tầm quan trọng của văn hóa doanh nghiệp, các khái niệm, các giá trị cốt lõi của doanh nghiệp, các lý thuyết và nhân tố của văn hóa doanh nghiệp	Kiến thức
CLO2	Hiểu biết được, phân tích được các chuẩn mực văn hóa doanh nghiệp. Nhận ra được một doanh nghiệp có văn hóa doanh nghiệp tốt hay chưa tốt.	Kiến thức
CLO3	Phân tích và lý giải được những nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi văn hóa của tổ chức, từ đó có phương pháp ứng xử và giao tiếp hiệu quả trong môi trường kinh doanh đa văn hóa. Ứng dụng thuần thục những cử chỉ trong giao tiếp phi ngôn ngữ trong từng nền văn hóa khác nhau môi trường kinh doanh đa văn hóa.	Kiến thức
CLO4	Hiểu và tôn trọng các khác biệt văn hóa và ứng dụng những kỹ năng để thiết lập mối quan hệ với đồng nghiệp, thực hành văn hóa doanh	Kỹ năng

	nghiệp.	
CLO5	Nhận diện và xử lý các vấn đề liên quan đến khác biệt văn hóa, có cách ứng xử phù hợp, tránh các xung đột văn hóa, cũng như giải quyết các tình huống phát sinh hiệu quả trong môi trường làm việc.	Kỹ năng
CLO6	Làm việc độc lập/làm việc theo nhóm, chủ động giải quyết công việc, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	PART 1 Defining Culture Change Leadership Chapter 1: A new metaphor for Culture Change Leadership Chapter 2: What do we really mean by “Leading, Culture, and Change”? (trang 3 - 24)	4	1	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm	[1]; [2]	Sinh viên chia nhóm (4-5 sinh viên một nhóm) và đọc các chủ đề và trả lời câu hỏi
2	PART 2 Understanding and Assessing the Structure and Practice of Culture Chapter 3 The structure of	3	1	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3]	

	culture from the outsider's perspective (Trang 25 – 48)							
3	PART 2 Understanding and Assessing the Structure and Practice of Culture Chapter 3 The structure of culture from the outsider's perspective (cont) (Trang 49 – 54) Chapter 4: The structure of culture from the insider's perspective (Trang 55 -65)	3	1	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3]	
4	PART 2 Understanding and Assessing the Structure and Practice of Culture Chapter 4: The structure of culture from the insider's perspective (cont)	3	1	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3]	

	(Trang 66 -70)							
	Chapter 5: Culture Assessment and Culture Typologies (Trang 71 -80)							
5	PART 2 Understanding and Assessing the Structure and Practice of Culture Chapter 5: Culture Assessment and Culture Typologies (cont) (Trang 81 -94) Review PART 2 + Case study for discussion	3	1	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3]	
6	PART 3 Culture Change Dynamics Chapter 6: The socio- dynamics of transformational Change (Trang 95 – 122)	3	1	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3]	

7	Culture Change Dynamics Chapter 7: Culture Change Dynamics in a Mature Company: Alpha Power	3	1	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3]	
8	PART 3 Culture Change Dynamics Chapter 8: A story of planned change and some unintended cultural consequences: Beta Corporation (Trang 147 – 169)	3	1	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3]	
9	PART 3 Culture Change Dynamics Chapter 9: When cultures Meet: Acquisition, Mergers, Joint Ventures, and Other Multicultural Collaborations (170 -182) Bài kiểm tra trắc nghiệm lí thuyết	3	2	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm	[1]; [2]; [4]	

10	+ GROUP PRESENTATION + REVIEW THE COURSE	2	5	15	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CL10	Thuyết trình, thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3]	
----	---	---	---	----	--	------------------------------	---------------	--

6) Phương pháp dạy – học

6.1 Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, và trình bày kết quả thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính

6.2. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Thực hành cá nhân các bài tập theo hướng dẫn của giảng viên.
- Nghiên cứu giáo trình chính để làm bài tập cuối mỗi bài và các hoạt động tự học khác theo yêu cầu của giảng viên.
- Hoàn thành các bài đọc thêm trong tài liệu tham khảo theo thời gian giảng viên yêu cầu.
- Hoàn thành các sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy(giáo trình chính):

(1) Schein, Edgar, H., and Schein, Peter, A. Hoboken (2019). *The Corporate Culture Survival Guide* (3rd edition). New Jersey: John Wiley & Sons, Inc.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

(1) Hofstede, G., Hofstede, G. J. H., & Minkov, M (2010). *Cultures and organizations: Software of the mind*. McGraw Hill.

(2) Kreitner, R. & Kinicki (2010). *A Organizational behavior*. McGraw Hill.

(3) Edgar H. Schein, Peter A. Schein (2016). *Organizational Culture and*

Leadership Institute (5th edition). John Wiley & Sons, Inc.

(4) Daniel Coyle (2019). *The Culture Code: The Secrets of Highly Successful Groups*. Random House Business.

(5) David J. Friedman (2021). *Culture by Design: How to Build a High-Performing Culture, Even in the New Remote Work Environment* (2nd edition), CultureWise.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài thuyết trình	Chấm bài thuyết trình	Bài thuyết trình hoàn thành
Bài tập phân tích tình huống	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm [2]	10%
		Thuyết trình [3]	20%
		Bài kiểm tra trắc nghiệm lí thuyết [4]	10%
Đánh giá kết thúc	Tiểu luận cuối kỳ	Một bài tập tình huống về chủ đề văn hóa doanh nghiệp sẽ được giao cho sinh viên. Sinh viên sẽ có 72 tiếng và nộp bài qua hệ thống online. Nội dung bài tập tình huống tương	50%

		ứng với các chủ đề chính trong phạm vi môn học [5]	
--	--	--	--

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1				R		M				
CLO2				R		M				
CLO3				R		M				
CLO4				R		M				
CLO5				R		M				
CLO6									R	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết giảng	X	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm	X	X	X	X	X	X
Báo cáo thuyết trình	X	X		X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Chuyên cần, tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X			
Thảo luận nhóm	X	X		X	X	X
Thuyết trình nhóm giữa kỳ	X	X		X	X	X
Bài kiểm tra trắc nghiệm lý thuyết	X	X	X			
Tiểu luận cuối kỳ	X	X	X	X	X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0-3 điểm

Vắng học: > 25%	0 điểm
-----------------	--------

10.2 Rubric: bài kiểm tra trắc nghiệm

Chương	Mức 1: Biết		Mức 2: Hiểu		Mức 3: Áp dụng		Tổng số lượng	Điểm
	Số lượng	Điểm	Số lượng	Điểm	Số lượng	Điểm		
Chương 1	4	0.2	2	0.2	2	0.2	8	1.6
Chương 2	4	0.2	2	0.2	2	0.2	8	1.6
Chương 3	4	0.2	2	0.2	2	0.2	8	1.6
Chương 4	4	0.2	2	0.2	2	0.2	8	1.6
Chương 5	4	0.2	3	0.2	2	0.2	9	1.8
Chương 6	4	0.2	3	0.2	2	0.2	9	1.8
Tổng số lượng	24		14		12		50	
Tổng điểm	4.8		2.8		2.4		10	10

10.3 Rubric: Thảo luận nhóm:

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt (10)	Khá (7.5)	Trung bình (5.0)	Kém (0)
Thái độ tham gia	20	Khơi gợi vấn đề và dẫn dắt cuộc thảo luận	Tham gia thảo luận	Ít tham gia thảo luận	Không tham gia thảo luận
Kỹ năng thảo luận	40	Phân tích đánh giá tốt	Phân tích, đánh giá khá tốt	Phân tích, đánh giá khi tốt, khi chưa tốt	Phân tích, đánh giá chưa tốt
Chất lượng đóng góp ý kiến	40	Sáng tạo, phù hợp	Phù hợp	Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp	Không phù hợp

10.4 Rubric: Thuyết trình nhóm giữa kỳ

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung thuyết trình phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5 Rubric: Tiểu luận cá nhân cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Thang điểm			
		Dưới 5	5 - dưới 7	7 - dưới 9	9-10
Áp dụng cơ sở lý thuyết	30%	Không sử dụng lý thuyết có liên quan, áp dụng sai lý thuyết	Sử dụng lý thuyết có liên quan nhưng chưa đủ và chưa có sức thuyết phục	Sử dụng đúng lý thuyết có liên quan, có sức thuyết phục	Sử dụng lý thuyết chính xác, rất thuyết phục
Lập luận để giải quyết vấn đề trong câu hỏi	50%	Không có logic trong lập luận, thiếu minh chứng; không trả lời được trọng tâm của	Lập luận và minh chứng có thể chấp nhận được; trả lời một phần của câu hỏi	Lập luận tương đối chặt chẽ và minh chứng thuyết phục, trả lời tương đối đầy	Lập luận chặt chẽ, minh chứng thuyết phục, trả lời đầy đủ, rõ ràng nội dung câu

		câu hỏi		đủ nội dung câu hỏi	hỏi
Văn phong và trình bày	20%	Hành văn tối nghĩa, sai ngữ pháp, chính tả	Hành văn lủng cung nhưng người đọc vẫn có thể hiểu nội dung	Hành văn tốt, đôi khi vẫn còn lỗi diễn đạt nhưng không ảnh hưởng đến nội dung	Hành văn rõ ràng, mạch lạc; không có lỗi sai chính tả, ngữ pháp

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS. TS. Phan Thị
Hằng Nga

TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

ThS Dương Thị
Thu Hiền

ThS Đặng Nguyễn
Phương Thảo

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Đặng Nguyễn Phương Thảo	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0978.356.006
Email: dnp.thao@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Đỗ Khoa	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0939.379.681
Email: dokhoa@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Viết nghiên cứu

Tên học phần (tiếng Anh): Research Writing

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011959
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bổ thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa quản lý học phần: Khoa Ngoại ngữ
- Đối tượng người học: Sinh viên năm thứ 3 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Ngôn ngữ Anh
- Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên nghiệp

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☒			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☒	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần học trước: Viết 3

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ ngành, cung cấp kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học, và kiến thức về kỹ năng viết bài nghiên cứu bằng tiếng Anh. Những nội dung chủ yếu của học phần bao gồm hai phần chính, lý thuyết nghiên cứu và kỹ năng viết nghiên cứu. Phần lý thuyết nghiên cứu bao gồm các khái niệm liên quan đến hoạt động nghiên cứu khoa học, với định hướng nghiên cứu thực tiễn (practical research); các bước cụ thể để thực hiện một bài nghiên cứu: đặt vấn đề nghiên cứu, chọn phương pháp nghiên cứu, phương pháp thu thập dữ liệu, chọn mẫu, phương pháp phân tích dữ liệu và viết bài nghiên cứu. Phần kỹ năng viết bài nghiên cứu trình bày bố cục của một bài nghiên cứu khoa học và cách trình bày nội dung cụ thể của từng phần mục trong bài, kèm theo cách dẫn chứng và đưa dẫn chứng theo chuẩn APA.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng hiểu các thuật ngữ liên quan đến nghiên cứu, quy trình nghiên cứu bằng tiếng Anh học thuật một cách có hệ thống, mang tính khoa học và vận dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp với vấn đề nghiên cứu, từ đó có thể áp dụng vào viết một bài nghiên cứu. Bên cạnh đó, học phần giúp người học biết cách xây dựng cấu trúc một đề cương nghiên cứu, trên cơ sở đó người học hình thành khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu nhằm thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và viết báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức R trong ma trận mối quan hệ CDR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Vận dụng được các thuật ngữ liên quan đến nghiên cứu khoa học, quy trình nghiên cứu bằng tiếng Anh học thuật	Kiến thức
CLO2	Phân tích được quy trình viết diễn giải, tóm tắt, trích dẫn bằng tiếng Anh học thuật	Kiến thức
CLO3	Vận dụng được các bước thực hiện một nghiên cứu, xây dựng đề cương nghiên cứu bằng tiếng Anh học thuật	Kiến thức
CLO4	Vận dụng được các kỹ năng tìm kiếm nguồn tài liệu; kỹ năng trích dẫn, đọc tài liệu; kỹ năng thuyết trình để phân tích, thực hiện, báo cáo một nghiên cứu bằng tiếng Anh học thuật	Kỹ năng
CLO5	Áp dụng được kiến thức đã học về tiếng Anh nói chung và tiếng Anh trong kinh doanh nói riêng, kỹ năng tư duy ngôn ngữ để phân tích, thực hiện, báo cáo một nghiên cứu bằng	Kỹ năng

	tiếng Anh học thuật	
CLO6	Học tập chủ động, phát triển khả năng tự học về các lĩnh vực khoa học phổ thông thông qua các chủ đề của môn học; nhận thức được tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học đối với sinh viên; có ý thức kỷ luật; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong việc chuẩn bị nội dung và thực hiện bài nghiên cứu	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Unit 1. The Selection of a Research Approach 1.1. Three approaches or methodologies in research 1.2. Three major components of a research approach 1.3. Criteria for selecting a research approach	4	1	10	CLO1 CLO3 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm	[1]; [4]; [5]	Đọc Chapter 1 giáo trình chính Làm bài tập phần Writing exercises
2	Unit 2. Review of the Literature 2.1. The	3	2	15	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết giảng; thảo luận nhóm; thực hành	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Đọc Chapter 2 giáo trình

	research topic 2.2. The purpose and organization of a literature review 2.3. Steps in conducting a literature review 2.4. Searching the literature 2.5. The definition of terms				CLO4 CLO5 CLO6	viết cá nhân		chính Làm bài tập phần Writing exercises
3	Unit 3. Writing Strategies and Ethical Considerations 3.1. Writing the proposal 3.2. Writing strategies 3.3. Ethical issues	4	1	10	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Thuyết giảng; thảo luận nhóm; thực hành viết cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Đọc Chapter 4 giáo trình chính Làm bài tập phần Writing exercises
4	Unit 4. The Introduction 4.1. Introduction to a study and the importance of introductions 4.2. An abstract for a study 4.3. Qualitative, quantitative, and mixed methods introductions 4.4. A model for an introduction & An illustration of an	3	2	15	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Thuyết giảng; thảo luận nhóm; thực hành viết cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Đọc Chapter 5 giáo trình chính Làm bài tập phần Writing exercises

	introduction							
5	Unit 5. The Purpose Statement 5.1. Significance of a purpose statement 5.2. A qualitative purpose statement 5.3. A quantitative purpose statement 5.4. A mixed methods purpose statement	4	1	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Thuyết giảng; thảo luận nhóm; thực hành viết cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Đọc Chapter 6 giáo trình chính Làm bài tập phần Writing exercises
6	Unit 6. Research Questions and Hypotheses 6.1. Quantitative research questions and hypotheses 6.2. Qualitative research questions 6.3. Mixed methods research questions and hypotheses	3	2	10	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Thuyết giảng; thảo luận nhóm; thực hành viết cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Đọc Chapter 7 giáo trình chính Làm bài tập phần Writing exercises
7	Unit 7. Quantitative Methods 7.1. Putting quantitative	3	2	10	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; thảo luận nhóm; thực hành viết cá nhân	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Đọc Chapter 8 giáo trình chính

	research in context 7.2. Quantitative designs 7.3. Components of a survey study method plan 7.4. The survey design				CLO6			Làm bài tập phần Writing exercises Ôn tập chuẩn bị kiểm tra giữa kỳ
8	Unit 8. Qualitative Methods 8.1. Putting qualitative research into context 8.2. The approach or design 8.3. Data collection and analysis procedures 8.4. Interpretation, validity and reliability 8.5. Writing the qualitative report MIDTERM TEST	4	1	15	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Thuyết giảng; thảo luận nhóm; làm bài kiểm tra giữa kỳ	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Đọc Chapter 9 giáo trình chính Làm bài tập phần Writing exercises Nghiên cứu nội dung và hoàn thiện đề cương nghiên cứu nhóm, chuẩn bị bài cáo cáo
9	Unit 9. Mixed Methods Procedures 9.1. Characteristics of mixed	2	3	10	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Thuyết giảng; thảo luận nhóm; thuyết trình nhóm (đề cương)	[1]; [4]	Đọc Chapter 10 giáo trình chính Làm bài

methods research						ngiên cứu)		tập phản Writing exercises
9.2. Definitions of mixed methods terms								
9.3. The process of conducting a mixed methods study								
REVIEW								

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Giáo trình chính Chủ đề thảo luận

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết trình nhóm (để cương nghiên cứu)	Phân chia nội dung, phân nhóm, từng nhóm thực hiện bài thuyết trình của mình	Giáo trình chính Chủ đề thuyết trình
2	Thực hành viết cá nhân	Phân chia nội dung, từng cá nhân sử dụng vốn kiến thức và kỹ năng đã học để thực hành luyện viết	Giáo trình chính Bài tập

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 5 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư

ký nhóm.

- Nhóm trưởng nhận chủ đề để thực hiện một đề cương nghiên cứu từ giảng viên đứng lớp; nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo thời gian và yêu cầu của giảng viên.
- Nghiên cứu giáo trình chính và làm bài tập cuối mỗi chương.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính)

- (1) Creswell, J. W., & Creswell, J. D. (2023). *Research design – Qualitative, quantitative, and mixed methods approaches* (6th ed.). SAGE Publications, Inc.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học/ tài liệu tham khảo khác

- (1) Booth, W. C., Colomb, G. G., & Williams, J. M. (2017). *The craft of research* (4th ed.). University of Chicago Press.
- (2) Ormrod, J. (2023). *Practical research: Design and process* (Global Edition). Pearson.
- (3) Kumar, R. (2019). *Research methodology: A step-by-step guide for beginners* (5th ed.). SAGE Publications Ltd.
- (4) Bailey, S. (2017). *Academic writing: A handbook for international students* (5th ed.). Routledge.
- (5) Dawson, C. (2002). *Practical research methods*. How To Books.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Thuyết trình nhóm (đề cương nghiên cứu)	Chấm bài thuyết trình đề cương nghiên cứu	Bài thuyết trình đề cương nghiên cứu hoàn chỉnh của nhóm (file, link...)

Thực hành viết cá nhân	Chấm bài viết hoàn chỉnh của cá nhân về một phần, mục cụ thể trong một bài nghiên cứu theo phân chia của giảng viên	Bài viết hoàn chỉnh một phần, mục trong một bài nghiên cứu theo phân chia của giảng viên
------------------------	---	--

8.3. Phương pháp đánh giá học phần

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tham dự các buổi học và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp [1]	4%
	Kiểm tra thường xuyên	Kiểm tra giữa kỳ: Bài viết cá nhân về nội dung liên quan đến lý thuyết nghiên cứu [2], hoặc khai triển hoàn chỉnh một phần, mục trong đề cương nghiên cứu [3]	16%
		Thuyết trình nhóm: Một đề cương nghiên cứu theo chủ đề đã xác định [4]	20%
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc học phần	Tiểu luận cá nhân: Viết đề cương nghiên cứu hoàn chỉnh [5]	60%

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1				R						
CLO2				R						

CLO3				R						
CLO4						R				
CLO5						R				
CLO6									R	

9.2. Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết giảng	X	X	X	X		
Thảo luận nhóm	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình nhóm (đề cương nghiên cứu)	X	X	X	X	X	X
Thực hành viết cá nhân	X		X	X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Phương pháp đánh giá						
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp						X
Kiểm tra giữa kỳ (bài viết cá nhân)	X		X	X	X	X

nhân)						
Thuyết trình nhóm (đề cương nghiên cứu)	X	X	X	X	X	X
Thi kết thúc học phần (tiểu luận cá nhân)	X		X	X	X	X

10) Các rubric/thang điểm đánh giá

10.1. Đánh giá điểm chuyên cần

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Mức độ tham dự lớp học	Tham dự < 50% số buổi học	Tham dự từ 50% đến < 70% số buổi học	Tham dự từ 70% đến < 80% số buổi học	Tham dự từ 80% đến < 90% số buổi học	Tham dự từ 90% số buổi học trở lên
Mức độ tham gia các hoạt động trong lớp học	Không tham gia hoặc bị động	Ít tham gia, bị động	Có tham gia nhưng còn hạn chế	Chủ động tham gia, đóng góp ý kiến	Nhiệt tình tham gia, dẫn dắt thảo luận trên lớp

10.2. Rubric: Kiểm tra giữa kỳ (Bài viết cá nhân về nội dung liên quan đến lý thuyết nghiên cứu)

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Độ chính xác và đầy đủ của nội dung	Câu trả lời sai hoặc thiếu nội dung quan	Câu trả lời đúng nhưng chưa đầy đủ	Nội dung chính xác, có giải thích rõ	Có phân tích sâu và ví dụ phù hợp	Phân tích tốt, sáng tạo trong cách lý giải

	trọng		ràng		với các ví dụ liên quan
Tính rõ ràng và logic trong diễn đạt	Diễn đạt khó hiểu, thiếu kết nối	Một số lập luận chưa rõ ràng	Có sự mạch lạc nhưng còn đơn giản	Lập luận logic, dễ hiểu	Văn phong trôi chảy, diễn đạt mạch lạc và chặt chẽ
Tính học thuật và trích dẫn	Không có hoặc trích dẫn sai nguồn	Có trích dẫn nhưng chưa đa dạng	Có trích dẫn nhưng thiếu phân tích	Trích dẫn chính xác, sử dụng nguồn đáng tin cậy	Thành thạo trong trích dẫn, phân tích nguồn sâu
Quản lý thời gian và hình thức trình bày	Không nộp đúng hạn hoặc trình bày kém	Nộp bài nhưng hình thức chưa gọn gàng	Nộp bài đúng hạn, định dạng chuẩn	Không có hoặc có ít lỗi trình bày, dễ đọc	Chuyên nghiệp, rõ ràng, không có lỗi trình bày, dễ đọc

10.3. Rubric: Kiểm tra giữa kỳ (Bài viết cá nhân về phát triển một phần, mục của đề cương nghiên cứu)

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung phần viết	Không có hoặc lệch chủ đề	Nội dung sơ sài, chưa rõ ràng	Nội dung tốt nhưng cần cải thiện về lập luận	Nội dung tốt, lập luận logic, đầy đủ	Nội dung phong phú, có tư duy phân biện mạnh mẽ
Tính học thuật và trích dẫn	Trích dẫn sai hoặc thiếu	Một số trích dẫn đúng nhưng chưa đa dạng	Đa dạng trích dẫn, có phân tích nguồn	Thành thạo trích dẫn, trích nguồn phong phú	Trích dẫn xuất sắc, đa dạng, có đánh giá nguồn
Tính liên kết và diễn đạt	Luận điểm rời rạc, thiếu	Có sự liên kết nhưng chưa	Liên kết tốt, lập luận mạch	Văn phong trôi chảy, lập	Diễn đạt tự nhiên, logic,

	mạch lạc	chặt chẽ	lạc	luận chặt chẽ	thuyết phục
Quản lý thời gian và chất lượng bài viết	Không nộp đúng hạn hoặc chưa hoàn thiện	Nộp bài nhưng còn nhiều lỗi	Đáp ứng yêu cầu nhưng còn lỗi	Bài viết hoàn thiện, có rất ít lỗi	Bài viết hoàn chỉnh, không có lỗi, trình bày rõ ràng

10.4. Rubric: Thuyết trình nhóm (Đề cương nghiên cứu)

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trình bày	Nội dung chưa đúng trọng tâm	Nội dung đúng nhưng chưa sâu	Phân tích khá tốt, có liên hệ thực tế	Phân tích tốt, lập luận chặt chẽ	Có tư duy phân biện và sáng tạo, tính ứng dụng và liên hệ thực tế
Kỹ năng trình bày/ thuyết trình	Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin	Giọng rõ ràng nhưng chưa hấp dẫn	Tự tin, thuyết phục nhưng cần cải thiện	Phong cách chuyên nghiệp, truyền đạt hiệu quả	Xuất sắc, lôi cuốn, có sức ảnh hưởng
Tổ chức nội dung	Bố cục lộn xộn, không có trình tự	Có trình tự nhưng chưa mạch lạc	Mạch lạc, có sự phân chia hợp lý	Rõ ràng, chuyên nghiệp, có kết nối logic	Rõ ràng, bố cục khoa học, dẫn dắt tốt
Làm việc, hợp tác nhóm	Thiếu phối hợp, trách nhiệm chưa rõ ràng	Phối hợp tốt nhưng cần cải thiện	Nhóm làm việc hiệu quả, phân chia hợp lý	Phối hợp tốt, làm việc chuyên nghiệp	Đoàn kết, hỗ trợ lẫn nhau, hiệu suất cao

10.5. Rubric: Kiểm tra cuối kỳ (Tiểu luận cá nhân - đề cương nghiên cứu hoàn chỉnh)

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Hình thức & Định dạng	Không tuân thủ định dạng	Có nhiều lỗi về APA hoặc bố cục	Định dạng cơ bản, vẫn còn nhiều lỗi nhỏ	Định dạng tốt, ít lỗi	Xuất sắc, không có lỗi định dạng
Giới thiệu &	Không nêu rõ	Nêu vấn đề	Vấn đề rõ	Nêu vấn đề	Nêu vấn đề

Vấn đề nghiên cứu	vấn đề nghiên cứu	nhưng chưa rõ ràng	ràng, kết nối tương đối tốt	tốt, có tính kết nối và thuyết phục cao	hấp dẫn và chặt chẽ
Tổng quan tài liệu	Thiếu tài liệu tham khảo hoặc không phân tích	Có tài liệu nhưng phân tích còn hạn chế	Phân tích tương đối có hệ thống, trích dẫn hợp lý	Phân tích tốt, tài liệu đa dạng	Phân tích sâu, đánh giá tài liệu kỹ lưỡng, lập luận chặt chẽ
Câu hỏi nghiên cứu & Giả thuyết	Câu hỏi chưa rõ ràng hoặc không phù hợp	Câu hỏi hợp lý nhưng chưa có trọng tâm	Câu hỏi rõ ràng, có cơ sở logic	Câu hỏi rõ ràng, có tính ứng dụng cao	Câu hỏi sáng tạo và có tiềm năng cao
Phương pháp nghiên cứu	Phương pháp không phù hợp hoặc chưa giải thích	Phương pháp hợp lý nhưng còn thiếu chi tiết	Phương pháp tương đối rõ ràng, có luận giải	Phương pháp rõ ràng, có tính ứng dụng thực tiễn	Lập luận chặt chẽ và có kế hoạch thực hiện tốt
Trích dẫn & Tài liệu tham khảo	Không có trích dẫn hoặc trích dẫn sai	Một số trích dẫn đúng nhưng chưa phong phú trong cách trích dẫn	Trích dẫn chính xác, nguồn phù hợp	Trích dẫn tốt, có đánh giá nguồn	Trích dẫn phong phú, sử dụng nguồn tài liệu đa dạng và chất lượng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng
QLBT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS. TS. Phan
Thị Hằng Nga

TS Nguyễn Thị
Châu Ngân

ThS Dương Thị Thu
Hiền

ThS Trần Thúy Quỳnh
My

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Trần Thúy Quỳnh My	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0935.987.187
Email: ttq.my@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Trần Đăng Khoa	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài chính – Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0902.693.614
Email: tdkhoa@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoangoaingu.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Điện thoại, email	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	